DƯƠNG MINH HÀO - NGUYỄN PHƯƠNG THANH

BỘ SÁCH KHOA HỌC THÚ VỊ CỦA THẾ KỶ XXI

THIÊN NHIÊN KÌ DIỆU

nhasachgiaoduc.vn



www.onlygel.com

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

DƯƠNG MINH HÀO - NGUYỄN PHƯƠNG THANH
(Sưu tầm, biên soạn)

BỘ SÁCH KHOA HỌC THÚ VỊ CỦA THẾ KỈ XXI

THIÊN NHIÊN KÌ DIỆU

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH



GỬI CÁC BẠN TRẺ – CHỦ NHÂN CỦA THẾ KỈ XXI

Nhân loại đã tiến vào thế kỉ XXI. Những năm đầu của thế kỉ mới là khoảng thời gian vô cùng quan trọng. Các bạn trẻ hôm nay sẽ là những chủ nhân chèo lái "con thuyền" đất nước và nhân loại trong tương lai. Vì vậy, hơn lúc nào hết, gia đình, nhà trường, xã hội hay nói cách khác là tất cả chúng ta phải quan tâm đến thế hệ trẻ, bồi dưỡng các em trở thành những chủ nhân ưu tú của thế kỉ XXI.

Trong các hoạt động nhằm bồi dưỡng thế hệ trẻ, việc cung cấp cho các em những trang sách có chất lượng tốt giữ một vai trò rất quan trọng. Các chuyên gia tâm lí - giáo dục cho rằng, một cuốn sách tốt có thể tạo ra một con người tốt, ngược lại một cuốn sách xấu có thể huỷ hoại một đời người. Với lí do trên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh đã cho ra đời bộ sách *Khoa học thú vị của thế kỉ XXI*.

Khoa học - kĩ thuật hiện đại với quy mô rộng lớn và tốc độ phát triển chóng mặt đã tạo ra những ảnh hưởng sâu sắc đối với cuộc sống và lao động, sản xuất của con người. Hiện nay những cuốn sách phổ biến khoa học đã có không ít trên thị trường, song bộ sách "khoa học thiếu nhi" này với nội dung phong phú, giàu tính khoa học, ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu, minh hoạ sinh động... vẫn có khả năng lôi cuốn rất cao.

Bộ sách này ngoài cung cấp những tri thức khoa học cơ bản, còn đi sâu giới thiệu một cách toàn diện những thành tựu khoa học - kĩ thuật mới nhất trên thế giới từ cuối thế kỉ XX cho đến những năm đầu thế kỉ XXI, mở

ra trước mắt các em kho tàng tri thức khoa học của nhân loại. Nếu nói đây là một trong những "cái nôi" nuôi dưỡng nhân tài thế kỉ XXI thì thật cũng không chút khoa trương.

Các bạn nhỏ yêu quý! Nếu các bạn muốn vững tay lái để chèo chống "con thuyền thời đại" thì ngay từ bây giờ các bạn phải nỗ lực học tập, nghiên cứu khoa học, nâng cao tri thức để mở rộng tầm nhìn, nắm được quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội.

Chúng tôi tin tưởng vững chắc rằng, bộ sách *Khoa học thú vị của thế kỉ XXI* sẽ là một bộ sách bổ ích đối với các em, sẽ giúp rất nhiều cho các em trong học tập và đời sống. Chúng tôi cũng hi vọng các em sẽ đảm đương tốt vai trò chủ nhân của đất nước trong thế kỉ XXI.

Chúc các em gặt hái được nhiều thành công trong cuộc hành trình vô cùng khó khăn, gian khổ nhưng đầy hứng thú và sự sáng tạo này.

Cuốn sách này nói gì với các bạn

Lịch sử của con người được ghi chép lại cũng đã 5000 năm. Trong 5000 năm lịch sử, loài người đã mở rộng không gian sinh tồn của mình, thực hiện sứ mệnh vĩ đại chinh phục thế giới tự nhiên. Giờ đây, từ bầu trời cho tới đại dương, từ mặt đất rộng lớn cho tới lòng đất sâu thẳm, tất cả đều đã mở rộng cửa chào đón loài người. Con người đã đưa ra những giải thích khoa học về thế giới tự nhiên, trở thành chủ nhân của tự nhiên. Nhưng khi chúng ta càng đi sâu tìm kiếm giới tự nhiên, chúng ta lại phát hiện thấy thế giới tự nhiên càng trở nên bí ẩn. Nhiều năm nay, đã có hàng nghìn, hàng vạn người tận mắt chứng kiến những hiện tượng, những sự việc không thể hiểu nổi xảy ra ngay bên mình. Có những sự việc vẫn tiếp tục xảy ra, nhưng chúng ta lại không thể đưa ra cách giải thích nào cho hợp lý. Những điều đó trở thành những bí ẩn của tự nhiên.

Trong cuốn sách này, chúng tôi giới thiệu với các bạn đọc nhỏ tuổi một phần của những bí ẩn tự nhiên đó. Chúng là những bí mật mà cho đến nay con người vẫn chưa tìm ra được. Nhà vật lý học vĩ đại nhất thế kỷ XX Einstein đã từng nói: "Thứ đẹp đẽ kì diệu nhất mà chúng ta cảm nhận được chính là những điều thần bí, đó chính là cội nguồn của mọi môn nghệ thuật và khoa học".

Tìm kiếm những bí ẩn của tự nhiên, mở ra những bí mật của tự nhiên, điều này có liên quan tới lịch sử phát triển của nền văn minh nhân loại trong 5000 năm tới, liên quan tới tương lai của loài người chúng ta. Hi vọng các bạn nhỏ sau khi đọc cuốn sách này, có thể khơi dậy được sự dũng cảm và lòng tin để đi giải những câu đố của tự nhiên, viết nên những trang tươi đẹp rực rỡ hơn cho lịch sử loài người trong tương lai.

Mục lục

Trang

Gửi các bạn trẻ – chủ nhân của thế kỉ XXI 3

1. Những quái thú xuất hiện trên lục địa 9
2. Quái vật hồ Loch Ness và loài khủng long cổ dài dưới nước 13
3. Bí mật về thú mỏ vịt 18
4. Bí mật về quái thú dưới nước 21
5. Bí mật về sư tử châu Mỹ tại Surrey 26
6. Có "Người thú" hay không? 29
7. Sự săn mồi và sinh tồn của động vật 34
8. Những sinh vật ngủ trong nham thạch 38
9. Xin chào bạn Voi 42
10. Người khổng lồ và người tí hon 46
11. Chuồn chuồn sống trong thế giới đầy ánh sáng 51
12. Voi ma mút tuyệt chủng như thế nào? 54
13. Đi tìm bác sĩ giữa đại dương bao la 59
14. Bọ ngựa – "Thần trùng" 62
15. Sơ lược về loài bạch tuộc 64
16. Những bí ẩn về cơ thể con người tự bốc cháy 67
17. Cơ thể người có mang điện không? 71
18. Những tai họa bất ngờ xảy ra cho chúng ta biết điều gì? 75
19. Sự sống Trái Đất có thay đổi trong không gian vũ trụ hay không? 79
20. Vì sao Trái Đất lại nổi điên? 82
21. Ai biết về "phép rút đất" của Trái Đất? 85
22. Biến cố có thể xảy ra đối với Trái Đất 88
23. Bí ẩn về Mặt Trăng 93
24. Phải chăng lực hấp dẫn của Mặt Trăng là "ngòi nổ" gây nên động đất? 99

25. Những người láng giềng tốt bụng trên sao Hỏa 101
26. Những lựa chọn của con tàu vũ trụ 109
27. Những vật lạ từ trên trời rơi xuống 111
28. Bí ẩn về những vật thể bay không xác định 115
29. Nó ở ngay trên bầu trời vùng tam giác Bermuda 120
30. Tiếng nổ kì lạ trong thiên nhiên 122
31. Nước đang quấy phá 125
32. Vụ nổ bí ẩn trên bầu trời Thái Bình Dương 128
33. Núi Phú Sĩ có phun lửa trở lại không? 131
34. Bí ẩn về thiên thạch Tunguska 134
35. Những cái hố trôi nổi vô định 137
36. Thành phố cổ đại dưới lòng đất 139
37. Gợi ý của cây long não khổng lồ cho con người 143
38. Phát hiện "protein tuổi thọ" và các phát hiện khác 148
39. Phát hiện mới về đảo Christmas 151
40. Atlantis – lục địa biến mất 154
41. Những bí ẩn của nền văn minh thời tiền sử 159
42. Chuyến du lịch Bắc Cực của ông lão đánh cá người Nauy 164
43. Đường hầm dưới lòng đất ở châu Nam Mỹ nằm ở đâu? 168

1. NHỮNG QUÁI THÚ XUẤT HIỆN TRÊN LỤC ĐỊA



Xác một con quái thú

"Người thú" có lẽ cũng được coi là một loài động vật kì dị sống trên lục địa. Thật ra những con quái thú vẫn sống trên lục địa còn rất nhiều. Chúng có hình dạng kì lạ, hành động kì quái. Song những người may mắn được nhìn thấy chúng không nhiều.

Năm 1860, đã có người trông thấy một con vật có hình thù giống như một con giun đất khổng lồ bên bờ sông Villegas ở Braxin. Người nó có đường kính khoảng một mét, phần đầu có một bộ phận giống như cái mũi lợn. Khi có một người được tận mắt trông thấy và gọi những người khác đến xem thì con vật có hình thù giống côn trùng khổng lồ đó lập tức chui xuống đất, để lại trên mặt đất một cái hố có đường kính khoảng một mét.

Buổi tối ngày 15 tháng 11 năm 1966, gần khu vực thành phố Willem bang Tây Virginia của Mỹ, hai vợ chồng Logia cùng vợ chồng Steve về nhà trên cùng một chiếc xe mui trần. Bất ngờ phía trước ánh đèn xe xuất hiện một con vật lớn. Logia

lập tức phanh xe. Cả bốn người nhìn thấy con vật lớn cao gần một mét, mắt đỏ như máu, to cỡ bằng cái đèn ô tô. Phần lưng của con quái vật vô cùng kì lạ, giống như chim ưng. Dưới nách của nó xòe ra một đôi cánh lớn. Họ không dám thở mạnh, cứ thế nhìn chằm chằm vào con quái vật một phút. Con quái vật liền chạy nhanh về phía họ. Họ sợ đến nỗi hồn xiêu phách lạc, tăng hết tốc độ bỏ chạy. Con quái vật liền giang rộng đôi cánh rộng đến gần ba mét, đuổi sát theo phía sau xe. Nhưng không hiểu vì lý do gì, nó không vỗ cánh mà chỉ như đang lướt trên không như đang bay lượn vậy, còn phát ra những tiếng chít chít. Báo chí địa phương gọi con quái vật này là "người bướm".

Còn có người đã từng nhìn thấy "người dơi", cánh của nó giống như cánh dơi, có màng chân giống như ếch. Đó là vào ngày 12 tháng 9 năm 1880, trên bầu trời đảo Coney – New York – Mỹ và trên bờ biển Kent Shao của Anh vào tháng 11 năm 1966, đã có không ít người tận mắt nhìn thấy một "người dơi" bay lượn trên không trung trông giống như con ếch đang bơi.

Trong thần thoại cổ đại cũng có không ít những miêu tả về quái thú. Ví dụ như rồng phun lửa biết bay hay yêu nữ mình chim trong thần thoại Hy Lạp. Trên trái đất, thực sự đã từng tồn tại những con quái vật có thể bay. Chứng cứ có sức thuyết phục nhất là hóa thạch rồng bay. Loài bò sát cổ đại này có hàm răng sắc nhọn và có cánh. Hai cánh của nó mở ra rộng đến tám mét. Vậy "người bướm" và "người dơi" mà ta nói đến ở trên phải chăng chính là hậu duệ của rồng bay, hay là một hiện tượng lại giống của một loài động vật nào đó?

Tại bang New Jersey của Mỹ, có lúc còn xuất hiện một loài quái thú mà người ta gọi nó "ma Jersey". Những người từng nhìn thấy nói rằng, loài quái thú khiến người ta nhìn mà khiếp sợ này to bằng con công, cổ nó vừa ngắn vừa thô. Chân sau có móng. Chân trước ngắn, có móng vuốt. Cánh của nó giống cánh dơi. Khi giang ra rộng gần một mét. Còn có người nói nó có cái đầu giống như ngựa, chó hoặc cừu đực, có một cái đuôi dài mảnh. Ngoài ra, còn có người nói, châu Phi có một loài quái thú, hình dáng bên ngoài giống một con thằn lằn biết bay, da bóng loáng. Nó có một cái miệng chim có đầy răng, cánh giống cánh dơi. Khi giang rộng ra có đến hai mét. Từ những miêu tả đó có thể thấy, chúng rất có thể là họ hàng xa của loài rồng bay.

Người đầu tiên phát hiện ra "người thằn lằn" là một thiếu niên địa phương. Lúc đó anh ta đang lái ô tô qua vùng đầm lầy. Vì bị nổ lốp xe nên anh ta phải xuống xe thay lốp. Bỗng nhiên có một con quái vật đi về phía anh ta. Dáng đi giống hệt dáng người, trên mình đầy những vảy màu xanh lục. Nó cao khoảng hai mét, và có hai mắt màu đỏ. Trên mỗi chi trước có ba ngón. Kể từ hôm đó, ngày càng có nhiều người ở nơi đó nói rằng họ đã gặp loài quái vật đó. Sau khi câu chuyện lan truyền đi, nhiều người đã mang theo vũ khí đến vùng đầm lầy tìm kiếm, hy vọng bắt được con quái thú. Trước đó không lâu, một đài phát thanh của thành phố Peso Vyell ở Nam California Mỹ đã dành ra một khoản thù lao một triệu đô la Mỹ, chuẩn bị thưởng cho bất cứ ai bắt được "người thằn lằn", dù là còn sống hay đã chết đều được. Đối với dư luận. tuyệt đại đa số đều cho rằng "người thằn lằn" chỉ là con quái vật trong phim khoa học viễn tưởng, nhưng đối với cư dân địa phương thì "người thằn lằn" là có thật.

Năm 1902, gần Chase Field bang Idaho của Mỹ đã xuất hiện một con quái thú đứng thẳng. Mình đầy lông dài, cao gần ba mét. Tay nó cầm một chiếc gậy, khiến cho những người đang trượt nước ở cái hồ gần đó sợ chạy tán loạn. Dấu chân của con quái vật này có bốn ngón, dài 0,5 m, rộng khoảng 20 cm.

Còn một con quái thú nữa cũng là động vật đứng thẳng đi bằng hai chân. Trông rất giống người thú, nhưng lại không phải người thú. Vì người thú dù sao cũng có những đặc trưng tương tự với con người. Hơn nữa có trí thông minh cao hơn các động vật to lớn thông thường khác. Con quái thú này thân hình to lớn, thường hoạt động ở rừng rậm hoặc những nơi hoang vu không một bóng người. Cho đến tận bây giờ vẫn chưa có báo cáo nào nói đã có người bắt sống được con quái thú này.

Có người cho rằng, những con quái thú đứng thẳng này thậm chí còn có thể liên quan tới vật thể bay không xác định. Tháng 8 năm 1972, bang Indiana của Mỹ đã xảy ra sự kiện quái vật có liên quan tới vật thể bay không xác định. Vào một đêm, gia đình Rogers trông thấy một vật thể phát sáng bay lượn ở phía trên ruộng ngô gần nhà. Từ đó, nhiều lần họ nghe thấy có tiếng động ở khu vườn phía sau nhà. Một lần, một người nhà Rogers còn nhìn thấy một con vật to lớn đố sộ nhổ thân cây ngô ở trong ruộng để đi qua. Còn có một lần vợ của Rogers bắt gặp một con quái vật đang ngó nghiêng vào trong nhà từ bên ngoài cửa sổ. Nó đứng thẳng

bằng hai chân như người, nhưng lúc chạy vẫn dùng cả bốn chân. Lần nào họ cũng không nhìn rõ được hình dáng của con quái vật đó, vì nó chỉ ra ngoài hoạt động vào buổi tối. Cả nhà Rogers đều nói, con quái vật này toàn thân có lông đen, trên người có mùi của động vật chết hoặc mùi rác thối, kì lạ nhất là, con quái vật xuất hiện trong đêm tối đó hình như không có thực thể. Người nhà Rogers chưa bao giờ tìm thấy dấu chân của nó, cho dù nó có chạy trên mặt đất bùn lầy cũng không để lại dấu vết, giống như hai chân của nó không chạm đất vậy. Nó đi qua những lùm cây bụi cỏ cũng không một tiếng động, khiến cho người ta cảm thấy nó gần như trong suốt vậy.

Nhưng con quái vật này không phải lúc nào cũng không có thực thể, có mấy người nông dân đã từng nhìn thấy nó. Sau khi ra họ phát hiện con quái vật đó đi qua, thì có rất nhiều gà bị chết, nhưng không bị quái vật ăn thịt. Có người ngoài việc phát hiện thấy gà chết, còn thấy cỏ cây bị giẫm nát, tường rào cũng bị phá, cà chua và dưa chuột trong máng lợn cũng không cánh mà bay. Đêm nọ, một nông dân phát hiện con quái vật đó đứng trước cửa chuồng gà, ních chặt cái cửa chuồng cao hơn hai mét, rộng hơn một mét, đến ánh sáng trong chuồng gà cũng không lọt được ra ngoài. Vai nó chống lấy phần trên khung cửa, không có cổ, trông nó rất giống một con tinh tinh lớn. Lông trên mình nó rất dài, có ánh nâu, giống như màu gỉ sắt vậy. Người nông dân đó không thấy khuôn mặt và mắt con quái vật, chỉ nghe thấy nó không ngừng phát ra những tiếng ộc ộc. Người đó lên súng, lúc đó khoảng cách rất gần, chắc chắn nó đã bị trúng đạn, nhưng con quái vật không hề có chút dấu vết nào là bị thương, dường như viên đạn không hề gây hề hấn gì với nó.

Vì những con quái thú trên lục địa đều hoạt động ở những nơi hoang vu hẻo lánh, rất ít người từng nhìn thấy chúng, đương nhiên cũng không thể loại trừ những những cách hiểu sai về những động vật đã biết. Nhưng phân tích từ những tư liệu hiện có, quả thực có thể tồn tại những động vật lạ nào đó mà loài người chưa biết đến, chưa được liệt vào danh sách, chờ được các nhà sinh vật học và khảo cổ học tìm hiểu nghiên cứu.



2. QUÁI VẬT HỒ LOCH NESS VÀ LOÀI KHỦNG LONG CỔ DÀI DƯỚI NƯỚC

Ngày 9 tháng 10 năm 1987, trên hồ Loch Ness tươi đẹp ở miền bắc Scotland, hai mươi chiếc du thuyền được trang bị máy móc đo lường khoa học hiện đại, bắt đầu một cuộc khảo sát khoa học với quy mô lớn. Lần khảo sát do các nhà khoa học Anh và Mỹ hợp tác tiến hành này đã thu hút sự chú ý của toàn thế giới, vì thông qua lần khảo sát này, nhân loại có thể làm rõ trong hồ Loch Ness rốt cuộc có hay không loài quái thú mà người ta vẫn đồn đại hơn một trăm năm nay, nếu có thì chúng như thế nào?

Người ta phát hiện ra quái vật hồ Loch Ness sớm nhất là vào đầu thế kỷ XIX. Một ngày mùa thu năm 1802, một người nông dân tên Alexander Macdonald đang làm đồng bên hồ Loch Ness, đột nhiên, có tiếng sóng trào từ phía hồ dội đến. Anh ta giật mình ngẩng đầu nhìn về phía hồ, chỉ trông thấy một con quái thú không biết tả hình thù như thế nào ngoi lên khỏi mặt nước, vây vừa ngắn vừa thô, giống như mái chèo đang quạt nước, bơi ra giữa hồ. Lúc đó con quái thú chỉ còn cách người nông dân này khoảng bốn mươi mét.

Mùa hè năm 1880, có thêm nhiều người đã tận mắt nhìn thấy con quái thú này. Một hôm, sau buổi trưa, rất nhiều du khách tới hóng mát ở bên hồ, mặt hồ vô cùng phẳng lặng, một vài chiếc du thuyền đang chầm chậm di chuyển trên mặt hồ. Đột nhiên, mặt hồ dội lên một trận sóng lớn, chỉ trong nháy mắt đã làm lật tung một chiếc du thuyền, tất cả du khách đều rơi xuống nước. Lúc đó có người đã nhìn thấy con quái thú ẩn hiện giữa làn sóng lớn, nó có cái đầu nhỏ hình tam giác, cổ dài và mảnh, toàn thân đen tuyền, tựa như loài "rồng" trong truyền thuyết vậy. Ngay sau đó, con quái vật lặn ngay xuống nước. Từ đó, tin đồn "phát hiện quái vật hồ Loch Ness" càng lan truyền khắp nước Anh.

Cũng vào năm đó, một người tên là Duncan Macdonald đã lặn xuống đáy hồ Loch Ness để kiểm tra xác của một chiếc thuyền bị đắm. Nhưng anh ta vừa lặn

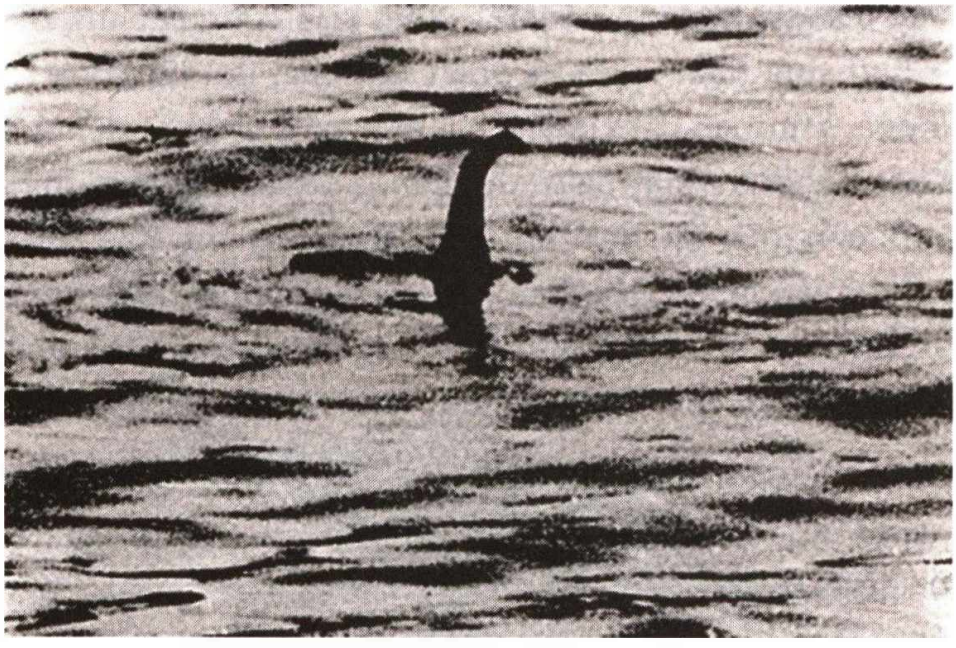
xuống nước không lâu, đã ra sức phát đi tín hiệu cầu cứu. Mọi người vội vã kéo anh ta lên khỏi mặt nước, lúc đó anh ta thần trí đã không còn tỉnh táo nữa. Sau khi tỉnh táo trở lại, anh ta nói với mọi người rằng, lúc dưới nước, khi anh ta đang định kiểm tra khung con thuyền bị đắm thì phát hiện ra có một con quái thú giống như con ếch khổng lồ đang nằm cách anh ta không xa. Con quái thú đó đã khiến anh ta sợ chết khiếp.

Năm mươi năm trôi qua, một buổi sớm tháng 8 năm 1933, bác sĩ thú y Grant đang men theo hồ Loch Ness để về nhà bằng xe máy, vô tình lại phát hiện ra một con quái vật khổng lồ đang nằm bò trên bờ. Grant cho rằng con quái thú này rất giống với loài khủng long đã bị tuyệt chủng, liền dừng xe lại quan sát tỉ mỉ. Con quái vật lúc đó liền phát ra những tiếng gầm gừ, như đang cảnh báo Grant đừng tới gần nó, sau đó quay mình và lặn xuống nước. Khi đó, cặp vợ chồng George Spaicer người địa phương cũng nhìn thấy con quái vật khổng lồ đó đi từ bờ hồ lặn dần vào trong nước, trên mặt hồ còn thấy nhô lên cái sống lưng như hai cái bướu lạc đà của nó. Họ cho biết, da con quái vật này rất khô ráp, có màu đen nhạt, cổ nhỏ và dài, có thể lắc lư linh hoạt giống như đầu rắn. Mình nó dài khoảng mười lăm mét, là con thú khổng lồ sống trong nước mà họ chưa từng nhìn thấy bao giờ. Năm sau, cảnh sát Alex Campell cũng đã phát hiện ra con quái vật này trên mặt nước hồ Loch Ness. Ông đã sống bên hồ Loch Ness năm mươi năm, tổng cộng nhìn thấy con quái vật đó mười chín lần.

Sau khi việc phát hiện ra quái thú trên hồ Loch Ness được đăng lên báo chí, đã thu hút sự chú ý của hàng trăm hàng nghìn người. Họ không ngại ngàn dặm đường xa tới hồ Loch Ness, hy vọng có thể một lần được nhìn thấy hình dạng của con quái thú. Còn có những nhà thám hiểm có tham vọng muốn bắt được được nó. Tới thăm dò hồ Loch Ness sớm nhất là một thiếu tá hải quân người Anh tên là Gorde. Anh ta cùng bốn viên cảnh sát địa phương đã chầu chực bên bờ hồ hơn hai mươi ngày, nhưng đến bóng dáng của nó cũng chẳng thấy đâu. Sau này, anh ta đã đến hỏi thăm hơn năm mươi người từng nhìn thấy con quái thú, sắp xếp lại cảnh tượng mà họ đã nhìn thấy, miêu tả lại một cách toàn diện hình dạng của con quái thú hồ Loch Ness.

Năm 1934, bác sĩ Wilson đến từ London cuối cùng cũng đã có cơ hội chụp được ảnh của con quái thú hồ Loch Ness. Từ trong ảnh chúng ta có thể thấy một

con quái vật cổ nhỏ dài, đầu nhỏ. Cho dù có người cho rằng bức ảnh mà bác sĩ Wilson chụp được chẳng qua chỉ là một cái vây cá, nhưng phát hiện này vẫn làm dậy lên một làn sóng hiếu kì đối với rất nhiều người.



Quái vật hồ Lochness

Kể từ lần đầu tiên báo chí Anh đăng tải bài về quái vật hồ Loch Ness vào năm 1933, trong vòng hơn năm mươi năm lần lượt đã có hơn ba nghìn người tự xưng là đã chính mắt nhìn thấy con quái thú đó. Rất nhiều nhà thám hiểm và nhà khoa học còn sử dụng các loại máy móc đo lường và thu được các tài liệu liên quan đến con quái thú hồ Loch Ness. Năm 1936, có người đã quay được đoạn phim đầu tiên về hoạt động của con quái thú. Năm 1955 còn có người chụp được bức ảnh hai cái bướu lạc đà của nó lộ ra trên mặt hồ.

Ngày 21 tháng 10 năm 1972, một người lính Anh đã giải ngũ tên Serre lái một chiếc thuyền cao su tới hồ Loch Ness quan sát. Khi còn cách xa khoảng chừng hai trăm mét, con quái thú hồ Loch Ness nổi lên trên mặt nước. Nó nhìn chiếc thuyền nhỏ khoảng hai mươi giây, sau đó chìm xuống nước, bơi sang mặt bên kia chiếc thuyền. Serre có tất cả ba mươi giây để quay lại hình ảnh của nó. Nhưng anh ta phát hiện con quá thú này chỉ dài hơn năm mét, có hai cái bướu lạc đà nổi lên trên mặt nước, trên cái cổ vừa nhỏ vừa dài có một cái đầu nhỏ, thân mình nhỏ hơn nhiều so với con quái thú mà người ta miêu tả kể lại. Thế là người ta cho rằng hồ Loch Ness rất có thể không chỉ có một con quái thú.

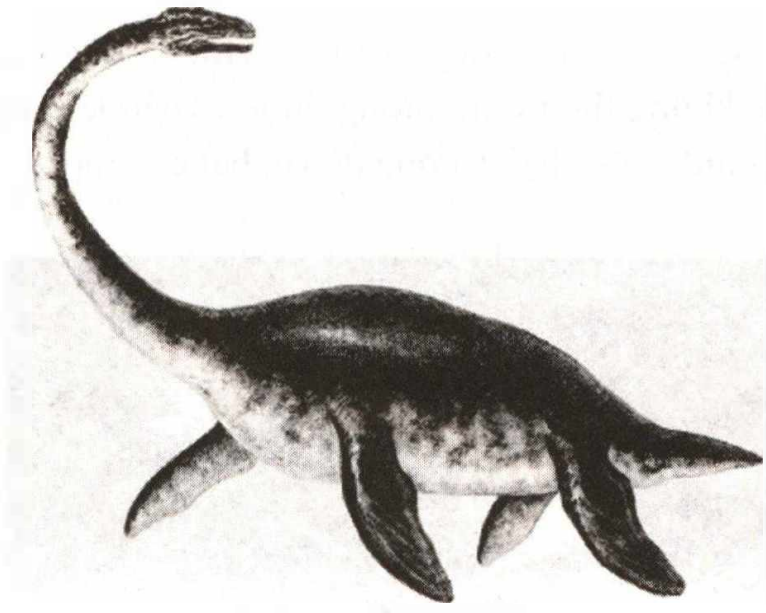
Tổ nghiên cứu của viện nghiên cứu khoa học ứng dụng Mỹ dưới sự dẫn dắt của nhà khoa học Lyons đã thực hiện nghiên cứu quái thú hồ Loch Ness bằng thiết bị quan sát đo đạc dưới nước. Năm 1972, họ đã sử dụng máy chụp hình dưới nước và chụp được hình ảnh khiến người ta tin phục và giật mình: bức ảnh hiện lên một cái vây dẹt dài khoảng hai mét, hình quả trám. Tháng 6 năm 1975, họ chụp lại được hình ảnh thân mình và phần đầu quái thú hồ Loch Ness đang hoạt động ở dưới nước. Mình nó dài khoảng 6,5 mét, cổ dài từ 2,1 đến 3,7 mét. Sau này, các nhà khoa học người Mỹ này đã sử dụng máy đo lường thăm dò bằng âm thanh ghi lại được một con quái thú dài hơn mười lăm mét, phía sau còn có ba con thú nhỏ nữa. Họ còn huấn luyện riêng hai con cá heo chuyên truy tìm tung tích quái thú. Cá heo là sinh vật thông minh nhất trong đại dương, chúng biết cõng máy quay dưới nước tìm kiếm quái thú hồ Loch Ness, và quay lại hình ảnh.

Nhiều năm sau, người ta vẫn tìm kiếm quái thú hồ Loch Ness không biết mệt mỏi. Nhưng ngoài một số bức ảnh, mấy đoạn phim ra, thì ngay đến một vật chứng đủ sức chứng minh sự tồn tại của nó cũng không tìm được, cho dù là một cục xương. Có người đã nảy sinh nghi ngờ về sự tồn tại của quái thú hồ Loch Ness. Có người còn cho rằng, cái gọi là quái vật hồ Loch Ness chẳng qua là những thanh gỗ mục từ đáy sông nổi lên, sau khi trôi nổi trên mặt nước, chúng thải ra ngoài khí bên trong rồi lại chìm xuống đáy hồ. Cũng có người cho rằng tất cả chỉ là ảo giác, mọi người nhìn rái cá, quạ, hươu mà nhầm thành quái thú.

Cuộc khảo sát ngày 9 tháng 10 năm 1987 của các nhà khoa học Anh và Mỹ tại hồ Loch Ness là vô cùng chặt chẽ, cẩn thận, máy móc mà họ sử dụng có thể phân biệt được cả những con cá nhỏ chỉ dài vài millimet. Vì thế động vật dưới đáy hồ Loch Ness dù kích cỡ như thế nào cũng không thể trốn thoát được. Trong quá trình khảo sát ba ngày đó, thiết bị đã từng ba lần phát hiện "một vật thể di động khổng lồ", nhưng nhìn từ hình ảnh sau khi được máy tính xử lý, lại rất khó miêu tả đó là hình dạng gì. Có thể đó là một con cá lớn hoặc một vật gì đó khác, vì thế vẫn rất khó xác định hồ Loch Ness rốt cuộc có quái thú hay không.

Nhưng có nhiều người tin rằng, ảo giác chỉ có thể xảy ra ở một số người cá biệt chứ không thể nhiều người như vậy cùng có ảo giác. Một số nhà khoa học cho rằng, quái vật ở hồ Loch Ness là hậu duệ của loài khủng long cổ dài dưới nước Plesiosaur đã bị tuyệt chủng. Khủng long cổ dài Plesiosaur xuất hiện vào khoảng một trăm tám mươi triệu năm trước và bị tuyệt chủng vào khoảng sáu mươi triệu

năm trước, là một loài "họ hàng xa" với khủng long. Theo phân tích hóa thạch, cổ khủng long cổ dài Plesiosaur nhỏ dài, đầu nhỏ hơn thân mình rất nhiều. Mình nó ngắn rộng, và dẹt, có răng sắc nhọn, là một loài bò sát ăn thịt hung dữ. Phần bụng của khủng long cổ dài Plesiosaur có hai đôi chân vây, có thể quạt nước bơi, còn có thể dùng chân vây chống đỡ để cơ thể trườn bò trên đất giống như báo biển.



Khủng long Plesiosaur

Vậy, khủng long cổ dài Plesiosaur sống trong đại dương làm sao có thể vào được hồ Loch Ness? Các nhà khoa học giải thích, ở hẻm lớn Scotland có ba hồ dài và hẹp là hồ Loch Ness, hồ Losh Oich, và hồ Losh Lochy. Ngày xưa, hồ Loch Ness và đại dương thông với nhau. Do lục địa dịch chuyển, nên một trăm hai mươi triệu năm trước cửa hồ Loch Ness đổ ra biển bị chặn lấp, thế là một số động vật biển vào hồ Loch Ness, bao gồm cả khủng long cổ dài Plesiosaur bị nhốt lại trong hồ. Ở đây thực vật phong phú, môi trường thích hợp, lại không có những loài kẻ thù đáng sợ, nên khủng long cổ dài Plesiosaur liền ở lại đây và sinh sôi nảy nở, còn khủng long cổ dài Plesiosaur ở các vùng biển đều lần lượt bị tuyệt chủng hết.

Nếu kết luận này là chính xác, thì tất có một ngày chúng ta sẽ được nhìn thấy diện mạo thật của quái thú hồ Loch Ness, hé lộ bí mật của tự nhiên này. Nếu hậu duệ của khủng long cổ dài Plesiosaur vẫn còn sống trên thế giới này, một ngày nào đó, các nhà khoa học cũng sẽ tìm thấy con quái thú trong truyền thuyết.

3. BÍ MẬT VỀ THÚ MỎ VỊT

Thú mỏ vịt là loài động vật lạ quý hiếm thế giới đã được Darwin gọi là "loài động vật không thể không thể tưởng tượng được". Điều làm người ta bất ngờ là nó có thể thông qua nhận biết điện trường để săn bắt con mồi.



Thú mỏ vịt

Năm 1798, giữa các học giả của hội động vật học London Anh đã nổ ra một cuộc tranh luận gay gắt. Sau khi người ta tìm được một bộ da lông động vật cổ quái tại Australia – đất nước ở phía Đông bán cầu. Trên lớp da lông là những chiếc chân có màng bằng dẹt cùng cái đuôi to dẹt, và cái mỏ dẹt như mỏ vịt.

Thoạt đầu, các nhà động vật học nghi ngờ lớp da lông này là do người ta kì công làm giả. Có thể họ đã khâu da của một loại động vật có vú với mỏ của loài vịt lại với nhau, nhằm giả mạo tiêu bản của một loài chim hoặc thú kì lạ để bán cho bảo tàng với giá cao. Sau này người ta lại phát hiện tiêu bản này chỉ có một lỗ huyệt, theo kiến thức thông thường về động vật học khi đó, đây là đặc trưng chỉ có các loài đẻ trứng như chim và động vật bò sát mới có. Cũng có nghĩa là, "cơ thể" của lớp da lông đó cũng không phải là của loài động vật có vú.

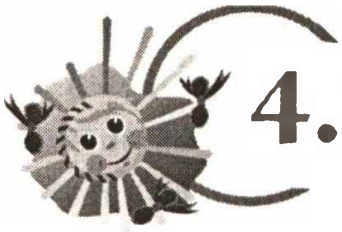
Năm 1788, Collins đã từng theo đoàn thuyền di dân đầu tiên tới Australia, chín năm sau ông trở về Anh quốc. Trong báo cáo viết về mảnh đất thuộc địa New South Wales, ông đã gọi loài động vật đó là "thú mỏ vịt". Ông viết rằng, loài động vật có cái mỏ vịt này kiếm thức ăn ở đầm lầy, ven hồ giống như chim, cái chân có màng có thể quạt nước để bơi. Nó còn biết dùng những cái móng sắc nhọn để đào hốc trên bờ. Collins cho rằng loài động vật này có đặc trưng của động vật lưỡng cư.

Tranh luận xoay quanh vị trí nên có của thú mỏ vịt trong phân loại động vật học đã kéo dài rất nhiều năm. Đến năm 1800 mới được làm rõ. Loài động vật này tuy có tuyến sữa của động vật có vú, nhưng lại đẻ trứng. Năm 1836, trong chuyến du hành vòng quanh Trái Đất, tàu "Pigeer" đã dừng lại ở Australia, cơ hội ngẫu nhiên này đã giúp Darwin được tận mắt trông thấy mấy con thú mỏ vịt. Ông cảm thấy đây là một loài động vật vô cùng kì thú.

Thú mỏ vịt thuộc bộ động vật đơn huyệt do ba loài động vật hợp thành, hai loài còn lại là thú lông nhím. Loài động vật thuộc bộ đơn huyệt này ngoài đặc trưng là đẻ trứng ra, chúng còn có độc tính. Tuyến độc của động vật đơn huyệt ở chân sau của con đực, phần rỗng đầu móng chân chính là ống dẫn của dịch độc. Nhưng người ta vẫn chưa tìm hiểu được công dụng đích thực của tuyến độc này. Nếu động vật đơn huyệt đâm chích bằng móng chân sau này sẽ có thể dồn những động vật nhỏ bé vào chỗ chết. Nếu hiểu theo nghĩa này, thì tuyến độc là để tự vệ. Nhưng kì lạ là tại sao trên người con cái lại không có tuyến độc? Thế là người ta lại cho rằng tuyến độc là vũ khí đấu tranh giữa con đực và con cái. Nhưng tại sao với nhím, loài động vật có vú thuộc họ chuột chù có khả năng tiết ra dịch độc, thì chức năng phun dịch độc của nó lại bị thoái hóa? Để giải đáp câu đố hóc búa này, rất nhiều học giả đều đang tìm tòi suy nghĩ.

Cách đây không lâu, một bài báo trên tạp chí khoa học nổi tiếng "Nature" của Anh đưa tin, các nhà khoa học đã phát hiện ra rằng thú mỏ vịt có thể dùng mỏ để cảm nhận điện trường, và định vị nhờ vào điện trường đó. Nơi kiếm mồi của thú mỏ vịt là ở dưới nước, nhưng cứ xuống nước là nó nhắm mắt và đóng tai lại, nó chỉ dựa vào cái mỏ dẹt nhạy cảm bởi những thứ tích tụ dưới nước để bắt những loài giáp xác hoặc những loài côn trùng sống dưới nước. Để phát hiện nơi ẩn náu của con mồi, nó còn sử dụng đến khứu giác. Lỗ mũi của thú mỏ vịt nằm giữa cái mỏ dẹt, có tác dụng bắt mồi.

Cho đến tận bây giờ, loài động vật có thể cảm nhận được điện áp nhỏ đến microvon và dựa vào khả năng này để bắt mồi chỉ có cá điện và một số động vật lưỡng cư. Người ta chưa từng phát hiện ra động vật đẳng nhiệt nào có khả năng này. Để kiểm chứng xem thú mỏ vịt có khả năng nhận biết điện trường hay không, đầu tiên các nhà khoa học đặt vào trong hồ nước một pin nhỏ 1,5 Vôn. Con thú mỏ vịt cách đó mười centimét đã phát hiện ra cục pin đó và lấy chiếc mỏ dẹt kẹp lấy cục pin. Tiếp sau đó, các nhà khoa học để con thú mỏ vịt vào giữa hai tấm điện cực cách nhau ba mét. Quan sát phản ứng của nó ở các điện áp khác nhau, họ phát hiện ra rằng nó có thể cảm nhận được điện trường 50 microvon/ centimet, còn có thể tránh được tấm nhựa có điện cực. Nhỏ axit nitric lên đuôi của con tôm, mồi nhử thú mỏ vịt, vì vận động của cơ con tôm có thể tạo ta điện trường 0,2 microvon/ centimet trong vòng năm mét, theo tính toán, thú mỏ vịt cũng có thể cảm nhận được. Cũng có nghĩa là, trước tiên thú mỏ vịt sẽ dùng khứu giác để xác định vị trí tương đối của con tôm trước, sau đó mới xác định vị trí chính xác của con mồi nhờ cái mỏ dẹt của mình. Nhưng chi tiết về cơ quan cảm giác của thú mỏ vịt với cá điện và loài động vật lưỡng cư có gì khác nhau vẫn chưa được làm rõ. Trong mắt của con người, thú mỏ vịt vẫn là một loài động vật khó lý giải.



4. BÍ MẬT VỀ QUÁI THÚ DƯỚI NƯỚC

Trên thế giới, những động vật kì lạ như quái vật hồ Loch Ness, đã được phát hiện ở cả dưới nước lẫn trên mặt đất, chúng có hình dạng kì dị, có loài còn không để lại tung tích. Những con quái vật dưới nước mà chúng tôi nói đến dưới đây, nhiều năm nay người ta đã tận mắt nhìn thấy, chứ không phải tin đồn.

Người đầu tiên nói đến quái thú dưới nước là giáo sĩ người Nauy Hans Egede. Tháng 7 năm 1734, Egede đi thuyền tới Greenland. Khi thuyền đi qua eo biển Davis, ông đã tận mắt trông thấy trên mặt biển bất ngờ xuất hiện một con quái vật biển đáng sợ. Nó ngoi lên cao giữa mặt biển, ngẩng đầu lên cao hơn mặt cột buồm nhiều. Mũi của con quái vật này vừa dài vừa nhọn, nó phun nước giống như cá voi vậy. Nó có chi giống như vây cá to rộng, toàn thân như được bao một lớp da cứng, bề mặt da đầy nếp nhăn. Nửa phần thân sau của con quái vật giống như rắn. Khi lặn xuống nước, phần thân sau quẫy mạnh, đuôi lộ lên trên mặt nước, toàn thân nó phải dài bằng con thuyền.

Chiều ngày 14 tháng 8 năm 1817, có rất nhiều người bên hải càng Gloucester Mỹ đã trông thấy một con động vật biển khổng lồ giống hệt loài rắn. Những người tận mắt nhìn thấy nói, phần đầu nó to bằng bốn cái thùng gỗ, thân mình cũng thô giống thùng gỗ, phần mà mọi người nhìn thấy dài đến mười mấy mét. Phần đầu của con quái vật có màu rất đậm, nửa phần sau là màu trắng, bụng cũng có màu gần gần trắng. Khi người ta bắn về phía nó, nó liền xông đến tưởng như muốn lật đổ con thuyền. Nhưng rồi rất nhanh lại chìm mình xuống nước, ra xa mười mấy mét mới lại nổi lên, trông nó to một cách kinh khủng.

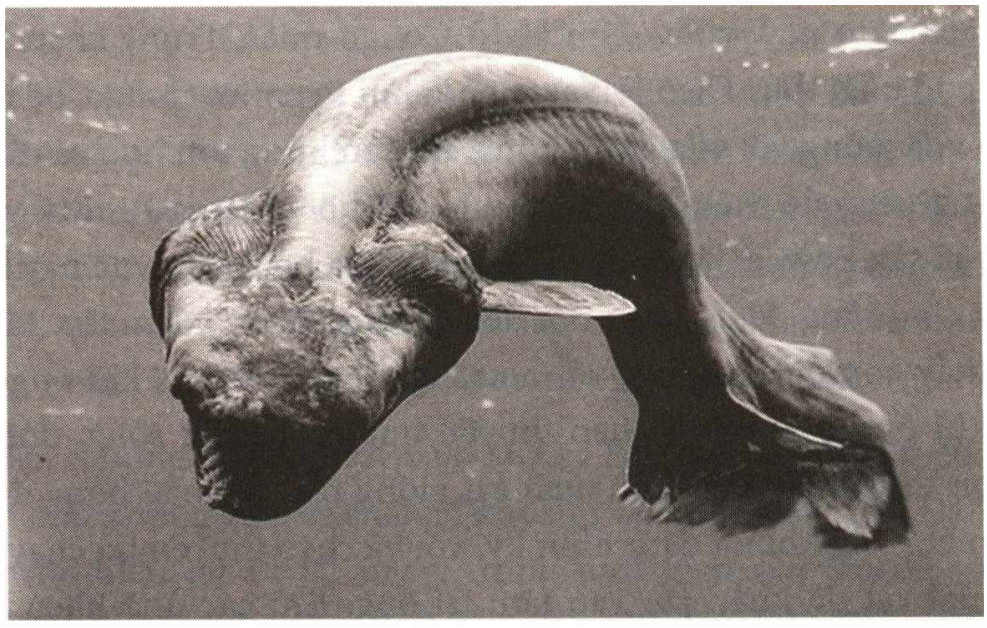
Tháng 8 năm 1848, các binh sĩ trên chiếc quân hạm "Daedalus" của Anh cũng đã nhìn thấy một con quái thú trên biển tương tự như thế. Khi đó, con tàu đang từ quần đảo Đông Ấn Độ sang Plymouth của Anh, 5 giờ chiều ngày mồng 6 tháng 8, tại chỗ cách bờ biển phía Tây châu Phi vài trăm kilomet trên Nam Đại Tây Dương.

Thuyền trưởng và các binh sỹ đã nhìn thấy một con vật khổng lồ có hình dạng giống rắn đang chồm lên cùng con sóng. Họ sợ tới mức đờ đẫn cả mặt mày. Những người chứng kiến ước chừng phần nhô lên trên mặt biển của con quái vật này dài đến hai mươi mét, phần đầu và phần cổ ngoi lên trên khoảng hơn một mét, bán kính phần dưới đầu khoảng hơn nửa mét, phần lông trên lưng dài giống lông bờm trên cổ ngựa vậy. Nó nhanh chóng bơi qua phía trước chiếc quân hạm "Daedalus" với vận tốc hai ba chục kilomet một giờ, bơi về phía Tây Nam.

Năm 1966, thượng úy Ridgway và trung sỹ Pelaez là lính nhảy dù Anh lái một chiếc thuyền nhỏ không có mái che dài khoảng sáu mét băng qua Đại Tây Dương. Lênh đênh trên biển tất cả 92 ngày, trong thời gian này họ đã gặp phải một chuyện rất lạ. Sớm ngày 25 tháng 7, Pelaez vẫn còn đang say giấc, còn Ridgway thì đang chèo thuyền, mệt đến nỗi từ toàn ngủ gật. Bỗng nhiên một tiếng động bất ngờ phá vỡ sự tĩnh lặng của mặt biển, bên phải mạn thuyền có những tiếng vù vù khiến Pelaez bất chợt tỉnh giấc. Anh nhìn hướng ra phía biển, trông thấy một con vật khổng lồ, hình thù uốn lượn, ánh sáng của những giọt nước biển càng làm nổi bật lên đường viền trên thân hình nó. Con quái thú trên biển này dài đến mười mấy mét, nó xông thẳng đến chiếc thuyền, nhưng đến bên chiếc thuyền nó lại lặn xuống nước biến mất. Ridgway bị cảnh tượng đáng sợ vừa rồi làm cho chết khiếp. Sau một hồi mới trấn tĩnh lại, anh ta quay đầu lại tìm kiếm, nhưng lại chẳng thấy gì cả. Mấy giây sau, anh lại nghe thấy một tiếng quẫy nước inh tai, con quái vật lại nổi lên trên mặt nước, sau đó lại lặn xuống biển. Là một thủy thủ hàng hải cừ khôi, anh đã từng trông thấy đủ các loài động vật trên biển, trong đó có cá voi, cá mập, cá heo, cá chuồn, v. v. nhưng ông chưa từng nhìn thấy con quái vật này bao giờ. Anh cho rằng mình đã nhìn thấy một con rắn biển khổng lồ.

Tại một cái hồ ở Thiên Trì và Tây Tạng phía Đông Bắc Trung Quốc người ta cũng đã phát hiện thấy quái thú dưới nước. Ở Thiên Trì, khách du lịch và cán bộ công tác tại trạm khí tượng gần đó đều nói, họ đã từng trông thấy trong hồ Thiên Trì có một con quái thú. Đầu nó giống đầu bò, nhưng to hơn nhiều, mỏ dẹt giống mỏ vịt. Nó bơi rất nhanh, thân sau làm tung lên bọt sóng giống như thuyền máy vậy. Ở Tây Tạng có một cái hồ tên là hồ Bố Văn, đã mấy lần xuất hiện một loài quái thú dưới nước có hình dạng giống như khủng long, chúng còn ăn mất cả mấy con trâu Tây Tạng đang ăn cỏ ở ven hồ.

Hơn trăm năm nay, vùng đầm lầy ở Congo miền Trung châu Phi vẫn nghe nói có một con quái thú. Theo lời của người lùn Pygmies Congo, bề ngoài của con quái thú đó vừa giống voi vừa giống rồng, nó còn hung tợn hơn cả cá sấu. Tháng 2 năm 1980, nghiên cứu viên McCall thuộc đại học Chicago – Mỹ và chuyên gia nghiên cứu cá sấu Powell đã tới đây khảo sát khoa học. Khu vực này hoang vu hẻo lánh, không có đường để đi, khắp nơi đều là rừng rậm và đầm lầy. Một ông lão đã từng nhìn thấy con quái vật nói với họ rằng 45 năm trước, khi ông mới 14 tuổi, một hôm, khi ông một mình chèo thuyền qua một khúc sông, đột nhiên trông thấy một con thủy quái. Đầu con quái vật giống rắn, có màu hồng đậm, cổ dài từ hai đến ba mét. Ông không dám nhìn kỹ, vội vã chèo thuyền bỏ chạy, nhưng hình dáng con quái vật đã khắc sâu vào tâm trí ông. Khi các nhà khoa học đưa một quyển hình ảnh các loài động vật cho ông nhận biết, lúc đó ông đã xem một lát rồi chỉ vào hình khủng long và bảo, đó chính là con quái vật ông đã từng nhìn thấy. Một phụ nữ khác sống ở vùng đó cũng chứng thực rằng loài động vật đó là có thật. Bà nói, mấy hôm trước còn có hai con quái vật từ sông vào hồ Fitri. Sau đó, có hai nhà thám hiểm đã đi khắp những nơi thủy quái có thể xuất hiện, tìm kiếm tung tích của nó, thu thập các tư liệu do những nhân chứng thuật lại. Trong đó có một người miêu tả tường tận nhất. Có một lần anh ta trông thấy một con thủy quái ngoi lên trên sông, đến nỗi làm cho "nước sông phút chốc chảy ngược dòng". Nước sông ở đó chỉ sâu hơn một mét, nên thân mình của con quái vật hầu hết đều lộ ra cả. Anh ta nhìn thấy lưng, cổ, đầu, một đoạn đuôi và cái chân ngắn ngắn của con quái vật, trên đỉnh đầu nó còn có thứ gì đó trông giống như cái mào gà. Anh ta ước chừng nó dài khoảng mười mét, riêng đầu và cổ cũng đã hai đến ba mét. Sau khi phân tích những tư liệu do những nhân chứng cung cấp, Mccall cho rằng con quái thú dưới nước này tuy rất hiếm thấy, nhưng vẫn tồn tại. Năm 1981, Mccall lại cùng các nhà khoa học Pháp, Mỹ và Côngô đến châu Phi tiến hành khảo sát khoa học trong vòng sáu tuần. Lần này ông lại phát hiện ra những dấu chân lớn có kích cỡ tương đương với voi; có nơi cỏ cây đều bị gãy đổ, cho thấy đó là dấu vết của một loài động vật bò sát lớn đã đi qua đó. Từ đó về sau, lại có thêm một số nhà khoa học tới khu vực này khảo sát khoa học, nhưng cho đến nay vẫn chưa có ai phát hiện hoặc bắt được con quái thú đó. Nhưng, chỉ cần loài quái thú này vẫn chưa tuyệt chủng, thì đến một ngày chúng ta sẽ tìm thấy nó.

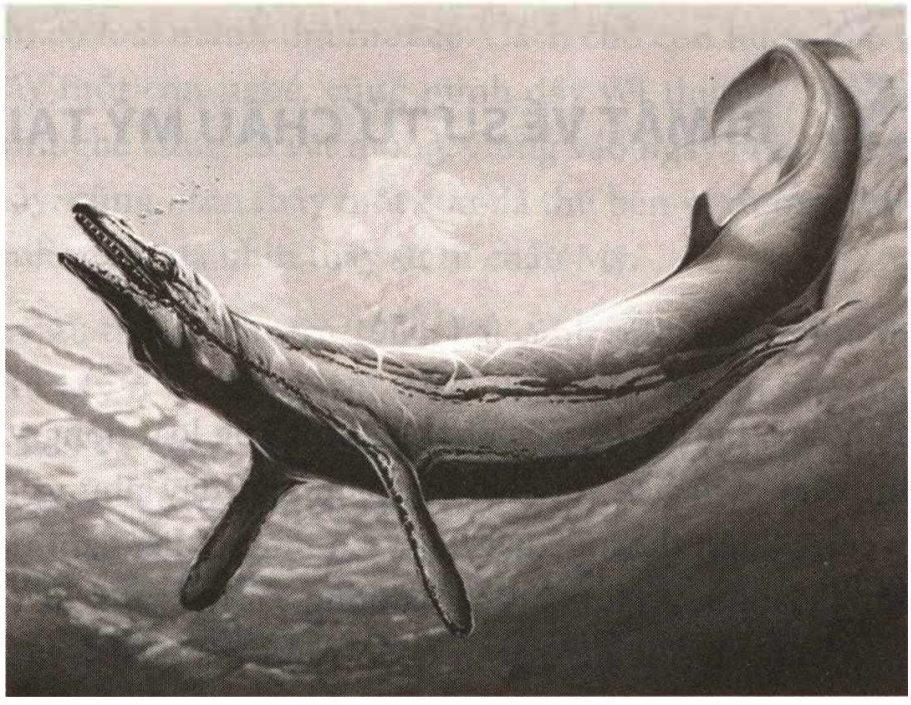


Quái vật Frilled Shark

Giống như những loài động vật trong thần thoại, những con quái thú trong hồ vô cùng bí ẩn. Nhưng chúng ta đã biết, có rất nhiều những người không hề quen biết đã nhìn thấy những con quái thú này, một số con thậm chí còn xuất hiện trước nhiều người, có đến vài trăm người trông thấy chúng. Có khi quái thú hàng ngày đều lộ diện ở cùng một địa điểm, dường như muốn cho con người được mở rộng tầm mắt.

Vậy loài động vật thần bí này rốt cuộc là gì? Có một điểm có thể khẳng định, chúng không chỉ có một loài, mà có rất nhiều loài. Theo những nhân chứng thuật lại, có thể phân thành mấy loại động vật khổng lồ sống dưới nước, trong đó có một số ít là do người ta nhìn nhầm với mực khổng lồ, cũng có thể là loài bạch tuộc lớn có thân mình dài tới sáu bảy mươi mét. Nhưng có một số quái vật giống như rắn biển, có thể là loài cá voi Basilosaurus mà người ta tưởng rằng đã tuyệt chủng từ lâu. Các nhà khoa học tin rằng hiện nay vẫn có một số cá thể thuộc loài cá voi này vẫn còn tồn tại.

Có một số nhà khoa học cho rằng, quái vật hồ Loch Ness có thể là khủng long cổ dài dưới nước Plesiosaur. Đây là loài động vật bò sát khổng lồ sống dưới nước vào đại trung sinh, và bị cho rằng đã tuyệt chủng từ mấy chục triệu năm trước, kết luận đó xem ra là hơi sớm với tình hình hiện nay. Liệu hậu duệ của khủng long Plesiosaur có còn tồn tại? Câu hỏi đó vẫn đang chờ đợi những chứng cứ đầy đủ hơn.



Cá voi Basilosaurus

Quái vật dưới nước khiến người ta có cảm giác vừa tò mò vừa sợ hãi. Dù là khủng long cổ dài, là cá voi cổ đại, hay là loài thủy quái nào đi nữa. Thường thì ai vừa trông thấy cũng đã sợ đến nỗi hồn xiêu phách lạc, đến nỗi quên luôn cả chụp ảnh lại bằng cái máy ảnh đang cầm trong tay. Có người trông thấy loài thủy quái này đến chạy còn không kịp, nói gì đến theo dõi hay bắt được nó. Điều thú vị là, khi người ta nói đến loài thủy quái này thì mọi người ai cũng rất hào hứng, cứ như không phải đang nói về một con quái thú đáng sợ mà là một động vật nhỏ xinh đáng yêu mà thỉnh thoảng họ bắt gặp vậy.

Để vén được bức màn bí mật về quái vật dưới nước, thì khi gặp loài quái thú kì dị đó, mọi người phải thật bình tĩnh tỉnh táo, quan sát tỉ mỉ đặc điểm của nó. Nếu trong tay có sẵn máy ảnh hay máy quay thì đừng quên bật nó lên. Nếu có nhiều người, có thể bắt sống được nó thì đây quả là một sự cống hiến lớn lao.



5. BÍ MẬT VỀ SƯ TỬ CHÂU MỸ TẠI SURREY

Vài trăm năm nay, tin tức về việc phát hiện những loài động vật kì dị ở khắp nơi trên thế giới xuất hiện liên tục. Những năm gần đây những câu chuyện lan truyền kiểu này cũng thỉnh thoảng xuất hiện. Có những điều làm người ta thực sự sửng sốt: có những loài động vật mà các nhà động vật học sớm đã tuyên bố không còn tồn tại nữa, nhưng thi thoảng người ta lại nhìn thấy. Hơn nữa những người từng thấy nó không chỉ có một; có loài vốn không sống ở nơi nó bị phát hiện, nhưng lại có người trông thấy ở nơi đó. Sư tử châu Mỹ tại Surrey chính là một ví dụ.

Surrey là một quận của nước Anh, không phải chỉ ở đây mà cả Anh quốc cũng chưa từng tìm thấy ghi chép nào nói rằng loài sư tử châu Mỹ từng xuất hiện ở đây trong lịch sử. Điều kì lạ đã xảy ra, loài động vật có vú chưa từng xuất hiện tại Anh quốc này đã xuất hiện một cách bất thường tại quận Surrey, trên một tạp chí do cơ quan cảnh sát Anh xuất bản từng viết, tháng 9 năm 1962 đến tháng 8 năm 1964, người ta đã vô tình trông thấy loài động vật này 362 lần. Các ấn phẩm được xuất bản công khai khác còn có số lượng đưa tin nhiều hơn. Vì các học giả khó lòng tin rằng miền nam nước Anh lại có thể tồn tại một loài động vật to lớn như vậy mà họ không hề hay biết, nên những nhân chứng đã từng nhìn thấy chúng thường rất bối rối, vì không thể đưa ra bất cứ chứng cứ thuyết phục nào chứng minh cho những điều mình nói. Nhưng những người nhận mình đã tận mắt nhìn thấy loài động vật hoang dã này lại không hề nghi ngờ, thứ mà họ nhìn thấy chính là sư tử châu Mỹ.

Ngày mồng 4 – 9 – 1964, một người hái hạt dẻ trong khu rừng rậm gần quận Surrey cho biết, anh từng nhìn thấy một con vật giống con mèo, lông toàn thân màu nâu đậm pha màu vàng nhạt ở trong rừng, dài khoảng hai mét nếu không tính đuôi. Anh ta còn nhìn rõ cả những vằn màu đen trên lưng nó. Sau đó, lại có người phát hiện một chuỗi dấu chân dài gần một nghìn mét của động vật đó để lại trên bãi cát ở vùng đó. Ngày 23 và 24 – 9 lại có tin, có người phát hiện thấy một con hươu bào đã bị ngoạm đứt cổ trong rừng. Trên mình còn lưu lại vết móng sâu

đáng sợ mà chỉ có loài mãnh thú mới có. Cách chỗ con hươu bào không xa, người ta còn tìm thấy một con nghé, cũng mình đầy vết thương, tuy còn chưa tắt thở. Trên mình con nghé cũng có vết móng. Cũng vào ngày hôm sau, một người lái xe đi qua vùng này, cũng nhìn thấy một con dã thú bên vệ đường cao tốc, anh ta một mực khẳng định mình đã nhìn thấy sư tử châu Mỹ.

Ngày 24 và 28 tháng 10 năm 1964, hai cảnh sát cũng chứng thực. Họ đã nhìn thấy sư tử châu Mỹ ở Buckingham. Mấy tháng sau đó, những người nói đã nhìn thấy sư tử châu Mỹ ngày càng nhiều, cục cảnh sát Surrey buộc phải cảnh báo khách du lịch cảnh giác mãnh thú tấn công.

Ngày 5 tháng 7 năm 1966, tin đăng trên tờ Times của London cho biết, trước đó một ngày đã có vài cảnh sát và những người khác đã tận mắt thấy sư tử châu Mỹ. Lúc đó họ chỉ cách con mãnh thú tầm ba mươi mét. Nó có đuôi dài, phần mặt giống con mèo. Khi bị phát hiện là lúc con sư tử châu Mỹ này đang tiếp cận một con thỏ và ăn thịt con thỏ này. Cả quá trình chứng kiến lên đến hai mươi phút. Căn cứ vào kích cỡ và hoa văn của nó, các nhân chứng phán đoán, không còn nghi ngờ gì nữa, đây chính là sư tử châu Mỹ. Mấy hôm sau, một tờ báo đăng tin có người đã chụp lại được ảnh con sư tử châu Mỹ tại hiện trường. Nhưng những chuyên gia chưa tới hiện trường cũng không tận mắt chứng kiến con sư tử châu Mỹ đó lại cho rằng, căn cứ vào bức ảnh, động vật đó là mèo, chó hoang... chứ không phải là sư tử châu Mỹ. Những nhân chứng tại hiện trường và một viên cảnh sát phản bác, nói: "Tôi rất tỉnh táo, và có thể phân biệt rõ ràng thế nào là chó, thế nào là mèo hoang, tôi muốn nói rằng, đó chính là sư tử châu Mỹ".

Cho tới nửa sau thập niên 70 của thế kỷ XX, bí ẩn về sư tử châu Mỹ ở Surrey vẫn chưa được giải đáp, vẫn có không ít người gặp được loài thú dữ có thân hình to lớn và chạy rất nhanh này. Giống như lúc ban đầu phát hiện ra sư tử châu Mỹ, những nhân chứng chứng kiến đều một mực cho rằng nó có tồn tại. Những người chưa được nhìn thấy thì lại phủ nhận sự tồn tại của loài động vật này. Vậy thì phát hiện về loài sư tử châu Mỹ rốt cuộc là như thế nào?

Thực ra, những câu chuyện tương tự trong lịch sử đã từng xảy ra không ít. Ví dụ có một loài chim én biển lớn ở Bermuda. Người dân ở đó cho rằng loài chim biển giỏi bay lượn trên mặt biển này đã bị người ta giết chết hết từ trước năm 1621. Hơn 300 năm sau đó không còn ai nhìn thấy loài chim én biển này nữa. Nhưng

đến năm 1951, loài chim tuyệt tích từ lâu này lại xuất hiện trở lại, người ta còn phát hiện được hơn mười cái tổ của chúng. Người Anh còn phát hiện ra loài lợn rừng "đáng lẽ" đã biến mất từ khoảng hai ba trăm năm trước. Vào tháng 3 năm 1976, có người còn nổ súng bắn chết được một con lợn rừng, thế là mọi tranh luận cuối cùng cũng lắng xuống. Cuối thập niên 30 của thế kỉ XX, một loài cá toàn vây vốn được cho là đã tuyệt chủng 350 triệu năm trước lại được phát hiện trên quần đảo Comoros.



Một con cá thuộc họ có vây tay vốn được cho là đã tuyệt chủng

Câu chuyện về sư tử châu Mỹ ở Surrey cho chúng ta biết, nếu không phải một người nuôi thú nào đó cố tình thả nó đi thì có lẽ con sư tử châu Mỹ đó vẫn còn đang nằm trong lồng. Nếu loại trừ khả năng này, thì trên trái đất vẫn còn các loài động vật mà con người chưa biết tới tồn tại. Khoa học của con người hiện nay cũng đã khá phát triển, vết chân con người cũng gần như đã đi khắp toàn cầu. Nhưng trên thế giới này vẫn có rất nhiều nơi mà con người chưa thể đặt chân tới. Gần đây, một tàu ngầm khảo sát khoa học của Nhật Bản đã lặn xuống rãnh Mariana, và phát hiện được một loài cua ở dưới đáy biển sâu hơn 10 nghìn mét. Trong quá khứ điều này quả thực rất khó tưởng tượng, vì dưới đáy biển sâu như vậy áp lực vô cùng lớn, các loài động vật khó mà sinh sống nổi, nhưng sự thật đã phá tan phỏng đoán đó.

Các nhà khoa học cho chúng ta biết rằng những sự kiện phát hiện ra các loài động vật được cho là đã bị tuyệt chủng từ lâu trong lịch sử có rất nhiều. Điều này cho thấy rằng chúng ta vẫn chưa nắm rõ một số quy luật sinh tồn trong tự nhiên. Vì vậy nếu con người lại phát hiện ra những loài động vật chưa từng được biết tới trên Trái Đất này thì điều đó hoàn toàn có khả năng xảy ra.



6. CÓ "NGƯỜI THÚ" HAY KHÔNG ?

Người thú là một loại động vật hoang dã có những đặc trưng của con người nhưng không phải con người. Nhiều năm trở lại đây đã có không ít quốc gia trên thế giới đã phát hiện thấy tung tích của người thú. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có ai có thể bắt được một người thú thực sự.

Tại khu vực Thần Nông Giá tỉnh Hồ Bắc – Trung Quốc, rừng núi trùng điệp, khắp nơi đều là những cánh rừng nguyên thủy với những cây cối lâu năm, mấy trăm năm trước, những người dân sống ở Thần Nông Giá đã từng nhiều lần nhìn thấy người thú. Những ghi chép của địa phương từ thời cổ đại gọi chúng là "người lông thú", tả chúng mình mẩy đầy lông, thường đến ăn thịt chó gà của nông dân.

Những năm gần đây, người dân khu vực này thường xuyên gặp phải người thú. Một buổi sáng đầu đông năm 1973, anh nông dân tên Tạ Minh Cao đang trên đường về nhà sau khi xong việc, đột nhiên cảm thấy như có ai vỗ vào vai, quay đầu lại xem, anh ta sợ đến nỗi hồn bay phách lạc. Hóa ra một người thú đang cười với anh ta một cách kì cục, thậm chí còn giơ một tay ra muốn ôm lấy anh ta. Tạ Minh Cao và người thú đó bắt đầu đấm đá nhau túi bụi, cả hai đều lăn xuống dốc núi. Sau đó, Tạ Minh Cao nhặt một hòn đá ném về phía người thú, đập trúng vào mắt nó, mới thoát thân được. Sau khi về nhà, anh ta sợ đến mấy ngày không dám ra khỏi cửa.

Khoảng 1 giờ đêm ngày 14 tháng 5 năm 1976, sáu cán bộ ở vùng rừng Thần Nông Giá lái xe đến một thôn nằm giữa huyện Phòng và Thần Nông Giá. Bỗng nhiên đèn ô tô rọi thấy một người thú toàn thân lông lá, không có đuôi. Lúc đó, lái xe dùng đèn ô tô chiếu vào người thú này, những người khác mạnh dạn chạy đến chỗ cách người thú khoảng 1 mét. Tuy nhiên, do những người này không hiểu thói quen của người thú lại không mang theo vũ khí nên đành phải quay trở lại xe nhìn người thú lật đật chạy đi. Sau này, những cán bộ này đã điện báo cho Viện Khoa Học Trung Quốc về lần gặp người thú ấy.

Việc nhìn thấy người thú không chỉ có ở Trung Quốc mà còn có ở các quốc gia khác. Từ 200 năm trước, người Indiana ở châu Mỹ đã lưu truyền rằng: vùng núi phía Tây Châu Mỹ có một loài động vật hình người có thân hình to lớn, được gọi là "Sasquatch" có nghĩa là "Quái vật chân to". Năm 1924, một công nhân đốn gỗ người Canada đã nhìn thấy loài động vật này. Một buổi sáng, khi anh ta vừa tỉnh dậy tại doanh trại của mình ở trong rừng sâu, đột nhiên phát hiện thấy có bốn người thú người đầy lông đang vây quanh nhìn anh ta một cách hiếu kì. Trong đó có một con đực cao 2,4 m và một con cái cao 2,1 m, có lẽ là một cặp vợ chồng, hai con còn lại có thể là hai đứa con. Chúng đẩy đẩy bình nước, khẩu súng săn và những vật khác của người công nhân đốn gỗ rồi phá lên cười kì quặc. Sau đó, những người thú này khiêng anh ta cùng chiếc túi ngủ đi, đem đến hang ổ của chúng trong rừng sâu. Những người thú này không hề làm hại người công nhân đốn gỗ ấy. Sáu ngày sau lợi dụng lúc những người thú không để ý, anh ta mới chạy về.



Một buổi tối ngày 20 - 1 - 1977, trong một trại nuôi lợn ở bang Washington, Mỹ xảy ra một vụ bắn quái vật chân to. Một con quái vật chân to cao hơn 2 mét, nặng tới 200 kilô, lông màu xám đang ở trong chuồng lợn. Chủ nông trại và người gác đêm sau khi phát hiện ra đã lập tức bắn về phía nó. Sau khi bị trúng đạn, con vật này gầm rú dữ dội, giãy giụa bỏ chạy, trên mặt đất còn lưu lại vết chân lớn của nó. Con quái vật chân to đã giết chết 5 con lợn.

Trong khoảng bốn mươi năm trở lại đây, quái vật chân to ngày càng thu hút sự chú ý của các nhà khoa học. Các nhà khoa học cũng đã có được hàng nghìn mô hình dấu chân của "Quái vật chân to" bằng thạch cao, thậm chí còn có người chụp được ảnh của con vật này. Quái vật chân to có chiều cao trung bình là 2,3 m, có con có thể cao đến 3 m, thấp nhất cũng là 1,8 m, cân nặng của chúng khoảng 300 kg, có thể đứng thẳng đi lại trên hai chân. Hình dáng của chúng rất giống con người, lông màu nâu, có con lông màu xám, đen hoặc trắng.

Có nhà khoa học cho rằng, quái vật chân to là một loại vượn hai chân hình thể to lớn, chúng thường hoạt động đơn lẻ về đêm. Chúng có vai rộng, cổ ngắn, mặt bẹt, mũi to, và tẹt; trán trước lệch, hình dạng giống như mô hình người vượn cổ mà chúng ta nhìn thấy trong viện bảo tàng lịch sử. Người vượn đã tuyệt chủng từ vài chục nghìn năm trước, ít nhất cho đến ngày hôm nay trên sách vở đều nói như vậy. Vậy thì quái vật chân to và loài người có quan hệ như thế nào với nhau? Chúng thuộc loài động vật nào?

Trên dãy núi Himalaya hùng vĩ cũng có những truyền thuyết về sự ẩn hiện của người thú. Những người dân vùng núi này gọi những động vật hình người sống ở vùng núi tuyết là người tuyết – "Chieti". Theo những người dân đã từng nhìn thấy người tuyết kể lại: trên cơ thể họ là một bộ lông dài màu đỏ sậm, trước ngực có những đốm trắng, tóc xõa ngang vai, cơ thể vạm vỡ, miệng to, cơ bắp phát triển. Đỉnh đầu hình nón, hình dạng giống như người vượn, có thể đứng thẳng bằng hai chân. Năm 1995, có người ở trên vùng núi tuyết cách mặt nước biển 6000 mét trên dãy Himalaya đã phát hiện thấy dấu chân người tuyết. Vì vậy viện Khoa Học Trung Quốc đã cử nhân viên nghiên cứu đi tiến hành điều tra. Tối ngày 20 tháng 5, người phiên dịch dân tộc Tạng của đoàn khảo sát đã phát hiện thấy một người tuyết đang đi từ hẻm núi lên đỉnh núi, toàn thân là lớp lông dài. Anh ta bắn hai phát đạn nhưng do trời tối, hai phát đạn đều không trúng. Ngày 24 tháng 6, người trong đoàn khảo sát đã phát hiện một con bò Tây Tạng nằm chết trên mặt đất ở thung lũng sông Kama. Đoàn khảo sát phân tích con bò này rất có khả năng bị người tuyết cắn đứt cổ họng và hút máu. Thành viên đoàn khảo sát còn tìm thấy một sợi lông màu nâu dài khoảng 15,6 cm gần thi thể con bò. Đoàn khảo sát mang sợi lông này về Bắc Kinh làm hóa nghiệm và phát hiện nó không giống lông của loài bò Tây Tạng, tinh tinh, gấu hay khỉ, tuy vậy cũng không thể dựa vào đây mà khẳng định nó là lông của người tuyết.

Ở Mỹ người thú được gọi là "quái vật chân to" vì dấu chân nó để lại to hơn gấp nhiều lần dấu chân của con người. Người Ấn Độ và người Nepal gọi là người tuyết vì chúng thường xuyên ẩn hiện ở những vùng núi tuyết. Tại Nga và Mông Cổ, người thú được gọi là "Almas", người Australia gọi là "Yowie hey"... Từ đó, có thể thấy tung tích của người thú xuất hiện trên khắp thế giới.

Hiện nay, các nhà khoa học của nhiều nước trên thế giới bao gồm cả các nhà khoa học Trung Quốc đang ngày đêm tìm kiếm và nghiên cứu về người thú không biết mệt mỏi. Họ cho rằng điều tra rõ sự thật về người thú có thể cung cấp những căn cứ khoa học cho nguồn gốc ra đời của loài người, làm phong phú thêm lịch sử phát triển của loài người. Theo những hóa thạch mà chúng ta có được thì thời gian mà con người phân hóa ra từ người vượn cổ ít nhất cũng hơn 10 triệu năm trước. Tuy nhiên cho đến nay chúng ta vẫn chưa tìm ra loài động vật ở giữa vượn cổ và con người, không phải người mà cũng không phải vượn là loài động vật nào? Nếu người thú đúng là loài động vật cao cấp hơn người vượn cổ nhưng lại thấp hơn so với loài người thì chẳng phải đã có thể liên kết được quá trình phát triển của con người hay sao?

Cũng có một số người cho rằng thứ được gọi là người thú chẳng qua chỉ là trò đùa của một số người, là loài động vật do người ta sáng tạo ra mà thôi. Tuy nhiên, các nhà khoa học chỉ ra rằng những tung tích dấu chân của người thú có thể là giả nhưng không thể làm giả tất cả các dấu chân, cũng không thể cứ mãi đi vào các khu rừng nguyên sinh rồi những ngọn núi tuyết cheo leo để làm giả dấu chân của người thú. Họ nhận định người thú là sự thực tồn tại khách quan.

Có người cho rằng người thú chẳng qua chỉ là những ngộ nhận về loài tinh tinh, gấu hay một loài động vật nào đó. Tuy nhiên chúng ta không thể coi tất cả những báo cáo có liên quan về việc tận mắt nhìn thấy người thú đều là nhầm lẫn. Bởi vì rốt cuộc những đặc trưng của người thú cũng khác xa với các loài động vật như tinh tinh và gấu, chúng rất giống người vượn cổ. Chúng có lông dài, gần giống người vượn cổ, đây là điều mà tinh tinh không có được. Dấu chân của chúng to hơn loài vượn, hình dáng có những nét giống người và vượn. Đây đều là những đặc trưng mà tinh tinh hay gấu không có được.

Có nhà khoa học lại cho rằng người thú là một loài vượn mà con người chưa phát hiện ra vì chúng có hành động giống con người, lại ẩn nấp ở những nơi vắng bóng con người. Vì vậy, những người nhìn thấy người thú ở những nơi như những khu rừng nguyên sinh đều hoang mang sợ hãi, thậm chí còn tạo thành ảo giác, cộng thêm với những tưởng tượng sau khi sự việc xảy ra. Điều đó càng làm cho người thú càng thêm phần thần bí.

Bí ẩn về người thú đến nay vẫn là một trong những bí ẩn tự nhiên mà con người chưa giải thích được. Trong tương lai, bí ẩn này sẽ được làm rõ trước công chúng. Các bạn trẻ có can đảm đi khám phá những bí ẩn của tự nhiên trong tương lai sẽ có cơ hội đích thân tham gia vào công tác khảo sát và nghiên cứu để giải đáp câu đố này.



7. SỰ SĂN MỒI VÀ SINH TỒN CỦA ĐỘNG VẬT

Tôi đã từng đến thăm trại nuôi hổ Đông Bắc nổi tiếng của thành phố Hải Lâm tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc. Trại nuôi hổ này nằm trong rừng thuộc vùng ngoại ô thành phố Hải Lâm, bao quanh bốn mặt đều là những dãy núi. Năm đó, câu chuyện về người trinh sát anh hùng Dương Tử Vinh bắt giữ bọn thổ phỉ trên núi được diễn ra tại đây. Hiện nay, trong trại nuôi hổ có hơn 70 con hổ. Do vấn đề kinh tế gặp nhiều khó khăn nên có rất nhiều con hổ luôn trong tình trạng đói. Đoàn thanh niên thành phố Bắc Kinh từng tổ chức quyên góp để cứu những con hổ Đông Bắc này tại trung tâm mua bán Seth. Có lẽ những người bạn nhỏ của chúng ta sẽ thắc mắc, nếu không nuôi được thì tại sao người ta không thả những chú hổ Đông Bắc này về rừng?

Chúng ta thử tưởng tượng xem sau khi những con hổ Đông Bắc này quay trở về rừng sâu thì việc đầu tiên chúng làm là gì? Đương nhiên là tìm kiếm thức ăn. Hổ là loài động vật ăn thịt, dê núi, gà rừng, thỏ rừng và hươu bào được coi là món ăn yêu thích của hổ. Tuy nhiên do con người săn bắt bừa bãi từ nhiều năm nay, những động vật hoang dã này đang ngày càng hiếm đi. Một khi những con hổ Đông Bắc được thả về rừng thì chúng cũng sẽ nhanh chóng bị chết vì đói. Cảnh ngộ của những chú hổ Đông Bắc khiến cho chúng ta nghĩ đến sư tử và ngựa vằn trên thảo nguyên Châu Phi rộng lớn.

Nếu có người hỏi giữa ngựa vằn và sư tử con nào nguy hiểm hơn? Chúng ta sẽ không do dự mà đáp rằng: sư tử. Nếu xét trên khía cạnh sức mạnh thì một con ngựa vằn có khỏe đến đâu cũng vẫn sợ một con sư tử con. Tuy nhiên, đôi khi sư tử cũng bị ngựa vằn áp chế. Khi một bầy sư tử không ngừng săn bắt ngựa vằn, số lượng ngựa vằn nhanh chóng giảm dần dẫn đến việc kiếm ăn của chúng trở nên khó khăn. Những con sư tử gầy yếu trong bầy đàn sư tử không chịu nổi đói khát sẽ từ từ chết. Vì vậy, số lượng sư tử giảm dần. Từ đó ta thấy, sư tử cũng không

nguy hiểm hơn ngựa vằn là bao nhiêu. Ví như một ngày nào đó ngựa vằn bị sư tử ăn thịt hết thì liệu sư tử có còn tồn tại được hay không?

Ở Nhật Bản người ta thường nói chuột chũi không bao giờ có thể nhìn thấy mặt trời, cứ nhìn thấy mặt trời là chết ngay. Bởi vì chuột chũi sống ở dưới đất nhưng người ta vẫn thường thấy chúng chết trên mặt đất. Ở Anh, có người nói chuột chũi sẽ chết ngay khi có sấm, nhất là sấm vào mùa thu. Thật ra chúng ta cần phải lí giải sự nhầm lẫn này, chỉ cần hiểu rõ thói quen kiếm mồi của chuột chũi thì chúng ta có thể hiểu được. Chuột chũi chỉ dài khoảng 10 centimet nhưng sức ăn của nó lại làm cho chúng ta phải kinh ngạc. Một con chuột chũi một ngày có thể ăn hết số thức ăn bằng với trọng lượng cơ thể nó. Thức ăn chủ yếu của chuột chũi là giun đất, côn trùng các loại. Nếu vượt quá mười mấy tiếng đồng hồ không có thức ăn thì chúng sẽ chết đói. Do chuột chũi phải đào hang tiêu hao rất nhiều năng lượng nên chúng phải dùng rất nhiều thời gian để tìm côn trùng ăn. Phân tích như vậy chúng ta sẽ không khó tìm ra đáp án. Phần lớn chuột chũi chết trên mặt đất là do bị chết đói, đặc biệt khi đến thu đông. Vào thời điểm này, các loài côn trùng, giun đất đều biến mất không có tung tích. Những con chuột chũi không dự trữ đủ thức ăn sẽ có kết cục như trên. Vì thế chuột chũi chết không phải do ánh nắng mặt trời cũng không phải bị sấm đánh chết. Sự sinh tồn của động vật có liên quan chặt chẽ đến việc kiếm mồi của chúng.

Thuộc họ hàng chuột chũi còn có chuột chù, hình dạng giống chuột nhưng không phải là chuột. Chúng cũng giống như chuột chũi bận bịu cả ngày, đi khắp nơi tìm kiếm thức ăn. Chúng ăn ấu trùng của các loài côn trùng, ốc sên, giun đất v.v... đôi lúc còn bắt cả những con chuột có kích thước to hơn chúng. Vào mùa thu đông, thức ăn khan hiếm, không ít chuột chù không tìm được thức ăn liền bị chết đói. Điều này vừa hay cho thấy tuổi thọ của chuột chù chỉ có một năm, đây là kết quả mà tự nhiên đã sắp xếp. Điều kiện tự nhiên làm hạn chế tuổi thọ của chuột chù.

Đối tượng, phương thức kiếm mồi cũng quyết định không gian sinh tồn của các loài động vật. Ví dụ như sư tử sống trên thảo nguyên, còn hổ thì sống trong rừng núi. Mặc dù chúng cùng săn bắt những động vật ăn cỏ nhưng những động vật ăn cỏ trên thảo nguyên và trong rừng không giống nhau. Sự khác nhau về thức ăn cũng làm cho hình dạng của những động vật này có những điểm khác biệt

tương đối lớn. Hươu cao cổ ăn lá cây, theo thời gian cổ của chúng cũng càng ngày càng dài ra một cách đặc biệt để có thể cung cấp máu lên não, tim của chúng cũng trở nên vô cùng khỏe, cấu tạo cũng rất đặc biệt.

Có hai loại tê giác Châu Phi là tê giác trắng và tê giác đen. Mồm tê giác trắng giống hà mã, bẹt, có thể ăn cỏ trên mặt đất giống như một cái máy cắt cỏ vậy. Mồm tê giác đen lại giống hình tam giác, môi trên duỗi dài giống mũi, có thể gặm cành cây và lá cây. Đối tượng thức ăn khác nhau khiến cho hình dạng của hai loài tê giác này khác nhau. Do phương thức và đối tượng kiếm mồi khác nhau nên tê giác đen thích sống ở nơi có những bụi cây, tê giác trắng lại thích đồng cỏ.



Tê giác đen



Tê giác trắng

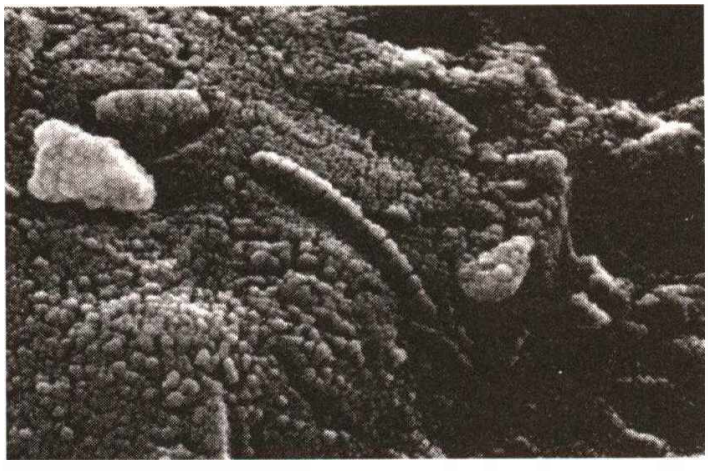
Mối quan hệ giữa sinh tồn và khả năng kiếm mồi của những loài động vật này làm chúng ta nghĩ đến nhiều năm trở lại đây, do hoạt động của con người phá hủy nghiêm trọng đến môi trường sống của những loài động vật hoang dã, khiến cho chúng khó có thể sống được. Nguồn thức ăn của chúng cũng dần dần bị con người phá hoại. Những động vật hoang dã không tìm được thức ăn chỉ có một kết cục duy nhất là chết vì đói. Cho đến nay, chúng ta vẫn chưa hoàn toàn hiểu rõ được quy luật sinh tồn và bản năng kiếm mồi của các loài động vật hoang dã. Điều này càng làm cho chúng ta phải nâng cao ý thức bảo vệ tự nhiên, giảm bớt những hủy hoại do hoạt động của con người gây ra, khiến các loài động vật hoang dã đáng yêu cũng có một tương lai tốt đẹp như con người vậy. Có nhà khoa học cho rằng giữa con người và động vật tồn tại mối quan hệ dựa vào nhau, một khi động vật hoang dã bị tuyệt chủng có lẽ con người cũng sẽ đi vào con đường tương tự, bảo vệ động vật hoang dã chính là bảo vệ loài người chúng ta.



8. NHỮNG SINH VẬT NGỦ TRONG NHAM THẠCH

Trên thế giới thường xảy ra những việc quái lạ ngoài dự đoán của chúng ta. Có những chuyện khiến cho con người hết sức kinh ngạc. Có những chuyện khiến người ta không thể nào lý giải được. Và cũng có những câu chuyện mà cho đến nay con người vẫn không tìm được cách giải thích hợp lý. Những sự thực mà chúng ta sẽ nói dưới đây cũng sẽ khiến bạn đặt ra rất nhiều câu hỏi vì sao.

Năm 1972, một học giả người Nga – Judin Lyapunov khi đang làm việc trong phòng thí nghiệm ở mỏ khoáng sản Kali tại dãy núi Ural đã vô tình phát hiện thấy loài sinh vật sống cổ nhất thế giới. Khi đó, ông đem một miếng quặng Kali đun trong nước chưng cất để tìm ra nguyên nhân tại sao đá Kali lại có màu đỏ. Một lúc sau, ông phát hiện thấy trên miếng quặng được phân giải ra có một số hạt rất nhỏ bắt đầu tách khỏi miếng quặng. Ông dùng kính hiển vi quan sát thấy có vô số vi sinh vật đang sống khiến ông cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Mấy ngày sau, ông lại quan sát nước ở trong bình và phát hiện có rất nhiều sinh vật đang sống ở trong nước. Những vi sinh vật này sống lại do ngâm trong nước đồng thời chúng đang bắt đầu sinh sôi nảy nở với số lượng lớn. Những sinh mạng nhỏ bé này đã ngủ trong tinh thể quặng Kali hai trăm năm mươi triệu năm.



Vi khuẩn trong nham thạch

Nhiều năm trước, khắp nơi trên Trái Đất đều có người phát hiện thấy động vật ngủ bên trong nham thạch. Năm 1853, một người Mỹ ở bang New Mexico – Houghton đã phát hiện thấy một con cóc gai còn sống trong một hòn đá. Sau đó, Houghton đem con cóc gai tặng cho một viện bảo tàng nổi tiếng ở Washington. Đáng tiếc là sau khi được tự do, con cóc gai chỉ sống được hai ngày.

Năm 1865, một thị trấn ở quận Duane nước Anh đang sửa một công trình cấp nước. Khi công nhân xây dựng đang đào đất thì phát hiện một con cóc sống ngủ trong một viên nham thạch xám dưới mặt đất 7 mét nhảy ra. Con cóc đã để lại một cái lỗ có kích thước tương đương với cơ thể nó trong hòn nham thạch mà nó ẩn mình, hình dạng giống nhau y hệt. Mắt của con cóc rất sáng. Khi nhảy ra từ hòn nham thạch, nó tỏ ra sức sống đang rất dồi dào. Khi mới bị phát hiện, dường như nó đang cố gắng để hô hấp nhưng rất khó khăn và không ngừng phát ra tiếng kêu "cục cục". Sau khi kiểm tra kỹ, người ta thấy miệng của nó hoàn toàn khép chặt, tiếng kêu trên phát ra từ lỗ mũi của nó. Chân trước của con cóc cong vào phía trong, chân sau rất dài, không giống với những con cóc hiện nay ở Anh. Lúc mới đầu con cóc này có màu trắng xám, gần như không phân biệt được với màu của hòn đá nham thạch, ít lâu sau liền chuyển thành màu xám sậm, sau đó chuyển thành màu vàng nâu rõ rệt. Sau khi nghiên cứu, các nhà địa chất cho rằng con cóc này đã sống ít nhất 6000 năm. Nó đã ngủ trong hòn đá nham thạch như thế nào? Tại sao cuộc sống của nó có thể kéo dài lâu đến vậy?

Năm 1852, một vài công nhân ở quận Derby nước Anh khi khai thác quặng đã đào được một miếng quặng lớn cách mặt đất 4 mét. Do miếng quặng khá to, hai người bê không nổi nên họ đành phải đục nó ra. Trong cái "hang động" nhỏ nằm chính giữa miếng quặng đột nhiên nhảy ra một con cóc sống. Đường kính của cái "hang" chỉ có bảy đến tám centimét, không to hơn cơ thể của con cóc là bao, xung quanh còn tích lại một tầng canxi cacbonnat kết tinh. Có lẽ con cóc không thể thích ứng được với môi trường mới nên không lâu sau nó chết.

Vào những năm 1835, khi nước Anh đang sửa chữa đoạn đường sắt từ Luân Đôn đến Birmingham. Những người công nhân làm đường cũng phát hiện ra một con cóc sống trong một mảnh nham thạch vỡ nát. Các công nhân đang dọn dẹp một tầng sa thạch đỏ dày khoảng 1m, khi mọi người đang khiêng một miếng nham thạch chuẩn bị bê lên xe do mảnh nham thạch đó quá nặng nên đã rơi

xuống đất, vỡ thành những miếng nhỏ. Những người công nhân phát hiện ra một cái lỗ trong mảnh nham thạch, một con cóc sống đang bò ở trong đấy. Ban đầu cơ thể con cóc có màu vàng nâu nhưng chưa đầy 10 phút sau thì nó biến thành màu đen. Có lẽ do chịu bó buộc về môi trường sống nên con cóc này có thân hình bé hơn những con cóc bình thường khác nhưng hết sức khỏe mạnh. Có thể do mảnh nham thạch rơi xuống đất làm cho phần đầu của con cóc bị tổn thương. Nó liên tục thở dốc. Những người công nhân cẩn thận đặt con cóc vào cái lỗ ban đầu, đồng thời lấy bùn lấp cái lỗ lại. Tuy nhiên, bốn ngày sau con cóc chết.

Điều khiến cho người ta phải kinh ngạc là, những sinh vật ẩn mình trong các mảnh nham thạch đều đã hóa thạch, nhưng một khi nhìn thấy ánh sáng mặt trời thì chúng lập tức lại sống lại. Năm 1818 một nhà nghiên cứu địa chất người Anh đã gặp phải chuyện như sau. Một lần, khi ông đang tìm kiếm hóa thạch ở một mỏ quặng đã phát hiện thấy một số rồng đất và nhím biển đã trở thành hóa thạch, trong đó 3 con rồng đất được bảo tồn nguyên vẹn. Ông hết sức cẩn thận đưa 3 con rồng đất này ra khỏi miếng nham thạch. Khi ông đưa 3 con rồng đất hóa thạch ra chỗ có ánh nắng mặt trời để quan sát, ông vô cùng kinh ngạc thấy mấy con rồng đất này đã sống lại. Rất nhanh sau đó, hai trong số ba con đã chết, con còn lại xem ra rất có sức sống. Thế là nhà nghiên cứu địa chất này bèn bỏ chúng vào trong hồ nước nhưng đáng tiếc khi con rồng đất này vừa xuống nước đã lặn mất tăm. Theo lời nhà nghiên cứu này kể lại những con rồng đất này không giống với giống rồng đất hiện nay. Đó là một loài đã tuyệt chủng, trước kia chưa từng phát hiện thấy.

Việc phát hiện con cóc sống các mảnh nham thạch dưới đất không chỉ có ở Anh mà còn xảy ra ở Pháp. Năm 1851, một công nhân ở Blois Pháp khi dùng cuốc chim để đập vỡ một hòn đá nặng khoảng 7 kg đã phát hiện một con cóc sống đang ẩn mình trong đó. Ai ngờ con cóc này vừa được tiếp xúc với không khí liền lập tức nhảy ra ngoài. Người công nhân bèn đem con cóc đặt lại vào lỗ trong hòn đá. Sau đó đem hòn đá đó đến tặng cho cơ quan khoa học địa phương để nghiên cứu. Trong quá trình nghiên cứu, hòn đá được đặt trên một mảng rêu xanh ở trong phòng tầng hầm. Nếu mở hòn đá ra trong bóng tối thì con cóc sẽ ngoan ngoãn bò trong đó. Tuy nhiên, nếu trong phòng có một tia sáng là nó sẽ bò ra. Nếu đặt nó vào trong lỗ nó sẽ tự động bò vào lỗ, co bốn chân vào bên dưới cơ thể. Cái lỗ rỗng trong hòn đá to bằng cơ thể của con cóc. Con cóc đặt đầu trên hòn đá đến nỗi để lại vết trên đó.

Điều khiến cho người ta kinh ngạc hơn là, một con thằn lằn bay – loài động vật đã tuyệt chủng hơn một trăm triệu năm trước vẫn còn một con sống cho đến thời cận đại. Mùa đông năm 1856, một đoàn công nhân người Pháp đang tu sửa một đường hầm trên đoạn đường sắt từ Saint Mansuy đến Nancy. Trong một hang đá nửa sáng nửa tối, họ phát hiện ra một con quái vật loạng quạng chạy ra khỏi mảnh đá nham thạch xám một trăm triệu năm trước mà họ vừa mới đập ra. Nó vỗ vỗ hai cánh, phát ra tiếng kêu inh tai, sau đó ngã lăn trên mặt đất chết. Hai cánh của con quái vật này mở rộng ra dài hơn 3 m, bốn chân có màng da dính liền giống như con dơi; ngón chân có móng vuốt dài, mồm có hai hàm răng sắc nhọn, da màu đen, vừa dày vừa trơn. Khi đó, có một sinh viên học về sinh vật học cổ biết tin và nhanh chóng tìm đến hiện trường. Anh ta vừa nhìn thấy con quái vật này đã đoán ngay đây là loài thằn lằn bay đã tuyệt chủng cách đây một trăm triệu năm về trước. Anh ta phát hiện niên đại của mảnh nham thạch trong đường hầm và niên đại sinh tồn của con thằn lằn bay này là hoàn toàn khớp nhau. Hơn nữa trong mảnh nham thạch mà con thằn lằn bay trú ẩn còn phát hiện thấy một cái lỗ trống, có kích thước hoàn toàn bằng với cơ thể con thằn lằn bay.

Việc có được con thằn lằn bay rồi lại để mất thực sự đáng tiếc, nếu không chúng ta sẽ có được rất nhiều đáp án về bí ẩn của tự nhiên. Hiện nay, chúng ta chỉ có thể lần theo những dấu vết hóa thạch và những manh mối khác để nghiên cứu về những loài động vật từ thời thượng cổ và môi trường tự nhiên ban đầu của chúng. Điều khiến cho chúng ta hứng thú là mỗi một loài động vật ẩn nấp trong những mảnh nham thạch đều có những trải nghiệm thú vị khi chúng bị nhốt vào đó, điều này chúng ta chỉ có thể tưởng tượng mà thôi.

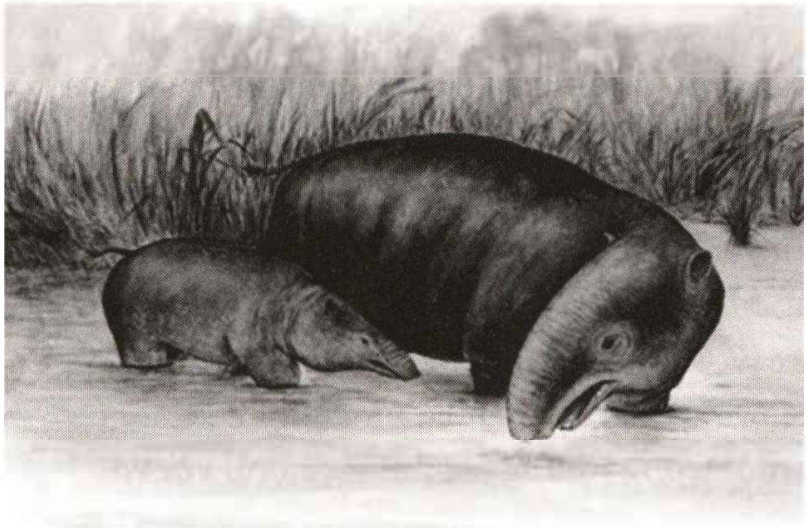


9. XIN CHÀO BẠN VOI

Trên mặt đất, voi là loài động vật to lớn nhất. Voi cũng là loài động vật được trẻ em rất yêu thích nhất. Chúng không chỉ thông minh, hiểu tính người mà còn chăm chỉ cần cù. Sau khi trải qua huấn luyện, chúng có thể làm rất nhiều việc cho con người. Chúng ta đều đã từng được nghe nhiều câu chuyện lý thú có liên quan đến loài voi. Có một câu chuyện kể rằng loài voi trước khi chết đều tự mình đi đến một nghĩa trang bí mật mà tổ tiên để lại, không ai có thể tìm được nghĩa trang này. Điều này cũng lý giải một trong những hành vi khó hiểu của loài voi. Có một câu chuyện cổ tích khi giải thích về nguyên nhân tại sao vòi voi lại dài như vậy cho rằng là vì khi voi uống nước ở bên bờ hồ bị cua kéo dài ra. Loài voi cũng "thù dai" với những người vô cớ làm hại chúng, chúng sẽ vô cùng phẫn nộ đi tìm người đó để báo thù. Hành vi này không giống với những động vật bình thường khác. Voi rất thông minh, trải qua nhiều năm nghiên cứu, chúng ta mới hiểu rõ đôi chút về loài voi. Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa hiểu được về việc tại sao chúng lại hành động có kỷ luật như vậy và mối quan hệ của chúng trong bầy đàn.

Tại sao voi lại có vòi dài đến như vậy?

Các nhà động vật học cho biết, vài chục triệu năm trước, vòi voi không dài như vậy, hơn nữa thân hình chúng cũng không to lớn như bây giờ. Loài voi này chính là tổ tiên của loài voi Châu Á và loài voi Châu Phi hiện nay. Loài voi xuất hiện cách đây 40 triệu năm trước có kích thước thân mình gần giống như loài lợn rừng và loài lợn mũi vòi mà chúng ta nhìn thấy ở trong vườn bách thú.



Voi cổ đại

Trải qua nhiều năm thay đổi, thân hình của loài voi bắt đầu trở nên to dần. Tổ tiên trực tiếp của loài voi hiện nay là loài xuất hiện cách đây 20 triệu năm trước. Lúc đó trên bề mặt các lục địa trên Trái Đất được che phủ bởi một vùng thảo nguyên rộng lớn, loài ngựa hoang và bò hoang chạy trên các thảo nguyên lớn. Loài voi cũng thuộc giống động vật ăn cỏ, không thể không cạnh tranh với các loài đó để tranh giành không gian sống. Trong môi trường sống đó, ngoài cỏ ra, voi còn chọn những thức ăn khác là vỏ cây, lá cây tương đối cứng. Tuy nhiên, tiêu hóa thức ăn, hấp thụ thức ăn và sống dựa vào nguồn thức ăn thiếu chất dinh dưỡng lại rất có lợi cho việc duy trì hình thể tương đối lớn của loài voi.

Cái đầu to dài và bốn chi to khỏe rõ ràng không thuận tiện cho việc gặm cỏ dưới mặt đất của loài voi. Điều đó có nghĩa là đối với những loài động vật ăn cỏ có thân hình to lớn, một cái miệng dài hay là một "cánh tay" có thể cử động một cách mềm mại, thoải mái là không thể thiếu. Thế nên trong quá trình tiến hóa lâu dài, môi trên và mũi của loài voi hợp thành một, đồng thời cũng không ngừng duỗi dài ra trở thành cái vòi dài và cử động thoải mái như hiện nay.

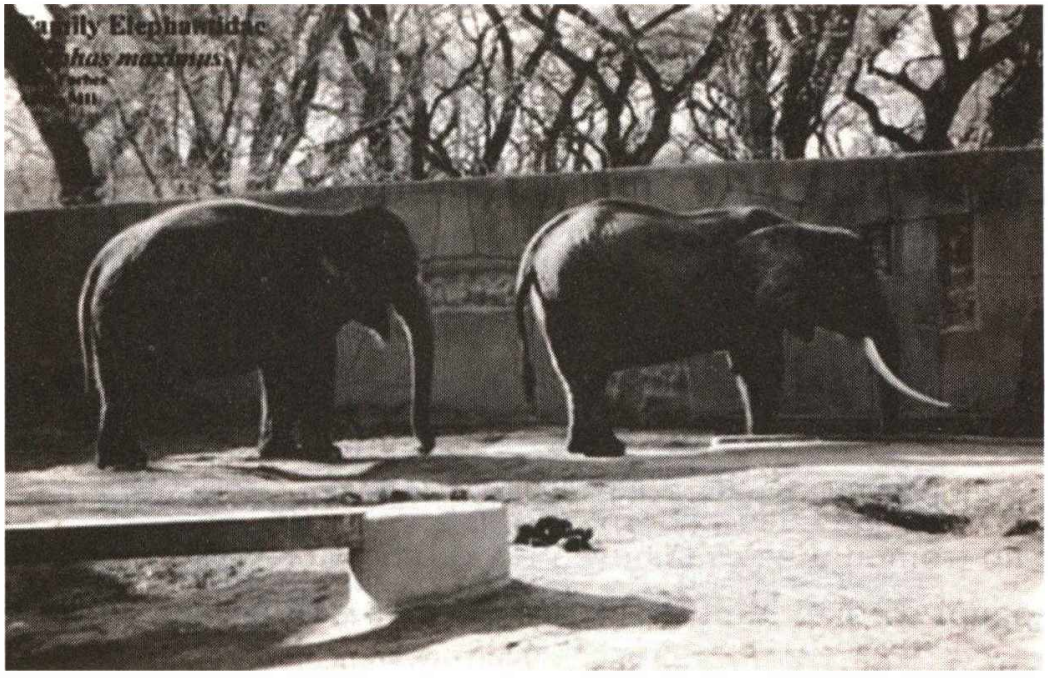
Giữa các con voi có mối liên hệ rất mật thiết. Có người từng nhìn thấy trường hợp hai con voi kẹp một con voi khác bị thương ở giữa, dìu nó đi. Điều đó chứng tỏ một cách hình tượng "mối liên hệ xã hội" của loài voi vững chắc như thế nào. Xã hội của loài voi cơ bản là xã hội mẫu hệ, tổ chức bầy đàn chủ yếu do voi mẹ, các voi chị em và voi con tạo thành. Những con voi đực sau khi trưởng thành sẽ tách ra khỏi bầy đàn hoặc gia nhập vào một bầy đàn tạm thời khác do voi đực hợp thành hoặc sinh sống độc lập. Trong hệ thống xã hội như vậy, việc quen biết lẫn

nhau giữa những con voi riêng lẻ là vô cùng quan trọng. Bên cạnh đó, để có thể quen biết thì chúng nhất định phải truyền tin cho nhau. Để có thể truyền thông tin cho nhau voi dùng rất nhiều cách, ví dụ như dùng vòi, tai to, đầu, đuôi... để làm ra đủ mọi tư thế truyền tín hiệu thị giác; từ họng, vòi phát ra các âm thanh truyền đi tín hiệu thính giác. Tín hiệu thính giác phân ra làm hai loại: tiếng gầm và âm thanh giống như tiếng kèn phát ra từ mũi. Loài voi có thể phát ra tín hiệu âm thanh thấp tần với tần số rất nhỏ để có thể tiến hành liên lạc với nhau ở khoảng cách xa. Khứu giác nhạy bén của loài voi có thể giúp chúng giao tiếp với nhau, đây cũng là một trong những tác dụng của cái vòi voi.

Đối với khứu giác không nhạy bén lắm của con người thì có lẽ rất khó hiểu được tầm quan trọng của tín hiệu khứu giác đối với việc sinh tồn. Tuy vậy, chúng ta chỉ cần quan sát hành vi của loài voi là có thể có được những bằng chứng gián tiếp để nhận biết tầm quan trọng này. Chúng ta chăm chú quan sát sẽ phát hiện khi loài voi di chuyển và đứng im, cái vòi của chúng không ngừng đung đưa qua lại. Đây chính là lúc loài voi dùng cái vòi của mình thu thập các tín hiệu về mùi từ khắp các phương hướng.

Nếu hai con voi quen biết nhau gặp nhau, vòi của chúng sẽ bắt đầu trở nên bận rộn. Nó chạm vào vòi, mồm, mắt, tai, chân và cơ thể của con voi đối phương. Phía trước vòi của loài voi là những chiếc lông mảnh có cảm giác nhạy bén. Các nhà khoa học cho rằng đây là cách để chúng xác nhận "khuôn mặt" của đối phương. Đương nhiên chúng cũng dùng vòi để nhận biết mùi của đối phương. Các nhà khoa học khi nghiên cứu phần đầu vòi voi đã phát hiện ra vị trí tuyến nội tiết đặc biệt có tác dụng trong việc liên lạc giữa loài voi với nhau. Tuyến này có thể tiết ra một chất có mùi đặc biệt. Trong loại tuyến nội tiết này, quan trọng nhất là tuyến đầu nằm ở huyệt thái dương. Trong những tấm ảnh chụp về loài voi, chúng ta có thể nhìn thấy một đốm nhỏ giống như giọt mồ hôi trên huyệt thái dương của chúng, đây là chất tiết ra của tuyến đầu. Điều thú vị là, người cổ đại cũng đã chú ý đến tuyến đầu của loài voi, trong những bức tranh vẽ voi ma mút mà người cổ đại vẽ trong các hang động, trên phần đầu của nó cũng có thể thấy rất rõ vết tích của loại chất tiết ra này.

Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy chất tiết ra ở tuyến đầu loài voi đực Châu Á. Còn đối với loài voi Châu Phi, bất kể là con đực hay con cái, trưởng thành hay còn bé chất tiết ra từ tuyến đầu chúng đều rất rõ rệt.



Voi châu Á (trái) - Voi châu Phi (phải)

Nếu một con voi lạ nào đó đi lại gần bầy đàn voi thì thủ lĩnh của đàn voi sẽ tiết ra chất từ tuyến đầu quệt lên trên cây cối và các vật khác để cảnh cáo những "kẻ lạ mặt". Chúng ta cũng có thể giải thích ý nghĩa của những hành vi này là định ra "phạm vi thế lực". Còn đối với những con voi lạ, chúng tỏ ra rất hung dữ với những cái cây có thứ chất tiết ra từ tuyến đầu, thậm chí đến mức tấn công những cái cây này.

Khi những con voi hưng phấn hay căng thẳng, chất này sẽ tiết ra nhiều hơn. Khi những con voi con chơi đùa cũng sẽ xuất hiện thứ chất này. Đối với từng con voi, thành phần của chất này cũng không giống nhau. Vì vậy, thông qua việc phân biệt các mùi khác nhau, voi có thể nhận biết được nhau.

Loài voi có thể dùng cái chân to như cái cột đình của mình để giẫm chết một con sư tử hay một con hổ, quả không hổ danh là loài động vật to nhất, khỏe nhất hành tinh. Loài voi có bản lĩnh đặc biệt, thông qua việc trao đổi thông tin với nhau chúng có thể bảo vệ bản thân và bầy đàn không bị làm hại. Chúng ta không thể không ngạc nhiên trước bản lĩnh xuất sắc và trí tuệ thông minh của loài voi. Quả thật, chúng ta phải khẳng định rằng, loài voi và các loài động vật khác có một ý nghĩa rất quan trọng đối với loài người. Chúng ta biết còn rất ít về những loài động vật này, cần phải có những nỗ lực nghiên cứu và tìm hiểu sâu hơn nữa.



10. NGƯỜI KHỔNG LỒ VÀ NGƯỜI TÍ HON

Trong những câu chuyện cổ tích, có rất nhiều câu chuyện kể về người khổng lồ và người tí hon. Những người khổng lồ và tí hon này đều sống ở những nơi mà chúng ta không thể tưởng tượng đến. Vì vậy, chưa từng có ai nhìn thấy họ. Những miêu tả về họ trong những câu chuyện rất khó để mọi người tin trên thế giới tồn tại những người có thân hình cao bằng cây to và những người thấp bé chỉ bằng ngón tay.

Tuy nhiên, các nhà khoa học, thông qua các nghiên cứu khảo cổ, đã phát hiện thấy một vài bằng chứng chứng tỏ rất nhiều năm trước trên thế giới, người khổng lồ và tí hon đã từng tồn tại. Họ không cao hay bé như miêu tả trong các câu chuyện cổ tích mà chỉ cao hơn và bé hơn người thường chúng ta.

Năm 1880, một đoàn các nhà khảo cổ Mỹ đã phát hiện một vài bộ xương người có sừng ở trên đầu trong một ngôi mộ cổ tại bang Pennsylvania nước Mỹ. Ngoài việc phía trên lông mày vài centimet mọc ra một cái sừng, cơ thể người thấy được qua những bộ xương này hoàn toàn không giống với con người về kết cấu, chỉ có thân hình rất cao to, chiều cao của mỗi người đều từ 2 mét trở lên. Các nhà khoa học ước tính họ được chôn cất ở đây từ 1200 năm trước. Đáng tiếc là những bộ xương này đã mất tích sau khi được tặng cho viện bảo tàng.

Năm 1891, vài công nhân đào sông đã phát hiện một bộ xương của người khổng lồ trong một hầm mộ lớn ở bang Ohaio nước Mỹ. Khi còn sống, người khổng lồ này mặc một bộ áo giáp bằng đồng, đỉnh đầu đội một chiếc mũ đồng, hai hàm dùng một vòng tròn bảo vệ xung quanh, hai tay, phía trước ngực và bụng đều được bảo vệ bởi những tấm đồng. Hai bên mũ bảo vệ có sừng làm bằng gỗ bọc đồng. Trong miệng của bộ xương người khổng lồ này có rất nhiều hạt trân châu lớn, trên cổ đeo dây chuyền được làm từ răng gấu khảm trân châu. Bên cạnh bộ xương của người khổng lồ còn có một bộ xương nữ. Suy đoán từ những bộ xương này ta thấy khi còn sống người này cao khoảng 3 m trở lên.



Xương người khổng lồ

Vào năm 1911, một tốp công nhân đào quặng đang đào phân chim để làm phân bón trong một hang núi tại bang Nevada nước Mỹ đã phát hiện một số di chỉ của người Indian cổ. Tiếp theo đó, họ còn phát hiện một bộ xác ướp. Bộ xác ướp có chiều cao khoảng hơn 2 m, có tóc màu đỏ. Theo những truyền thuyết của người Indian hiện nay, tổ tiên của họ đã từng bị đe dọa bởi một bộ tộc người khổng lồ tóc đỏ. Sau đó tất cả các bộ tộc người Indian đã đoàn kết lại đánh đuổi bộ tộc người khổng lồ tóc đỏ. Một kỹ sư khai thác quặng có tên Rider rất có hứng thú với những truyền thuyết của người Indian. Ông muốn làm rõ xem có thực sự tồn tại những người khổng lồ tóc đỏ không. Ông cho rằng những xác ướp đó có thể chứng thực những truyền thuyết của người Indian là đúng. Ông đã dùng nhiều năm nghiên cứu người khổng lồ tóc đỏ và phát hiện trong những chiếc áo dài mà một số ít người Indian mặc, có một vài bộ được làm từ tóc của người khổng lồ tóc đỏ. Việc phát hiện những bộ xác ướp đã gây hứng thú cho các nhà khảo cổ. Họ bèn đến sơn động nói trên để tiến hành khai quật. Nhưng họ chỉ tìm được một số di vật mà không hề tìm được bộ xương nào. Tuy nhiên vài năm sau, tại khu vực mà người ta phát hiện ra xác ướp, lại phát hiện thấy rất nhiều bộ xương của người khổng lồ. Theo kỹ sư Rider và những nhân viên nghiên cứu khác, sau khi đo độ dài xương đùi của người khổng lồ, cho biết những người khổng lồ này cao từ 2.3 m trở lên. So sánh với loài người hiện nay, những người khổng lồ tóc đỏ này cao hơn rất nhiều.

Tại một viện bảo tàng ở bang Nevada – Mỹ, có trưng bày một bộ xương sọ của người khổng lồ. Tất cả những người nhìn thấy bộ xương sọ này đều hết sức kinh ngạc và khó hiểu.

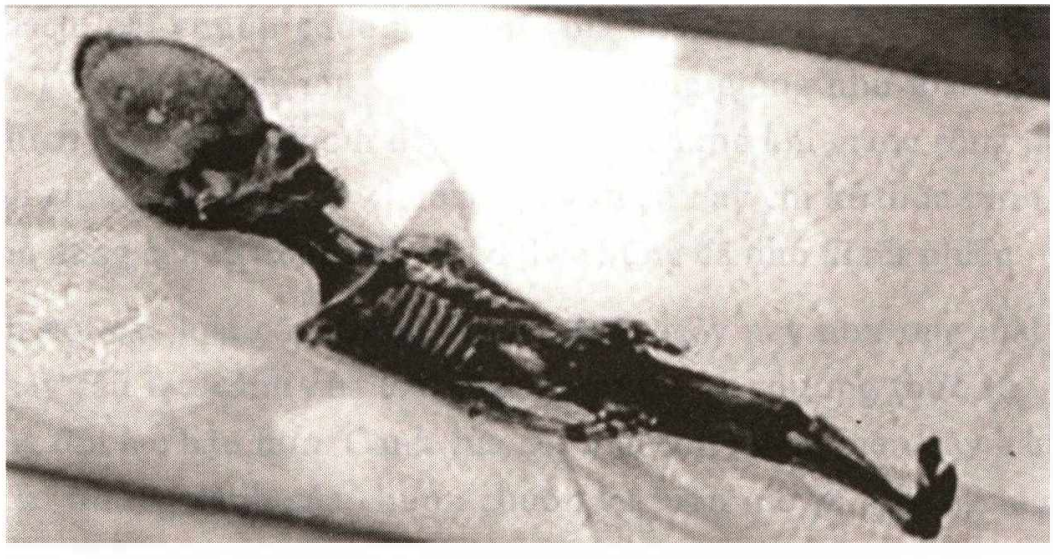
Những phát hiện và chứng cứ có liên quan đến sự tồn tại của người tí hon cũng rất nhiều. Năm 1837, một người đã phát hiện thấy một phần mộ của người tí hon ở bang Ohaio – Mỹ. Bộ xương dài khoảng 1m, được chôn cất trong cỗ quan tài làm bằng gỗ, bộ xương này là của người đã trưởng thành. Do xung quanh bộ xương không phát hiện được bất cứ vật nào vì vậy vẫn chưa thể khẳng định những người này thuộc thời kì văn hóa nào. Từ số lượng mộ, các nhà khảo cổ suy đoán đây là nơi cư trú của một số lượng người lớn.

Năm 1932, một số người đi tìm vàng trong lúc phá đá trong dãy núi Pedro bang Wyoming đã phát hiện một bộ xác ướp. Bộ xác ướp này ngồi bắt chéo chân trong động đá hoa cương, hai tay chồng lên nhau để trên đầu gối rất giống một bức tượng phật. Bộ xác ướp có thể là một người trưởng thành. Da đã bắt đầu có những nếp nhăn, mũi tẹt, trán thấp, mồm rộng và môi mỏng. Điều khó hiểu là anh ta chỉ cao 0.3 m – bằng một con mèo. Các nhà khảo cổ cảm thấy rất ngạc nhiên, giải thích ban đầu của họ là bộ xác ướp này khi còn sống là một người tí hon (những người bé nhỏ bẩm sinh), có thể là tổ tiên của người Indian. Sau khi chết đã được chôn cất một cách đặc biệt. Vài năm sau, một thương nhân đã mua lại bộ xác ướp và đem về New York. Qua sự kiểm nghiệm của các chuyên gia, người ta đoán rằng bộ hài cốt này khi còn sống là của một người già khoảng 65 tuổi. Mà theo những truyền thuyết của người Indian ở bang Wyoming thì bộ tộc người tí hon đã từng tồn tại. Thế là việc phát hiện ra những bộ xác ướp đã khơi dậy hứng thú của mọi người với những truyền thuyết này.

Tại khu vực Breslau và Sobotka của Ba Lan, tương truyền rằng 1000 năm trước ở đây từng là nơi cư ngụ của một bộ tộc người tí hon chỉ cao khoảng 1m. Một vài nhà khoa học sau khi nghiên cứu nhiều di cốt cổ đại đã khẳng định truyền thuyết này có thật. Các nhà khoa học cho rằng, bộ tộc người tí hon này có khả năng đã cư trú tại đây từ 1900 năm trước. Ngoài ra tại một số khu vực khác ở Châu Âu người ta cũng phát hiện thấy những vết tích hoạt động của người tí hon. Tại Thụy Sĩ có một bộ tộc mà chiều cao trung bình của họ chỉ có 0,5 m, đồng thời suy đoán từ bộ xương được phát hiện tại Alsace Pháp thì bộ tộc người tí hon

ở đây chỉ cao có hơn 1m. Tất cả những bộ xương của người tí hon được phát hiện đều không phát hiện thấy hình thù dị dạng, điều đó chứng tỏ chủng tộc của họ sinh ra đã nhỏ bé như vậy chứ không phải mắc thứ bệnh nào cả.

Cuối thế kỷ XIX, dưới lớp than bùn ở vùng đầm lầy tại quận Lancashire nước Anh, người ta đã phát hiện thấy hàng trăm dụng cụ bằng đá. Xét từ phương diện thể tích nhỏ của các dụng cụ này ta thấy, những dụng cụ bằng đá này không giống những dụng cụ mà loài người cổ đại để lại mà chúng giống những vật mà người tí hon thường dùng trong truyền thuyết. Bất kể là dao cắt, dùi hay dao nhỏ hình bán nguyệt đều dài không hơn 2 cm. Trong đó rất nhiều thứ chỉ dài chưa đầy 1 cm. Lẽ dĩ nhiên những dụng cụ bằng đá này không phải dùng để bắt chim vì trong những dụng cụ tìm được không tìm thấy thứ nào giống như mũi tên. Mặc dù dao và dùi có thể lắp thêm cán gỗ nhưng chúng ta lại chưa từng phát hiện ra bất cứ một đồ dùng gỗ nào được khắc hoặc khoan sâu trên đó. Cho dù những dụng cụ này được lắp thêm cán gỗ nhưng chúng quá nhỏ, người bình thường không thể nào sử dụng được. Có người cho rằng những con dao bằng đá này có thể là những dụng cụ tôn giáo được tạo ra mô phỏng theo mặt trăng. Nhưng tại sao chúng lại được đặt cùng những dụng cụ bình thường khác?

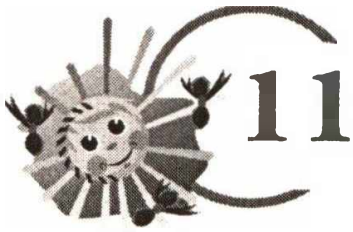


Xương người tí hon

Nếu những dụng cụ bé nhỏ được phát hiện tại quận Lancashire chưa từng được phát hiện thấy ở nơi khác thì câu chuyện này sớm đã bị người ta cho vào quên lãng. Trên thực tế tại một số khu vực khác ở nước Anh như trong khu rừng

quận Devon và hoang mạc Sophocle đều phát hiện thấy những dụng cụ có vẻ như là của người tí hon sử dụng. Ngoài ra, ở những khu vực khác trên thế giới như Ai Cập, Châu Phi, Australia, Pháp và đảo Sicily cũng phát hiện những dụng cụ bằng đá mà chỉ có người tí hon mới có thể dùng. Trong một hang động ở dãy núi Vindhyas Ấn Độ người ta cũng tìm được những con dao nhỏ hình bán nguyệt làm bằng đá và mã não.

Trên thế giới có rất nhiều truyền thuyết có liên quan đến vương quốc của những người khổng lồ và những người tí hon. Tuy nhiên, ngoài những người có thân hình to lớn và những người bẩm sinh đã nhỏ bé thì chúng ta chưa từng nhìn thấy một người khổng lồ hay người tí hon bình thường nào. Có lẽ những người khổng lồ và tí hon này đã tuyệt chủng, chỉ để lại những vết tích ở nơi mà họ từng đi qua. Ngày nay, những nghiên cứu có liên quan đến người khổng lồ và người tí hon vẫn được tiếp tục tiến hành. Chúng ta tin các nhà khoa học sẽ cho chúng ta một đáp án thỏa đáng vào một ngày nào đó.



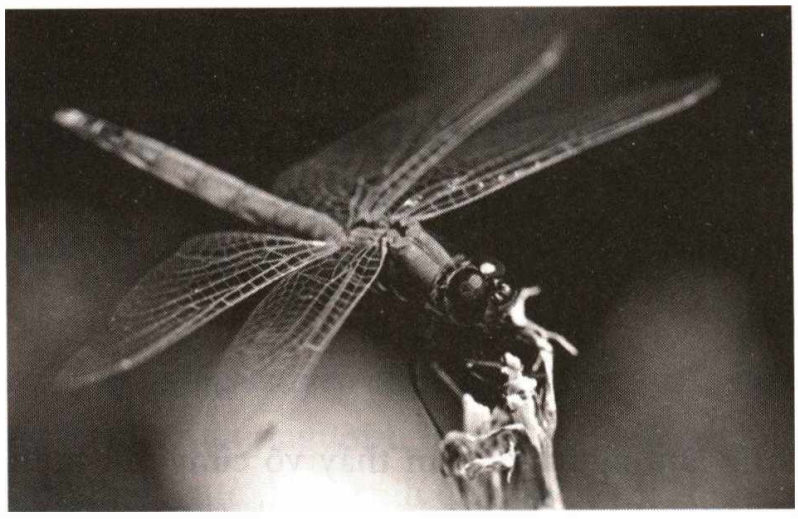
11. CHUỒN CHUỒN SỐNG TRONG THẾ GIỚI ĐẦY ÁNH SÁNG

Trước đây không lâu, người ta cảm thấy vô cùng vui mừng vì đã thực hiện được chuyến bay đầu tiên dựa vào sức người. Nhưng chúng ta không thể nào so sánh được với kỹ năng bay của loài chuồn chuồn.

Thức ăn chủ yếu của chuồn chuồn là côn trùng. Chuồn chuồn được coi là động vật ăn thịt đối với loài côn trùng. Chúng có thể tiếp cận những con ong dại và thiêu thân đang bay từ mặt bên, đồng thời sử dụng vài động tác bay nhanh nhẹn để tóm gọn chúng. Chuồn chuồn dùng đôi hàm trên như một chiếc kìm bằng đồng của mình và chỉ trong nháy mắt nó có thể kẹp vỡ một con ong dại có lớp vỏ cứng như một lớp áo giáp chắc chắn thành nhiều mảnh vụn.

Chuồn chuồn có từ thời cổ đại. Nó tiến hóa từ một loài côn trùng lớn. Hiện nay, hóa thạch loài chuồn chuồn cổ nhất mà chúng ta tìm thấy có từ 300 triệu năm trước. Tổ tiên loài chuồn chuồn khi đó cũng giống như loài chuồn chuồn hiện nay, thích tụ tập bay thành đàn. Cánh của chúng khi giang rộng dài khoảng 1m. So sánh chúng ta thấy loài chuồn chuồn hiện nay chỉ kế thừa hình dạng bên ngoài và khả năng của tổ tiên, kích cỡ cơ thể chúng đã nhỏ đi rất nhiều.

So sánh với các loài côn trùng đã tiến hóa ngày nay như ong mật hay ruồi, chúng ta thấy cấu tạo cánh của loài chuồn chuồn và phương thức vận động của chúng tương đối lạc hậu hơn. Cánh của các loài côn trùng hiện nay hầu như đều có thể thu lại nhưng cánh của chuồn chuồn lại luôn mở ra. Chúng ta chỉ có thể giải thích rằng: trong quá trình tiến hóa, chuồn chuồn lựa chọn trở thành "kẻ săn mồi trên không" mà không cần phải thu hai cánh lại để đi lại trên mặt đất. Vì vậy, chân của chuồn chuồn bị thoái hóa, ngoài việc dùng chúng để bắt mồi, chúng dường như không có tác dụng nào khác.



Chuồn chuồn

Chuồn chuồn có thể bay dừng ở trên không trong một khoảng thời gian dài, điều này bắt chúng phải có một cơ thể nhẹ nhàng và cánh mỏng. Trên cánh của chuồn chuồn có những ống mạch nhỏ, bên trong có chất lỏng tuần hoàn được gọi là "gân cánh" phân bố thành hình lưới làm cho cánh luôn giữ được sức căng. Việc "lắp đặt" chuyển động trên cánh chuồn chuồn cũng hết sức thú vị. Các loài côn trùng tiến hóa bình thường khác hai cánh trên lưng mỗi giây đập khoảng 300 – 1000 lần nhưng cánh của chuồn chuồn mỗi giây chỉ chuyển động 25 – 30 lần do phần cơ bắp kéo theo bốn cánh luân phiên co lại. Trước khi tiến hóa, các loài côn trùng khác cũng bay như vậy nhưng hiện nay chúng áp dụng phương thức bay "hiện đại hóa" tiết kiệm sức lực hơn và hiệu suất tốt hơn. Vậy thì tại sao chuồn chuồn vẫn áp dụng phương thức bay cổ xưa mà không muốn tiến hóa?

Thì ra những loài côn trùng khác chuyển động hai cánh nhờ vào vận động của ngực, chỉ có thể khiến một cánh hoặc hai đôi cánh chuyển động đối xứng trái phải. Chuồn chuồn lại sử dụng bắp thịt trực tiếp làm cho hai cánh chuyển động. Như vậy chúng có thể chuyển động bất cứ cánh nào trong bốn cánh của mình một cách tùy ý. Đây chính là điểm mấu chốt giúp chuồn chuồn có thể bay giỏi đến vậy. Chuồn chuốn có thể bay, rẽ ngoặt gấp với tốc độ 50 km/h thậm chí có thể đột nhiên dừng lại tự do giống như một chiếc thuyền trên mặt nước vậy.

Tuy nhiên, nếu loài chuồn chuồn chỉ có khả năng bay tuyệt vời mà không có cơ quan tìm kiếm, săn bắt mồi thì biệt hiệu "kẻ săn mồi trên không" đã không thích hợp với chúng. Trang bị của loài chuồn chuồn rất đầy đủ, cơ quan tìm kiếm thức ăn của nó chính là đôi mắt kép chiếm một nửa bộ não của chúng.

Hai mắt kép to lớn của chuồn chuồn tập trung khoảng 28000 con mắt đơn. Mỗi mắt đơn đều có dây thần kinh thị giác giống như một cái gương lớn. Những mắt đơn phía trên có tế bào sắc tố với những chức năng khác nhau, góc nhìn của mỗi mắt đơn là 2,3 độ, hai mắt kép có hình cầu nằm trên đầu của chuồn chuồn. Vì vậy,trong tầm nhìn của chuồn chuồn không có góc chết. Điều này giúp chuồn chuồn có thể quan sát những vật thể chuyển động 200-300 lần một giây. Đối với chuồn chuồn việc tìm kiếm loài ong dại có đôi cánh chuyển động 300 lần một giây không có gì là khó khăn. Loài chuồn chuồn còn có một ưu điểm rất đặc biệt. Những loài côn trùng khác đều có tầm nhìn gần, nhưng chuồn chuồn lại có thể phát hiện nhất cử nhất động của con mồi với tầm nhìn ngoài 40 mét, mắt của chúng không thua gì so với với ống kính máy ảnh có tính năng cao.

Một con ruồi cách chuồn chuồn 40 m muốn chạy trốn khỏi sự truy đuổi của chuồn chuồn dường như chỉ uổng phí công sức mà thôi. Chuồn chuồn có thế từ trên cao bay xuống với tốc độ 10 m/s, đợi đến lúc con ruồi cảm thấy bất an thì cả cơ thể nó đã bị chuồn chuồn nắm gọn trong sáu chân giống như một cái lồng vững chắc, trong chốc lát nửa thân con ruồi đã trở thành bữa ăn ngon của chuồn chuồn.

Nếu so sánh chuồn chuồn với một cỗ máy bay chiến đấu thì ruồi và ong dại chỉ có thể được coi là những chiếc máy bay vận chuyển. Về kỹ thuật bay, chuồn chuồn có thể chê cười những đồng loại đã tiến hóa khác.

Loài chuồn chuồn phát triển theo hướng săn bắt mồi trên không cũng có môi trường thị giác giống con người. Tuy nhiên thế giới mà thị giác của chuồn chuồn có thể nhìn thấy vượt qua khả năng tưởng tượng của con người. Chúng có tầm nhìn 360^0, không chỉ nhìn thấy ánh sáng bình thường mà còn có thể nhìn thấy cả tia hồng ngoại và tia tử ngoại.

Điều khiến cho con người ngạc nhiên là những nghiên cứu mới nhất cho thấy chuồn chuồn còn có thể phân biệt được ánh sáng phân cực (sóng ánh sáng chuyển động theo phương hướng đặc biệt). Có thể nhận biết được ánh sáng phân cực có tác dụng gì với chuồn chuồn đến bây giờ vẫn là một câu đố chưa có lời giải. Tuy nhiên, chúng ta có thể suy đoán rằng, thế giới trong mắt của chuồn chuồn nhất định là một thế giới kì diệu và đầy màu sắc.



12. VOI MA MÚT TUYỆT CHỦNG NHƯ THẾ NÀO ?

Tháng 6 – 1977, tại một ngôi làng vùng núi hẻo lánh gần sông Kolyma phía Đông Bắc Sebiria – Liên Xô cũ, một người thăm dò mỏ đang điều khiển máy ủi đất ủi phần bùn đất trên tầng đất đóng băng để tìm vàng. Anh ta ngồi trong phòng điều khiển điều khiển máy móc một cách mệt mỏi nhưng mắt thì mở rất to, nhìn chằm chằm vào lớp đất mà anh ta vừa ủi lên, hi vọng có thể nhìn thấy ánh sáng lấp lánh của vàng. Bỗng nhiên anh ta nhìn thấy trong lớp đất đóng băng dưới lớp bùn đất xuất hiện một thứ kì lạ màu đen, đó là cái gì vậy? Do lớp băng cứng hơn cả đá nên dùng xẻng hay cuốc sắt đều không có tác dụng. Thế là anh ta đào một con rạch nhỏ dẫn nước đến làm tan lớp băng. Sau khi lớp băng tan hết, trước mắt anh ta xuất hiện một con vật giống với loài voi. Một con voi ma mút nhỏ, toàn thân phủ một bộ lông dài. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử phát hiện được di thể một con voi ma mút hoàn chỉnh như vậy. Người phát hiện bèn đặt tên cho con voi ma mút này là Dima. Thế là tin tức không ngừng lan đi, Dima được giao cho viện Khoa Học Liên Xô cũ. Đầu tiên nó được chuyển đến một kho lạnh đặc biệt, sau đó được đem đến viện nghiên cứu động vật Leningradskaja cho các chuyên gia tiến hành nghiên cứu.

Dima là một con voi đực nhỏ, chết sau khi sinh được 6 tháng, nguyên nhân cái chết là do chân của nó có hai vết thương gây ra nhiễm trùng máu. Chú voi này dài khoảng 1.14 m, cao hơn 1m và nặng khoảng 63 kg. Toàn thân nó được bao phủ bởi một bộ lông dài có màu nâu hạt dẻ, tai không to, vòi dài khoảng 55 cm trên vòi có hai chi phụ được gọi là "ngón tay", rất giống với miêu tả trên các bức tranh được vẽ trên tường từ thời kì đồ đá tại Pháp và Tây Ban Nha.



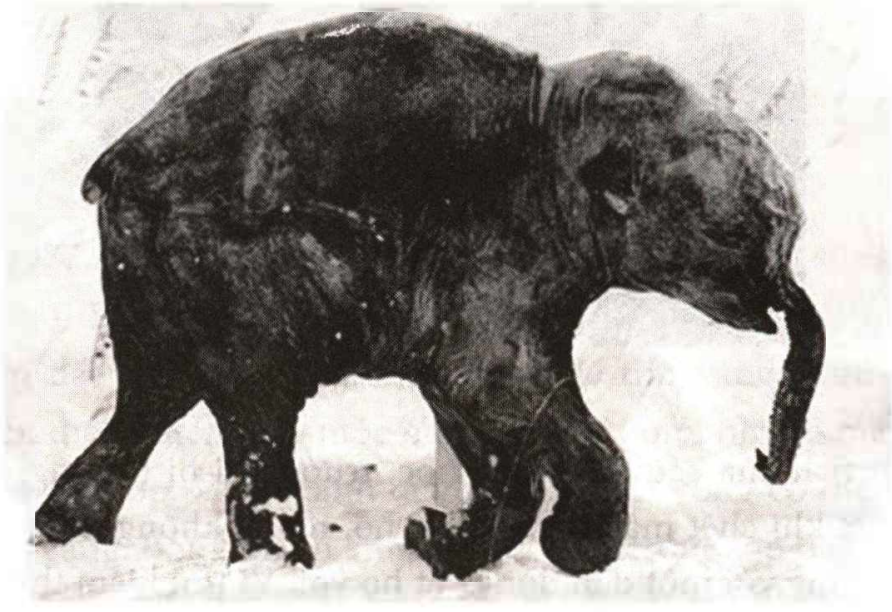
Voi ma mút Dima

Theo phân tích của các nhà khoa học, trước khi bị thương, Dima rất khỏe. Tuy nhiên, trước khi chết mấy tiếng đồng hồ, nó đã không thể ăn được. Con voi ma mút này đi cùng với một đàn động vật họ voi. Vì tìm kiếm thức ăn nên mới di chuyển đến vùng thảo nguyên gần Bắc cực ở Siberia, ở gần nó còn có ngựa, sơn dương và bò rừng. Sau khi chết, vì lở đất nên con voi này mới bị chôn vùi trong lớp đất bùn ở đây. Các chuyên gia cảm thấy ngạc nhiên ở chỗ, trước đây, mọi người luôn cho rằng chỉ có ở miền Nam Siberia mới xảy ra lở đất do các dòng sông băng tan chảy tạo ra nhưng cho đến nay chúng ta cũng phải thừa nhận rằng ở phía Bắc cũng xảy ra sạt lở đất.

Tuy nhiên, tại sao Dima có thể bảo tồn được cơ thể hoàn hảo như ban đầu dưới môi trường khắc nghiệt của lớp đất đổ nát? Các chuyên gia cho rằng từ lúc Dima bị thương cho đến lúc chết xảy ra trong vòng vài ngày. Nhưng tại sao không có bất cứ loài động vật ăn thịt nào đến "dọn dẹp" xác con voi? Hơn nữa vào lúc đó là mùa xuân hoặc mùa hè, thời tiết tương đối ấm áp, băng đang tan chảy, nước sông cũng đang lan tràn mọi nơi, tại sao di thể của con voi ma mút con này lại không hề bị phân hủy. Cho dù nó bị chôn vùi trong lớp đất và mùa lạnh đến ngay lập tức nhưng muốn đóng băng lâu dài thì cần ít nhất vài tuần hoặc thậm chí là một tháng. Tại sao Dima có thể giữ lại cơ thể nguyên vẹn của mình? Đây thật sự là một kì tích.

Nhiều năm trở lại đây, con người đã phát hiện rất nhiều xương và ngà voi ma mút ở Siberia. Chỉ tính từ năm 1660 đến năm 1915, trong khoảng 250 năm, chúng ta đã phát hiện được hơn 50 nghìn chiếc ngà voi ma mút. Đồng thời càng đi về

phía Bắc xương voi ma mút tìm được càng nhiều, nhiều nhất phải kể đến quần đảo New Siberia. Thậm chí có những khu vực tìm được xương voi ma mút với số lượng cực lớn có thể xếp thành núi.



Xác voi ma mút tìm thấy trong băng

Trong các loài động vật họ voi thì voi ma mút là loài to lớn nhất. Chúng cao khoảng trên 4 m và được mệnh danh là "vua của vùng băng giá". Dấu chân của voi ma mút trải khắp một vùng rộng lớn từ Bắc Mỹ đến Châu Âu. Trước kia người ta thường cho rằng voi ma mút là động vật chỉ sống ở những khu vực gần Bắc cực nhưng trên thực tế lại không phải như vậy. Chúng có lông dài che phủ toàn thân nhưng không thể thích ứng với điều kiện khí hậu ở vùng Bắc cực. Da của chúng rất dày nhưng lại không quyết định được phạm vi sinh tồn của chúng vì lông và da của loài hổ ở khu vực nhiệt đới cũng dày. Lớp mỡ dưới da voi ma mút dày khoảng 8 cm, nếu giải thích rằng phần lớn lớp mỡ dưới da chúng dùng để chống lạnh, thì không bằng việc nói rằng chúng có nguồn lương thực đầy đủ, như vậy có vẻ hợp lý hơn. Có một số phân tích có thể chứng minh một cách thuyết phục rằng loài voi ma mút không thích ứng được với khí hậu vùng Bắc cực vì trên da của voi ma mút không có tuyến mỡ, mà các loài động vật sinh sống ở những khu vực lạnh trên da nhất định phải có tuyến mỡ có thể tiết ra mỡ để chống lạnh, có tác dụng thuận tiện bảo vệ lớp lông luôn được mượt mà không bị khô. Nếu không thì không khí lạnh giá sẽ hấp thụ hết nước trên lớp biểu bì của các con vật, đồng thời khiến cho các tế bào nhanh chóng mất nước cuối cùng dẫn đến cái chết.

Hiện nay, các nhà khoa học đã chứng minh phần lớn khu vực trong vùng Bắc cực từ rất xa xưa khí hậu rất ấm áp, ẩm ướt, là nơi rất thích hợp cho loài voi ma mút sinh sống. Vậy thì tại sao loài voi ma mút lại bị tuyệt chủng chỉ trong một thời gian ngắn như vậy hoặc bị đóng băng giống như Dima? Các nhà khoa học đang từng bước nghiên cứu tìm ra đáp án khoa học. Bởi vì tình trạng này nếu xảy ra một lần nữa thì sẽ là một thảm họa đối với loài người.

Một số nhà khoa học chỉ ra nguyên nhân khiến những loài động vật ở khu vực ôn đới tuyệt chủng có thể là do sự chuyển động bất chợt của hai địa cực.

"Chuyển động của địa cực" chính là chuyển động của hai cực Trái Đất. Một khi địa cực xảy ra chuyển động thì khu vực hàn đới ban đầu có thể trở nên nóng, khu vực nhiệt đới sẽ trở thành vùng băng tuyết.

Khoa học hiện nay đã chứng minh rằng các địa cực đang di chuyển với tốc độ chậm chạp 10 cm mỗi năm. Điều này có nghĩa rằng 100 triệu năm sau các cực sẽ di chuyển 10.000 km, mà 10.000 km cũng đồng nghĩa với việc khoảng cách giữa địa cực và xích đạo là ngắn nhất. Đến lúc đó địa cực sẽ di chuyển từ vị trí hiện nay đến xích đạo. Đương nhiên chúng ta không hề cảm thấy cấp bách, lo lắng đối với thảm họa "trời long đất lở" mà 100 triệu năm nữa mới xảy ra, nhưng một vài nhà khoa học dựa vào rất nhiều bằng chứng có thực đã chứng minh tiến trình di chuyển chậm chạm này của địa cực rất có khả năng sẽ hoàn thành trong vài ngày, vài giờ, thậm chí là trong một thời gian ngắn hơn nữa. Từ đó làm cho khí hậu ôn đới chuyển thành hàn đới khiến cho phần lớn các loài động vật không thể thích ứng được mà tuyệt chủng.

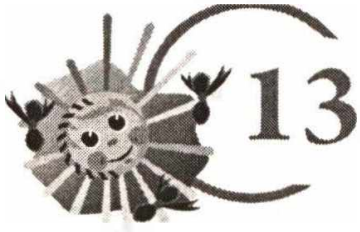
Có khả năng di chuyển một cách nhanh chóng chính là Nam cực. Lớp băng rộng lớn trên bề mặt Nam cực phát ra những ánh sáng lạnh màu xanh dưới ánh sáng mặt trời. Băng giá che phủ bề mặt Nam cực trên một diện tích khoảng 15 triệu km^2, gấp 3 lần diện tích nước Mỹ, chiếm 3% diện tích bề mặt Trái Đất. Trung bình lớp băng dày khoảng 2000 m, dày đến mức khiến cho người ta không tin được, nơi dày nhất có thể đạt đến trên 5000 m. Trọng lượng của băng là một con số khổng lồ, sau con số 19 là 15 con số "0", đơn vị trọng lượng là tấn. Theo tính toán của các nhà khoa học, 90% nước ngọt trên toàn Trái Đất được cất giữ trong lớp băng ở Nam cực. Vì vậy, nếu lớp băng này cùng lúc tan chảy và hòa vào

các đại dương thì nước lũ sẽ tràn ngập tất cả các lục địa, đó sẽ là một thảm họa lớn chưa từng có.

Điều khiến các nhà khoa học lo lắng là lớp băng Nam cực đang không ngừng dày lên, có một ngày sẽ làm cho Trái Đất mất đi cân bằng mà bị lật giống như một chiếc thuyền lớn chở quá sức. Do Trái Đất là một hình elip có xích đạo nổi lên; vì vậy sự vận động tự quay quanh bản thân nó rất ổn định nhưng một khi độ dày lớp băng Nam cực tăng lên mức trung bình từ 3000-5000 m thì chuyển động tự quay quanh mình của Trái Đất sẽ không duy trì được sự cân bằng nữa. Nếu xuất hiện một thiên thể nào đó can thiệp vào sự vận động này của Trái Đất thì Trái Đất sẽ bị lật giống như chiếc thuyền trên. Lúc đó cực Nam sẽ di chuyển đến vị trí của đường xích đạo và một khu vực nào đó trên đường xích đạo sẽ biến thành Nam cực. Đến lúc đó, lớp băng tan chảy sẽ làm cho mực nước biển dâng cao thêm 60 m.

Tuy nhiên lượng nước của Nam cực rất nhỏ, mỗi năm chỉ có 30 cm và đều là tuyết. Trong địa lý học và khí tượng học, các nhà khoa học đã coi Nam cực như sa mạc. Đương nhiên cho dù lượng nước này là rất nhỏ những mỗi năm nó cũng làm cho trọng lượng lớp băng Nam cực tăng thêm 20 tỷ tấn. Trọng lượng của lớp băng Nam cực tích tụ đến một mức độ nào đó có xảy ra sự di chuyển của địa cực không? Có người cho rằng có có người lại nói là không. Tuy nhiên, chỉ cần có khả năng xảy ra chúng ta cũng cần phải áp dụng các biện pháp. Vì vậy có nhà khoa học đã đề nghị sử dụng năng lượng nguyên tử mà con người có được để làm tan chảy dần dần lớp băng Nam cực, không để cho chúng tích tụ thêm nữa. Sau đó, đào một con kênh lớn nối thông từ bên trong lục địa Nam cực ra đại dương làm cho lượng nước bị tan chảy chảy vào đại dương. Tuy nhiên phương pháp này nói ra thì dễ nhưng làm được nó thì rất khó. Nếu tất cả các quốc gia không đoàn kết liên hợp lại thì một quốc gia đơn lẻ không thể nào làm được việc này.

Nếu nói rằng trong lịch sử Trái Đất thực sự xảy ra sự dịch chuyển của địa cực khiến các loài động vật tuyệt chủng với số lượng lớn thì ngày nay chúng ta đang phải đối mặt với một câu hỏi khó là lần dịch chuyển tiếp theo sẽ xảy ra vào khi nào? Đây vẫn là một câu đố của tự nhiên mà cho đến nay con người vẫn không có cách nào giải đáp được. Chúng ta tin rằng cùng với những nhận biết ngày càng sâu sắc của con người về vận động của Trái Đất và sự khống chế của con người với vùng băng tuyết Nam cực, nhất định chúng ta sẽ có biện pháp chống lại thảm họa này.



13. ĐI TÌM BÁC SỸ GIỮA ĐẠI DƯƠNG BAO LA

Mùa thu mấy năm trước, tôi có cơ hội đến tham quan một trại nuôi dưỡng thực vật biển ở gần Đường Sơn, Trung Quốc. Khi đó, các con tôm sú trong hồ đều mắc phải một thứ bệnh lạ, hàng ngày có rất nhiều tôm sú bị chết, cách hồ nuôi tôm khoảng mười mấy mét là có thể ngửi thấy mùi thối do tôm chết phân hủy tạo ra. Tôi nhìn thấy những nhân viên chăn nuôi trong trại và các nhân viên kỹ thuật rất buồn rầu, nhìn hồ nuôi tôm mà không biết làm thế nào, người được cử đi tìm bác sĩ vẫn chưa trở về khiến mọi người đều rất sốt ruột.

Lúc đó tôi chợt nghĩ, tôm cá sống ở giữa biển liệu có mắc bệnh không? Chúng đương nhiên là cũng mắc bệnh rồi, vậy thì ai là người lo lắng cho sức khỏe của chúng? Sau đó cuối cùng tôi cũng tìm ra đáp án nhưng chỉ là đáp án một phần mà thôi.

Một người có tên Claddagh Lemp đã sớm phát hiện ra trong các loài cá ở đại dương, có loài cá chuyên đảm nhiệm vai trò bác sĩ. Ông là nhà sinh vật học đại dương ở Kuwait. Đối tượng nghiên cứu của ông là những loài sinh vật biển. Vì vậy, ông thường xuyên lặn xuống đáy biển để quan sát và nghiên cứu thói quen cũng như quy luật hoạt động của các loài sinh vật biển.

Trong một lần lặn xuống biển quan sát, ông vô tình có được một phát hiện rất thú vị và quan trọng, địa điểm này ở vùng duyên hải bang Califonia nước Mỹ. Lúc đó, ông nhìn thấy một con cá lớn tách khỏi đàn bơi theo một con cá chỉ to bằng 1/10 nó, có vẻ như con cá nhỏ này không thể thoát nổi. Kì lạ ở chỗ khi con cá to bơi đến gần con cá nhỏ, nó bèn ngoan ngoãn không động đậy, đồng thời con cá nhỏ dùng cái mồm sắc nhọn của mình cắn vào một chỗ trên cơ thể con cá to... Chẳng lẽ con cá nhỏ này lại muốn nuốt chửng con cá to?

Một lúc sau, con cá nhỏ mở to miệng rồi bơi trở lại vào đám rong biển. Còn con cá to vui vẻ vẫy đuôi bơi đi, đuổi theo bầy đàn của nó. Nhà nghiên cứu Claddagh Lemp bèn đem câu chuyện kì lạ đó ghi chép lại cẩn thận trong nhật ký quan sát, hi vọng tiếp tục nghiên cứu tìm ra nguyên nhân của hiện tượng kì lạ này.

Qua những nghiên cứu kiên trì của Claddagh Lemp và các nhà khoa học khác, cuối cùng chúng ta cũng có thể giải thích được nguyên nhân tại sao con cá to lại không ăn thịt con cá nhỏ.

Thì ra con cá nhỏ với cái miệng sắc nhọn đang đảm nhiệm công việc của một bác sĩ, chúng dùng hàm răng sắc nhọn để làm sạch những vết thương của những con cá mắc bệnh, xử lý phần thịt thối do bị thương hoặc nhiễm trùng ở trên mình con cá to. Vết thương của con cá to sẽ mau chóng hồi phục nhờ vào việc chữa trị của con cá nhỏ. Khi con cá nhỏ chữa trị cho con cá to, con cá to nhất thiết phải để đầu hướng xuống dưới, đuôi hướng lên trên theo đúng quy tắc, nếu không làm như vậy con cá nhỏ sẽ mặc kệ con cá to. Nếu miệng con cá to bị bệnh thì nó sẽ mở to miệng để cho con cá nhỏ chui vào trong làm sạch vết thương. Sau khi chữa trị xong, con cá nhỏ sẽ ung dung bơi ra từ miệng con cá to. Nếu trong quá trình chữa trị gặp phải loài cá mập hay gì đó thì con cá to sẽ nhanh chóng để cho con cá nhỏ chui ra khỏi miệng sau đó chạy trốn một cách nhanh chóng. Khi chữa trị cho con cá to, cá nhỏ ăn hết các kí sinh trùng và chỗ bị bệnh trên cơ thể cá to. Như vậy không làm cho bệnh của cá to nặng thêm và cũng tránh lây nhiễm cho các con cá khác.

Khi gặp phải nhiều con cá bị bệnh, những con cá to sẽ tranh giành nhau, trong trường hợp này cá nhỏ sẽ đợi đến lúc các con cá to chỉnh đốn xếp hàng trật tự mới tiếp tục chữa trị. Trong trường hợp hỗn loạn, chúng sẽ kiên nhẫn chờ đợi. Nếu con cá nhỏ không đợi được, muốn bỏ đi thì cá to sẽ ngăn chúng lại, không cho chúng đi.

Một số nhà khoa học đã làm một thực nghiệm đặc biệt để kiểm chứng việc những con cá con có thể chữa bệnh cho các con cá khác được hay không. Họ đem hết những con cá nhỏ ra khỏi vùng biển mà những con cá to thường xuyên bơi tới, kết quả cho thấy những con cá to bị bệnh đều đã đi hết, có phải chúng đi tìm những con cá nhỏ để xin chữa trị không?

Hai tuần sau, các nhà khoa học phát hiện rất nhiều con cá lớn mắc liên tiếp mắc các bệnh như nhọt, bong vảy và xuất hiện các chỗ loét ở mang và vẩy. Còn ở trong vùng biển có thả loài cá nhỏ thì những con cá mắc bệnh rất ít và chúng rất khỏe mạnh.

Thực nghiệm trong hồ cũng cho thấy trong những hồ có những con cá nhỏ - bác sĩ của cá thì đàn cá rất ít mắc bệnh. Còn trong những hồ không có những con cá nhỏ thì bệnh của đàn cá lan tràn rất nhanh. Vậy là các nhà khoa học rút ra kết luận: thật sự tồn tại loài cá với vai trò là bác sĩ. Như vậy mới có thể khiến cho rất

nhiều loài cá biển không phải chịu sự đau đớn về bệnh tật, có thể sinh sôi không ngừng trong đại dương mênh mông.

Hiệu quả chữa trị của cá nhỏ rất cao, một nhà khoa học khi lặn xuống đáy biển 6 tiếng đồng hồ đã phát hiện một con cá nhỏ chữa trị cho 300 con cá mắc bệnh, sự cần cù chăm chỉ này thật đáng cho con người khâm phục.

Các nhà khoa học chứng minh loài cá nhỏ lấy những kí sinh trùng và chỗ bị bệnh trên cơ thể con cá to làm thức ăn. Điều này có thể giải thích cho mối quan hệ cùng dựa vào nhau để tồn tại giữa chúng. Các nhà khoa học còn phát hiện những con cá mắc bệnh mà cá nhỏ chữa trị phần lớn đều là cá đực, có lẽ do chúng thường xuyên đánh nhau nên bị thương rất nhiều. Cá nhỏ còn phụ trách "làm đẹp" cho những con cá đực không bị thương, làm cho chúng khỏe hơn và đẹp hơn.



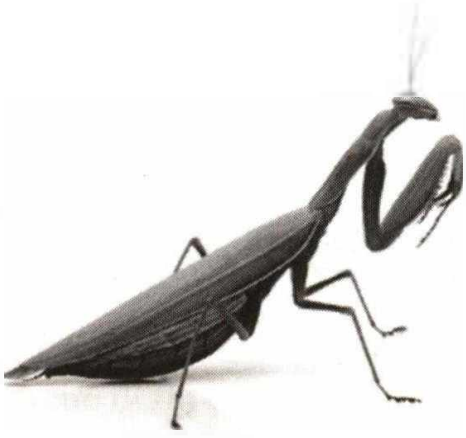
Cá bác sĩ

Tuy nhiên, còn một số trường hợp mà cho đến nay các nhà khoa học vẫn đang phải nghiên cứu. Đó là làm sao mà những con cá mắc bệnh lại biết được những con cá con này có thể chữa trị bệnh cho chúng? Thông thường, loài cá to sẽ ăn thịt những con cá nhỏ một cách không hề thương tiếc, và những con cá nhỏ khi nhìn thấy những con cá to sẽ bỏ chạy nhanh chóng. Mối quan hệ dựa vào nhau để sinh tồn giữa chúng chắc chắn phải trải qua hàng vạn năm mới dần hình thành. Trong quá trình đó, thảm kịch ăn thịt và bị ăn thịt chắc chắn đã xảy ra rất nhiều lần. Có lẽ những loài cá có bậc thấp hơn rất nhiều so với loài động vật có vú còn có những điểm thông minh mà con người chưa phát hiện ra.

Mối quan hệ giữa những con cá bị bệnh và cá bác sĩ đã chứng tỏ trong thiên nhiên rộng lớn này còn có những quy luật sinh tồn giữa các loài sinh vật mà con người vẫn chưa biết hết.

14. BỌ NGỰA – "THẦN TRÙNG"

Trong rừng cây rậm rạp, có một con bọ ngựa bò đến. Hai chân trước trên đầu chúng giống như hai lưỡi liềm sắc nhọn. Nó hiên ngang giơ ra cái đầu hình tam giác với dáng vẻ của một xạ thủ. Trước đây, có một bộ tộc người sinh sống ở sa mạc Kalahali Châu phi đã tôn thờ loài bọ ngựa dũng mãnh này và gọi chúng là "Thần trùng".



Bọ ngựa

Bọ ngựa là một loài côn trùng ăn thịt. Chúng có một cặp mắt kép lớn lồi ra, thêm vào đó là một cái đầu có thể tự do chuyển động khiến cho chúng có một tầm nhìn rộng lớn và một thị giác hết sức phát triển. Một khi phát hiện thấy con mồi, bọ ngựa liền bất động đồng thời giơ hai "lưỡi liềm" sắc nhọn ra. Sau khi xác định rõ mục tiêu, chúng liền nhanh chóng duỗi hai lưỡi liềm ra tóm gọn con mồi một cách dứt khoát. Bọ ngựa săn bắt các loài côn trùng gây hại, không bao giờ "kén ăn". Khẩu vị của bọ ngựa cái còn tốt hơn nhiều, để có thể sinh sản được nhiều, chúng ăn nhất nhiều và không từ chối bất cứ con mồi nào nhằm tích trữ dinh dưỡng.

Những con bọ ngựa đực, giao phối là một chuyện như trêu đùa với tính mạng mình vậy. Sau khi phát hiện ra con cái trong vòng vài chục centimet, bọ ngựa đực

bèn tiếp cận chúng từ sau lưng một cách âm thầm. Những con bọ ngựa cái thì sao, chúng coi tất cả những vật thể đang chuyển động là con mồi của mình. Vì vậy, bọ ngựa đực chỉ có thể tiếp cận một cách cẩn thận. Sau khi giao phối, con đực lập tức bỏ chạy, nếu hành động này chậm một chút thì "chú rể" sẽ bị "cô dâu" ăn thịt một cách không thương tiếc.

Loài bọ ngựa có cách đẻ trứng rất đặc biệt, khác xa so với các loài thuộc bộ cánh thẳng khác như châu chấu, dế mèn. Hai loài động vật này đẻ trứng trong đất và trong các thân cây khô, chỉ có bọ ngựa là đẻ trên bề mặt các thân cây khô và cành cây. Thông thường, nếu trứng mới đẻ ra đã phơi ngay dưới ánh sáng mặt trời thì chúng lập tức sẽ bị động vật khác ăn. Nhưng không cần lo lắng, trứng của loài bọ ngựa được bao bọc bởi một lớp vật chất xốp, khi tiếp xúc với không khí lớp này sẽ nhanh chóng đông lại, hình thành một bọc trứng cứng cáp, chắc chắn, có tác dụng bảo vệ rất tốt. Những trứng được sinh sản vào cuối thu sẽ trở thành ấu trùng vào mùa hè năm sau. Một bọc trứng mỗi lần có thể nở ra khoảng mấy trăm ấu trùng. Mặc dù lúc đó bọ ngựa con dài chưa đầy 1 mm nhưng đã có cặp "lưỡi liềm" sắc nhọn rồi. Từ đó, nó bắt đầu sự nghiệp của một kẻ săn bắt.

Những nghiên cứu tỉ mỉ có liên quan về loài bọ ngựa vẫn đang được tiến hành. Các nhà côn trùng học thường cho rằng, trong thói quen hàng ngày của chúng còn có rất nhiều điểm khiến chúng ta không lý giải nổi. Ví dụ: bọ ngựa có thính giác hay không? Tai của chúng nằm ở đâu?

Gần đây, các nhà khoa học đã phát hiện "tai" của bọ ngựa ở phần gốc của chân sau. Thú vị ở chỗ bọ ngựa chỉ có một cái "tai", phạm vi tần số chúng có thể nghe được trong khoảng 25 – 45 KHz, thuộc phạm vi sóng siêu thanh. Vấn đề ở chỗ bọ ngựa là loài động vật "câm", chưa bao giờ phát ra âm thanh, nếu chỉ sử dụng một "tai" thì không thể nào định vị được. Vậy thì tại sao chúng lại có cái tai này? Các nhà khoa học người Mỹ suy đoán tác dụng của cái tai duy nhất này có thể giống như con dơi vậy. Nó được dùng để săn mồi hoặc chạy trốn kẻ thù, cũng có thể là có một tác dụng khác.

Tóm lại, bọ ngựa, loài được mệnh danh là "thần trùng" này, quả thực vẫn còn tồn tại rất nhiều bí ẩn mà chúng ta chưa biết được.



15. SƠ LƯỢC VỀ LOÀI BẠCH TUỘC

Những nông dân vùng duyên hải Nhật Bản thường oán trách loài bạch tuộc cướp đi hoa màu của họ, nhưng họ cũng chẳng biết làm thế nào khi có dịp đối mặt với tên trộm hoạt động lợi dụng ban đêm này. Những câu chuyện có liên quan về loài bạch tuộc bò lên trên bờ thừa cơ bắt dê được người dân Nhật Bản được lưu truyền một cách ly kì.

Loài động vật biển thân mềm này có cơ thể mềm mại như một con cá chạch thuộc loài Cephalopoda bộ động vật thân mềm. Đánh giá một cách kĩ lưỡng ta thấy quả thật chúng không hề tầm thường. Bạch tuộc không có xương, toàn bộ cơ thể do cơ bắp cấu tạo nên. Xúc tu của loài bạch tuộc ở dưới đáy biển duyên hải Nhật Bản rất khỏe, chúng có thể đi trên bộ khi bò lên bờ biển khiến cho nhiều người kinh ngạc.

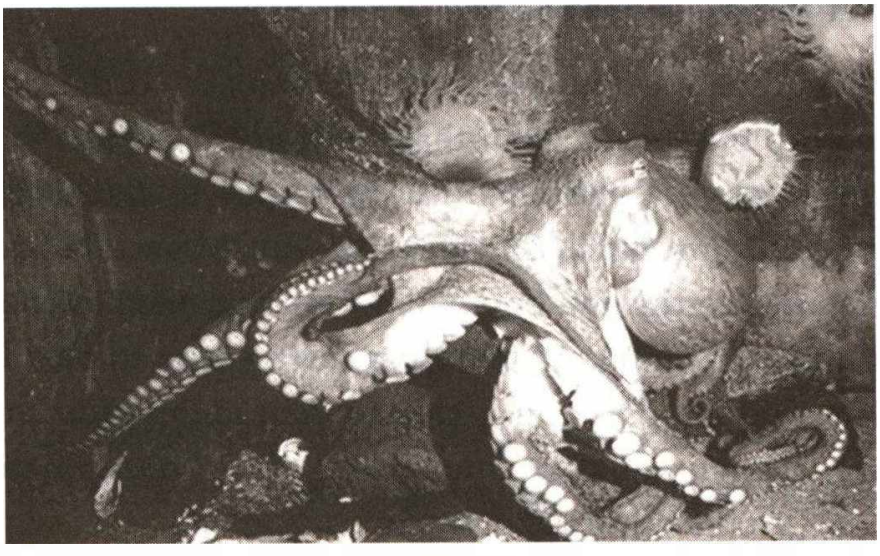
Bạch tuộc xuất hiện trên trái đất khoảng 500 triệu năm trước, trong khi đó con người chỉ mới xuất hiện từ 1 triệu năm trước. So sánh ta thấy bách tuộc đủ tư cách được coi là một loài cổ trong giới động vật.

Có khoảng 200 loại bạch tuộc sinh sống tại duyên hải Nhật Bản, cho dù chúng ta thường nhìn thấy bóng dáng của chúng nhưng luôn có cảm giác thần bí. Ví dụ tên gọi chính thức của loài bạch tuộc là Bạch tuộc thường, tại sao lại đặt tên như vậy? Lẽ nào còn có "bạch tuộc đặc biệt", điều này ngay cả đến các nhà khoa học cũng không hiểu nổi.

Tóm lại, bạch tuộc không có xương (điều này không thể thiếu được đối với việc phân loại động vật). Nếu như bỏ chúng vào dung dịch tiêu bản thì lập tức cơ bắp của chúng sẽ bị co lại, mô biểu bì sẽ biến chất. Vì thế, không có cách nào có thể biến chúng làm thành vật mẫu để nghiên cứu, điều này khiến cho các nhà khoa học vô cùng đau đầu, dở khóc dở cười.

Trực tiếp quan sát bạch tuộc trong nước biển ta sẽ phát hiện thấy chúng có rất nhiều hành động khiến cho con người cảm thấy rất thú vị. Bạch tuộc thực chất là

một loài vật rất tò mò, khi nó phát hiện thấy một vật thể lạ. Đầu tiên nó sẽ duỗi xúc tu ra kiểm tra vật đó có nguy hiểm hay không? Trên xúc tu của bạch tuộc có chân hút. Ở phần viền của các chân hút có các tế bào có thể cảm nhận được vị giác và xúc giác xếp thành hàng, tổng cộng có khoảng 240 triệu tế bào. Với những ưu thế này, bạch tuộc có thể dễ dàng nhận biết được độ nông sâu của biển, mùi vị cũng như là độ cứng mềm của con mồi. Nếu chúng ta bỏ đường cát (vị ngọt), hydrochloric acid (vị cay) và vị đắng vào miếng bọt biển cho bạch tuộc nhận biết thì năng lực phân biệt của chúng cao hơn con người 1000 lần. Bạch tuộc có thể dễ dàng phân biệt được một khối cầu có bề mặt trơn và khối cầu có bề mặt khe rạn. Thí nghiệm cho thấy, chúng có thể dùng những tế bào trên vòi hút của xúc tu để suy đoán mức độ bóng sạch trên bề mặt vật thể.



Bạch tuộc

Những loài động vật thân mềm không có não bộ, nhưng bạch tuộc lại có tổ chức dây thần kinh có tác dụng giống như một bộ não lớn. Các phản ứng đối với môi trường bên ngoài của bạch tuộc do tổ chức thần kinh này chỉ huy, tổ chức này được gọi là "Đốt thần kinh não" do các tế bào thần kinh hợp thành, chiếm ½ thể tích đầu bạch tuộc. Sáu dây thần kinh chính đi từ phần đầu của bạch tuộc vào cơ thể, các xúc tu và hai mắt to tròn của nó, vậy là đốt thần kinh não này trở thành trung tâm cảm giác, vận động, học tập, trí nhớ toàn cơ thể của bạch tuộc.

Mắt của bạch tuộc cũng giống như mắt của các loài động vật khác, nó có khả năng nhận biết rất tài tình. Để tìm hiểu về khả năng phân biệt này của bạch tuộc các nhà sinh vật học đã tiến hành một thí nghiệm sử dụng hình vẽ đối với bạch tuộc, nhằm tìm hiểu "khả năng" của nó ở mặt này là như thế nào.

Họ đem 8 con bạch tuộc vào 8 hồ nước khác nhau, treo một bức hình trên một cái gậy trong suốt, cho bạch tuộc quan sát khoảng 30 phút. Nếu bạch tuộc bổ nhào về phía bức hình thì sẽ thưởng cho chúng thức ăn. Sau đó lật ngược tấm hình lại, nếu bạch tuộc vẫn bổ đến thì sẽ dùng dòng điện 4.5 Von để phạt nó.

Mỗi ngày, thí nghiệm kết hợp thưởng phạt này được tiến hành trên 20 lần và điều tra lấy mẫu nhiều lần đối với 8 con bạch tuộc. Trong thí nghiệm này, những con bạch tuộc phân biệt một cách rõ ràng ánh sáng, độ to nhỏ, hình thù và phương hướng của bức hình. Điều này cho thấy khả năng học tập của chúng cao hơn nhiều so với chuột và bồ câu. Bên cạnh đó, chúng còn có thể khả năng phân biệt hình trừu tượng, điều này có nghĩa chúng có thể phân rõ được những bức tranh ngược nhau trái phải và những bức tranh gần giống nhau, đây là khả năng mà chỉ có động vật bậc cao mới có được.

Bạch tuộc rất nổi tiếng trong việc thay đổi màu sắc cơ thể. Chúng ta sẽ cho rằng bạch tuộc có cặp mắt tốt và đoạn thần kinh linh hoạt nên việc thay đổi tùy vào tình hình chẳng có gì là khó khăn cả. Trên thực tế, bạch tuộc bị mù màu, chúng không phân biệt được xanh, đỏ, tím vàng. Vậy thì bạch tuộc dựa vào đâu để có thể thay đổi màu sắc cơ thể phù hợp với môi trường? Giải thích dễ hiểu là bạch tuộc có thể cảm nhận được độ dài bước sóng của tia sáng từ tất cả màu sắc xung quanh chúng. Sau đó dùng đốt thần kinh não điều chỉnh sắc tố màu sắc cơ thể mình. Tuy nhiên lý giải này vẫn chưa được chứng minh, vì thế tại sao bạch tuộc có thể biến đổi màu sắc cơ thể mình đến nay vẫn chưa ai biết.

Trí thông minh của bạch tuộc rất có lợi cho thị giác của chúng. Những chân hút trên xúc tu của chúng có thể thu thập được những thông tin từ thế giới bên ngoài, còn có thể ghi nhớ và học tập chúng. Nếu bịt mắt bạch tuộc lại, nó vẫn có thể nhận biết được các bức hình, thí nghiệm đã chứng minh điều này.

Tuy nhiên, bạch tuộc không hoàn mỹ đến mức không có khiếm khuyết nào, chúng bất lực nếu phải đối mặt với một mê cung. Có người cho rằng đây có thể là do cơ thể của bạch tuộc quá mềm, không thể khống chế được tư thế của mình, cũng không thể phán đoán được vị trí trong không gian.

Người bình thường đều nghĩ bạch tuộc là loài khiến cho người ta ghét bỏ. Nhưng ở Nhật nó lại là một anh chàng gây cười cho mọi người, khiến con người cảm thấy thân thiết.



16. NHỮNG BÍ ẨN VỀ CƠ THỂ CON NGƯỜI TỰ BỐC CHÁY

Một loài chim biển có tên Fulmar khi gặp kẻ thù từ miệng chúng có thể phun ra dầu có mùi hôi thối. Bởi vì trong cơ thể nó chứa toàn loại dầu này, khi gặp lửa có thể bùng cháy. Vì vậy cư dân Scotland sau khi bắt được loài chim này rất thích dùng loài chim này làm đuốc chơi.

Nếu ai đó đã từng đến bộ lạc Indian ở Bắc Mỹ thì có thể nhìn thấy loại "nến cá" kì lạ, ánh sáng vàng vọt được phát ra từ miệng cá. Loại nến này được làm từ loài cá Aiyulaho. Hình dáng của loài cá này rất giống quả chuối, chỉ dài không đến 30 cm, vì trong cơ thể nó chứa một lượng lớn dầu nên con người chỉ cần bỏ vào trong bụng cá khô một cái bấc đèn thì có thể dùng để thắp sáng.

Tại quần đảo Cologne Thái Bình Dương, có một loài kì nhông biển có thể bơi lội và kiếm ăn dưới nước. Điều thú vị ở chỗ, khi loài kì nhông biển này tức giận và chiến đấu thì từ mũi chúng sẽ phun ra một một luồng sương mù.

Trên Trái Đất rộng lớn, có không ít những sự vật kì lạ, cổ quái, nhưng chuyện con người tự bốc cháy thì có lẽ là một trong những chuyện kì lạ nhất.

Có một nữ sinh viên có tên Marie rất xinh đẹp, sau khi học xong môn thể dục, cô cùng bạn học của mình là Catherine đi tắm. Trong phòng tắm, cô gái người Pháp này vui vẻ như mọi ngày, trêu đùa mọi người. Bỗng nhiên mọi người nhìn thấy cô có biểu hiện lạ, như thể xảy ra một chuyện gì đó mà cô không ngờ tới. Tiếp sau đó, tai và miệng cô bắt đầu bốc khói, toàn thân cũng bắt đầu bốc lửa. Cô gào thét dữ dội. Sau đó, hơn 20 sinh viên và giáo viên khác đều sợ hãi, không biết làm gì trước tiếng kêu khóc của Marie và trận hỏa hoạn đột nhiên xảy ra này. Cô gái đáng thương bị đốt cháy dữ dội trong vòng 10 phút và biến thành đống tro bụi.

Những người chứng kiến và nhân viên điều tra cho rằng không có yếu tố gây cháy nào khác, đây chỉ có thể là do con người tự bốc hỏa. Đáng buồn ở chỗ, Marie chỉ là một trong những ví dụ về chuyện con người tự bốc cháy.

Vào một buổi tối tháng 10 năm 1950, trong một buổi dạ hội náo nhiệt tại Luân Đôn, một cô gái trẻ 19 tuổi đang say sưa khiêu vũ với bạn trai. Trong phút chốc, từng đốm lửa phát ra từ phía trước ngực và sau lưng cô gái, chỉ trong vài giây toàn thân cô gái đã trở thành một bó đuốc sống. Mọi người ngay lập tức dập lửa cứu cô gái nhưng cô đã chết. Những người có mặt ở hiện trường đều chứng minh lửa phát ra từ người cô gái. Cuối cùng cảnh sát chỉ đưa ra nhận định cô gái bị một ngọn lửa không rõ nguồn gốc đốt cháy.

Ngày 5 tháng 12 năm 1966, người ta phát hiện nhà triệu phú Bernadtaly 92 tuổi ở bang Pennsylvia Mỹ bị thiêu chết thành một đống than đen trong phòng vệ sinh của ông ta. Điều kì lạ là chân phải của ông ta lại không hề bị tổn hại gì, trên đôi giầy da đến vết tích bị cháy cũng không có. Sau khi kiểm nghiệm pháp y cho thấy, nếu bị thiêu chết bởi một nguyên nhân khác thì nội tạng sẽ không bị thiêu cháy nhưng 90% cơ thể ông Bernadtaly bao gồm cả nội tạng bên trong cũng bị cháy thành tro bụi, vì vậy nguyên nhân cái chết của ông chỉ có thể là tự bốc cháy.

Năm 1989, có một đôi nam nữ tên là Rees và Monnami ở Brussel Bỉ khi đang hôn nhau trên phố thì lưng của hai người đồng thời phát hỏa, chưa đầy một phút sau, họ đã bị lửa thiêu cháy thành tro.

Không chỉ những người sống có thể tự bốc cháy mà những người chết cũng có thể tự bốc cháy. Ngày 7 tháng 12 năm 1973, một phụ nữ 53 tuổi ở Winconsin – Mỹ sau khi chết, đến ngày thứ 3 khi đang làm lễ mai táng tại nhà thờ thì thi thể trong quan tài bỗng nhiên bốc cháy. Qua khám nghiệm kỹ lưỡng của pháp y, người ta chứng mình đây là hiện tượng người tự bốc cháy.

Liệu có phải thể chất của người châu Âu đặc biệt nên mới xảy ra hiện tượng này? Không phải vậy. Người Trung Quốc ở châu Á cũng từng xảy ra câu chuyện kì lạ này. Báo chí Macao từng đưa tin vào một buổi sáng ngày 24 tháng 11 năm 1983, một công nhân in ấn họ Lý đang ở trong tiệm cắt tóc, chiếc khăn mặt quấn quanh cổ anh ta bỗng nhiên bốc khói, da của anh ta cũng bị cháy xém. Theo lời anh ta nói, đây không phải là lần đầu cơ thể anh ta tự nhiên bốc cháy.



Hiện trường của một vụ người tự bốc cháy

Một bé trai hơn 4 tuổi ở thành phố Tương Hương – Hồ Nam tên là Đường Giang, ngày 15 tháng 4 năm 1990 sau khi ngủ dậy không lâu, bà nội em đột nhiên nhìn thấy khói bốc ra từ quần của em liền nhanh chóng tuột quần em ra. Cho dù bà nội Đường Giang làm rất nhanh nhưng 3 chiếc quần mà Đường Giang mặc đều bị đốt cháy. Bà nội để cho em nằm vào chăn, thì chăn cũng tự nhiên bốc cháy. Chỉ trong vòng không đầy 3 tiếng đồng hồ, cơ thể của em tự bốc cháy đến 4 lần. Theo các bác sĩ ở bệnh viện I trực thuộc Đại học Y học Hồ Nam kiểm tra, bên trong và ngoài bộ phân sinh dục, bẹn, cánh tay phải và rất nhiều điểm khác trên cơ thể của bé Đường Giang đều có những vết bỏng với mức độ khác nhau.

Bài báo về đầu tiên về hiện tượng người tự bốc cháy được đăng trên một tạp chí y học của Italia năm 1673. Bài báo viết một thanh niên có tên Parisien khi đang nằm phơi nắng trên giường có chiếc đệm cỏ đã bị thiêu cháy thành tro, chỉ còn xót lại xương đầu và vài mẩu xương ngón tay nhưng chiếc đệm cỏ vẫn giữ nguyên hiện trạng ban đầu.

Điều kì lạ là, vào năm 1990 cũng từng xảy ra chuyện người bị thiêu chết khi đang nằm phơi nắng. Một cô gái người Đức 28 tuổi có tên Jadah cùng với bạn mình là Werribee đến Dominica du lịch, ngày thứ hai, họ đến bờ biển phơi nắng, muốn làm cho làn da mình có màu nâu bóng khỏe mạnh. Họ cảm thấy ánh nắng trên bãi biển rất chói chang, Werribee liền chạy đến chỗ có bóng râm. Rất nhanh sau đó, người ta nhìn thấy cơ thể của Jadah bốc cháy. Chỉ trong chốc lát, cô bị thiêu cháy thành tro.

Hơn 300 năm trước đã có hơn 200 câu chuyện kì lạ về người tự bốc cháy giống như những câu chuyện ở trên. Theo ghi chép, tỷ lệ nam nữ tự bốc cháy là tương đương, độ tuổi từ 4 tháng đến 114 tuổi.

Một người bình thường lại có thể tự phát ra lửa thậm chí thiêu cháy bản thân mình, rốt cuộc là có nguyên nhân gì? Cho đến ngày nay, các nhà y học mặc dù đã nghiên cứu rất nhiều nhưng vẫn không thể nào lý giải nổi nguyên nhân vì sao. Họ chỉ còn cách đưa ra những giải thích khác nhau.

Ở Sơn Đông – Trung Quốc có một người đàn ông trung niên trong một năm nhiều lần phun lửa từ miệng, đốt cháy râu và lông mày của mình. Có một bác sĩ cho rằng nó có liên quan đến bệnh ung thư dạ dày của anh ta, vì từ sau khi anh ta cắt bỏ một phần dạ dày thì anh ta không thể phun ra lửa nữa. Nhưng tại sao trong rất nhiều người mắc bệnh ung thư dạ dày chỉ có anh ta mới có khả năng như vậy?

Có người nói, tự bốc cháy là kết quả tích tụ nhiều phốt pho trong cơ thể. Tuy nhiên cháu bé hơn 4 tuổi thậm chí một đứa bé 4 tháng tuổi cơ thể liệu có thể tích tụ được bao nhiêu phốt pho?

Cũng có người suy đoán rằng có lẽ trong cơ thể con người còn có những "hạt nhiên liệu" bé hơn cả nguyên tử được tạo thành dưới điều kiện nào đó. Vậy thì nếu chúng ta ai ai cũng có những hạt nhiên liệu đó thì tại sao trong cùng một điều kiện như vậy (như cùng khiêu vũ, cùng phơi nắng) nhưng không phải ai ai cũng tự bốc cháy?

Giả thiết về việc người bị bốc cháy có thể đã tiếp xúc với các nguồn lửa bên ngoài như châm lửa hút thuốc, các tàn lửa nhỏ bay vào cũng không có cơ sở vì không ít người tự bốc hỏa khi ở trên thuyền, đi dạo hay khiêu vũ, vậy thì lửa ở đâu mà có?

Chỉ có một câu đó là việc "cơ thể tự bốc cháy" đến nay vẫn là một bí ẩn của tự nhiên mà chúng ta vẫn chưa tìm ra nguyên nhân.



17. CƠ THỂ NGƯỜI CÓ MANG ĐIỆN KHÔNG ?

Khi còn đi học tiểu học, qua một tạp chí khoa học thường thức, tôi biết rằng, ở dưới đáy biển nông của Thái Bình Dương có một loài động vật biển tên là cá chình điện. Trong cơ thể nó luôn tích tụ một lượng điện năng lớn, khi những con cá nhỏ đến gần nó, cơ thể nó sẽ phát ra một luồng điện rất lớn, làm tê liệt con mồi, sau đó ăn thịt. Đây cũng là một vũ khí tự vệ của cá chình điện. Sau này, qua một bộ phim khoa học giáo dục, cuối cùng tôi đã được tận mắt thấy loài cá chình điện phiêu diêu vô định như một u hồn dưới đáy biển này. Vài năm sau, khi tầm hiểu biết của tôi được mở rộng hơn, tôi biết rằng, ngoài cá chình điện, trên thế giới còn không ít các loài động vật có thể sinh ra điện.

Bản thân cơ thể con người cũng mang điện, trong cơ thể chúng ta có dòng điện sinh vật truyền dẫn các cảm giác. Nhưng sự thực cho thấy, cơ thể của một số người còn có thể sinh ra dòng điện tương đối lớn. Các nhà khoa học cho biết, các tế bào cơ trên một đơn vị thể tích trong cơ thể người đều có thể sinh ra dòng điện rất nhỏ, nhưng làm thế nào để cơ thể một số người có thể sinh ra dòng điện mạnh đến mức có thể khiến cho người khác có cảm giác bị điện giật, đến nay đây vẫn là một sự thật chưa thể lý giải rõ ràng được.

Các nhà khoa học từng nhắc đến một bé trai sáu tuổi người dân tộc Peru ở châu Phi, trên người cậu bé có thể sinh ra điện năng đánh gục một người lớn tiếp xúc nhẹ với cơ thể cậu mà không cần tốn chút sức lực nào. Có người đã từng đưa cậu đến thành phố lớn của Anh để thử nghiệm sự phóng điện. Còn có một bé sơ sinh khác ở Saint Urban, Pháp cũng có khả năng phóng ra luồng điện rất mạnh, khiến cho tất cả những người chạm vào cơ thể bé đều cảm thấy đau vì bị điện giật. Ngoài ra, có hai trường hợp còn kì lạ hơn nữa, đó là trường hợp của hai bé sơ sinh ra đời vào thập niên 50 của thế kỷ XX, một bé có thể sạc điện cho bình ắc quy, còn bé kia có thể khiến cho những vật xung quanh rung chuyển. Những hiện tượng

phóng điện này đều xảy ra trên cơ thể của các em bé. Còn một số trường hợp phóng điện khác cũng xuất hiện trên cơ thể người trưởng thành.

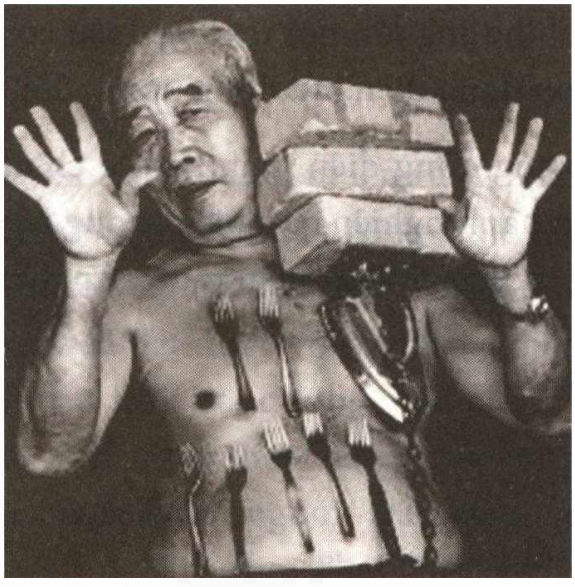
Năm 1920, một tạp chí điện học đưa tin, 34 phạm nhân tại một trại giam ở Anh đã bị ngộ độc thực phẩm. Khi vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra, cơ thể của những phạm nhân đen đủi này đều mang điện, họ thậm chí còn không thể vứt tờ giấy trong tay mình đi, những vật bằng kim loại đều bị hút chặt vào người những phạm nhân bị trúng độc này, người khác không tài nào lôi ra được. Họ còn có thể làm ảnh hưởng đến kim chỉ hướng của la bàn. Tuy nhiên, sau khi họ được chữa trị khỏi hoàn toàn thì hiện tượng mang điện nói trên cũng hoàn toàn biến mất.

Những nghiên cứu của các nhà khoa học về hiện tượng cơ thể người mang điện đã được tiến hành hơn một thế kỷ nay. Người đầu tiên trở thành đối tượng nghiên cứu là một bé gái 14 tuổi người Pháp. Dưới cánh tay trái của cô bé có thể sinh ra lực hút và lực đẩy rất mạnh. Một nhà vật lý học lúc đó cho rằng, lực đó "rất giống với lực điện từ". Lực đó có thể khiến cho những vật thể xung quanh cô bé di chuyển, những vật dụng trong gia đình tương đối nặng cũng có thể rung chuyển hoặc chuyển động dưới tác dụng của lực này, lực này cũng có thể ảnh hưởng rất mạnh đến sự chỉ hướng của la bàn. Viện khoa học Pháp đã từng tổ chức một nhóm nghiên cứu nhỏ để nghiên cứu bé gái đó, nhưng cuối cùng vẫn không đưa ra được giải thích nào có sức thuyết phục. Nghe nói, khi loại lực vô hình được này tăng mạnh, cô bé sẽ bị co giật, nhịp tim lên tới 120 lần một phút. Mỗi lần như vậy, cô bé đều vô cùng sợ hãi đến nỗi chạy ra khỏi nhà.

Cuối thế kỷ XIX, bang Missouri của Mỹ có một bé gái tên là Jenny Morgan. Điện áp sinh ra trên người cô bé cao tới mức có lúc còn phát ra những tia lửa điện có tiếng xoẹt xoẹt. Mọi người đều tránh xa cô bé hết mức có thể, có người không cẩn thận chạm phải cô bé đều bị điện giật, nếu nặng có thể mất đi cảm giác.

Sau này, ngoài những hiện tượng đã kể trên ra còn liên tục phát hiện rất nhiều người mang điện khác, có người còn bị hút chặt xuống mặt đất, có người có thể dùng đầu ngón tay hút lên những vật bằng kim loại hoặc những vật khác có trọng lượng vài kilogram. Từ thập niên 80 của thế kỷ XX tới nay, ở những khu vực như Liên Xô, Anh, người ta lần lượt phát hiện những người mang điện kiểu này. Người mang điện được phát hiện ở Liên Xô cũ là một cô gái đã trưởng thành, điện

lượng trong người cô biến đổi một cách có quy luật trong ngày. Còn người mang điện ở Anh là một cô gái, khi xuất hiện trên ti vi, trên tay cô hút đầy các dụng cụ ăn sáng lấp lánh, khiến người ta chỉ còn biết ngây ra nhìn. Theo lời của cô bé, cô không có cách nào kiểm soát được hiện tượng mang điện trên cơ thể mình, đây là do bẩm sinh.



Người nam châm

Cơ thể người có mang điện là một hiện tượng không lạ. Các học sinh tiểu học hiện nay đều đã làm thí nghiệm trên cơ thể mang tĩnh điện: lấy lược chải lên tóc mấy lần, tóc sẽ bị hút lên, các sợi tóc sẽ dựng đứng trên đầu. Có lúc, ma sát giữa cơ thể người và những quần áo làm bằng chất nilon cũng sẽ sinh ra tĩnh điện, thậm chí khi bắt tay với người khác cũng có thể sinh ra tia lửa điện. Trong hệ thần kinh của con người, khi cơ quan cảm giác nhận được kích thích, dòng điện sẽ truyền cảm giác tới trung khu thần kinh thông qua hệ thống thần kinh, khiến chúng ta có cảm giác lạnh, nóng, đau, ngứa... Khi tiến hành kiểm tra điện tâm đồ, máy đo điện tâm đồ mà bác sĩ dùng chính là đã lợi dụng dòng điện sinh vật mà tim và các nơi khác trên cơ thể sinh ra.

Những hiện tượng người mang điện thông thường nói trên là vô cùng nhỏ, không thể tới mức sinh ra tia lửa điện hoặc làm người khác bị điện giật. Tuy vậy, một số người lại mang trên mình dòng điện lớn hơn nhiều. Trên cơ thể người mang dòng điện mạnh như vậy không phải là hiện tượng phổ biến mà chỉ là những trường hợp rất cá biệt. Tại sao giữa con người lại có sự khác biệt lớn như vậy?

Có nhà khoa học cho rằng, hiện tượng cơ thể người mang dòng điện lớn như vậy có thể có liên quan tới những thay thế của cơ thể trên cấp độ phân tử. Dưới một tình trạng hoặc thể chất nào đó, trong cơ thể người có thể sẽ hình thành một cục pin lớn, khi đã tạo thành đường dẫn với môi trường bên ngoài sẽ xảy ra hiện tượng phóng điện. Nhưng có những hiện tượng người mang điện lại rất đặc biệt. Họ không chưa hề tiếp xúc với môi trường bên ngoài nhưng vẫn có thể sinh ra lực giống như lực điện từ, ảnh hưởng tới môi trường. Liệu có phải những người mang điện này mang trong mình dòng điện lưu động tương đối mạnh hay không?

Hiện tượng người mang dòng điện mạnh có lẽ chính là chìa khóa mở ra bí mật về cơ thể người. Tiến hành nghiên cứu hiện tượng này và lợi dụng hiện tượng này ở cơ thể người trong tương lai sẽ trở nên rất có ý nghĩa.



18. NHỮNG TAI HỌA BẤT NGỜ CHO CHÚNG TA BIẾT ĐIỀU GÌ?

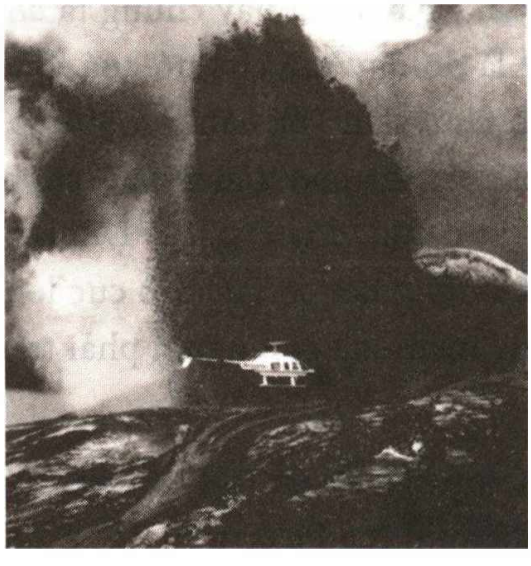
Con người bắt đầu chinh phục thiên nhiên từ lúc nào? Từ lúc con người bắt đầu biết cách dùng lửa chính là lúc bắt đầu công cuộc chinh phục với sự cố gắng không có giới hạn. Từ khi con người biết đẽo những dụng cụ bằng đá, qua mấy chục nghìn năm, con người đã đạt được vô số những thành tựu chinh phục thiên nhiên vĩ đại, thậm chí cả bầu trời, đại dương, mặt đất... Vài trăm năm trước, có những nơi chưa được coi là khu vực hoạt động của con người thì nay không có nơi nào là không có dấu vết của con người. Dấu chân của con người đã đặt lên Mặt Trăng; tàu phi hành vũ trụ đã ra khỏi Thái Dương Hệ, trở thành những sứ giả mà con người gửi đến sự sống thông minh ở những hành tinh khác.

Hiện nay, con người đã hoàn toàn nắm được cả tự nhiên hay không? Đương nhiên là không, chúng ta chưa thể nắm được cả tự nhiên. Những thiên tai bất ngờ thường xuyên xảy ra đang tấn công loài người, khiến cho con người trở tay không kịp. Những thảm họa này giống như những ác ma đang lởn vởn quanh chúng ta, chỉ chực tấn công chúng ta. Ngày hôm nay chúng ta chưa thể hoàn toàn chế ngự những thiên tai, một mặt là do quy mô của nó quá lớn, mặt khác là do trước khi thiên tai xảy ra không có chút dấu vết nào, mà nó ập đến quá bất ngờ. Đây là những bí ẩn của thiên nhiên khiến con người đau đầu hàng trăm nghìn năm nay. Tương truyền lục địa Atlantic dưới đáy Đại Tây Dương chính là vùng đất bị chìm xuống đáy biển do một lần động đất có quy mô cực lớn. Những thiên tai bất ngờ chính là những cửa ải nguy hiểm mà con người phải trải qua trong quá trình phát triển của mình.

Những thảm họa mà con người đã trải qua không thể kể hết được. Xa xưa không nói, chỉ nói ngay đến núi lửa Pelee trên đảo Saint Pierre hoạt động lại vào năm 1902 đã tiêu hủy hoàn toàn cả vùng dân cư trên Đại Tây Dương. Theo lời kể

của các nhân chứng, 7 giờ 45 phút sáng ngày mồng 8 tháng 5, cùng với một tiếng nổ kinh thiên động địa, núi lửa Pelee phun trào, trong khi trước đó không hề có bất kì một dấu hiệu nào. Tiếng nổ lớn như có vài nghìn khẩu đại pháo bắn ra cùng một lúc, cả đảo Saint Pierre chìm trong biển lửa, hàng chục nghìn, hàng vạn cư dân đã chết trong thảm họa này. Trong 18 chiếc thuyền neo đậu tại hải cảng, chỉ có duy nhất chiếc thuyền đến từ London – Anh là may mắn thoát hiểm. Tai họa thảm khốc này đã khiến cho đảo Saint Pieer xưa nay vốn lặng lẽ âm thầm trở nên nổi tiếng toàn thế giới, nhưng trong bản đồ thế giới xuất bản từ đó về sau, đảo Saint Pieer đã không còn tồn tại nữa.

Thảm kịch đảo Saint Pieer đã thành lịch sử, nhưng đến nay vấn đề làm đau đầu các nhà khoa học là, trước khi núi lửa Pelee hoạt động thực sự không có chút dấu hiệu nào sao? Khi đó, rất nhiều núi lửa ngừng hoạt động hoặc những núi lửa đã chết vẫn bốc hơi nước hoặc một chút khí ra ngoài cũng không phải chuyện hiếm gặp. Một năm trước khi núi lửa Pelee hoạt động lại cũng đã có người trông thấy hơi nước phun ra từ miệng núi. Ngày 2 tháng 4 năm 1902, và cuối tháng đó đã có người nhìn thấy miệng núi lửa phát ra những ngọn lửa, bụi núi lửa còn bay đến tận cảng Saint Pieer. Những hiện tượng này mấy trăm năm đã là chuyện rất bình thường với người dân khu vực gần núi lửa. Họ không có chút đề phòng nào với tai họa từ một ngọn núi lửa đã chết. Khi núi lửa phun trào như xé nứt mặt đất, đá, macma nóng chảy, dung nham núi lửa bao vây lấy người dân, lúc đó muốn thoát cũng không kịp nữa.



Thảm họa núi lửa Pelee

Trận thiên tai xảy ra đột ngột tại vịnh Lituya Canada ngày mồng 9 tháng 7 năm 1958 cũng khiến người ta nghe mà rợn người. Đêm hôm đó, trên mặt vịnh Lituya sóng êm biển lặng, bốn bề yên tĩnh. Những tàu thuyền dừng trên vịnh cũng đã yên lặng hết rồi, các thủy thủ trên tài đều đã say giấc. 10 giờ 16 phút, đột nhiên, một tiếng động lớn đánh thức các thủy thủ trên tàu. Chiếc tàu lắc một cách dữ dội khiến cho họ cảm thấy như đang xảy ra động đất. Các thủy thủ đổ lên boong tàu, cảnh tượng trước mắt khiến họ sững sờ: một con sóng lớn như một bức tường nước đang đổ ập xuống thuyền, lúc đó chạy cũng không còn kịp nữa.

Theo lời kể của các nhân chứng, đợt sóng khổng lồ đó cao tới 520 m, còn cao hơn tòa nhà ESB cao 100 tầng ở New York Mỹ đến hơn 100 m, là cơn sóng đáng sợ nhất người ta từng thấy trong lịch sử. Trước đó, kỷ lục cao nhất là trận sóng cao 147 m vào ngày 27 tháng 10 năm 1936, địa điểm cũng là vịnh Lituya. Cơn sóng đã phá hủy tàu thuyền, còn cuốn phăng cả cánh rừng ven bờ, làm bật rễ những cây to chắc khỏe cuốn ra biển. May mắn là, khu vực này thưa người nên không có những thiệt hại quá lớn về người và của. Canada vốn định khai thác vịnh Lituya thành khu du lịch, nhưng vì nơi này liên tiếp xảy ra sóng thần nên kế hoạch này đành phải bãi bỏ.

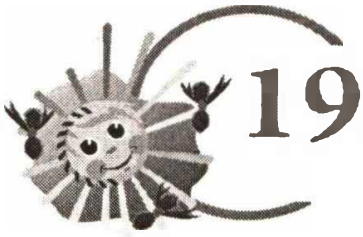


Thảm họa sóng thần

Trận sóng thần tại Lituya chính là do trận động đất 7,9 độ richter gây ra, trận động đất kinh hoàng này đã tạo ra sóng thần. Cũng giống như núi lửa đảo Saint Perre phun trào, trước khi sự việc xảy ra không có bất cứ dấu hiệu nào đủ để người ta có thể đưa ra phán đoán, hoặc nếu có, e rằng người ta cũng không để ý.

Núi Phú Sĩ là ngọn núi lửa đã tắt nổi tiếng của Nhật Bản. Nhưng từ năm 1989, người ta đã phát hiện rất nhiều hiện tượng bất thường. Ví dụ trên đỉnh núi Phú Sĩ đã vài lần xảy ra trận những động đất có thể cảm nhận thấy, có những đoạn sườn núi đã xảy ra lún sụt. Vì vậy một số nhà địa chấn học đã cảnh báo, núi Phú Sĩ sắp hoạt động trở lại, và có thể phun trào. Theo những ghi chép lịch sử, lần hoạt động cuối cùng của núi Phú Sĩ là 300 năm về trước. Hiện nay, xung quanh núi Phú Sĩ có rất nhiều nhà máy kỹ thuật cao, nếu núi Phú Sĩ phun trào sẽ gây nên những tổn thất vô cùng nặng nề. Nhưng nếu dời những nhà máy kỹ thuật cao này tới khu vực an toàn mà núi Phú Sĩ không phun trào, chỉ là những lo lắng hão huyền, thì tổn thất cũng lớn tới mức không thể tưởng tượng được. Ở tình thế tiến thoái lưỡng nan này, các nhà khoa học Nhật Bản chỉ còn biết ngày đêm tăng cường giám sát núi Phú Sĩ, nhằm có biện pháp thích hợp trước khi đại nạn xảy ra. Đây là lựa chọn tốt nhất, nhưng cũng là lựa chọn không chắc chắn nhất, vì con người suy cho cùng vẫn chưa thể nắm được hoàn toàn quy luật xảy ra những thiên tai này.

Có thể khẳng định, những thảm họa thiên nhiên xảy ra bất ngờ là có quy luật, nhưng quy luật đó dường như là một câu đố được nhào nặn trong "bàn tay" của tự nhiên, chưa được con người biết đến. Khao khát tìm ra lời giải cho câu đố này, con người cần phải không ngừng nỗ lực hơn nữa. Song chúng ta có thể tin chắc rằng, chỉ cần cố gắng thăm dò tìm kiếm, chúng ta nhất định sẽ có thể nắm được quy luật hoạt động của các thảm họa bất ngờ, và giảm những tổn thất của thiên tai xuống mức thấp nhất.



19. SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐẤT CÓ THAY ĐỔI TRONG KHÔNG GIAN VŨ TRỤ HAY KHÔNG?

Những sinh vật sinh tồn và tiến hóa trên Trái Đất có thể tiếp tục tồn tại ở bên ngoài Trái Đất không? Đây là một câu hỏi tưởng như rất đơn giản nhưng lại rất khó trả lời, đặc biệt là về sự cấu thành cơ bản nhất của sự sống - trên cấp độ tế bào.

Ngày nay, các nhà khoa học đã tiến hành thí nghiệm về vòng tuần hoàn sự sống đối với vi khuẩn, thực vật và một số động vật nhỏ khác trong không gian vũ trụ trên một phạm vi cực nhỏ, cụ thể là khảo sát sự ra đời, sinh trưởng, duy trì nòi giống và chết đi của chúng. Kết quả cho thấy, một số loài cá, côn trùng nhỏ và động vật lưỡng cư sinh trưởng rất tốt trong môi trường này. Các nhà khoa học thực sự bất ngờ với sức mạnh bền bỉ của sự sống.

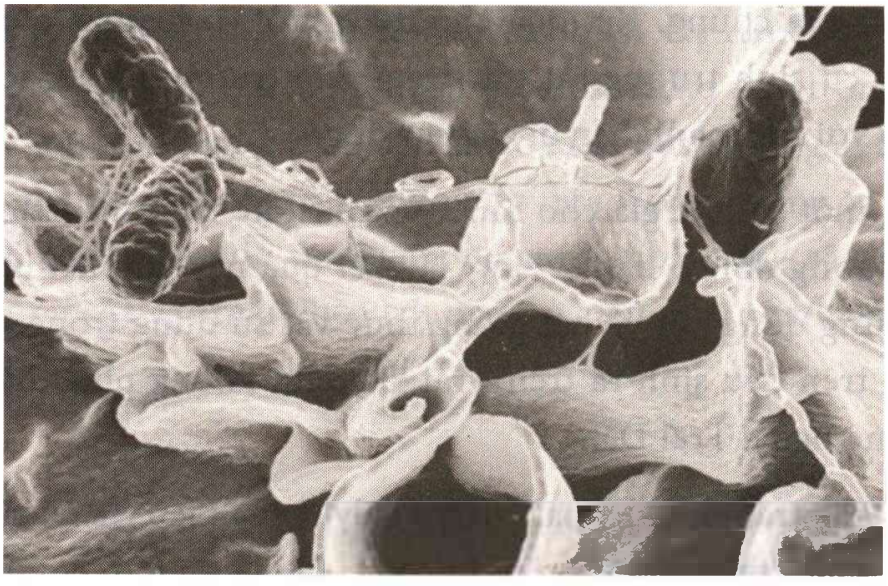
Tuy nhiên, một số học giả cho rằng, số lần thực hiện thí nghiệm này quá ít, phạm vi cũng tương đối có hạn. Vì vậy lấy kết quả này làm kết luận là quá sớm. Họ cho biết, trứng động vật và hạt giống thực vật sử dụng trong những phạm vi thí nghiệm nói trên đều sinh ra trên Trái Đất chứ không phải được nuôi dưỡng trong môi trường ngoài Trái Đất.

Đầu năm 1980, trạm không gian vũ trụ Salyut của Liên Xô cũ và tàu vũ trụ Mỹ đã lần lượt tiến hành thí nghiệm trên thực vật, đây là thí nghiệm đầu tiên cho hạt giống thực vật trên trái đất sống trong không gian vũ trụ. Nhưng hạt giống tại trạm vũ trụ Salyut thu được đa số đều không nảy mầm, cho dù có nảy mầm cũng không sinh trưởng bình thường. Trong hàng loạt thí nghiệm trong khoang tàu vũ trụ. Các nhà khoa học phát hiện ra nhiễm sắc thể của thực vật bị thay đổi khác thường, trong đó có nhiễm sắc thể bị khuyết một cách nghiêm trọng.

Để tìm ra kết quả chính xác, năm 1985, phòng thí nghiệm không gian của Mỹ tiếp tục tiến hành thí nghiệm. Trứng của động vật được thụ tinh trong môi trường không gian trong giai đoạn đầu của kì sinh trưởng gần như đều ngừng phát triển,

chứ đừng nói gì đến ấp trứng. Cần nói rằng, con người cũng không thể tránh khỏi sự ảnh hưởng của môi trường không trọng lượng. Đầu năm cho tới giữa năm 1980, những hóa nghiệm máu của các thành viên phi hành đoàn Liên Xô cũ ở lại trên trạm vũ trụ trong thời gian dài đều cho thấy, bạch cầu trong máu của họ có sự bất thường rõ ràng. Điều này cho thấy rằng, trong môi trường không gian, hệ thống bảo vệ tự nhiên trước mầm bệnh và vi khuẩn trong cơ thể con người đã bị làm tổn hại.

Phòng thí nghiệm không gian của Mỹ đã tiến hành một thí nghiệm khác. Thí nghiệm cho thấy, vi khuẩn trong môi trường không gian sẽ sinh trưởng nhanh hơn khi ở trong trái đất, khả năng chống lại chất kháng sinh cũng mạnh hơn rõ rệt. Thí nghiệm trên cũng có nghĩa là, khả năng đề kháng của những người sống trong môi trường không gian ngoài trái đất sẽ bị giảm, khiến cho các vi khuẩn hoạt động càng mạnh hơn.



Vi khuẩn sinh sôi này nở nhiều hơn trong không gian

Để hiểu rõ hơn về những ảnh hưởng của môi trường không gian vũ trụ đối với sinh vật, các nhà khoa học của cục hàng không vũ trụ Mỹ đã thực hiện kế hoạch khoa học sinh học, chuẩn bị phóng vệ tinh nhân tạo mang tên "Sự sống". Đây là một vệ tinh sinh học, có thể phóng nhiều lần. Phòng thí nghiệm trên vệ tinh này được lắp đặt nguồn điện, máy chụp ảnh màn hình và thiết bị thu âm, và có cả các thiết bị điều chỉnh không gian. Vệ tinh này có thể ở lại một tháng trên quỹ đạo.

Đầu năm 1990, vệ tinh "Sự sống" được đưa lên quỹ đạo Trái Đất. Vì vệ tinh này là một loại vệ tinh cỡ nhỏ, nên có thể khớp nối trực tiếp với vách bên ngoài trạm vũ trụ. Thí nghiệm khoa học về sự sống của cục hàng không vũ trụ Mỹ đã nhiều lần tiến hành tại phòng thí nghiệm tự động nhỏ mà giá thành lại rẻ này.

Tiến hành thí nghiệm với phôi thai của chuột, nhà giải phẫu học đang làm việc tại cục hàng không vũ trụ Mỹ nói, tim, tổ chức thần kinh, xương của thai nhi, cho đến các mô liên kết trong cơ thể được hình thành như thế nào trong không gian vũ trụ là những vấn đề rất cần được nghiên cứu. Ông cảnh báo, vì cơ thể của phụ nữ phản ứng rất nhạy cảm với tia phóng xạ, nên chúng ta phải nghiên cứu thí nghiệm dùng chuột làm thí nghiệm sinh sản trước khi sẵn sàng đón những em bé ra đời, đây là điều vô cùng quan trọng. Nếu chúng ta đưa một phụ nữ lên trạm vũ trụ nhiều lần, thì cơ thể của cô ấy sẽ phải tiếp xúc với tia phóng xạ nhiều lần.

Trước khi chúng ta chuẩn bị rời khỏi Trái Đất, lưu lại trong không gian vũ trụ trong thời gian dài và tìm cách để cơ thể con người có thể thích ứng được với không gian ấy, đầu tiên phải biết những tế bào trong cơ thể chúng ra sẽ xảy ra những biến đổi như thế nào trong điều kiện tương ứng.

20. VÌ SAO TRÁI ĐẤT LẠI NỔI ĐIÊN?

Thời gian gần đây, các nhà khoa học đều vô cùng lo lắng và không ngừng đưa ra cảnh báo với con người: Trái Đất đang đối mặt với nguy hiểm. Khí hậu trên khắp trái đất biến đổi thất thường, sa mạc không ngừng mở rộng, lũ lụt tràn lan, động đất xảy ra liên tục, núi lửa phun trào, thậm chí đến động vật cũng bắt đầu tỏ ra "rối loạn thần kinh".

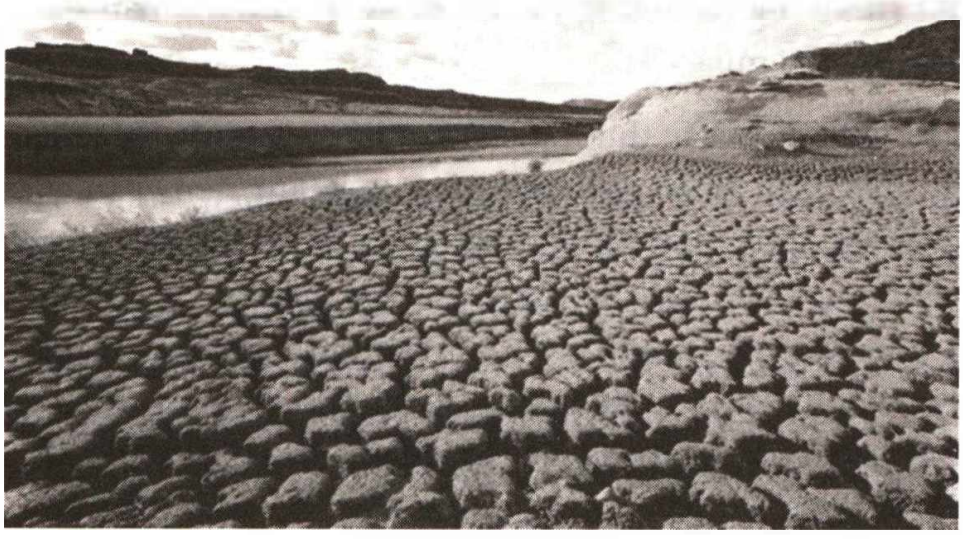
Động đất kéo theo sấm chớp, hỏa hoạn, sạt lở là những tai họa khủng khiếp nhất đối với con người. Một trận động đất có thể cướp đi hàng chục nghìn sinh mạng chỉ trong chớp mắt, phá hoại nhà cửa, đường sá, khiến thành phố trở thành nấm mồ. Hiện nay, con người vẫn chưa thể dự báo chính xác được động đất, càng không thể nói đến việc ngăn chặn động đất. Trận động đất gần đây nhất xảy ra trên thế giới là 7 độ richter. Ngày mồng 7 tháng 12 năm 1988, số người chết trong trận động đất tại Armennia thuộc Liên Xô cũ lên tới gần 25 nghìn người.

Những năm gần đây, gió bão hoành hoành ở khắp mọi nơi trên thế giới, những vùng bị thiệt hại nặng nhất là khu vực ven vịnh Mexico và vùng duyên hải Ấn Độ Dương. Ngày 16 tháng 9 năm 1988, cơn bão "Gilbert" đã hất tung các tàu thuyền trên vịnh Mexico lên bờ, thổi bay các xe ô tô trên mặt đất, thổi các máy bay trên bầu trời như thổi một tờ giấy, rồi ném xuống đất...



Bão Gilbert tàn phá Mexico

Hạn hán cũng giống như một bóng ma giày vò người dân ở khắp mọi nơi trên thế giới. Vì hạn hán lâu ngày không mưa, sa mạc tại châu Phi ngày càng mở rộng, một số khu vực tại Mỹ không thu được một hạt thóc hay một thứ nông sản nào.



Hạn hán

Trên Trái Đất này, có những khu vực đang lo lắng vô cùng vì thiếu nước. Nhưng lại có những khu vực lại khổ sở vô cùng vì nước lũ ngập tràn lan. Tháng 8 năm 1988, Sudan ở lưu vực sông Nin châu Phi bị nước lũ tấn công, một triệu năm trăm nghìn người lưu lạc không nhà cửa, vài nghìn người bị chết đuối. Vì điều kiện vệ sinh quá kém, các bệnh tật càng lan rộng. Hiện nay, hạn hán và lũ lụt đang thay nhau tấn công con người.



Lũ lụt

Mùa hè nóng hơn một chút, mùa đông lạnh hơn một chút, con người vẫn có thể chịu được. Nhưng nếu như mùa đông mùa hè đảo ngược thì đó đúng là một tai họa. Đầu mùa hè năm 1989, bán đảo Florida – vùng chuyên trồng quýt đường ở miền Nam nước Mỹ bỗng nhiên bị một luồng không khí lạnh tấn công, từng cột băng lạnh buốt rủ xuống từ những cây cam cây quýt đang trĩu quả, gây nên tổn thất vô cùng lớn đối với mùa vụ.

Cùng với sự biến đổi khác thường của khí hậu toàn cầu, lục địa châu Phi còn bùng phát nạn châu chấu trước nay chưa từng có. Hàng đàn châu chấu lớn bay lên, che khuất cả bầu trời, hoa màu trong chốc lát đã bị gặm sạch sành sanh, đến rơm rạ cũng không bỏ sót. Châu chấu có thể di chuyển đường dài. Chúng bay đến châu Âu và châu Á nhờ sức gió. Chúng cướp hết lương thực của con người, khiến cho đất đai thành sa mạc... Các loài động vật dường như cũng bị "rối loạn thần kinh", trong đó việc cá voi tự sát tập thể là việc khiến cho người ta khó hiểu nhất. Chúng bất chấp tất cả để xông lên bờ, vì sao lại như vậy? Có phải chúng bị mất phương hướng không? Hay phải chăng đối với chúng, Trái Đất đã sắp trở thành hành tinh chết không còn chỗ dung thân nữa?



Nạn châu chấu

Tại sao Trái Đất lại nổi điên như vậy? Có lẽ, đây chính là quả báo vì những hành động tàn phá môi trường sinh thái bừa bãi của con người? Có người cho rằng, Trái Đất mới bốn tỷ sáu trăm triệu năm tuổi. Nếu bị hủy diệt cũng là chuyện xảy ra sau hàng chục triệu năm nữa. Nếu con người không nhìn thẳng vào những hiện tượng bất thường vẫn đang xảy ra thì ngày đó có lẽ sẽ đến sớm hơn. Có một số các học giả bi quan một mực cho rằng, đây là điềm báo trước rằng Trái Đất đang trở thành một thiên thể chết. Tóm lại, đây vẫn là một bí ẩn. Tất nhiên, con người cũng chưa cần phải bi quan như vậy, nhưng cần phải coi trọng vấn đề này hơn.



21. AI BIẾT VỀ "PHÉP RÚT ĐẤT" CỦA TRÁI ĐẤT

Ở gần Taiji thuộc huyện Wakayama của Nhật Bản có trạm quan trắc đường bay Sani của phòng cảnh sát trên biển. Mỗi khi vệ tinh quan sát Trái Đất hiện ra ở đường chân trời thì máy đo khoảng cách bằng tia laze của trạm quan trắc đó sẽ phát ra tín hiệu tia laze màu xanh về phía nó. Trên bề mặt của vệ tinh đo lường Trái Đất có lắp đặt một số lượng lớn các lăng kính có thể phản xạ lại chùm tia laze truyền tới theo đúng hướng cũ, đồng thời có thể đo được thời gian tia laze phát đi và trở về trạm quan trắc một cách chính xác. Từ đó có thể tính được chính xác khoảng cách giữa trạm quan trắc và vệ tinh. Cách này có thể tìm ra vị trí địa lí chính xác của điểm quan sát. Phương pháp này gọi là "đo khoảng cách bằng laze vệ tinh nhân tạo". Từ năm 1982, trạm quan trắc luôn làm nhiệm vụ đo lường, để xác định vị trí chính xác của các đảo trong quần đảo Nhật Bản. Tuy nhiên, nếu chỉ tiến hành quan sát đơn thuần thì không thể có được một kết quả chính xác. Trạm quan trắc còn cùng tham gia quan trắc với các nước khác trong "kế hoạch lực học vỏ Trái Đất" do cơ quan hàng không vũ trụ Mỹ (NASA) tổ chức, thường xuyên trao đổi tài liệu, số liệu với các trạm quan trắc của các nước trên thế giới.

Việc tiến hành quan sát, đo lường chính xác trong thời gian dài có thể giúp chúng ta hiểu được sự thay đổi vị trí của điểm quan sát, hay cũng chính là tình hình dịch chuyển vị trí. Việc dịch chuyển vị trí điểm quan sát của các nước trên thế giới có thể trở thành căn cứ để nghiên cứu xu hướng di chuyển và đo đạc sự vận động của các mảng kiến tạo lớp thạch quyển trái đất. Bề mặt Trái Đất được bao phủ bởi hơn 10 mảng cấu tạo dạng miếng lớn, được gọi là mảng kiến tạo bề mặt Trái Đất. Các mảng kiến tạo có độ dày khoảng 100 km. Các nhà khoa học luôn cho rằng các mảng kiến tạo này đang di chuyển một cách từ từ.

Theo những tư liệu và con số phân tích mới nhất, được biết, khoảng cách địa lý giữa trạm quan trắc Sani và thành phố Wetzlar (Đức), Hawai, Greenearth (Mỹ) và Yaraka (Australia) đang ngày càng gần.

Hiện nay, vệ tinh đo lường Trái Đất ngoài "Hoa cẩm tú cầu" của Nhật Bản còn có "Rachaus" của Mỹ và "Sao sáng" của Pháp. Quỹ đạo của các vệ tinh này có độ cao khoảng từ 1000 km đến hàng nghìn kilômet. Muốn chiếu chùm tia laze nhỏ lên bề mặt của những vệ tinh một cách chính xác thì cần phải nhờ tới khả năng theo dõi rất tốt của máy móc đối với vệ tinh đó. Tín hiệu laze phản xạ lại từ bề mặt những vệ tinh vô cùng yếu nên nếu muốn tiếp nhận và tính toán một cách chính xác thời gian đi và về của chùm tia laze cũng cần phải biết đến những phương pháp kĩ thuật tiên tiến. Hiện nay, độ đo lường chính xác đã đạt tới độ sai sót khoảng 1 cm.

Số liệu thu được của các trạm quan trắc ở các nơi trên thế giới còn phải thông qua rất nhiều lần tính toán và phân tích. Từ đó mới có thể biết được quỹ đạo chính xác của vệ tinh, tọa độ địa lí của trạm quan trắc, độ lệch về hình dạng và khối lượng của trái đất, trạng thái quay của Trái Đất v. v...

Để xác định vị trí chính xác của trạm quan trắc còn có thể áp dụng kỹ thuật "giao thoa kế sóng điện chuẩn siêu trường". Phát triển kỹ thuật này để xác định phương hướng sóng điện đến từ không gian vũ trụ và hiểu được "hàm ý" của nó. Ăngten ở hai nơi tiếp nhận cùng một tín hiệu sóng điện là có thể xác định được độ chênh lệch thời gian giữa tín hiệu sóng điện đến trước và sau. Phương pháp này không chịu sự ảnh hưởng của khí hậu. Nó thu kết quả nhanh hơn so với vệ tinh đo lường Trái Đất. Sau khi xác định được phương hướng của sóng điện là có thể xác định được mối liên hệ vị trí giữa hai ăng ten nhờ vào độ chênh lệch thời gian giữa sóng điện đến trước và sau. Nếu hai Ăngten đặt ở trên hai mảng kiến tạo khác nhau, quan sát liên tục có thể biết được trạng thái vận động tương đối của hai mảng kiến tạo.

Do khoảng cách tia laze của vệ tinh nhân tạo có ưu điểm là không liên quan đến các trạm quan trắc khác và có thể xác định vị trí trạm quan trắc một cách độc lập. Nên khi đối chiếu độ chính xác của hai phương pháp, ta có thể thu được hiệu quả tốt hơn rất nhiều.

Những năm gần đây, hai phương pháp trên đã được ứng dụng trực tiếp vào việc xác định sự vận động của các mảng kiến tạo Trái Đất. Không những thế các số liệu thu được cũng trùng khớp nhau. Kết quả đó cũng giống với kết quả suy luận dựa vào khảo sát thực tế trong nhiều năm nay. Ví dụ: mảng kiến tạo Thái Bình Dương theo xác nhận đang dần dịch chuyển gần về phía Nhật Bản. Theo kết quả quan sát thực tiễn, trạm quan trắc Sani và Hawai đang gần vào nhau với tốc

độ 78 mm/năm. Yaraka, Greenearth của mảng kiến tạo Australia cũng đang tiến gần về Nhật Bản. Tuy rằng những địa điểm này đang tiến gần về Nhật Bản, nhưng cũng có một số nơi ngày càng di chuyển ra xa Nhật Bản hơn. Theo kết quả thu được nhờ đo khoảng cách tia laze của vệ tinh nhân tạo, trạm quan trắc Sani đang dần tiến gần đến Wetzlar của Đức với tốc độ 38 mm/ năm. Việc này đang thu hút được sự quan tâm của rất nhiều người. Do Nhật Bản và Châu Âu đều nằm trên mảng kiến tạo của lục địa Âu – Á nên từ trước đến này các nhà khoa học cho rằng khoảng cách giữa chúng sẽ không có gì thay đổi. Theo các nhà khoa học tham gia phân tích, những số liệu trên không phải tuyệt đối mà cũng đang thay đổi. Tuy nhiên, quả thực đã từng có sự thay đổi khoảng vài centimet mỗi năm nên chúng ta không thể xem nhẹ những sự thay đổi này.

Tại sao lại xảy ra sự thay đổi khoảng cách giữa trạm quan trắc Sani và Wetzlar? Đối với vấn đề này, các nhà khoa học đã đưa ra được những sự suy đoán như sau:

Mảng kiến tạo lục địa Âu – Á không phải là một chỉnh thể, trong đó tồn tại một ranh giới giữa các mảng kiến tạo mà chúng ta chưa biết.

Mảng kiến tạo Trái Đất không phải là một thể rắn hoàn chỉnh, có thể có tính co giãn.

Xung quanh quần đảo Nhật Bản là một số khu vực "chen vào" với mảng kiến tạo lục địa Âu- Á. Vì thế dưới sức ép của các mảng kiến tạo khác, quần đảo Nhật Bản đang xảy ra sự vận động phức tạp cục bộ.

Vậy xét cho cùng nguyên nhân dẫn đến sự vận động của các mảng kiến tạo đó là gì? Có thể còn tồn tại những nguyên nhân mà chúng ta hoàn toàn không nghĩ tới... Các nhà khoa học rất có hứng thú với sự vận động của các mảng kiến tạo Trái Đất nhưng để giải quyết vấn đề này thì cần phải tập hợp nhiều số liệu quan sát hơn nữa. Do Nhật Bản nằm viền mép của mảng kiến tạo lục địa Âu – Á, lại chịu sự chèn ép của các mảng kiến tạo khác, nên khả năng thứ ba rất đáng để cân nhắc. Nhưng chỉ có trạm quan trắc ở khu vực Đông Á là chưa đủ mà còn cần tập trung quan trắc ở vùng Tây Bắc Thái Bình Dương. Để tìm ra bí mật của việc Nhật Bản ngày càng dịch chuyển gần với Wetzlar của Đức, rất nhiều các nhà khoa học trên thế giới hi vọng những khu vực liên quan sẽ thực hiện kế hoạch quan sát trên quy mô lớn. Sau cùng, dù kết quả như thế nào đi chăng nữa thì nó đều sẽ thu hút sự quan tâm sâu rộng của mọi người.



22. BIẾN CỐ CÓ THỂ XẢY RA ĐỐI VỚI TRÁI ĐẤT

Nếu chúng ta có thể nhìn Trái Đất từ khoảng cách hàng nghìn kilomet, chúng ta sẽ thấy một hành tinh màu xanh long lanh, tươi sáng rực rỡ, muôn hình vạn trạng không bao giờ thưởng ngoạn hết. Nhưng khi chúng ta ngồi trên máy bay và nhìn xuống từ độ cao khoảng 10 mét, chúng ta sẽ thấy hối tiếc khi nhìn thấy bề mặt Trái Đất trông giống như khuôn mặt người già đã trải qua mọi sương gió và đầy nếp nhăn: trên mặt đất sông núi dày đặc, còn trên biển thì sóng cồn dồn dập. Chúng ta sẽ nhìn thấy những hố sâu, vực thẳm....

Bạn sẽ cảm thấy hoa mày chóng mặt khi đứng bên những hố thiên thạch lớn.

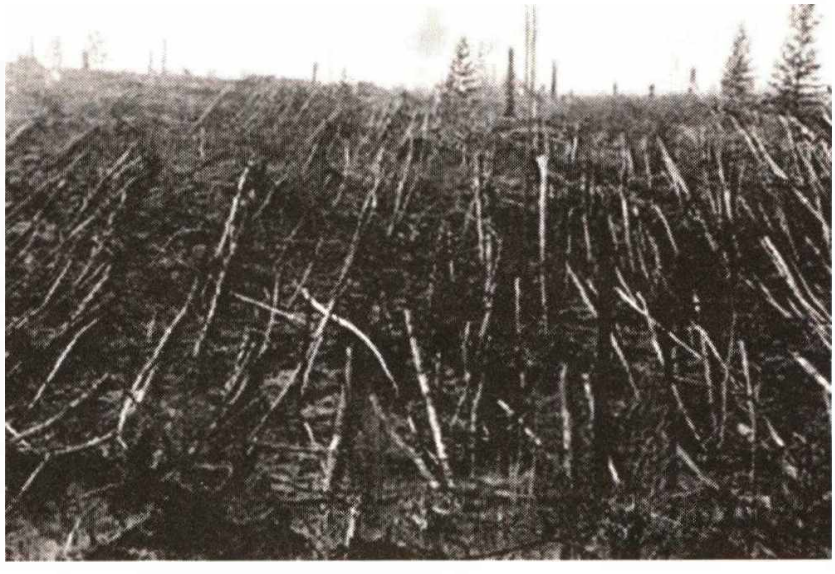
Khoảng 20 nghìn năm trước, một tảng thiên thạch nặng tới 100 nghìn tấn đã rơi xuống vùng đất của tiểu bang Arizona, Hoa kì ngày nay, tạo nên một hố lớn sâu 170 m, rộng 1240 m. Những ai đứng ở bên miệng hố này đều cảm thấy hoa mắt chóng mặt. Hố mà chúng ta nhắc đến ở đây chính là hố thiên thạch Barringer nổi tiếng. Những hố thiên thạch như vậy còn có ở rất nhiều khu vực khác như Canada, Australia. Một điều không cần phải nói chúng ta cũng biết, đó là khi một tảng thiên thạch lớn rơi xuống chắc hẳn sẽ gây ra một tai họa nghiêm trọng tại vùng đó.

Cách đây không lâu, có nhà khoa học đã từng nói, Trái Đất từng có 4 vệ tinh, 3 vệ tinh đầu đã bị bắt làm "tù binh" của Trái Đất trong quá trình chuyển động quá gần Trái Đất. Kết quả ba hành tinh đó đã tạo thành ba đại dương trên Trái Đất, đó là: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương. Còn một vệ tinh cuối cùng đó chính là Mặt Trăng lơ lửng trên bầu trời ban đêm. Chúng ta khó có thể tưởng tượng được Trái Đất có hình dạng như thế nào khi "thu phục" được ba tù binh đó.



Hố thiên thạch Barringer

Vào buổi sáng ngày 30 tháng 6 năm 1908, trên bầu trời khu vực Tunguska và hồ Baikal của Syberia đã xảy ra một vụ nổ lớn gây chấn động cả thế giới, phá hủy 2000 km^2 rừng và làm chết hơn 1500 con tuần lộc. Các máy thăm dò địa chấn của Châu Âu và Châu Mỹ đều ghi chép lại được vụ chấn động này. Vụ nổ này tương đương với sức tàn phá của 4 triệu tấn thuốc nổ TNT và hơn 200 quả đạn nguyên tử ném xuống Hiroshima. Vụ nổ Tunguska được xem là sự kiện tự nhiên thần bí nhất xảy ra trong thế kỉ đó.



Tàn tích của vụ nổ Tunguska

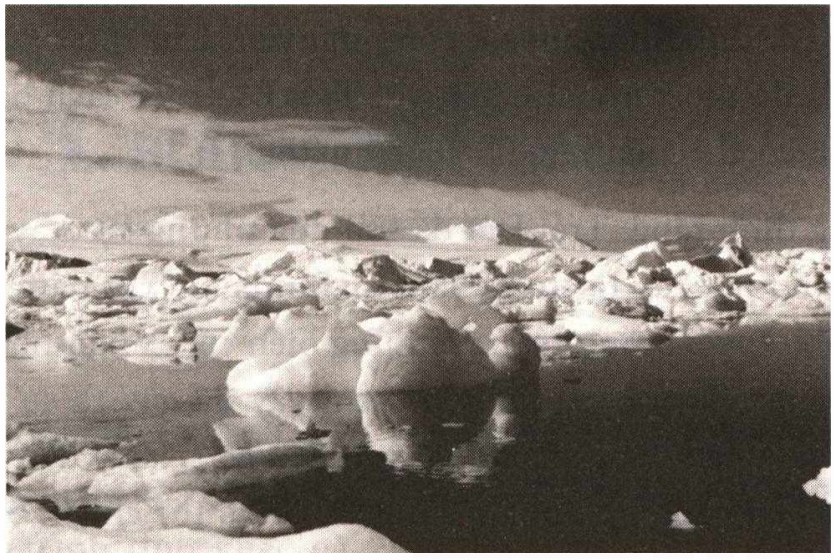
Hiện nay, con người đã có thể hiểu được vì sao lại có rất nhiều các nhà khoa học cứ "lo bò trắng răng", đi quan sát bầu trời trên đầu và mặt đất dưới chân chúng ta với tâm trạng căng thẳng như vậy.

Trái Đất cũng giống như con thuyền Noah, là chỗ nương thân của con người và vạn vật. Vận mệnh của Trái Đất cũng báo hiệu vận mệnh của loài người. Khoảng đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, một số nhà khoa học danh tiếng đã cùng nhau tiến hành đi sâu phân tích về Trái Đất và môi trường vũ trũ bên ngoài Trái Đất. Họ đã chỉ ra rằng, trong một thời gian tương đối dài sắp tới, Trái Đất của chúng ta có thể bị gặp nguy hiểm.

Mối đe dọa đối với loài người đến từ Nam Cực.

Lớp băng bao phủ ở Nam cực phát ra những quầng sáng màu xanh đậm dưới ánh sáng mặt trời. Chúng bao phủ khoảng 15 triệu km^2 bề mặt lục địa Nam cực, gấp hai lần diện tích của Châu Mỹ, tương đương với 3% diện tích bề mặt trái đất. Lớp băng đó có độ dày lên tới 1,6 km. Có tới 90% nước ngọt của Trái Đất tập trung trong lớp băng dày đó. Nếu lớp băng đó tan ra và chảy ra biển trong phút chốc thì nước lũ sẽ quét sạch Trái Đất. Nền văn minh hàng nghìn năm của nhân loại cũng sẽ tan thành mây khói. Nguyên nhân khiến cho băng ở Nam cực tan chảy có lẽ do sự dịch chuyển của địa cực. Nhà khoa học Mỹ Auchincloss Brown, người đưa ra lời dự đoán này đã bị mọi người chê cười và hắt hủi. Ông đã đóng cửa không tiếp khách, dành cả đời mình để nghiên cứu sự di chuyển của địa cực. Nhưng cho đến khi từ giã thế giới này, những thành quả nghiên cứu của ông vẫn chưa được mọi người tiếp nhận. Theo lời tiên đoán của Brown, nếu xảy ra biến cố đó thì New York sẽ chìm sâu dưới 20 m nước. Con số này được ông tính toán rất chính xác. Ông nói, người Inuit hay còn gọi là người Eskimo sống ở cạnh Bắc cực có thể may mắn thoát khỏi kiếp nạn này bởi vì gần địa cực là nơi chịu ảnh hưởng của nước lũ nhỏ nhất.

Ngay từ năm 1948, Brown đã chỉ ra, do lớp băng ở Nam cực không ngừng dày lên, có nguy cơ làm cho sự tự chuyển động quanh mình của Trái Đất mất cân bằng. Ông đã kêu gọi tất cả toàn nhân loại cùng đoàn kết lại để ngăn chặn sự dày lên của lớp băng ở Nam cực. Nhưng nói thì dễ làm thì khó, với sức mạnh hiện nay của con người khó có thể làm được. Cho đến nay, đã từng có 10 kỷ băng hà. Điều đó đã ủng hộ lời tiên đoán của Brown. Ở kỷ băng hà thứ nhất, bồn địa Sudan biến thành Bắc cực, còn ở kỷ băng hà thứ hai, vịnh Hudson (Bắc Mỹ) đã bị biến thành Bắc Cực.



Băng tan

Năm 1939, Freud đã hoàn thành xong tác phẩm cuối cùng của mình mang tên "Moses - thần giáo". Trong cuốn sách này, ông đã kể về tâm lí học và nguồn gốc lịch sử của đạo Do Thái. Trong quá trình nghiên cứu tư tưởng của Frued, một người Mỹ tên là Manuel Berekovsky đã phát hiện được một truyền thuyết trong "Sách xuất hành" của kinh thánh. Truyền thuyết kể rằng, khi người Israen bỏ chạy đến Ai Cập thì xảy ra một trận thiên tai, nước biển phân chia làm hai, núi Sinai phun trào những ngọn lửa, mây và lửa che kín bầu trời. Sau nhiều năm nghiên cứu, Manuel Berekovsky đã phát hiện ra rằng, truyền thuyết đó hoàn toàn trùng khớp với sự thật trong lịch sử, khi đó Trái Đất xảy ra va chạm với một thiên thể nhỏ.

Manuel Berekovsky cho rằng, sao Kim là một sao chổi được tách ra từ sao Mộc cách đây 4000 năm. Do nó gần với Trái Đất một cách không bình thường nên đã làm cho địa cực Trái Đất thay đổi. Hai thảm họa mà sao Kim gây ra đều được ghi chép trong các tư liệu người xưa để lại.

Sao Hỏa gần Trái Đất bất thường cũng gây ra thảm họa cho Trái Đất. Berekovsky cho rằng, lần tiến sát Trái Đất bất thường gần đây nhất của sao Hỏa là vào mùa xuân năm 687 trước công nguyên. Theo những ghi chép trên thẻ tre của người Trung Quốc, thì những ngôi sao băng rơi xuống đất như mưa, núi non mặt đất rung chuyển không ngừng.

Berekovsky còn nói rằng, nhiệt độ của Trái Đất sẽ tăng lên, địa cực di chuyển, tốc độ tự quay của Trái Đất cũng thay đổi, thay đổi lớn về độ nghiêng của trục Trái Đất ít nhất đã xảy ra hai lần. Một lần vào thế kỉ VII, VIII trước công nguyên,

một lần vào khoảng 1500 năm trước công nguyên. Lần thứ nhất là do sao Hỏa, còn lần thứ hai là do sao Kim nằm gần với Trái Đất một cách bất thường gây ra. Trong kinh thánh có ghi chép về tai họa lần thứ hai.

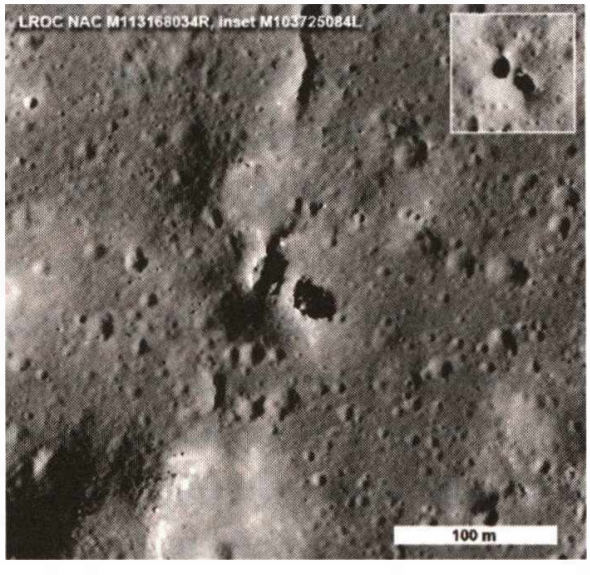
Có thể khẳng định rằng, Trái Đất đã trải qua những sự thay đổi vô cùng lớn. Sự biến đổi này thường xảy ra trong hàng nghìn,hàng vạn năm. Tuy nhiên,cũng có thể khẳng định rằng đã từng xảy ra "những biến cố". Ví dụ như động đất, sự va chạm với các thiên thể, những "tai họa" như vậy đã gây ra sự uy hiếp cho loài người. Hiện nay cơ quan hàng không vũ trụ Hoa Kì (Nasa) đang theo dõi những hành tinh nhỏ có khả năng rơi xuống Trái Đất, để có thể chuẩn bị tốt trước khi tai họa xảy ra hoặc phá hủy nó.

Dự đoán vẫn chưa đồng nghĩa với sự thật. Rất nhiều người bao gồm cả một số nhà khoa học vẫn không tin rằng một ngày nào đó Trái Đất sẽ bị hủy diệt. Họ cho rằng mặc dù Trái Đất có rất nhiều hố sâu, vực thẳm nhưng nó vẫn không ngừng quay. Tuy nhiên, dù chưa đủ yếu tố để phá hủy Trái Đất nhưng lại có thể hủy diệt loài người và các loài sinh vật khác, chính là lịch sử thay đổi của Trái Đất đã cho chúng ta biết. Có thể trong tương lai rất xa, con người chúng ta có thể chuẩn bị tốt cho việc ứng phó với tất cả các tai nạn xảy ra.

23. BÍ ẨN VỀ MẶT TRĂNG

1. Trước khi đến được Mặt Trăng, con người đã từng ôm ấp một hoài bão rất lớn, đó là hi vọng tại đó có thể phát hiện được những bằng chứng chứng tỏ những sinh vật của các hành tinh khác đã từng đến Mặt Trăng. Nhưng phi hành gia người Mỹ sau 6 lần bay lên Mặt Trăng vẫn chưa thu được kết quả như mong đợi.

Tuy nhiên, kì quan bề mặt Mặt Trăng mà một số người quan sát bằng kính viễn vọng lại không hề bình thường chút nào. Trong đó, ghi chép khiến người ta ngạc nhiên nhất đó chính là bài phát biểu của nhà khoa học John O'Neill trên tờ báo "New York Herald Tribune" năm 1954. Ông nói rằng có người đã phát hiện thấy một vật thể hình cây cầu rất lớn trên biển Mặt Trăng Mare Crisium. Điều thú vị là, một nhà thiên văn học nổi tiếng khác khi dùng kính viễn vọng của mình quan sát Mặt Trăng cũng thừa nhận ở đó có một vật thể hình cây cầu, trong đó có một người nói cây cầu dài 19 km.



Hình ảnh về hai cây cầu tự nhiên trên mặt trăng

Nếu thực sự có vật thể đó thì đó là một cây cầu hay là địa mạo được hình thành tự nhiên. Trong một chương trình của hãng truyền thông Anh, nhà thiên văn học

nổi tiếng người Anh Willkis đã nói rằng vật thể hình cây cầu đó là do con người tạo ra. Khi có người hỏi về tình hình cụ thể của vật thể đó, ông trả lời: có thể nói đó là vật được chế tạo ra nhờ kĩ thuật. Ông còn nói thêm rằng, bóng của nó in trên bề mặt của Mặt Trăng trông rất giống như những chiếc cầu bình thường mà chúng ta vẫn thấy. Nhà nghiên cứu Mặt Trăng này nói, khi ánh sáng mặt trời chiếu gần vào cầu sẽ nhìn thấy rất rõ. Khán giả nghe đài không có chút gì ngạc nhiên.

Tất nhiên, kể từ đó, những quan sát về Mặt Trăng vẫn chưa đưa ra được những căn cứ ủng hộ cho phát hiện trên. Một quan điểm hoàn toàn trái ngược với tiến sĩ Willkis cho rằng, nhìn địa mạo được hình thành tự nhiên của bề mặt Mặt Trăng thành một cây cầu hay một công trình kiến trúc là do Mặt Trăng cách Trái Đất quá xa, dẫn đến những sai lầm trong việc quan sát.

Tuy nhiên, quả thực vẫn còn có những hiện tượng giải thích chưa đầy đủ về bề mặt của Mặt Trăng. Một khoảng thời gian rất lâu, khoảng hàng chục đến hàng trăm năm trước khi con tàu vũ trụ Apolo được phóng lên Mặt Trăng, khi mà các nhà quan sát chỉ có thể nghiên cứu Mặt Trăng nhờ vào kính viễn vọng thì các nhà thiên văn học tài ba xuất chúng đã từng nhìn thấy những điểm sáng và những quầng sáng trắng di chuyển trên bề mặt của Mặt Trăng. Galileo đã từng để lại những ghi chép quan sát về vấn đề này. Các nhà thiên văn học đều cho rằng, trên Mặt Trăng không có sinh vật sinh sống, không có không khí, do đó cũng không có gió, không có hiện tượng phong hóa. Hay nói cách khác, Mặt Trăng là một thiên thể có địa mạo về cơ bản không thể biến đổi. Nhưng thực tiễn đã chứng minh, địa mạo của Mặt Trăng đang thay đổi ở một số nơi.

Khoảng hơn 100 năm trước, nhà thiên văn học người Đức John Sirota đã dành mấy chục năm không ngừng quan sát một ngọn núi hình tròn có đường kính 9,6 km trên Mặt Trăng, và đã để lại một số ghi chép rất khác thường. Ông phát hiện ra rằng, ngọn núi hình tròn này ngày càng nhỏ đi và dần biến mất. Hiện nay, nó chỉ còn là một điểm nhỏ được bao quanh bởi những vật tích tụ màu trắng vừa nhạt, vừa nhỏ. Theo ảnh con tàu Apolo số 15 chụp được cho thấy, hiện nay đường kính của ngọn núi này chỉ còn có 2,4 km. Và cho đến nay, vẫn chưa có ai tìm ra được nguyên nhân thực sự dẫn đến sự thay đổi đó.

Người đã từng đảm nhiệm chức đài trưởng đài thiên văn bang Minnesota Mỹ Frank Halstead cùng trợ lí và 16 học giả khác đã cùng nhau quan sát Mặt Trăng.

Họ phát hiện thấy, hiện nay, trên một ngọn núi hình vòng cung tên là "Sáo nhỏ" đã không còn tồn tại những đường vân màu đen. Sau khi các nhà thiên văn học khác xác nhận sự tồn tại của đường vân màu đen đó không lâu, đường đó đã đột nhiên biến mất.

Qua thí nghiệm nguyệt chấn, một số nhà khoa học người Mỹ đã rút ra kết luận rằng Mặt Trăng có thể là một dạng vỏ trống rỗng. Còn có một số nhà khoa học đã nhận được những tín hiệu vô tuyến điện không rõ từ Mặt Trăng.

Tạm thời, con người vẫn chưa thể đưa ra kết luận gì với những hiện tượng xảy ra về Mặt Trăng. Nhưng cũng may các phi hành gia vũ trụ của Mỹ và Nga đang vạch ra và thực hiện một kế hoạch quay trở lại Mặt Trăng mới. Kế hoạch này chắc chắn sẽ rộng rãi và cẩn thận, tỉ mỉ hơn, giúp ích cho việc tìm ra lời giải đáp cho những bí ẩn về Mặt Trăng.

2. Các nhà khoa học đã dự đoán rằng, Mặt Trăng sẽ là cơ sở năng lượng của con người, là vịnh Persian của thế kỉ sau. Đó là bởi vì các nhà khoa học đã phát hiện ra heli 3 trên bề mặt của Mặt Trăng.

Công nghệ nhiệt hạch hạt nhân, trong đó tiêu biểu là thiết bị Tokamak đã có những bước tiến bộ vượt bậc, có thể chỉ còn cách điều kiện đánh lửa chủ động một bước nữa thôi. Tuy nhiên, do vẫn còn tồn tại những vấn đề về nguyên liệu lò phản ứng và năng lượng phóng xạ nên cho dù thực hiện được đánh lửa chủ động thì tương lai phát triển của công nghệ nhiệt hạch hạt nhân vẫn không hề bằng phẳng chút nào. Đặc biệt, do còn tồn tại vấn đề năng lượng phóng xạ nên công nghệ nhiệt, vốn được coi là nguồn năng lượng sạch này đang đứng trước tình thế nghiêm trọng.

Cũng chính vì thế, phản ứng D – He3 đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của giới khoa học. Năng lượng phóng xạ mà phản ứng này thải ra ít hơn rất nhiều so với phản ứng D – T. Đặc điểm này của phản ứng D – He3 sớm đã thu hút sự chú ý của những người nghiên cứu về nhiệt hạch hạt nhân. Cho đến nay, nó đã nhiều lần trở thành chủ đề tranh luận của giới khoa học. Những chất sinh ra trong phản ứng này phần lớn đều là các hạt mang điện, có thể bị đốt cháy trong thiết bị nhiệt hạch hạt nhân đóng kín kiểu mở rộng, trực tiếp phát điện. Do cách thức phát điện này có thể nâng cao hiệu suất rất lớn nên rất có tương lai phát triển.

Sở dĩ các nhà khoa học trên thế giới đưa công nghệ này vào chương trình họp là vì việc tận dụng tài nguyên heli 3 trên bề mặt của Mặt Trăng đã không còn là việc không thể thực hiện được.

Heli 3 trên bề mặt của Mặt Trăng là do gió Mặt Trời mang đến. Thành phần chủ yếu của phân tử ion như gió Mặt Trời là hydro, trong đó hàm lượng heli 3 chiếm một phần hàng trăm nghìn. Hàng chục tỷ năm nay, những phân tử heli 3 này tích tụ rất nhiều trong lớp đất đá trên bề mặt của Mặt Trăng. Do sự cản trở của tầng khí quyển nên trên Trái Đất không thể tích tụ heli 3 đến từ Mặt Trời, và số lượng heli 3 được phân giải từ chất đồng vị Tritium của Hydro còn vô cùng ít.

Cứ xử lí 10 tấn đất cát trên bề mặt Mặt Trăng là có thể thu được 1000g heli 3. Cho 1000g heli 3 này vào đốt trong lò phản ứng nhiệt hạch hạt nhân sẽ thu được công suất phát điện 10000 kw/năm. Nếu mỗi năm có thể sử dụng được hàng chục tấn heli 3 thì có thể đáp ứng được nhu cầu về điện năng trong thế kỉ XXI của người dân trên khắp thế giới. Trong khi đó, con số này vẫn còn nhỏ hơn rất nhiều so với 1 triệu tấn heli 3 có trên bề mặt Mặt Trăng. Kĩ thuật khai thác heli 3 không hề phức tạp, chỉ cần tăng nhiệt độ lên tới 1000°C.

Chúng ta hãy thử tính toán xem toàn bộ chi phí cho quá trình khai thác và vận chuyển heli 3 về Trái Đất là bao nhiêu. Nếu bằng với giá thành dầu thô, tức là khoảng 7 USD/ thùng dầu thì so với giá khoảng 19 USD/ thùng dầu thô trên thị trường quốc tế hiện này, giá này còn rẻ hơn rất nhiều. Khi khai thác heli 3 còn lấy được rất nhiều các sản phẩm phụ như là hydro, lưu huỳnh, nito, hay cũng chính là những điều kiện vật chất cơ bản không thể thiếu được khi con người sống trên Mặt Trăng. Nếu mọi việc quả thực đúng như vậy thì tất nhiên là một việc tốt. Nhưng nếu muốn biến ý tưởng đó thành hiện thực thì vấn đề then chốt nằm ở chỗ liệu có thể chế tạo được lò phản ứng nhiệt hạch hạt nhân để thực hiện phản ứng D – heli 3 hay không. Các nhà khoa học vốn cũng đau đầu vì nguyên liệu để làm thành lò phản ứng do nhiệt độ của phản ứng nhiệt hạch hạt nhân quá cao. Do đó, hiện nay, xét về mặt kĩ thuật thì việc tăng thêm nhiệt độ là rất khó.

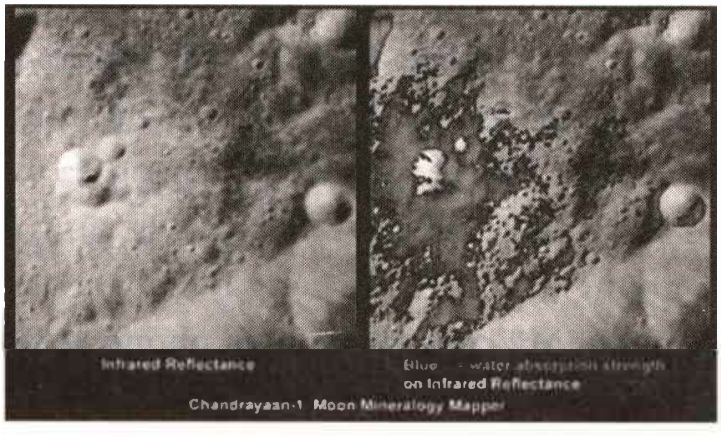
Dù hiện nay, heli 3 đã trở thành một chủ đề bàn bạc của các chuyên gia về năng lượng, chứng tỏ họ có thể đã có được manh mối mới, làm thay đổi tình trạng bế tắc của công nghệ nhiệt hạch hạt nhân. Việc thám hiểm sao Hỏa và khai thác bề mặt Mặt Trăng là những sự nghiệp khoa học mới sau này mà giới khoa học các nước cần phải tập trung lực lượng để thực hiện.

Tuy nhiên, việc làm thế nào để khai thác Heli 3 trên Mặt Trăng và vận chuyển nó về Trái Đất e rằng vẫn là một trong những câu hỏi hóc búa đặt ra cho các nhà khoa học. Có lẽ phải cần rất nhiều năm nữa mới có thể biến điều đó thành sự thật.

3. Kể từ khi con tàu vũ trụ Apolo số 11 bay lên Mặt Trăng vào tháng 7 năm 1969 thì đã có 6 lần tàu vũ trụ Apolo đặt chân lên Mặt Trăng và đã mang về rất nhiều nham thạch từ đó. Theo phân tích những mảng nham thạch đó cho thấy, về cơ bản, những mảng nham thạch trên Mặt Trăng không có chứa nước. Do đó, dường như có thể kết luận rằng trên Mặt Trăng không có nước.

Liệu có phải thực sự trên Mặt Trăng không có nước hay không?

Một lượng nước đáng kể đã được tìm thấy trên Mặt Trăng, Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Mỹ (NASA) cho biết vào ngày 13 tháng 11 năm 2009.



Ảnh chụp một số miệng núi lửa từ tàu vũ trụ Chandrayaan 1 của Ấn Độ.

Việc phát hiện trên Mặt Trăng có nước cho thấy một bước tiến lớn trong tiến trình chinh phục vũ trụ của con người, đồng thời giúp đặt nền móng cho việc xây dựng các cơ sở cung cấp nước hoặc nhiên liệu trên hành tinh này phục vụ các chuyến thám hiểm vũ trụ trong tương lai.

Theo thông báo của NASA, dữ liệu ban đầu cho thấy sứ mệnh tìm nước của NASA đã thành công khi phát hiện có nước trong một hố sâu ở cực nam Mặt Trăng.

Đối với vấn đề này, phó hội trưởng hiệp hội hành tinh Mỹ Mare đã đưa ra một câu trả lời khẳng định rằng trên Mặt Trăng rất có thể có nước. Sự chú ý của ông tập trung vào hai cực của Mặt Trăng, trong khi đó tàu vũ trụ Apolo chưa từng đến đó. Trục tự quay của Mặt Trăng gần như vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo

quay vòng của Trái Đất (hay còn gọi mặt phẳng hoàng đạo). Do đó, ở chỗ trũng của những dãy núi hình vòng ở cực Nam và cực Bắc của mặt trăng quanh năm không nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Có thể ở đó có tích tụ nước.

Ở gần đường xích đạo, nhiệt độ vào giữa trưa của bề mặt Mặt Trăng là khoảng 130°C, vào ban đêm giảm xuống còn -150°C, sự chênh lệch nhiệt độ thật đáng kinh ngạc. Nhưng tại vùng địa cực của mặt trăng, nhiệt độ thường ở mức khoảng -200°C. Ở môi trường nhiệt độ như vậy có thể hình thành băng. Nếu quả thật vùng địa cực của Mặt Trăng có nước (băng) thì đó quả là một tin mừng đối với việc xây dựng cơ sở trên Mặt Trăng trong tương lai. Nước là một yếu tố không thể thiếu trong sự sống của loài người. Nước lại có thể phân giải thành khí Hydro – nhiên liệu dùng trong tàu vũ trụ và oxi – chất hỗ trợ sự cháy. Ngoài ra, phân giải nham thạch trên Mặt Trăng cũng có thể tạo ra Oxi.

Muốn thăm dò vùng địa cực của Mặt Trăng thì việc phóng vệ tinh theo quỹ đạo bay qua đường cực Nam và Bắc của Mặt Trăng là một cách rất hiệu quả. Ngay từ năm 1967, để mở đường cho kế hoạch Apolo, Mỹ đã từng phóng "thiết bị bay quỹ đạo Mặt Trăng" số 4 và 5. Hai vệ tinh Mặt Trăng đó đã chụp được những bức ảnh tương đối rõ ràng về bề mặt của Mặt Trăng nhưng cũng đều không biết được phần đáy tối tăm của những dãy núi hình vòng ở hai cực của Mặt Trăng. Vì thế, một vài nhà khoa học người Mỹ cũng đã đề nghị phóng vệ tinh theo quỹ đạo hai cực của Mặt Trăng. Dù ý kiến này tạm thời không thể thực hiện được một cách toàn bộ nhưng về cơ bản đã đưa ra những biện pháp thiết thực, khả thi để tìm kiếm nguồn nước trên Mặt Trăng. Từ năm 1990 đến năm 2009, Mỹ, Nga Nhật Bản, trung Quốc... đã liên tiếp phóng các vệ tinh thăm dò Mặt Trăng. Viện nghiên cứu khoa học vũ trụ của Nhật Bản cũng đang tích cực thực hiện kế hoạch phóng vệ tinh thăm dò Mặt Trăng.

Mặt Trăng là một thiên thể gần Trái Đất nhất trong vũ trụ, và cũng là bức bình phong thiên nhiên giúp Trái Đất tránh được sự va chạm trực tiếp của vô số các thiên thể nhỏ khác. Tương lai, Mặt Trăng có thể nhịp cầu giúp con người thực hiện bay lên các hành tinh. Vì thế, việc tìm ra lời giải cho câu đố về Mặt Trăng hiện nay có ý nghĩa vô cùng quan trọng.



24. PHẢI CHĂNG LỰC HẤP DẪN CỦA MẶT TRĂNG LÀ "NGÒI NỔ" GÂY NÊN ĐỘNG ĐẤT ?

Bên dưới mặt biển về phía đông thủ đô Tokyo, Nhật Bản, cách bờ biển 250 km có một khe sâu dưới đáy biển sâu tới 8000 m. Rãnh biển Nhật Bản đi xuyên qua nó từ hướng Bắc sang Nam. Rãnh biển Nhật Bản là nơi giao nhau giữa đáy biển và mảng kiến tạo lục địa. Mảng kiến tạo đáy biển di chuyển về phía Tây, từ đó "đóng nêm" vào dưới quần đảo Nhật Bản, xen kẽ với mảng kiến tạo lục địa. Ở đây thường xuyên xảy ra những trận động đất lớn.

Tại vùng đất được các nhà khoa học gọi là "sào huyệt của động đất" này đã từng xảy ra một loạt các trận động đất liên tiếp trên mặt biển Sanriku. Theo quan sát cho thấy, trong khoảng 3 tháng đã xảy ra 1200 trận động đất với quy mô khác nhau, và hiện tượng động đất xảy ra liên tục, không ngừng nghỉ trong vòng nửa năm. Trong đó, trận động đất lớn nhất lên tới 7,1 độ richter. Ở vùng duyên hải khu vực Sanriku cũng chịu sự tấn công sóng thần. Nếu trận động đất mạnh như vậy xảy ra ở một thành phố lớn thì không thể tưởng tượng được hậu quả của nó sẽ như thế nào.

Các chuyên gia đã tiến hành nghiên cứu một cách tỉ mỉ về một loạt các trận động đất này và đã phát hiện ra một hiện tượng thú vị có tính gợi ý, đó là khi Mặt Trăng đi qua đường kinh tuyến từ chính Nam hoặc chính Bắc thì dường như đã được định trước, lập tức động đất liên tục xảy ra, dù là khi Mặt Trăng đi qua chính Bắc và nằm ở mặt bên kia của Trái Đất, chúng ta không thể nhìn thấy.

Trong những trận động đất kể trên, thì có 32 trận động dất với quy mô lớn từ cấp 5 trở lên. Trong đó, có 1/3 hay là khoảng 10 trận động đất xảy ra sau một đến hai tiếng khi Mặt Trăng đi qua kinh tuyến. Nếu tính bình quân số trận động đất xảy ra trong khoảng thời gian đó thì kết quả là 1/2 trong số 32 trận động đất tức

chưa đến 3 lần. Còn trên thực tế, số lần động đất xảy ra ngay sau khi mặt trăng đi qua đường kinh tuyến là 3 đến 4 lần con số trên. Như vậy, xét cho cùng, nguyên nhân dẫn đến hiện tượng kì lạ này là gì?

Cách đây rất lâu, con người đã phát hiện được hiện tượng thủy triều của nước biển trên Trái Đất là do lực hấp dẫn của Mặt Trăng gây ra. Lực hấp dẫn này còn có thể đi sâu vào trong lòng trái đất, khiến các mảng kiến tạo vững chắc của Trái Đất giãn nở hoặc co lại. Lực hấp dẫn của Mặt Trăng tác động lên các mảng kiến tạo Trái Đất biến đổi theo thời gian di chuyển của Mặt Trăng.

Động đất xảy ra ở Sanriku – Nhật Bản xảy ra đúng vào khoảng hai đến ba tiếng sau khi Mặt Trăng đi qua đường kinh tuyến. Khi đó, ảnh hưởng tác dụng của lực hấp dẫn của Mặt Trăng cũng là lớn nhất. Từ đó có thể thấy được rằng, mối liên hệ giữa động đất và lực hấp dẫn của Mặt Trăng không phải là ngẫu nhiên.

Xét về mặt số lượng, tác dụng của lực hấp dẫn của Mặt Trăng là rất nhỏ, nếu chỉ dựa vào nó thì không thể gây ra động đất được. Tuy nhiên, nếu sự vận động của các mảng kiến tạo Trái Đất làm cho động đất có nguy cơ bùng nổ thì lực hấp dẫn của Mặt Trăng sẽ có tác dụng là ngòi nổ.

Mối liên hệ giữa động đất và lực hấp dẫn của Mặt Trăng vẫn đang được đi sâu nghiên cứu hơn. Trên thực tế, mối liên hệ này hết sức phức tạp, cũng như động đất được hình thành bởi rất nhiều yếu tố cộng lại. Những mối liên hệ này đã được giới nghiên cứu thừa nhận.

25. NHỮNG NGƯỜI LÁNG GIỀNG TỐT BỤNG TRÊN SAO HỎA

Sau khi máy thăm dò sao Hỏa mà Nga bỏ ra hàng trăm triệu USD để chế tạo trở thành cát bụi sau một tiếng nổ lớn, thiết bị thăm dò sao Hỏa của Mỹ cũng lên đường đi chinh phục sao Hỏa. Từ cuối năm 1996, vấn đề sao Hỏa và sự sống trên sao Hỏa đã trở thành vấn đề nóng gây xôn xao dư luận.



Sao Hỏa

Khoảng 4,6 tỉ năm trước, khi Hệ Mặt Trời bắt đầu hình thành thì Trái Đất và sao Hỏa cũng được ra đời gần như đồng thời. Hiện nay, bề mặt sao Hỏa mà chúng ta quan sát được đều bị bao phủ bởi sa mạc và nham thạch, thế nhưng Sao Hỏa đã từng là một hành tinh có biển và khí hậu ấm nóng. Vậy thì, trên sao Hỏa đã từng xuất hiện sự sống chưa? Hay nói cách khác có thể có sự sống ở hành tinh này không?

Về vấn đề sự sống của Trái Đất, khoảng hơn 3 tỉ năm trước, trong môi trường nước đã xuất hiện một số hợp chất hữu cơ phân tử thấp như axit amin, hạt nhân axit bazơ... Các hợp chất này phát triển thành các hợp chất cao phân tử như

protein, axit nucleic. Các hợp chất hữu cơ mà trung tâm là các hợp chất cacbon thông qua một loạt các phản ứng và bắt đầu làm xuất hiện sự sống. Các nhà khoa học thường cho rằng bầu khí quyển nguyên thủy của Trái Đất chủ yếu là cacbon oxit, cacbonic, nitơ và hơi nước. Rất nhiều nhà khoa học đã áp dụng phương pháp thí nghiệm tương tự như "Thí nghiệm Miller" nổi tiếng năm 1953 để tạo ra được nhiều loại axit amin và hạt nhân bazơ.

Khác với những kết quả của những thí nghiệm trên, một số nghiên cứu lại chứng minh rằng, nơi bắt đầu sự sống nguyên thủy của Trái Đất là ở nguồn nước nóng dưới đáy biển. Thế nhưng về vấn đề sự sống bắt đầu, các hợp chất cao phân tử quan trọng nhất và cũng là không thể thiếu như axit amin, protein... cùng với các chất cấu tạo nên tế bào, đặc biệt là màng tế bào, rốt cuộc đã được hình thành như thế nào cho đến nay vẫn là một dấu hỏi lớn.

Có thể có sự sống trên sao Hỏa không?

Người ta cho rằng, sau khi hình thành một thời gian, quá trình biến đổi phát triển của sao Hỏa có nhiều điểm tương đồng với Trái Đất, cũng từng có biển, có những dòng sông cuồn cuộn chảy và những ngọn núi lửa phun trào. Những tàn tích thu được trên bề mặt sao Hỏa có thể cho thấy rõ những điều này, một trong những vật chứng hùng hồn đó chính là địa hình bãi cát hình "giọt lệ" được hình thành từ những dòng nước.

Các nhà khoa học từng làm thí nghiệm như sau: cho dòng phân tử proton trong tia vũ trụ qua máy gia tốc và chiếu lên bầu khí quyển nguyên thủy của sao Hỏa, đó là một hỗn hợp khí bao gồm oxit cacbon, cacbon đioxit, khí nito và nước, sau đó phân tích các thành phần chính được sinh ra. Thí nghiệm đã cho thấy sản sinh thêm nhiều loại axit amin: axit amino acetic, axit amino propanoic, axit Aspartic... Phán đoán căn cứ theo kết quả của thí nghiệm này, môi trường nguyên thủy của sao Hỏa hoàn toàn đầy đủ điều kiện để sinh ra sự sống giống như Trái Đất.

Vậy trên sao Hỏa đã từng xuất hiện sự sống như thế nào? Hãy thử lấy tình hình Trái Đất làm ví dụ để làm rõ hơn. Từ khi bắt đầu hình thành khoảng hơn 4 tỉ năm trước, trải qua hơn 1 tỉ năm biến đổi, sự sống trên Trái Đất được hình thành. Sự sống nguyên thủy này có thể là các vi khuẩn giản đơn mang tế bào có nhân

nguyên thủy (prokaryote), cũng tức là chúng đã mang các gen có những thông tin di truyền ít nhất có thể để phục vụ cho việc sinh sản duy trì nòi giống. Chúng đã dùng màng tế bào bọc lượng enzyme ít ỏi của mình lại để thay thế năng lượng tạo thành một thứ có kết cấu đơn giản. Sau đó lại tiếp tục trải qua hơn 2 tỉ năm, những sự sống giản đơn này mới có thể tiến hóa thành những tế bào có nhân thực sự (Eukaryote).

Quá trình này trên sao Hỏa sẽ diễn ra như thế nào? Như đã nói ở trên, khoảng 1 tỉ năm sau khi sao Hỏa hình thành, trên sao Hỏa nguyên thủy cũng có biển và bầu khí quyển ẩm ướt và ấm nóng. Vì thế không khó lý giải tại sao trên sao Hỏa cũng xuất hiện những sinh vật giản đơn nguyên thủy như trên Trái Đất. Dĩ nhiên, vùng nước nóng ở đáy biển cũng có thể là nơi bắt đầu sự sống đầu tiên trên sao Hỏa. Thế nhưng, sau đó sao Hỏa bắt đầu "lạnh dần", sự phát triển của sự sống cũng chậm dần. Hiện nay chúng ta cũng không chắc chắn trên sao Hỏa thực sự có từng xuất hiện những tế bào có nhân thực sự hay không. Nếu như quá trình "lạnh dần" của sao Hỏa chậm lại bất thường, những tế bào có nhân thực sự, các sinh vật loài tảo có thể tiến hành quang hợp có khả năng phát triển được. Nếu quá trình "lạnh dần" ấy đột ngột tăng nhanh, thì nước ở dạng thể lỏng trên sao Hỏa sẽ dần biến mất, như thế không nói gì đến các tế bào có nhân thực sự, các tế bào có nhân nguyên thủy có thể xuất hiện hay không cũng rất khó khẳng định.

Từ đó có thể nói, giải quyết được vấn đề sao Hỏa bắt đầu "lạnh dần" từ khi nào và bằng cách nào chính là chìa khóa cho bí ẩn về sự sống trên sao Hỏa. Trên bề mặt sao Hỏa tồn tại một lượng lớn superoxide, trên sao Hỏa cũng có nước, qua phản ứng hóa học sẽ sinh ra oxy, sao Hỏa có lẽ đã từng hình thành sự sống với hình thức hô hấp oxy, vì thế chúng ta không nên coi nhẹ khả năng trên sao Hỏa đã từng xuất hiện những sinh vật tương đối phức tạp.

Hiện nay, mấu chốt để gỡ giải thắc mắc này nằm ở những tài liệu nghiên cứu vẫn chưa đầy đủ. Trong tương lai không xa, qua những nghiên cứu thám hiểm trên sao Hỏa nhất định sẽ làm rõ được những vấn đề trên.

Khả năng có sự sống trên sao Hỏa hiện nay có lớn không?

Con người trực tiếp nghiên cứu thăm dò sự sống trên sao Hỏa vào năm 1976, thiết bị thăm dò sao Hỏa Viking lần đầu tiên được phóng cũng đã cách đây gần 40 năm. Đáng tiếc rằng khi đó Viking đã phủ định sự sống tồn tại trên sao Hỏa. Từ những hình ảnh bề mặt sao Hỏa mà Viking chụp được, chúng ta thấy toàn bộ sao Hỏa đều bị bao phủ bởi một màu nâu đỏ, những mảnh nham thạch đường kính khoảng 40 cm có ở khắp nơi, không hề thấy một chút màu xanh nào. Bầu trời bao phủ một màu đỏ rực như những chiều hoàng hôn trên Trái Đất.

Trên sao Hỏa có tồn tại sự sống hay không, hiện nay không ai có thể quả quyết chắc chắn. Nhưng ngoài Trái Đất, trong các hành tinh trong hệ mặt trời thì sao Hỏa là có nhiều khả năng tồn tại sự sống nhất. Quan điểm này xuất phát từ việc trên sao Hỏa có nước. Phần trước cũng đã nhắc đến trên sao Hỏa từng tồn tại biển, vậy nước đã đi đâu hết rồi? Nếu muốn trả lời rõ ràng cho câu hỏi này thì hiện nay chúng ta vẫn chưa có đủ tài liệu căn cứ để khẳng định. Tuy nhiên một trong những đáp án đó là ở cực quan của sao Hỏa ít nhất cũng vẫn có băng. Ở hai cực Nam Bắc của sao Hỏa có cực quan tính theo mùa được hình thành vào mùa đông và cực quan tồn tại nhiều năm. Cực quan mang tính theo mùa đều được hình thành do CO_2 trong bầu khí quyển ngưng tụ, còn cực quan tồn tại nhiều năm lại hình thành do nước lạnh đóng băng. Đường kính cực quan phía bắc của sao Hỏa là 1000 km đến 2000 km, độ dày từ 4 đến 6 km, mở rộng đến gần 75 độ vĩ bắc. Cực quan phía Nam nhỏ hơn, đường kính khoảng 300 đến 700 km, độ dày khoảng 1000 đến 2000 m, nằm phía trên 86 độ vĩ nam. Người ta cho rằng, dưới cực quan là những tầng băng được hình thành từ rất lâu, nếu như tổng lượng băng đó tan ra thành nước thì có thể bao phủ cả sao Hỏa, độ sâu có thể đạt 6 đến 500 m. Đây thực sự là một điều đáng kinh ngạc. Dù không có tài liệu nào nói trên bề mặt sao Hỏa có nước ở thể lỏng. Tuy nhiên, sao Hỏa giống với Trái Đất, đều có trục quay nghiêng (góc nghiêng của trái đất là 23,5 độ, góc nghiêng của sao Hỏa là 25,2 độ). Vì thế một năm đều có khí hậu bốn mùa thay đổi, xung quanh lớp băng cực quan sẽ hoặc tan chảy hoặc đóng băng. Theo những quan sát ghi lại từ Viking, người ta đã phát hiện sương giá bao phủ bề mặt sao Hỏa. Như thế trong khoảng thời gian đó tạm thời xuất hiện nước ở thể lỏng. Vì thế có thể dự đoán rằng có một số loại sinh vật nào đó sinh tồn đến ngày nay.

Nếu sao Hỏa có sự sống, vậy sự sống đó như thế nào?

Các nhà khoa học đã từng mô phỏng môi trường sao Hỏa để làm một môi trường thí nghiệm sao Hỏa thu nhỏ, cho rất nhiều các loại sinh vật vào trong đó để tiến hành thí nghiệm. Đối với các sinh vật đa dạng trên trái đất, đương nhiên những động thực vật lớn không thể tiến hành thí nghiệm này, thông thường thì sẽ sử dụng những vi sinh vật để làm thí nghiệm, trong đó ngoài nấm và vi khuẩn có đầy trong không gian xung quanh chúng ta, còn có một số vi sinh vật "hạn chế" chỉ có thể sống trong một số môi trường đặc biệt như nhiệt độ cao hoặc nhiệt độ thấp, hoặc môi trường không có không khí..., cũng tức là cố gắng sử dụng những vi sinh vật có tính phổ biến để tiến hành thí nghiệm.

Kết quả thí nghiệm sinh tồn đã cho thấy, từ bào tử trực khuẩn subtilis, bào tử khuẩn Aureobasidium pullulans cho đến các vi khuẩn yếm khí và các loại tảo đều có khả năng sinh tồn rất lớn trong thiết bị ở thí nghiệm này. Nhằm tìm hiểu vấn đề làm thế nào các vi sinh vật sinh sống được dưới tầng băng bao phủ ở cực quan sao Hỏa, các nhà khoa học đã dùng băng được tạo nền từ chất khí trong bầu khí quyển sao Hỏa bao phủ lên bào tử trực khuẩn subtilis, sau đó dùng tia tử ngoại và tia vũ trụ chiếu xạ với liều lượng đạt trên 2000 năm, chúng hầu hết đều không sao. Căn cứ thí nghiệm này có thể dự đoán, trong môi trường sao Hỏa hiện nay, một số loài vi sinh vật có khả năng tồn tại và cũng có khả năng sinh sản, phát triển, cho dù không thể sinh sản thì khả năng sinh tồn của nó cũng khá cao.

Nên tìm sự sống ở đâu trên sao Hỏa?

Nói đến vấn đề tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa, trước hết phải xét đến niên đại địa chất và địa hình của sao Hỏa. Khoảng 3,5 đến 4 tỉ năm trước, sao Hỏa giống như Trái Đất cũng có biển, sau đó "lạnh đi" trở thành hành tinh băng lạnh lẽo như ngày nay. Vì thế nếu sao Hỏa có tồn tại sự sống nào đó thì sẽ vào trước thời kì trở "lạnh đi". Ngày nay có ý kiến cho rằng, chính trong giai đoạn này, Trái Đất cũng xuất hiện sự sống đầu tiên, những sinh vật đơn bào bắt đầu xuất hiện.

Vậy nên đến nơi nào trên sao Hỏa để tìm kiếm sự sống là thích hợp nhất? Trong địa hình sao Hỏa, khu vực có ít miệng núi lửa ở phía bắc bán cầu sao Hỏa là nơi địa tầng khá mới, hình thành sau khi xuất hiện sự sống. Quan sát từ niên đại địa chất, khoảng 4 đến 3 tỉ năm trước, những cao nguyên hình thành ở nam

bán cầu sao Hỏa từ 3 đến 4 tỷ năm trước được tạo thành từ địa tầng lâu năm. Vì thế, muốn tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa trước hết phải tìm kiếm ở những khu vực có địa hình lâu năm như thế, đặc biệt là những nơi bị dòng nước làm xói mòn như thung lũng "Valles Marineris". May mắn là trên sao Hỏa không có sự vận động địa chất như trên Trái Đất, những lớp địa tầng lâu năm vẫn nguyên như vậy. Tuy nhiên, khả năng tìm thấy sự sống ở những khu vực này không cao, mục đích chủ yếu là tìm kiếm những hóa thạch nhỏ của những sinh vật nguyên thủy ở đây. Nếu muốn tìm kiếm sinh vật đang sinh sống trên sao Hỏa thì nên tìm ở khu vực xung quanh cực quan sao Hỏa và tầng đất đóng băng có nước vĩnh cửu sâu dưới mặt đất.

Để cho những sinh vật kiểu Trái Đất sinh tồn, thì nước là điều kiện không thể thiếu. Theo những kết quả thu được từ thí nghiệm ở trên có thể suy đoán, hiện nay, nếu trong môi trường sao Hỏa có nước thì những vi sinh vật yếm khí và những vi khuẩn có tác dụng quang hợp nguyên thủy ở nhiệt độ thấp hoàn toàn có khả năng tồn tại ở đây, hoặc có thể chúng vẫn đang trong quá trình tiến hóa chậm chạp.

Sử dụng phương pháp tìm kiếm nào tốt hơn?

Năm 1976, Mỹ tiến hành "kế hoạch Viking", tàu thám hiểm Viking 1 đã đáp xuống bình nguyên Platinia, và Viking 2 đã đổ bộ xuống bình nguyên Utopia trên sao Hỏa, tiến hành tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa. Mục đích tìm kiếm của tàu thăm dò Viking lần này là tìm kiếm những dấu hiệu của sự sống trên bề mặt sao Hỏa. Nhưng đáng tiếc là Viking không thể phát hiện được dấu vết gì của sự sống ở nơi đây. Thế nhưng nó đã tìm được tất cả những nguyên tố cần thiết giúp duy trì sự sống ở sao Hỏa, điều này có ý nghĩa rất lớn. Khi đó, để tiến hành tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa, Viking được trang bị kĩ thuật hiện đại tiên tiến nhất lúc bấy giờ. Tuy nhiên đến bây giờ vẫn cần phải cải tiến nhiều hơn. Ngày nay, đã có phương pháp đặc biệt để giải quyết những dấu hỏi còn để ngỏ trong thí nghiệm Viking: đó chính là biện pháp kết hợp kính hiển vi huỳnh quang và phương pháp xử lí hình ảnh. Trong điều kiện thích hợp, sử dụng một loại chất hóa học nào đó có thể sinh ra các loại vật chất có thể xảy ra phản ứng enzyme với sinh vật và phát ra huỳnh quang (đây chính là nguyên lý khiến sinh vật phát ra huỳnh quang). Đưa chất hóa học này vào trong đất thí nghiệm, sau khi để khoảng vài phút thì lấy kính hiển vi

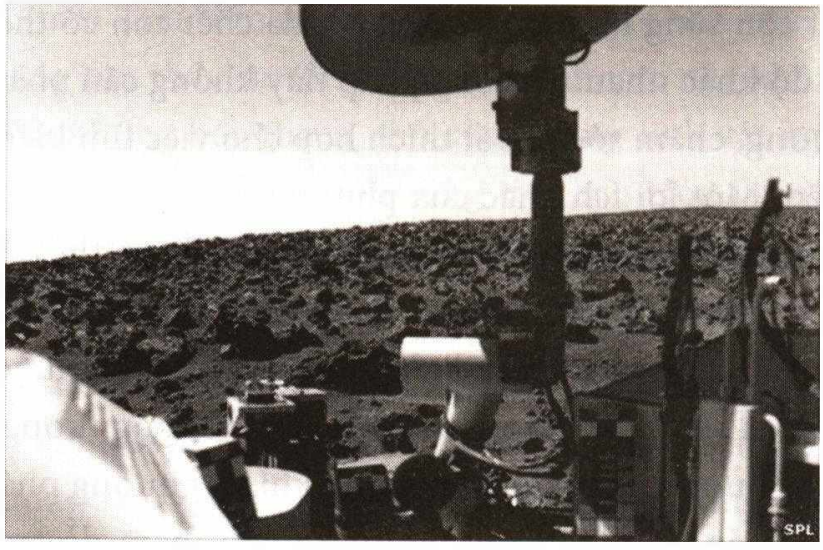
huỳnh quang quan sát, nếu có tồn tại sinh vật thì sẽ xuất hiện huỳnh quang. Phương pháp này thao tác tiến hành rất giản đơn mà kết quả lại đáng tin cậy. Nếu áp dụng đối với đất trên Trái Đất thì có thể kiểm tra được từng tế bào vi sinh vật. Nếu tiến hành thêm một bước chọn lựa điều kiện nhiễm còn có thể dễ dàng phân biệt được sinh vật còn sống hay đã chết, nếu là đã chết còn có thể tiến hành phân tích ở nhiều mức độ khác nhau. Phương pháp này không cần phải thêm dịch dinh dưỡng để nuôi dưỡng, chăm sóc gì, rất thích hợp cho việc tìm kiếm những sự sống chưa được biết đến. Một lợi ích khác của phương pháp này là có thể đưa chất thí nghiệm trở về trạng thái ban đầu để tiến hành phân tích, có thể đồng thời tìm hiểu trạng thái sinh học của sinh vật. Nếu sử dụng phối hợp với phương pháp phân tích gen di truyền PCR còn có thể tìm hiểu được sinh vật đó thuộc loại nào. Trong quá trình tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa hiện nay và trong tương lai, nên kết hợp áp dụng đồng thời phương pháp đo quang phổ khí và phương pháp phân tích chất lượng mà Viking đã áp dụng với các phương pháp thăm dò trực tiếp như biện pháp xử lí hình ảnh kính hiển vi huỳnh quang và phương pháp phân tích gen di truyền.

Các nhà khoa học gia Cơ quan Vũ trụ châu Âu (ESA) tin rằng đã có và có thể vẫn còn sự sống trên sao Hỏa. "Sao hoả là hành tinh giống Trái Đất nhất trong Thái Dương Hệ của chúng ta", theo lời Agustin Chicarro, khoa học gia của ESA, tuyên bố tại một hội nghị kéo dài một tuần trong đó các nhà khoa học trên khắp thế giới thảo luận về những kết quả của việc nghiên cứu sao Hoả do ESA tiến hành.

Họ đã thấy một biển băng lớn gần đường xích đạo của Sao Hoả được hình thành chưa tới 5 triệu năm trước và tin rằng hoạt động núi lửa vẫn đang tiếp diễn ở điểm cực bắc.

Cuộc thăm dò của ESA, tốn 264 triệu USD, bao gồm 7 dự án khác nhau, kể cả một cuộc phân tích hóa học về bầu không khí của Sao Hỏa khi đo lượng khí CO_2, methane và những loại khí khác. Cuộc thí nghiệm cũng cho thấy rằng có thể các chất khí đã có một nguồn gốc hữu cơ, có thể nằm bên dưới bề mặt đóng băng của sao Hỏa.

Về câu hỏi liệu các nhà khoc học có nghĩ rằng đã có đời sống trên sao Hỏa hay không, 75% tin rằng đã có đời sống dưới hình thức vi khuẩn. Trong khi 25% nghĩ rằng hiện nay vẫn có đời sống trên đó.



Cuộc đổ bộ lên sao Hỏa theo kế hoạch Viking của Mỹ

Trên thực tế, trước khi tiến hành thăm dò sao Hỏa, việc thu thập các tài liệu về "thăm dò sự sống trên Trái Đất từ Vũ Trụ" là cần thiết, cũng chính là dùng các vệ tinh quan sát Trái Đất, quan sát sa mạc và vùng băng giá vĩnh cửu Siberia, kiểm tra thành phần nước và chất hữu cơ trong sa mạc, xác định trạng thái sinh học các sinh vật trong những vùng đất đóng băng lâu năm và độ dày của lớp đất đóng băng đó...Trước mắt, chúng ta phải tiến hành thí nghiệm, để chuẩn bị tốt cho việc thực hiện tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa.



26. NHỮNG LỰA CHỌN CỦA CON TÀU VŨ TRỤ

Thoát khỏi sự ràng buộc của Hệ Mặt Trời, tự do bay vào khám phá vũ trụ bao la là ước mơ cháy bỏng của loài người từ khi con người có thể bay vào không gian. Thế nhưng đến hôm nay, ước mơ đó vẫn còn rất xa vời, khiến con người chỉ có thể ngước nhìn bầu trời một cách tuyệt vọng. Bởi vì những tên lửa có thể chinh phục một hành trình dài như vậy vẫn còn đang được nghiên cứu chế tạo, vì vậy con người chỉ còn cách chờ đợi và tiếp tục cố gắng không ngừng. Chỉ cần lấy một ví dụ thực tế nhỏ cũng đủ để con người choáng váng trước hành trình dài dằng dặc này: Để đi tới hành tinh α thuộc chòm Nhân Mã gần nhất trong hệ Mặt Trời thì ánh sáng phải mất 4,3 năm, mà tốc độ ánh sáng là 300. 000 km/s. Nói cách khác, với vận tốc hiện nay của tên lửa "sao Thổ" đạt 40. 000 km/h, nếu ngồi trên tên lửa này đến sao α thuộc chòm Nhân Mã thì cũng phải mất 1 tỉ năm. Để nghiên cứu chế tạo những tên lửa tốc độ cao có thể giúp con người có khả năng biến ước mơ đi thăm những hành tinh bên ngoài Hệ Mặt Trời trở thành hiện thực, các nhà khoa học đã đưa ra rất nhiều ý tưởng độc đáo. Thế nhưng vấn đề là những tên lửa siêu tốc này thiết kế theo trình độ khoa học kĩ thuật của thời đại bấy giờ, còn cách xa thực tế chế tạo ra nó rất xa. Vì vậy hiện nay chúng ta đành chấp nhận chờ đợi tương lai giải quyết câu đố hóc búa này.

Nhà vật lý học lý luận George Chaplin của phòng nghiên cứu quốc gia Lawrence thuộc bang California của Mỹ mấy năm gần đây liên tục nghiên cứu việc thiết kế tên lửa bay đến các hành tinh sử dụng nhiên liệu hạt nhân. Loại tên lửa này dùng những mảnh vỡ hạt nhân sinh ra ở thời kì đầu nguyên tử phân tách khi hạt nhân phân tách để tạo ra lực đẩy. Loại lực đẩy từ các mảnh vỡ hạt nhân này có thể làm tên lửa đạt vận tốc 30. 000 km/s, tức là khoảng 1/10 vận tốc ánh sáng. Nếu ngồi trên tên lửa này bay đến chòm sao Nhân Mã thì mất khoảng 50 đến 100 năm, đã rút ngắn hơn rất nhiều so với con số 1 tỉ năm.



Tàu vũ trụ động lực đẩy mới trong tương lai đạt tốc độ 300. 000 km/s

Hơn 10 năm trước G. Chaplin bắt đầu nghiên cứu về động lực của các phi thuyền vũ trụ. Tốc độ của phi thuyền được quyết định bởi tốc độ khí mà động cơ tên lửa bắn ra. Khí do động cơ tên lửa bắn ra sẽ tạo ra lực đẩy cho phi thuyền, khiến cho vận tốc phi thuyền bằng với vận tốc của luồng khí. Để đạt được mục tiêu này, cần phải sử dụng phi thuyền vũ trụ có tốc độ phun khí gần với tốc độ ánh sáng.

Ông để ý thấy, tốc độ bay của các mảnh vỡ phân hạch hạt nhân đạt 1,19 km/s, nếu như áp dụng nguyên lý này cho động cơ tên lửa có thể khiến vận tốc phi thuyền vũ trụ đạt 1/20 vận tốc ánh sáng. Một khó khăn lớn để thực hiện vấn đề này là làm thế nào để thu được những mảnh vỡ khi phân hạch hạt nhân rồi gắn vào đuôi tên lửa như thế nào? Mới đây, G. Chaplin đưa ra ý tưởng mới về lò phản ứng nhà máy nguyên tử hoàn toàn mới và được mang bởi tên lửa. Lò phản ứng nguyên tử này một khi bắt đầu phân hạch hạt nhân, thì vô số những mảnh vỡ phân hạch hạt nhân sản sinh ra sẽ bao phủ bề mặt sợi của nhiên liệu hạt nhân và bay với tốc độ vô cùng nhanh. Động cơ tên lửa sẽ thu thập các mảnh vỡ này bằng từ trường sau đó bắn chúng ra ngoài qua đuôi tên lửa, chuyển thành lực đẩy cho phi thuyền.

Chaplin hi vọng sử dụng hệ thống đẩy này để tiến hành thám hiểm khảo sát Hệ Mặt Trời, tuy nhiên một số chuyên gia du hành vũ trụ lại nghiêm khắc chỉ ra rằng, động cơ phân hạch hạt nhân này sẽ khiến phi hành gia tiếp xúc trực tiếp với tia phóng xạ, khiến nguy cơ nhiễm ung thư của họ tăng lên 20%. Chaplin lại cho rằng, nếu sử dụng động cơ tên lửa này, sẽ có thể rút ngắn thời gian phi hành trong vũ trụ từ 2 năm xuống còn một nửa. Nói như thế thì lựa chọn phương pháp nào sẽ giúp cho các nhà phi hành vũ trụ an toàn hơn?

27. NHỮNG VẬT LẠ TỪ TRÊN TRỜI RƠI XUỐNG

Bạn đã nhìn thấy những vật thể như con cá sacdin, ếch, ốc biển hay rắn từ trên trời rơi xuống như mưa chưa? Những chuyện lạ như thế trên thế giới này đâu cũng có. Ở Julo, Honduras, hàng năm khi mùa mưa đến, mọi người đều chuẩn bị các thùng gỗ và những tấm lưới đánh cá để đợi cá từ trên trời rơi xuống. "Mưa cá" thường xuất hiện lúc 4,5 giờ chiều, sau đó thường kéo theo mưa bão lớn. Hiện tượng cá từ trên trời rơi xuống xuất phát từ những cơn gió lớn ngoài biển, gió cuốn từng đàn cá lên trời, sau đó chúng lại rơi xuống đất. Tuy nhiên, có lúc có những vật rất kì lạ rơi xuống mà tới nay con người vẫn chưa thể tìm ra được sự giải thích hợp lý.

Vào thế kỉ thứ VI, ở Mecca từng xảy ra một trận đá từ trên trời trút xuống như mưa. Khi đó trong một trận chiến, quân đội Abyssinie đang bị bao vây chặt ở Mecca, gặp phải trận mưa đá lớn, thua trận bỏ chạy. Có người từng dự đoán rằng, những viên đá này có thể là do chim đang bay trên bầu trời ném xuống. Thế



Trận mưa đá

nhưng, loài chim nào có thể thả nhiều đá đánh cho cả một đội quân tan tác? Theo ghi chép, vào thế kỉ thứ VII trước công nguyên, ở La Mã cổ đại cũng từng xảy ra một trận mưa đá kì lạ như thế.

Có một vật thể lạ hình dạng giống mạng nhện cũng từng rơi xuống từ trên trời, hình dạng nó giống mạng nhện nhưng lại không phải là mạng nhện. Những người hiếu kì cảm thấy kì lạ đã gọi nó là "Tóc Tiên". Người đưa ra cái tên "Tóc Tiên" đầu tiên là White, một nhà văn người Anh. Rạng sáng ngày 21 tháng 4 năm 1741, khi ông đang đi dạo trên cánh đồng thì phát hiện ra bãi cỏ bị bao phủ bởi một lớp "mạng nhện" khá dày. Con chó ông dắt theo phải gạt hết những đám mạng nhện giăng trước mắt. Khoảng 9 giờ sáng, ông vẫn thấy những tấm mạng nhện từ trên trời rơi xuống bay lả tả cho đến tận hoàng hôn. Những vật như mạng nhện này không phải những sợi tơ bay lơ lửng trong không trung mà kết thành dạng tấm, rộng khoảng vài cen-ti-mét, dài khoảng mười mấy cen-ti-mét, cứ thế bay từ trên trời xuống, chúng lấp lánh trong ánh mặt trời. Ông nảy ra ý tưởng thu nhặt những tấm "Tóc Tiên" này về phân tích hóa nghiệm, thế nhưng khi vừa chạm vào chúng thì "Tóc Tiên" lập tức tan ra. Loại "Tóc Tiên" này từng xuất hiện ở rất nhiều nơi, có người không thể giải thích được liền nói "Tóc Tiên" chính là tơ nhện. Thế nhưng trên thực tế tơ nhện lại không bị tan khi con người chạm tay vào, thậm chí nó còn khó tan hơn cả tơ tằm.

Tháng 3 năm 1832, trên một cánh đồng Fromsky ở Nga, từ trên trời rơi xuống một thứ màu vàng. Ban đầu, những người nông dân cho rằng đó là do tuyết bị nhiễm bẩn nên đổi màu, sau đó mới phát hiện ra rằng thứ đó rất giống bông, cho vào lửa sẽ cháy lên ngọn lửa màu xanh, khi ngâm trong nước sẽ giống như nhựa thông, khi đốt có bong bóng, nhưng không bị đốt cháy.

Ngày 13 tháng 11 năm 1833, miền Đông nước Mỹ xuất hiện một trận mưa lạ, các cư dân Rahway, New Jersey lúc đó nhìn thấy một trận mưa màu đỏ rực xuất hiện trên bầu trời, sau đó ở những nơi mưa rơi xuống còn phát hiện những thứ dạng keo kì lạ.



Mưa màu đỏ

Một sáng sớm tháng 11 năm 1896, ở một nơi thuộc Louisiana – Mỹ, khi đó thời tiết rất đẹp, trong xanh, bất ngờ rất nhiều xác các loài chim khác nhau rơi xuống đường, có cú mèo, chim gõ kiến và một số loài chim lạ khác, trong đó có cả những con chim giống chim hoàng yến. Có người nói rằng những con chim này khi băng qua đại dương gặp gió bão đánh và bị thổi vào đất liền, đến vùng này do nhiệt độ không khí giảm đột ngột, những con chim này trong quá trình bay đã bị đông cứng rồi rơi xuống. Thế nhưng cách giải thích này còn thiếu tính thuyết phục, vì trong quá trình bị thổi bay những con chim này có thể giảm độ cao bất cứ lúc nào hoặc rơi xuống đất chứ không hẳn do lạnh quá mà chết. Nguyên nhân thực sự dẫn đến cái chết của hàng loạt con chim đó đến nay vẫn chưa được làm sáng tỏ.

Tối ngày 26 tháng 9 năm 1950, hai cảnh sát Mỹ là Collins và Keenan lái xe cảnh sát đi tuần tra. Khi đi vào một con đường nhỏ vắng lặng, họ đã phát hiện trên bãi đất trống cách đó khoảng vài trăm mét một vật thể lạ phát ra ánh sáng đang rơi xuống. Hai người lập tức lại lái xe lại gần quan sát, cầm đèn pin soi thì thấy một đống dạng keo màu tím, bề ngoài giống như mái nhà tròn. Đường kính khoảng 2 m, ở giữa dày khoảng 20-30 cm. Xung quanh dày khoảng vài centimet. Họ cảm thấy vật thể này có sự sống. Tắt đèn pin, họ nhìn thấy những tia màu tím yếu ớt phát ra từ vật thể kì lạ đó. Sau khi gọi trợ giúp từ cảnh sát qua điện thoại bộ đàm, hai cảnh sát nữa đến ngay sau đó. Họ định đưa vật thể này lên xe đưa về, nhưng khi Collins dùng tay chạm vào vật thể kì lạ kia thì nó liền vỡ ra. Những mảnh vỡ dính trên tay nhanh chóng tan ra, chỉ còn lại bọt bong bóng không mùi vị. Sau 30 phút, vật kì lạ đó hoàn toàn biến mất, không hề để lại bất kì dấu vết nào.

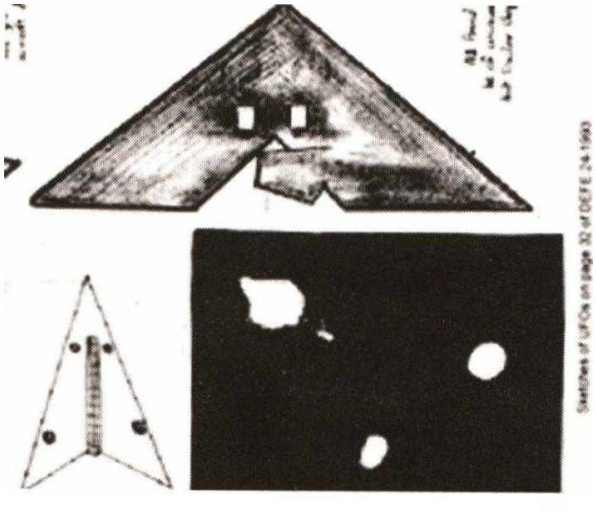
Ngày 28 – 8 – 1962, ở Harrisburg Bắc California Mỹ có một người đang đi câu cá trên hồ bỗng nhìn thấy một quả cầu phát sáng từ từ rơi xuống nước. Ông lập tức chèo thuyền lại gần quan sát, phát hiện ra vật thể đó dưới đáy hồ. Qua làn nước hồ khá trong, ông có thể nhìn thấy rõ kích thước quả cầu đó tương đương một quả bowling, phát sáng và trên bề mặt có nhiều gai nhỏ. Sau khi lên bờ, ông lập tức báo cho cảnh sát. Khi cảnh sát tới, vật thể kì lạ đó đã biến thành những sợi kim loại phát quang. Họ lập tức đi tìm sự giúp đỡ của các tổ chức có liên quan. Cơ quan chuyên xử lí các chất gây nổ của quân đội Mỹ đã cử 3 thợ lặn đến, nhưng 7 giờ sáng hôm sau khi họ tới nơi thì vật thể lạ đó đã hoàn toàn bị hòa tan. Những người thợ lặn chỉ tìm thấy những lá nhôm ở dưới đáy hồ, rất giống với loại nhôm không quân dùng để gây nhiễu rada.

Có vô vàn cách để giải thích cho những vật thể lạ rơi xuống trái đất, có người cho hiện tượng này là do gió xoáy hoặc do lốc xoáy, có người cho rằng là hiện tượng "Tóc Tiên", những vật thể dạng keo hoặc dễ tan là những sinh vật thông minh trong vũ trụ. Tuy nhiên cho dù giải thích như thế nào đều không có sức thuyết phục hoàn toàn.

28. BÍ ẨN VỀ NHỮNG VẬT THỂ BAY KHÔNG XÁC ĐỊNH

Trong vô vàn những bí ẩn về tự nhiên, vật thể bay không xác định có thể coi là thứ bí hiểm nhất. Từ hàng nghìn năm trước đến tận bây giờ có biết bao người đã tận mắt nhìn thấy những vật thể bay không xác định xuất hiện trên bầu trời. Gọi chúng là "vật thể bay không xác định" là vì chúng không phải là những vật thể chúng ta có thể dễ dàng phân biệt hoặc biết rõ như là những đàn côn trùng hoặc các đàn chim, những đám mây, hay những ngôi sao... cũng không phải những vật thể bay do con người tạo ra như máy bay, phi thuyền vũ trụ, vệ tinh nhân tạo... Tốc độ bay của chúng có lúc nhanh đến kinh ngạc, đến máy bay tiên tiến nhất cũng không thể đem ra so sánh, cũng có lúc lại bay vô cùng chậm, thậm chí chúng như lơ lửng giữa không trung.

Qua nhiều năm nghiên cứu và quan sát của các nhà khoa học, có thể lý giải những vật thể bay kì lạ mà con người nhìn thấy đa số có thể là sao băng, hành tinh, khí cầu, vật chất khí hoặc sự chuyển động của bầu khí quyển. Nhưng cũng có một số vật thể bay kì lạ không thể quy vào một trong những loại trên.



Phác thảo vật thể bay không xác định

Theo ghi chép về những vật thể bay không xác định, nó đã xuất hiện ngay từ thời cổ đại. Trung Quốc có lẽ có những tài liệu hình ảnh vật thể bay không xác định sớm nhất còn lưu giữ đến ngày nay. Trên một đỉnh núi hoa cương ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc đến nay vẫn còn lưu giữ những hình điêu khắc của người nguyên thủy. Trên đó vẽ rất rõ hình ảnh những sinh vật kì lạ và một số vật hình trụ tròn giống như phi thuyền vũ trụ ngày nay. Theo nghiên cứu, những bức điêu khắc đá này có từ khoảng 47. 000 năm trước, khi đó loài người vẫn thuộc thời kì nguyên thủy.

Ghi chép bằng văn bản sớm nhất về vật thể bay không xác định có lẽ là một ghi chép trên giấy cói từ thời Ai Cập cổ đại. Nó đã ghi lại quá trình con người phát hiện ra vật thể bay không xác định. Sự việc này xảy ra từ năm 1504 trước công nguyên đến năm 1450 trước công nguyên, tức là vào khoảng 3500 năm trước. Trong văn bản này có viết những người ghi chép sử sách trong cung phát hiện ra trên trời xuất hiện một vòng lửa, không có đầu, có mùi hôi thối. Chiều dài của vòng lửa khoảng 1 can (đơn vị đo độ dài của người Ai Cập cổ đại), rộng 1 can, không có động tĩnh gì hết. Những người chứng kiến cảm thấy vô cùng hoang mang sợ hãi, nhất loạt quỳ xuống. Họ bẩm báo sự việc cho quốc vương. Vài ngày sau, quốc vương đứng cùng các binh sĩ trong doanh trại quân đội của mình quan sát hiện tượng kì lạ, nhìn thấy trên bầu trời xuất hiện ngày càng nhiều các vòng tròn lửa như thế, ánh sáng chói lòa che lấp cả ánh mặt trời, sau đó tản ra khắp bốn phương tám hướng. Sau bữa tối, những quả cầu lửa bay lên trời theo hướng nam. Quốc vương dâng hương cầu thần, cầu xin bình an, rồi hạ lệnh cho quan ghi chép sổ sách ghi lại, để truyền lại cho đời sau.

Mấy nghìn năm sau đó, ghi chép về các vật thể bay không xác định càng xuất hiện nhiều hơn ở nhiều quốc gia khác nhau. Dù nhiều người đưa ra nhiều dự đoán và giải thích khác nhau về những vật thể bay kì lạ này nhưng vẫn chưa có ai nói rõ được rút cuộc đó là cái gì, điều này càng khiến con người ta thắc mắc và hiếu kì.

Ngày 24 tháng 6 năm 1947, phi hành gia người Mỹ Arnold đã lái máy bay đi tìm kiếm xác chiếc máy bay vận tải C-46 của hải quân Mỹ bị nổ trên núi Cascade. Chiều hôm đó thời tiết quang đãng, từ trên máy bay, Arnold có thể nhìn thấy rõ trong tầm hàng chục kilomet. Ông bay vòng vòng quanh đỉnh Neil hàng giờ đồng

hồ. Khi đang định bay vòng lại thì bất ngờ ở bên thân máy bay phát ra một tia sáng lạ chói mắt. Ông quan sát tìm kiếm xung quanh thì chỉ thấy chiếc máy bay DC-4 ở rất xa về phía sau bên trái, nhưng nó không thể phát ra được ánh sáng như thế được. Tia sáng một lần nữa lại xuất hiện, lần này ông đã nhìn thấy nơi phát ra ánh sáng, đó là 9 vật thể phát ra tia sáng đang bay lại từ núi Baker. Sau khi bay vòng qua đỉnh cao nhất, chúng chia thành hai nhóm bay, một nhóm có 4 chiếc, một nhóm có 5 chiếc. Arnold vừa may ở vào vị trí dễ quan sát, ông ước đoán những vật thể bay phát sáng này bay với vận tốc trên 2.000 km/h, gấp 3 lần vận tốc máy bay lúc bấy giờ. Arnold nhìn rất rõ những vật thể này dẹt như những chiếc bánh, và phản chiếu lại ánh sáng Mặt Trời giống như những tấm gương. Cách bay của chúng cũng rất đặc biệt và kì lạ, vừa giống như chiếc thuyền máy đi trên sóng to gió lớn, lại vừa giống như chiếc đĩa lướt qua mặt nước, từ lúc xuất hiện đến lúc biến mất chỉ khoảng 3 phút.

Sau khi sự việc này xảy ra đúng 10 ngày, vào ngày 4 – 7 lại xảy ra một chuyện khá thú vị: cơ trưởng và phi công lái phụ của một công ty hàng không liên doanh của Mỹ vừa cất cánh từ một sân bay ở bang Idaho liền gặp 5 vật thể bay phát sáng giống như Arnold đã gặp trước đó. Chỉ một, hai phút sau đó, 5 vật thể bay không xác định này cũng biến mất với tốc độ nhanh chóng đầy kinh ngạc như khi nó xuất hiện. Sau đó lại tiếp tục xuất hiện 4 vật thể bay khác. Liệu đây có phải là 9 vật thể bay mà Arnold đã nhìn thấy 10 ngày trước?

Tối ngày 4 tháng 9 năm 1957, 4 chiếc máy bay chiến đấu phản lực do thượng úy Farila của Bồ Đào Nha dẫn đầu đang bay trên độ cao 6.7000 m bỗng phát hiện trong không trung có vật thể bay hình dáng một ngôi sao, kích thước to lớn khác thường. Ở chính giữa, ánh sáng phát ra không ngừng thay đổi màu sắc, từ màu xanh lục đậm chuyển thành màu xanh da trời, rồi từ màu vàng chuyển thành màu đỏ. Vật thể bay này một lát lại thay đổi thể tích, tăng lên gấp 5,6 lần, lúc sau lại nhỏ lại chỉ như một chấm màu vàng không nhìn được rõ, cứ thế thay đổi vài lần liền, có thể là do nó di chuyển vị trí quá nhanh. Dù thượng úy Farila chỉ huy 4 chiếc máy bay chiến đấu thay đổi hướng bay nhiều lần nhưng những vật thể này vẫn ở mạn bên trái của máy bay. Lúc này vật thể không xác định đã chuyển sang màu đỏ tươi, rồi bỗng nhiên từ trong nó bay ra một vật thể phát quang màu vàng, sau đó lại có ba vật thể phát quang màu vàng như thế xuất hiện ở bên phải máy

bay. Không lâu sau, chúng lần lượt biến mất. Những phi công đều nhìn thấy rõ ràng nhưng ai cũng đều vô cùng kinh ngạc mà không thể giải thích được hiện tượng kì lạ này thực chất là gì?

Cuối năm 1978, ở Australia cũng xảy ra nhiều vụ vật thể bay không xác định. Hàng trăm nghìn người dân Australia đã tận mắt nhìn thấy những vật thể bay không xác định bay đi bay lại trên bầu trời. Có người còn chụp lại hình ảnh, đến rada không quân cũng phát hiện ra vật thể bay không xác định. Trong đó, sự mất tích của phi công Wallen càng khiến mọi người hoang mang trước những sự xuất hiện thần bí. Ngày hôm đó, phi công trẻ tuổi Wallen người Australia một mình lái một chiếc máy bay Cessna nhỏ bay qua eo biển Bass đến đảo King. Ngồi trong khoang lái, anh phát hiện ra ở gần hình như có một chiếc máy bay cỡ lớn có 4 đèn sáng, anh liền gọi điện về báo cáo với nhân viên quản lý đường hàng không Melbourne, thế nhưng nhận được trả lời là chỉ có một chiếc máy bay của anh đang bay trong khu vực đó. Sau đó anh lại tiếp tục báo cáo về trung tâm: "Nó bay về phía tôi theo hướng đông tây giống như đang chơi trò gì đó. Tôi không thể tính được tốc độ bay của nó. Nó dài... bây giờ nó lại bay thẳng đến trước mặt... có ánh sáng màu lục, bề mặt có ánh kim... Nó vừa bay qua trên tôi". Một lát sau, động cơ máy bay của Wallen bắt đầu chuyển động tại chỗ không ổn định, có tiếng ồn, anh báo cáo về mặt đất: "Tôi tiếp tục bay về đảo King, nó đang lượn vòng phía trên tôi. " Sau đó thì người phi công trẻ cắt liên lạc. Khi tổng đài dưới mặt đất nghe được âm thanh cực lớn của kim loại va vào nhau, liên tục khoảng 17 giây, thì liên lạc đã hoàn toàn mất. Wallen và máy bay của anh mất tích luôn từ đó. Người ta cũng cố gắng thử tìm kiếm nhưng đến nay vẫn chưa tìm thấy.

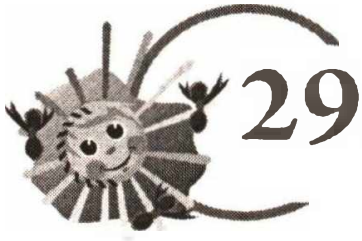
Còn có những câu chuyện về việc gặp vật thể bay không xác định ở khoảng cách gần.

Vào lúc chiều tà ngày 2 tháng 11 năm 1971, ở gần Delfos bang Kansas nước Mỹ, cậu bé Johnson 16 tuổi đang dắt chó đi lùa dê vào chuồng. Bỗng cậu nhìn thấy một vật thể dạng nấm màu sắc rất đẹp đang lơ lửng cách mặt đất khoảng vài chục cen-ti-mét, chỉ cách cậu khoảng 10 m. Johnson ước tính đường kính của nó khoảng 3 m, nó phát ra tiếng kêu như tiếng kêu của máy giặt cũ. Sau đó, phần dưới của vật thể bay không xác định này phát ra một luồng sáng mạnh tới nỗi Johnson không nhìn thấy gì, sau đó thì vật thể đó bay mất. Vài phút sau, Johnson

bắt đầu khôi phục lại thị giác, cậu liền chạy về nhà kể lại cho bố mẹ nghe. Cả nhà lập tức đến nơi xảy ra sự việc, đều nhìn thấy vật thể bay không xác định đó, nhưng lúc này nó đã bay lên rất cao và nhanh chóng mất hút trên bầu trời. Họ phát hiện ra trên mặt đất có vết hình tròn phát sáng còn in lại, một số cây cối xung quanh đó cũng phát sáng. Sau đó nhân viên điều tra cho biết, đất ở nơi đây mịn và cứng hơn, giống như kết tinh lại vậy. Mẹ của Johnson là y tá trong bệnh viện, bà cho biết, khi chạm vào vết tích lưu lại trên mặt đất của vật thể bay không xác định, ngón tay của bà dường như bị tê lại cục bộ, mất đi cảm giác gần hai tuần. Một tháng sau, tuyết bắt đầu rơi, khi tuyết trên mặt đất tan hết, thì tuyết ở phía trên dấu vết của vật thể lạ kia vẫn không hề tan. Sau khi tiến hành phân tích, tìm hiểu phát hiện ra rằng lớp đất dưới vết đó đã không bị ngấm nước, hơn nữa lại vô cùng khô, đất khô ít nhất sâu đến 0 ,3 m.

Không chỉ có nhiều người nói rằng tận mắt nhìn thấy vật thể bay không xác định, thậm chí còn có người nói bản thân còn nhìn thấy những sinh vật thông minh lái những vật thể bay đó, có người còn tận tay sờ vào những vật dụng và thức ăn của chúng. Tuy nhiên những điều này rất khó tin, thiếu tính thuyết phục. Còn về vấn đề một số người nói rằng họ bị bắt lên những vật thể bay không xác định hoặc bị tiến hành kiểm tra toàn cơ thể, nhưng họ lại mất đi trí nhớ rõ ràng về những việc đã trải qua. Điều này lại càng khiến người khác khó tin hơn, họ thường bị người khác cười nhạo rằng họ định lừa người khác hoặc có vấn đề về thần kinh, hoặc bị mắng là kẻ điên.

Cho đến ngày nay, bí ẩn về những vật thể bay không xác định vẫn còn làm khó chúng ta. Trên thế giới có biết bao nhà khoa học và những người quan tâm đặc biệt tới những vấn đề này vẫn đang tiến hành quan sát, nghiên cứu không mệt mỏi. Họ muốn tìm hiểu nghiên cứu về những vật thể cao cấp hơn nền văn minh loài người gấp nhiều lần này và những sinh vật thông minh đã chế tạo ra những vật thể như thế, hi vọng có thể đóng góp những cống hiến vĩ đại đầy kinh ngạc cho nền văn minh nhân loại. Có thể những vật thể bay không xác định sẽ xuất hiện ngay trên đầu hoặc ngay bên cạnh chúng ra bất cứ lúc nào. Nếu bạn nhìn thấy vật thể bay không xác định, tuyệt đối đừng kinh ngạc mà hãy bình tĩnh quan sát. Sau đó ghi chép lại cẩn thận những gì quan sát được và cung cấp cho các tổ chức khoa học có liên quan.



29. NÓ Ở NGAY TRÊN BẦU TRỜI VÙNG TAM GIÁC BERMUDA

Ngày 5 tháng 12 năm 1945, một đội bay nhỏ gồm 5 máy bay phóng ngư lôi "kẻ báo thù" cất cánh từ căn cứ hải quân tại bán đảo Florida của Mỹ, tiến hành tập bay. Sau hai tiếng đồng hồ, căn cứ mất liên lạc với 14 phi công của đội bay. Căn cứ lập tức cho khinh khí cầu trợ giúp tìm kiếm, thế nhưng phi thuyền cũng như 5 máy bay kia đều một đi không trở lại.

Trước lúc mất liên lạc với đội bay, căn cứ địa nghe thấy tiếng hét của người hướng dẫn bay: "Đừng bắt tôi. Hình như họ đến từ ngoài vũ trụ!". Sau đó suốt một thời gian dài, mọi người hầu như đều cho rằng việc này là do người ngoài hành tinh làm. Mới đây, một chuyên gia nghiên cứu về các vật thể bay không xác định người Mỹ là Badman cho biết, ông đã có những chứng cứ mới liên quan đến sự việc này (Bao gồm bức ảnh chụp của phi hành gia tàu vũ trụ Apolo) có thể chứng minh những chiếc máy bay hải quân đó đã bị phi thuyền của người ngoài hành tinh đem vào vũ trụ. Hơn nữa trong đó có một chiếc ở ngay phía trên vùng tam giác Bermuda, độ cao ước tính khoảng 10.000 km trên quỹ đạo và đang ở trạng thái "đóng băng".

Máy bay chân vịt năm 1945 có thể bay lên độ cao bao nhiêu? Badman đưa ra ý tưởng như sau: Ngư lôi phóng ra từ những chiếc máy bay hải quân đe dọa đến sự an toàn của phi thuyền của người ngoài hành tinh đang ở dưới nước. Để tránh nguy hiểm, người ngoài hành tinh cho những phi thuyền bay lên khỏi mặt nước. Vì lúc đó vận tốc chuyển động của họ quá nhanh nên tạo thành một vòng xoáy bao quanh phi thuyền, kéo theo cả một lượng lớn nước biển và tất cả các máy bay của hải quân Mỹ ra ngoài vũ trụ.

Chuyên gia hàng không nổi tiếng của Mỹ Philip Klass tỏ ý nghi ngờ giả định trên, ông cho rằng giả thuyết của Badman còn lỗ hổng. Philip Klass cho biết: " Tôi đã quan sát kĩ những ghi chép về đội bay này, không hề có chỗ nào thần bí kì lạ cả". Hướng bay của đội bay là hướng đông, nhưng trong hành trình bay, người hướng dẫn mất phương hướng, ông yêu cầu cả đội bay bay theo hướng bắc. Bay theo hướng bắc đồng nghĩa với bay theo hướng Greenland, thế nhưng Greenland cách khá xa, mà lượng dầu thì có hạn, họ ắt sẽ có nguy cơ bị nổ máy bay từ đó dẫn đến tử vong.

Ông Klass còn cho biết: Rada của Mỹ có thể phát hiện được tất cả những vật thể chuyển động trên quỹ đạo Trái Đất. Độ phân biệt của loại rada này rất cao, có thể phát hiện ra được cả vật thể kim loại dài 3 cm trong vệ tinh nhân tạo, nhưng từ trước tới nay chưa hề phát hiện ra một vật to lớn như chiếc máy bay "kẻ báo thù".

Người phát ngôn của cục hàng không Mỹ Achison cho biết, ông chưa hề nghe nói phi công nhìn thấy vật thể bay không xác định, cũng chưa hề nghe nói đã chụp được những bức ảnh nào như thế.

Cho dù như thế, Badman vẫn kiên quyết giữ quan điểm của mình, ông vẫn đang tiếp tục tìm kiếm chứng cứ để thuyết phục những người còn hoài nghi.



30. TIẾNG NỔ KỲ LẠ TRONG THIÊN NHIÊN

Thế giới tự nhiên hiện ra trước mắt chúng ta là một thế giới đầy màu sắc, ngoài những việc kì lạ chúng ta có thể thấy được bằng mắt. Có những tiếng động không phải là tiếng sấm hay động đất, cũng không phải núi lở hay sóng thần, có thể dùng tai nghe được nhưng rất khó giải thích.

Từ trước khi thuốc nổ ra đời, các ngư dân ở biển Bắc châu Âu đã quen nghe thấy "tiếng nổ sương". Những ngày bình lặng nhiều sương thường có thể thấp thoáng nghe thấy những tiếng đùng đùng nhưng họ không biết âm thanh đó từ đâu tới. Những người sống ở quanh vùng châu thổ sông Hằng – Ấn Độ từ lâu đã biết tới giới những tiếng nổ rung xuất hiện vô cớ trong tự nhiên.

Năm 1896, một người tên là Scott viết bài trên tạp chí khoa học, anh nói khu làng mà anh sống, dân cư thưa thớt, họ không có súng, cũng không biết thuốc pháo là gì. Nhưng hàng ngày chắc chắn anh đều nghe thấy một tiếng nổ kì quặc. Ban ngày cũng thường nghe thấy, những ngày trời trong xanh và ban đêm âm thanh càng rõ hơn. Một buổi sáng tháng 5, anh và một người bạn nghe thấy một tiếng đùng đùng rõ ràng bên bờ sông Hằng, dường như ngoài vùng hạ lưu mười mấy kilômet có tiếng đại bác nổ. Không lâu sau, ở một chỗ cách đó không xa cũng truyền đến một âm thanh lớn. Tiếp đó lại có thêm hai tiếng như tiếng bắn của súng nòng cỡ lớn. Những người dân địa phương nghe những tiếng nổ kì quặc này dần cũng thành quen, nhưng không ai biết nó từ đâu đến.

Năm 1934, có một người Mỹ cũng thảo luận về những tiếng nổ bí ẩn này trên một tạp chí khoa học khác. Anh ta lớn lên ở miền Bắc bang New York (Mỹ), từ nhỏ đã nghe quen thứ âm thanh mà người ta thường gọi là "tiếng súng hồ Seneca". Anh đã điều tra nguồn gốc của âm thanh này, nhưng không thu được kết quả nào.

Thung lũng sông Connecticut cũng truyền tới tiếng nổ đó. Những người Indian trong vùng nói, đó là tiếng gầm giận dữ của các vị thần. Tiếng nổ này còn

biến đổi thành nhiều dạng. Khi to giống như tiếng đại bác nổ. Khi nhỏ giống như tiếng súng bắn, trong đó còn thay đổi nhiều kiểu khác nhau. Ở đây cũng xảy ra động đất, độ mạnh nhẹ của động đất cũng giống như những tiếng nổ này vậy. Nhưng những lúc đó mà không có động đất thì lại hay xảy ra những hiện tượng khác. Vì vậy tiếng nổ dẫn đến động đất hay là động đất dẫn đến tiếng nổ vẫn là một câu đố chưa có lời giải.

Thập niên 90 thế kỷ XIX, giới khoa học bắt đầu nghiên cứu xem loại tiếng nổ tự nhiên này là gì. Một người Bỉ đã thu thập được rất nhiều tài liệu, trong đó bao gồm mấy trăm tài liệu ghi chép liên quan đến "tiếng nổ sương" từ Iceland tới vịnh Biscay. Ông còn khiến con trai nhà sinh vật học nổi tiếng Darwin, chuyên gia thủy triều George Darwin phải chú ý đến vấn đề này. Kết quả là các báo và tạp chí đều đăng rất nhiều những báo cáo có liên quan đến tiếng nổ thiên nhiên kì lạ này.

Các cách giải thích phong phú đủ kiểu nhanh chóng được đưa ra. Người Bỉ đó cho rằng, những tiếng nổ lớn đó có thể là một số hiện tượng phóng điện đặc biệt, nói cách khác là sấm. Nhưng trời nắng thì lấy đâu ra sấm? Một người bạn của ông ta lại cho rằng, tiếng nổ đến từ sự dao động của vật chất ở trạng thái lỏng từ trong lòng đất, cũng giống như nguyên lý vật chất ở trạng thái lỏng trong lòng đất gây ra động đất vậy. Nhưng cách lý giải này khi đó cũng không được mấy người tán thành, vì dung nham trong lòng Trái Đất có thể truyền đi sóng địa chấn. Nhưng dung nham không thể phát đi tiếng động của loại chất lỏng mà anh ta tưởng tượng ra.

Vì tiếng nổ này thường xuất hiện ở khu vực ven biển và đồng bằng châu thổ sông nên có người cho rằng đó có thể là do những vật trầm tích dưới đáy biển không ngừng tăng lên, khiến cho mặt đất chìm xuống mà tạo nên tiếng nổ. Nhưng mặt đất chìm như vậy phải tạo ra các cơn sóng lớn, thậm chí là sóng thần, nhưng thực tế lại không xảy ra.

Cũng có người cho rằng đây là tiếng đá vôi bị nứt vỡ. Nhưng nếu âm điệu tiếng đá vôi bị nứt vỡ phát ra phải cao hơn âm thanh của phần lớn các tiếng nổ tự nhiên, là những tiếng lách tách chứ không phải những tiếng đùng đùng. Huống hồ chỉ có ở vùng núi mới có thể xảy ra hiện tượng đá bị nứt vỡ còn đồng bằng châu thổ sông Hằng lại là nơi trũng thấp.

Những người Philipin đều cho rằng, những tiếng kì lạ đó là tiếng sóng biển xô bãi cát hoặc tràn vào hang đá gây nên, thường khi bão sắp đến sẽ nghe thấy tiếng này. Có khi bão sẽ đẩy hàng loạt các con sóng lên, tiếng nổ sẽ truyền đi xa hàng nghìn ki-lô-mét, thế nên rất nhiều nơi trước khi bão đến tiếng nổ đã truyền đến rồi, Trong tình trạng bầu khí quyển đặc biệt thì tiếng nổ còn có thể được truyền xa hơn. Tuyết tích trên núi cũng có thể phản xạ âm thanh, khiến cho tiếng nổ nghe như đến từ trong đất liền. Nhưng một học giả đã chỉ ra rằng, cách giải thích này rất miễn cưỡng, vì bão không phải có thường xuyên.

Mùa đông năm 1977, cư dân ven biển Đông Bắc nước Mỹ nghe thấy tiếng nổ đùng đùng từ phía Đại Tây Dương, có người cho rằng trong đó có thể là tiếng ồn của một loại máy bay chở khách. Ngoài ra có thể là do bầu khí quyển ở phía xa bị rung động, nhờ vào trạng thái đặc biệt của bầu khí quyển mà âm thanh truyền xa tới hơn vài trăm ki-lô-mét. Họ cho rằng, bầu khí quyển đạt đến một nhiệt độ và mật độ nhất định có thể sinh ra hiệu quả như hiện tượng ảo ảnh, truyền âm thanh càng xa hơn. Nhưng đây chỉ là một suy đoán, chưa được thông qua nghiên cứu khoa học nghiêm túc, nên càng không phải là một đáp án chắc chắn.

Loại tiếng nổ đến từ tự nhiên này rốt cuộc là do nguyên nhân gì và phản ánh hiện tượng tự nhiên nào, bây giờ vẫn còn là một bí ẩn.



31. NƯỚC ĐANG QUẤY PHÁ

Khi học tiểu học, nhân một cơ hội ngẫu nhiên tôi được tới một vùng đồng cỏ bát ngát vào mùa hè. Tôi đã phát hiện ra một "cảnh tượng kì lạ": một cơn mưa lớn đang ào ào đổ xuống một nơi cách đó không xa. Dòng nước lớn từ trên trời đổ xuống dịch chuyển dần về phía tôi. Sau đó, tôi và người bạn đi cùng đã nhảy lên một chiếc xe tải lái như bay, coi như đã thoát được một trận mưa to đang áp sát mình. Từ xa nhìn lại, cánh đồng bị màn mưa bao phủ, cả bầu trời là một màn mây đen mù mịt. Một cây cầu vồng xinh đẹp hiện ra từ phía mép đám mây đen, tan trong không trung. Giờ đây nhìn lại, "cảnh tượng kì lạ" đó chẳng qua là những đám mây nặng nước mưa trong quá trình bay lên gặp phải không khí lạnh nên rơi xuống thành một trận mưa rào vẫn hay gặp trong mùa hạ.

Nhưng trong tự nhiên, còn có một số hiện tượng nước rơi và nước chảy kì lạ mà đến giờ vẫn chưa giải thích được. Theo những tài liệu ghi chép được, trung tuần tháng 10 năm 1886, tại một thành phố bang Bắc Carolina Mỹ, người dân ở phía đông nam thành phố đã tận mắt chứng kiến một hiện tượng đáng ngạc nhiên diễn ra liên tục trong 3 tuần liền: trong một khoảng thời gian, cứ 3 giờ chiều đều đặn mỗi ngày, ở cùng một địa điểm đều mưa đều đặn trong vòng nửa tiếng, hơn nữa mưa chỉ rơi ở chỗ đất trống giữa hai cái cây, khi mưa rơi bầu trời trong xanh, ánh nắng rực rỡ. Nhân viên dự báo thời tiết vùng này nói, anh đã tận mắt trông thấy, có khi mưa rơi ở diện tích lớn hơn nhiều. Nhưng chỗ trung tâm nước rơi xuống vẫn là giữa hai cái cây. Chuyện tương tự đã xảy ra ở bang Pennsylvania, nhưng loài cây mà mưa rơi xuống không phải là cây sồi đỏ mà mà là cây đào.

80 năm sau, tháng 6 năm 1966, tại bang Texas của Mỹ, một cây hòe ở trong vườn chảy ra một dòng nước. Theo lời các nhân chứng và chủ vườn Morse, dòng nước chảy ra từ một hốc cây cách mặt đất gần 6 m, dù lượng nước không nhiều, nhưng trong vòng 12 giờ cũng thu được 3 lít nước. Ngoài ra còn có báo cáo nói, có một cái cây trong 47 ngày chảy ra 20 lít nước. Và khi trên cây chảy nước thì ngoài

trời không hề có mưa. Những người mê tín coi những cây này là cây thần. Họ không thể hiểu được dưới bầu trời trong xanh, trên cây đại thụ sao có thể chảy ra một dòng nước?

Năm 1963, gia đình Martin sống ở bang Masachuset Mỹ đã bị tấn công bởi một dòng nước bí mật trong nhà, gần như không thể sống yên ổn được. Cho dù người nhà này đã liên tục chuyển nhà nhưng dòng nước vẫn chảy xuống từ trên tường, trên trần nhà, khi rời đến thành phố khác ở, điều này lại bắt đầu tái diễn. Đây là một ví dụ về một gia đình bị dòng nước kì lạ quấy nhiễu. Một loại khác là những câu chuyện có liên quan tới một người nào đó. Eugenio là một cậu bé 9 tuổi ở đảo Sardinia. Khi bác sĩ kiểm tra gan cho cậu, trên sàn nhà xung quanh giường cậu bé nằm bắt đầu rỉ ra rất nhiều nước. Cậu bé đã đổi 5 chỗ khám, nhưng chỉ cần ga trải giường trải xong. Hiện tượng kì lạ này lại lập tức xuất hiện. Các ngành liên quan đã phái nhân viên kỹ thuật tới. Họ đã kiểm tra cơ sở vật chất của căn nhà, đến tận ống khói, nhưng không tìm được bất cứ vết tích nào đủ để chứng thực nước có nguồn, điều này khiến người ta không thể hiểu nổi.

Tại Norfolk của Anh còn xảy ra một chuyện ly kì hơn: 70 năm về trước, cuối tháng 8 năm 1919, trần nhà của mấy phòng trong nhà một mục sư ở nông thôn đều rỉ ra "dầu thô". Một số nhân chứng nói, họ trông thấy "dầu thô" từ trên tường rỉ ra. Ngày mồng 2 tháng 9, người ta đã thu được tổng cộng 25 lít dầu thô, nhưng thứ được gọi là "dầu thô" này không tinh khiết mà là hỗn hợp của mấy loại nước và hợp chất hữu cơ. Có người đoán là, nhà của mục sư xây trên một mỏ dầu? Vì khí bốc hơi lên từ loại dầu hỗn hợp này có hại cho con người, nên ngôi nhà này bị bỏ không. Người ta lật nóc nhà, bổ tường ra để tìm hiểu căn nguyên, nhưng chẳng thấy dấu vết nào bất thường cả.

Những chuyện tương tự như những giọt nước nóng to rơi xuống từ trên trời trong điều kiện tiết trời trong xanh, mưa chỉ rơi ở một phạm vi rất nhỏ. Dù khiến người ta không thể lý giải được, nhưng thông qua điều tra về địa hình, tình hình hoạt động của núi lửa ở địa phương, cùng với những đặc điểm khí hậu, thông thường có thể có được cách giải thích. Nếu nước chỉ rơi xuống ở một phạm vi rất nhỏ, hơn nữa lại rất đúng giờ, và sự thực không bị thổi phồng, thì đây đúng là vấn đề rất đáng nghiên cứu. Sự việc có thể chỉ liên quan tới một phạm vi môi trường nhỏ của địa phương, như mạch nước ngầm hay ống dẫn nước. Chúng ta biết rằng,

không ít nơi trên thế giới tồn tại các mạch nước phun. Sông ngầm dưới lòng đất, thời gian ngắt quãng của dòng nước có lúc rất chính xác, như có người điều khiển bí mật vậy. Còn đối với hiện tượng nước trào ra từ hốc cây, tin rằng cũng có liên quan tới mạch nước ngầm của vùng đó. Không nên dựa vào nước mưa để tìm câu trả lời. Nhưng không phải tất cả các hiện tượng kì lạ có liên quan tới nước rơi xuống hay những dòng nước, đều có thể đưa ra một giải thích thỏa đáng. Có những cây chứa lượng nước lớn, một khi cây bị thương, nước có thể sẽ trào ra từ miệng vết thương. Nhưng cây sồi và cây đào không phải là loại cây có thể hút nhiều nước. Vì thế hiện tượng này đối với cây sồi và cây đào mà nói là tương đối kì lạ và đặc biệt. Phía trên có nói đến hiện tượng trong nhà bị rỉ ra "dầu thô", chắc rằng đó cũng là nước đang giở trò quấy phá. Nếu vật liệu gỗ làm nhà là gỗ thông, nó có thể rỉ ra dầu thông, khi thời tiết nóng nực còn có thể nhỏ thành giọt. Một số gỗ cây khác cũng sẽ rỉ ra chất lỏng, những chất lỏng này trộn lẫn với nước, có lẽ sẽ khiến cho một số người tin vào hiện tượng kì lạ nghĩ đó là dầu thô.



32. VỤ NỔ BÍ ẨN TRÊN BẦU TRỜI THÁI BÌNH DƯƠNG

Năm 1984, một vụ nổ lớn bí ẩn đã xảy ra trên bầu trời Thái Bình Dương, đến nay vụ nổ này vẫn để lại trong lòng người ta nhiều câu hỏi khó giải thích.

Đêm ngày 9 tháng 4 năm đó, một chuyến bay của công ty hàng không Nhật Bản cất cánh từ sân bay Narita Tokyo, bay tới Anchorage bang Alaska, Mỹ. Khi máy bay sắp sửa đáp xuống Anchorage, một sự việc kì lạ đã xảy ra: phía trước máy bay bốc lên một đám mây hình nấm khổng lồ, độ cao lên tới mười nghìn mét. Đám mây không ngừng mở rộng ra xung quanh, hiện lên sáng chói giữa bầu trời đêm. Phi công lái chuyến bay đó phán đoán, đám mây khổng lồ đó không giống với mây đen tích mưa thông thường của mùa hạ, mà giống như nấm mây xuất hiện trong những vụ nổ hạt nhân. Đoàn bay lập tức thông báo với trung tâm hỗ trợ từ mặt đất, tránh xa nấm mây khổng lồ đó.

Đêm hôm đó, những người ngồi trong một chuyến bay của công ty hàng không Hà Lan cũng tận mắt chứng kiến nấm mây khổng lồ này. Nhưng sớm hơn so với chuyến bay ở Nhật Bản 50 đến 60 phút. Cơ trưởng trên chuyến bay chở khách Hà Lan báo cáo với trung tâm hỗ trợ từ mặt đất rằng, anh nhìn thấy chớp sáng trắng cực mạnh, ngay sau đó xuất hiện nấm mây khổng lồ. Chứng kiến cả quá trình này còn có những người trên hai chuyến bay có cùng đường bay vào đêm hôm đó.

Các cơ quan hữu quan Mỹ, sau khi phân tích báo cáo của những nhân chứng trên, đã ra lệnh cho bốn chuyến bay hạ cánh tại cơ sở của không quân Mỹ tại Anchorage, tiến hành kiểm tra nhiễm phóng xạ. Nhưng kết quả cho thấy không có bất cứ dấu vết nào của việc nhiễm phóng xạ.

Cơ trưởng chuyến bay của công ty hàng không Nhật Bản kiên quyết cho rằng, chỉ có những vụ nổ cực mạnh mới có thể hình thành nấm mây như vậy. Nhưng

theo tư liệu do bộ phận khí tượng cung cấp. Ngày hôm đó tại vùng biển đó không tiến hành bất cứ một thí nghiệm hạt nhân nào, cũng không có núi lửa phun trào. Hơn nữa khi phát hiện thấy đám mây có hình nấm, trên vùng biển đó cũng không có khả năng hình thành mây tích mưa.

Sau chuyện đó, các cơ quan hữu quan của cả Nhật Bản và Mỹ đều lần lượt tiến hành nhiều cuộc điều tra tại nơi xảy ra sự việc. Phân tích bụi khí quyển, phát hiện cường độ phóng xạ của bụi cao gấp nhiều lần so với khu vực khác. Kết luận này cho thấy, đám mây hình nấm khi đó rất có thể là do một vụ nổ hạt nhân tạo thành.

Sự kiện này khiến người ta nhớ đến một sự kiện tương tự xảy ra tại phía Tây Nam lục địa châu Phi năm 1979. Ngày 22 tháng 9 năm 1979, vệ tinh gián điệp Mỹ đã chụp được ảnh một vụ nổ mạnh tại vùng biển phía Tây Nam châu Phi. Phân tích từ ánh sáng mạnh trong bức ảnh, vụ nổ chỉ diễn ra trong vài giây, rất có khả năng là một vụ nổ hạt nhân. Nhưng lúc đó, những quốc gia có vũ khí hạt nhân không thể tiến hành thử nghiệm hạt nhân ở một nơi xa như vậy được. Cũng có người cho rằng, đó có thể là chớp, ánh sáng mặt trời hoặc do thiên thạch tạo thành, hoặc là bản thân vệ tinh gián điệp có trục trặc. Qua phân tích thì những khả năng này là không thể. Vậy phải chăng một quốc gia nào đó đã bí mật tiến hành thử nghiệm hạt nhân? Sự thật đã phủ định suy đoán này. Năm 1980, viện khoa học Mỹ đã đăng một báo cáo nghiên cứu có liên quan tới sự kiện này, ánh sáng mà vệ tinh gián điệp chụp được là do thiên thạch và vệ tinh va chạm tạo nên. Nhưng nửa năm sau, vệ tinh gián điệp này lại quay được một vụ nổ cực mạnh giống như lần trước trên cùng vùng trời phía trên vùng biển đó, thế là kết luận của viện khoa học Mỹ cũng không đứng vững nữa.

Vậy những vụ nổ lớn đó là gì?

Có người cho rằng, những vụ nổ cực mạnh đó chỉ đơn thuần là những hiện tượng tự nhiên, là kết quả của nhiều loại nhân tố ngẫu nhiên kết hợp lại cùng một lúc. Nhưng cái gọi là "kết hợp ngẫu nhiên" tại sao lại liên tục xảy ra ở cùng một vùng biển, cách giải thích này rõ ràng là thiếu thuyết phục.

Đầu năm 1986, bài báo trên "New York Times" Mỹ đã hé lộ rằng Mỹ đang tiến hành "cuộc chiến gián điệp năng lực đặc biệt". Theo tin này, cục tình báo trung ương Mỹ đang tiến hành cuộc huấn luyện chiến đấu gián điệp cho những

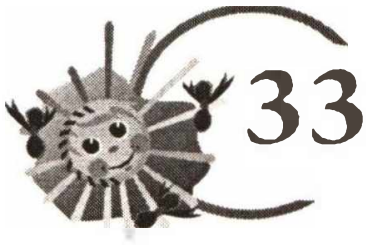
người có năng lực đặc biệt xuất sắc nhất trên toàn nước Mỹ. Nhưng không chỉ có Mỹ, bài viết của phóng viên nổi tiếng của Mỹ Jake Anderson cho biết, từ năm 1976 trở lại đây, dưới lòng đất khắp cả nước Mỹ, bộ chỉ huy chiến đấu đã sắp xếp những "người lính có năng lực đặc biệt", còn Liên Xô sớm cũng đã tiến hành thử nghiệm vũ khí năng lượng cao sử dụng "năng lực đặc biệt của con người". Ông liệt kê năm 1958, ở dãy núi Ural của Liên Xô từng xảy ra một vụ nổ hạt nhân kì lạ, năm 1963, tàu ngầm hạt nhân Thresher của Mỹ cũng đã bí mật lặn xuống đáy biển. Hai sự kiện này được cho rằng có liên quan tới những nghiên cứu nói trên của Liên Xô và Mỹ. Nhưng lập luận của Jake Anderson chỉ là tiếng nói của một cá nhân. Đến nay cả Mỹ và Liên Xô đều chưa tỏ rõ thái độ của mình trước vấn đề này.

Còn có một số nhà khoa học vẫn kiên trì cho rằng, không thể loại trừ khả năng các vụ nổ quy mô lớn này chỉ là một hiện tượng tự nhiên. Vì một lý do nào đó mà chúng ta vẫn chưa biết, khiến cho lượng lớn khí đốt tập trung lại, trở thành điều kiện cho một vụ nổ lớn. Tuy nhiên cách giải thích này vẫn cần được chứng minh, vì cho dù lượng lớn các khí đốt có thể tập trung lại, vậy "ai" đã dùng cách gì để có thể đốt chúng?



Một vụ nổ bí ẩn chưa có lời giải

Có một điều có thể khẳng định, đó là những vụ nổ lớn bí ẩn như vậy sau này vẫn có thể tiếp tục xảy ra, nó sẽ cung cấp cho chúng ta nhiều đầu mối hơn nữa để đi đến một đáp án chính xác.



33. NÚI PHÚ SĨ CÓ PHUN LỬA TRỞ LẠI KHÔNG ?

Nếu nói rằng hoa anh đào rạng rỡ như áng mây trong tiết trời xuân chính là sự khắc họa cho vẻ đẹp của xứ sở Phù Tang thì núi Phú Sĩ phủ đầy tuyết trắng nhiều năm nay đã trở thành biểu tượng của Nhật Bản. Tuy nhiên, thời kì gần đây, núi Phú Sĩ lại trở thành đề tài của các nhà núi lửa học và địa chấn học. Người Nhật Bản cũng vô cùng lo lắng rằng liệu núi Phú Sĩ có lại phun trào nữa hay không?

Sự việc bắt đầu từ mùa hè năm 1987. Một tin kinh hoàng nhanh chóng lan truyền khắp đất nước Nhật Bản: "Đỉnh núi Phú Sĩ xảy ra một trận động đất có thể cảm nhận thấy được". Vì ký ức về cảnh tượng núi lửa Mihara phun trào mấy năm trước vẫn còn như mới, mọi người đương nhiên không dám lơ là.

Nhật Bản nằm trong vành đai động đất Thái Bình Dương, là một quốc đảo nhiều núi lửa, nhiều động đất. Từ xưa đến nay chịu rất nhiều thiệt hại. Núi Phú Sĩ vốn được coi là một ngọn núi lửa đã chết, nổi bật trên nền trời, núi Phú Sĩ hùng vĩ tráng lệ là thánh địa du lịch của tất cả mọi người. Từ năm 1707, khi núi Phú Sĩ phun trào lần cuối cùng cho đến nay đã hơn 300 năm, nó luôn giữ được vẻ đẹp yên bình. Người ta dần quên đi nó đã từng là một ngọn núi lửa còn hoạt động. Trên thực tế, tính đến lần cuối cùng núi Phú Sĩ phun trào, thì lịch sử đã ghi lại hơn 10 lần phun trào khác trong lịch sử.

Đối với động đất cảm nhận được xảy ra lần này trên đỉnh núi Phú Sĩ, cảm nhận rõ nhất là những nhân viên kỹ thuật của trạm dự báo thời tiết phòng khí tượng Nhật Bản được xây trên đỉnh núi. Kể từ năm 1932, trạm dự báo thời tiết được xây cho tới nay. Đây là lần đầu tiên theo dõi thấy đỉnh núi Phú Sĩ xảy ra địa chấn có thể cảm nhận thấy được. Ngày 20 tháng 8 năm 1987, phòng khí tượng lần đầu tiên ghi lại cơn chấn động cảm nhận được này, năm ngày sau công bố trước toàn thế giới. 5 giờ 56 phút sáng hôm đó, năm nhân viên trạm dự báo thời tiết trên đỉnh núi bị động đất đánh thức, độ chấn động là 3 độ richter. Nhưng những

người sống dưới chân núi Phú Sĩ và khu vực lân cận không hề phát hiện thấy động đất. Sau đó, ngày 23, 24 tháng 8 lại tiếp tục xảy ra những cơn chấn động có thể cảm thấy được như vậy.

Người ta cho rằng những trận động đất trên đỉnh núi Phú Sĩ hơi đột ngột. Thực ra hàng năm bên dưới núi Phú Sĩ vẫn xảy ra vài trận động đất (đây là lần đầu tiên xảy ra động đất có thể cảm thấy được). Do số liệu không đầy đủ, nên muốn tìm ra nguyên nhân xảy ra hàng loạt các trận động đất có thể cảm thấy được trên đỉnh Phú Sĩ vẫn còn là vấn đề thời gian. Các cơ quan nghiên cứu động đất trên khắp Nhật Bản đã tập trung lực lượng, thu thập rộng rãi mọi tư liệu về các trận động đất trên núi Phú Sĩ.

Hiện nay, những nghiên cứu về mối quan hệ bên trong giữa động đất và hoạt động của núi lửa vẫn chưa đủ sâu. Thông thường, cơ quan nghiên cứu thường chỉ nghiên cứu động đất hoặc chỉ nghiên cứu núi nửa, giống như Kimura Massaki nổi tiếng một thời khi núi lửa Mihara phun trào. Những người nghiên cứu mối quan hệ giữa động đất và núi lửa vô cùng ít. Hiện nay có rất nhiều người và cơ quan nghiên cứu Nhật Bản đang tiến hành nghiên cứu, quan sát ở vùng biển phía Đông Trung Quốc. Nhưng có rất ít người nghiên cứu xem núi Phú Sĩ trong tương lai có hoạt động lại nữa hay không? Vì thế nên có người nói, núi Phú Sĩ có thể sẽ phun trào trở lại, nhưng trong ngày mai, hay trong vài trăm năm nữa, không ai nói rõ được. Cũng có người chỉ ra rằng, một tháng rưỡi sau khi xảy ra trận động đất tháng 10 năm 1707, núi Phú Sĩ đã phun trào rồi, giữa những điều này dường như tồn tại quan hệ nguyên nhân – kết quả. Tuy nhiên hiện nay rất ít người bàn tới sự liên quan giữa động đất tại biển Đông Trung Quốc với việc núi Phú Sĩ phun trào. Một phó Giáo sư trường đại học Yamanashi Nhật Bản đã trèo lên đỉnh núi Phú Sĩ để thu thập bom núi lửa. Ông phát hiện ở chếch phía bên miệng núi lửa có một cái hố sụt có đường kính khoảng hai mươi mét. Hơn nữa theo phán đoán của ông, đây không phải là dấu vết cũ. Nhưng trong tay ông không có sẵn những tư liệu tranh ảnh để so sánh.

Hiện nay những hồ ao giữa Oshino Hakkai gần núi Phú Sĩ và thành phố Yoshida đều đã cạn trơ đáy. Mực nước trên những sông hồ được mệnh danh là "Phú Sĩ ngũ hồ" giảm mạnh. Điều này cho thấy khả năng giữ nước dưới lòng đất của núi Phú Sĩ đã không còn như trước. Oshino Hakkai được coi là kỷ niệm thiên

nhiên quốc gia Nhật Bản năm đó nước suối dâng cao, cảnh tượng đẹp đẽ đó giờ không thể thấy được nữa, trong đó "vùng đất xuất khẩu" mùa xuân năm 1987 đã gần như không còn một giọt nước. Người ta cho rằng hiện tượng dị thường này có liên quan đến những vận động đang xảy ra dưới lòng đất. So với những năm trước, lượng nước tại thác nước phía Tây chân núi Phú Sĩ đã thấp hơn nhiều. Dòng thác này được tạo thành do sự hội tụ nước sông và nước ngầm bên dưới núi Phú Sĩ thấm qua các tầng dung nham. Trước đây, dòng thác này cao gần hai mươi mét, rộng tới hai trăm mét, hàng trăm dòng nước uốn lượn như dải lụa men theo vách đá ào ào đổ xuống, cảnh tượng tráng lệ vô cùng. Những thay đổi này đã gây ảnh hưởng không tốt tới ngành du lịch. Tuy rằng cơ quan địa phương có ý định phủ nhận, nhưng rất khó thuyết phục mọi người. Ai cũng mong rằng các cơ quan chức năng sẽ nhanh chóng đưa ra được các đối sách – nếu núi Phú Sĩ thực sự sẽ phun trào trở lại, thì phải làm thế nào?



Núi Phú Sĩ

Vì núi Phú Sĩ nằm ở vị trí rất đặc biệt, lần núi lửa phun trào năm 1707 đã tạo thành thảm họa cho cả một vùng rộng lớn kéo dài từ Kanto tới miền Trung Nhật Bản, ảnh hưởng trầm trọng tới kinh tế Nhật Bản. Các học giả cho rằng nên chuẩn bị phòng tránh trước khi sự việc xảy ra, phải kịp thời hoạch định đối sách. Bây giờ, mọi người chí ít cũng nên nhận thức rằng núi Phú Sĩ cho dù thế nào, cũng là một ngọn núi lửa.



34. BÍ ẨN VỀ THIÊN THẠCH TUNGUSKA

Đây là chuyện xảy ra vào hơn 100 năm về trước, nhưng đến nay dường như vẫn vẹn nguyên trong ký ức mọi người. Buổi sớm bình minh ngày 30 tháng 6 năm 1908, trên bầu trời gần khu vực hồ Baikal Siberia và sông Tunguska, đột nhiên xuất hiện một quầng sáng chói lọi, nó phát ra một tiếng nổ vang trời như tiếng sấm vậy. Trong chớp mắt bay vụt từ phía đông sang phía tây bắc. Ở nơi cách đó hàng nghìn kilômet vẫn nghe thấy tiếng nổ như tiếng sấm tuyền lại từ phía xa. Vật thể phát sang đó nổ tung, khiến cả cánh rừng nguyên sinh Siberia trải rộng 2000 km^2 đã bị hủy hoại, còn có 1500 con tuần lộc bị chết. Vụ nổ đã kéo theo động đất và những chấn động dị thường của không khí, những cư dân Irkutsk sống đó 970 km đã cảm nhận thấy những chấn động trong không khí một giờ sau vụ nổ. Ở Potsdam xa xôi cách đó hơn 5000 km sau 4 giờ 14 phút cũng ghi lại được chấn động. Máy đo động đất tại Washington Mỹ 8 giờ sau cũng ghi lại được sóng địa chấn của vụ nổ này. Vụ nổ ở Tunguska là vụ nổ lớn bất thường. Nhưng do khu vực này đều là rừng nguyên sinh, dân cư thưa thớt nên khi đó giới khoa học và các tầng lớp trong xã hội đều không coi trọng nó lắm.

Năm 1917, nhà khoa học Nga Kulik đã dẫn một đoàn thám hiểm tới Siberia, tiến hành khảo sát ở nơi cây cối bị tàn phá với số lượng lớn, phát hiện thấy gần đó có những hố tròn chứa đầy nước, tạo thành các đầm lầy. Ông cho rằng, những hố tròn này được tạo thành do thiên thạch rơi xuống khi xảy ra vụ nổ. Kulik vận chuyển các loại máy móc vào trong khu rừng, nghiên cứu tỉ mỉ vùng xung quanh hố tròn và dưới đáy. Cuối cùng vẫn không thấy tung tích gì của những mảnh vụn thiên thạch. Cũng có nghĩa là không thể chứng minh những hố tròn này là hố thiên thạch. Cho tới nay, vụ nổ lớn ở Tunguska vẫn là một tấm màn bí ẩn.

Thế chiến thứ hai vừa kết thúc, hai vụ nổ bom nguyên tử ở Nhật Bản thu hút sự chú ý của mọi người trên khắp thế giới, những vấn đề của vụ nổ lớn tại Tunguska lại được nhắc đến. Thậm chí có người nói rằng, trong vụ nổ đó đã xuất

hiện vật thể phát ra ánh sáng trên bầu trời, lại sinh ra sóng chấn động cực lớn, liệu đây có phải là một vụ nổ hạt nhân? Bắt đầu từ năm 1958, Viện khoa học Liên Xô đã lần lượt phái rất nhiều đoàn khảo sát tới Siberia, tiến hành khảo sát và nghiên cứu vụ nổ năm 1908 tại Tunguska trên quy mô rộng lớn và vô cùng tỉ mỉ. Dựa trên rất nhiều số liệu, họ rút ra kết luận, vụ nổ không xảy ra trên mặt đất, mà xảy ra trên không với độ cao hàng nghìn mét, do một ngôi sao chổi không lớn lắm va vào tầng khí quyển Trái Đất với vận tốc từ 35.000 m/s tới 40.000 m/s. Những vi hạt vật chất, chất khí trong sao chổi do bị ma sát với bầu khí quyển nên trong chớp mắt đều bốc hơi hết. Những mảnh vụn tương đối lớn đã hóa thành bụi trong độ cao hàng nghìn mét. Sau vụ nổ, trên mặt đất không tìm thấy bất cứ miếng thiên thạch nào. Ngôi sao chổi này bay tới Trái Đất từ phương Đông, cũng là phía mặt trời mọc, vì vậy nó bị che lấp trong ánh sáng của mặt trời nên không có ai nhìn thấy nó trước. Tuy rằng ngôi sao chổi này không lớn, nhưng vụ nổ này cũng tương đương với sức nổ của 4 triệu tấn thuốc nổ cực mạnh TNT, cũng có nghĩa là tương đương với 200 quả bom nguyên tử ném xuống Hiroshima cùng nổ một lúc, uy lực của nó thật khủng khiếp.

Kết luận khảo sát của các nhà khoa học Liên Xô khiến người ta cảm thấy hài lòng. Nhưng một nhà khoa học khác của Liên Xô tên là Casa Maltsev lại đưa ra một suy đoán khác. Ông nói, hiện tượng sinh ra từ vụ nổ Tunguska rất giống với một vụ nổ hạt nhân, hơn nữa còn tạo ra bức xạ hạt nhân. Liệu đây có thể là một phi thuyền vũ trụ bên ngoài không gian xảy ra tai nạn và tạo thành vụ nổ không? Không cần nói cũng thấy, lúc đó suy đoán này mang nhiều phần viển vông hơn là khoa học.

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, điều làm người ta kinh ngạc là, hiện thực đã cung cấp ngày một nhiều những chứng cứ cho suy đoán của Casa Maltsev. Dưới kính hiển vi, các nhà khoa học phát hiện bùn lầy ở khu vực Tunguska có chứa vật chất silicat và hạt khoáng sắt từ có kích thước vài mi-li-mét, có hạt sắt từ còn tạo thành hình tràng hạt, trong vật chất silicat còn phát hiện thấy những hạt sắt từ nóng chảy. Hiện tượng này chỉ có thể xảy ra ở trạng thái nhiệt độ cao. Có nhà khoa học cho rằng, silicat là vật liệu lý tưởng để chế tạo vỏ ngoài phi thuyền vũ trụ. Các nhà khoa học còn phát hiện thấy thêm những hạt có hình cầu nằm dưới đất hoặc trong cây cối ở khu vực Tunguska. Trong đó phát hiện ra các

kim loại như coban, niken, đồng, giéc-ma-ni, đây rất có thể là những vật liệu được dùng làm máy móc trong phi thuyền vũ trụ khi tới thăm Trái Đất.

Có người cho rằng, căn cứ vào trình độ khoa học kỹ thuật và những tài liệu hiện có của con người hiện nay, giả thiết rằng vụ nổ Tunguska là do một phi thuyền vũ trụ động cơ hạt nhân gặp nạn gây nên có vẻ hợp tình hợp lý. Họ miêu tả, phi thuyền vũ trụ này nặng đến vài nghìn tấn, hình dáng giống một cái ống khổng lồ. Trong lúc tiếp cận với Trái Đất với tốc độ ánh sáng, động cơ hạt nhân của phi thuyền vũ trụ này xảy ra sự cố, đến khu vực Tunguska do nhiên liệu hạt nhân bị dẫn nổ đã gây nên đại họa ngày hôm đó. Ánh sáng mà mọi người nhìn thấy chính là do ma sát mạnh giữa vỏ phi thuyền vũ trụ với Trái Đất, sinh ra khi nhiệt độ tăng lên đến mấy nghìn độ C. Đương nhiên, những dũng sĩ trong phi thuyền vũ trụ không biết từ đâu tới này cũng chưa thể hoàn thành nghiệp lớn của mình.

Suy đoán của Casa Maltsev và những nghiên cứu sâu hơn của các nhà khoa học khác tuy rằng đã cổ vũ tinh thần mọi người, nhưng đây vẫn chỉ là một giả thiết, thiếu những chứng cứ thuyết phục không thể chối cãi. Song Trái Đất chẳng qua cũng chỉ là một thiên thể nhỏ bé, con người không phải là "cục cưng" duy nhất trong vũ trụ, thì những nghiên cứu như thế này chắc chắn không phải là chuyện hoang đường vô lý. Nếu sau này có một ngày, một phi thuyền vũ trụ từ bên ngoài chầm chậm đáp xuống một nơi nào đó trên Trái Đất, chúng ta chắc cũng sẽ cảm thấy không quá bất ngờ.

35. NHỮNG CÁI HỒ TRÔI NỔI VÔ ĐỊNH

Sa mạc Taklamakan là một trong những sa mạc có diện tích lớn nhất khu vực Trung Á, nằm giữa dãy núi Thiên Sơn và dãy núi Côn Lôn. Đầu phía Đông của vùng sa mạc rộng lớn này có một cái hồ. Đó chính là hồ Lop Nor. Trên bản đồ, Lop Nor được đánh dấu bằng một "chấm", mà không phải là một dấu hồ màu xanh da trời như bình thường. Đặc điểm trôi nổi vô định, khiến cho Lop Nor hàng trăm nghìn năm nay luôn mang đầy màu sắc thần bí trong mắt mọi người.

Theo ghi chép trong "Hán thư", một văn kiện cổ đại của Trung Quốc, dòng sông duy nhất chảy qua sa mạc Taklamakan là sông Tarim. Con sông này đổ vào một cái hổ lớn. Bên hồ có một thành phố tự trị tên là Kroraina. Nhà lữ hành Itali Marco Polo vào thế kỷ XIII đã ghi lại trong ghi chép viễn du của mình rằng trong sa mạc Taklamakan có một thành phố và một cái hồ. Nhưng đến thế kỷ XIX, cái hồ này vẫn "không có trên bản đồ", vì mọi người không biết rốt cuộc nó nằm ở đâu tại khu vực Trung Á.



Hồ Lopnor

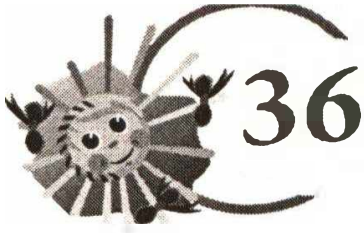
Người đầu tiên thách thức bí mật Lop Nor là một nhà Địa lý học người Thụy Điển tên là Swain Hardin (1865 – 1952). Tháng 3 năm 1900, ông dẫn theo một đoàn thám hiểm tiến sau vào đại sa mạc Trung Á. Trên một lòng sông cũ, ông tìm thấy rất nhiều mảnh gốm sứ cũ, sau đó lại tìm được một số phần của những di

tích cổ đại ở khu vực xung quanh. Qua vài năm khai quật, Swain Hardin phán đoán: đây là di chỉ của thành cổ Kroraina, Lop Nor chắc sẽ nằm gần ngôi thành cổ này. Nhưng, gần di chỉ của thành cổ chẳng có cái hồ nào như vậy cả, nếu có cũng chỉ là những vỏ sò cho thấy đã từng có hồ ở đây.

Đầu thế kỷ XX, Swain Hardin đã đăng "giả thuyết Lop Nor trôi nổi", cho rằng: dòng sông Tarim chảy vào Lop Nor cuốn theo rất nhiều bùn đất, khiến cho lòng sông bị tắc lại mà đổi dòng, thế là sông Tarim lại "tạo" nên một Lop Nor khác ở một nơi khác. Ông còn cho rằng, sự diệt vong của vương quốc cổ đại Kroraina và sự biến mất của Lop Nor có liên quan đến nhau.

Năm 1921, lòng sông cũ của sông Tarim đã khô cạn 1600 năm lại xuất hiện dòng chảy, thế là Lop Nor lại xuất hiện một lần nữa. Sự thực đã diễn ra đúng như suy đoán của Swain Hardin, đường chảy của sông Tarim đã có sự thay đổi. Ngày nay, các nhà khoa học đã xác nhận, Lop Nor lại bắt đầu cạn khô, đáy hồ cạn trơ theo thời gian. Có nhà khoa học còn cho rằng, hiện tượng này có thể do biến động khí hậu trên phạm vi thế giới, khiến dãy núi Himalaya đọng tuyết gây nên. Nhưng có một số nhà lại học lại không đồng ý với suy đoán này.

Vậy, rút cuộc nguyên nhân gì đã khiến cho Lop Nor "trôi nổi vô định"? Đến nay, đó vẫn là một bí ẩn.



36. THÀNH PHỐ CỔ ĐẠI DƯỚI LÒNG ĐẤT

Trên cao nguyên Anatolia rộng lớn của miền Trung Thổ Nhĩ Kì, mỗi năm vào cuối đông đầu xuân đều mưa phùn rả rích liên miên. 50 năm trước, cũng vào một ngày mưa tuyết rơi não lòng như vậy, gần một ngôi làng nhỏ tên là Derinkuyu. Một ngọn núi nhỏ đột nhiên sụt mất một góc. Một người trong làng đi qua đó đến gần để xem, phát hiện một cái hang nhỏ vừa đủ cho một người chui qua. Cái hang này nhìn không thấy đáy, không biết dẫn tới đâu. Để tìm hiểu đến tận cùng, mọi người thắp đèn dầu từng người một chen nhau bò vào trong hang. Cái hang sâu hơn rất nhiều so với tưởng tượng, mọi người nhìn vào bên trong thấy có những dấu vết như người xưa đã từng sống ở đây, giống như một thành phố ngầm. Vào lúc nào và ai đã mở ra dưới lòng đất một nơi rộng lớn như vậy? Không ai giải thích nổi.

Không lâu sau, nhà khảo cổ học người Thổ Nhĩ Kì nghe nói đến thành phố cổ đại dưới lòng đất này, liền bắt tay tiến hành khảo sát khoa học, bắt đầu từ giữa thời thập niên 60 của thế kỷ XX. Kết quả nghiên cứu trong nhiều năm thật khiến người ta kinh ngạc. Thành phố ngầm dưới lòng đất này có độ sâu kéo dài tới 55 m, từ trên xuống dưới có 8 tầng, diện tích lớn bằng mười mấy sân bóng. Thành phố ngầm có thiết kế lỗ thông hơi, có phòng bếp chung, phòng dự trữ, nhà ăn, phòng cất rượu nho, nơi nhốt động vật, phòng tắm, nhà vệ sinh cùng với các thiết kế tôn giáo, tất cả có hơn 52 chỗ.

Điều làm người ta ngạc nhiên hơn là, xung quanh thành phố ngầm này có gần 30 thành phố ngầm khác tương tự như nó. Quy mô lớn nhất là tòa thành nằm cách làng Derinkuyu 9 km về phía Bắc, có đường hầm dài gần 9 km đã nối liền hai tòa thành này lại với nhau.



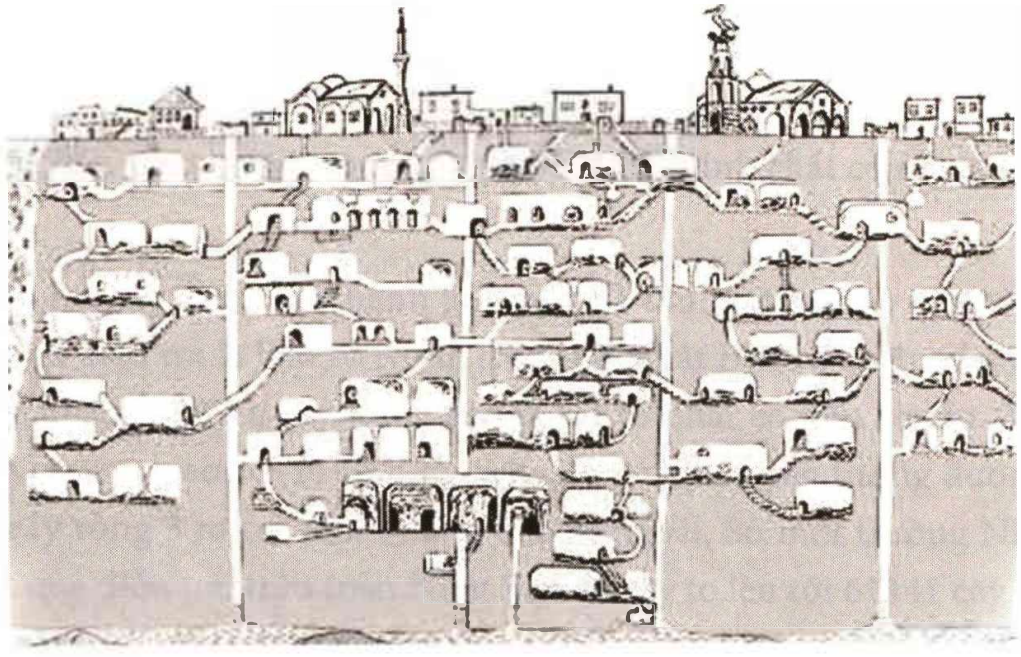
Một tầng trong thành phố ngầm

Vậy, thực ra là khi nào và ai đã xây dựng nên thành phố ngầm với quy mô lớn như vậy? Xây dựng với mục đích gì? Tại sao họ phải tránh khỏi mặt đất với ánh mặt trời rực rỡ và sống dưới lòng đất? Những câu hỏi này vẫn chưa tìm được câu trả lời thuyết phục. Những các chuyên gia suy đoán, xoay quanh kì quan cổ đại này nhất định có một bối cảnh lịch sử nào đó.

Phía đông nam cao nguyên Anatolia vốn là khu vực môi trường đặc biệt nổi tiếng trên thế giới, được mệnh danh là "một thế giới khác". Ở đây đất không thành mảng, cả cao nguyên rộng lớn phủ một màu tro nâu, trên đó sừng sững hàng nghìn những cột đá chóp nhọn như hình cây măng, kéo dài mấy chục nghìn mét. Địa mạo kì thú này là do ngọn núi lửa cổ đại gần đó phun trào mà thành. Khu vực này nằm trên vành đai núi lửa biển Aegean kéo dài, là một trong những vành đai động đất của thế giới. Kết quả của những đống tro bụi núi lửa bị ăn mòn theo thời gian đã tạo thành kì quan ngày hôm nay.

Các nhà khảo cổ học phân tích, vì mặt đất tạo thành từ dung nham núi lửa mềm xốp dễ khai quật, nên ngay từ 2000 năm trước công nguyên, người Hittites đã đào các kho trên lớp dung nham này. Nhưng lần khai quật thực sự phải đến khoảng thế kỷ thứ III, khi các đạo sĩ Kitô giáo tới nơi này. Các tín đồ đạo Kitô vốn chịu sự đàn áp của đế quốc La Mã trong thời gian dài, cùng với thành cổ Pompei bị núi lửa phun trào dủy diệt và hàng loạt những tai họa khác, những tín đồ Kitô giáo đều cho rằng "ngày tận thế" đã không còn xa nữa. Thế là họ đều quay lưng rời khỏi quê hương, tới khu vực trung tâm Syria và Tây Á, chờ đợi "ngày tận thế"

đang tới dần. Có một cách giải thích là, chính những tín đồ Kitô giáo đang sợ hãi ngày cuối cùng của thế giới này đã đào lớp dung nham núi lửa lên, xây dựng dưới lòng đất một khu nhà ở và cung điện, sống cuộc sống cách xa với con người. Những tu sĩ biết được tin này đã cùng nhau tới đây, không lâu đã lên tới hơn hàng chục nghìn người. Trong thời kì này, khu vực này lại liên tiếp xảy ra các cuộc chiến tranh giữa đế quốc La Mã với Ba Tư, giữa Ba Tư với Ả Rập. Những người ủng hộ cách giải thích này cho rằng, những tu sĩ này để trốn tránh chiến tranh loạn lạc, nên đã ẩn mình dưới lòng đất. Đây chính là nguồn gốc của các thành phố dưới lòng đất như Derinkuyu. Nhưng cách giải thích này không được nhiều người tán thành lắm.



Sơ đồ thành phố ngầm

Hiện nay, một phần những thành phố ngầm này đã mở cửa cho khách du lịch, từ cửa vào nho nhỏ dẫn vào bên trong con đường ngầm dưới lòng đất, qua con đường ngầm quanh co uốn lượn như tổ kiến này là tới được thành phố dưới lòng đất. Những tầng đầu là phòng bếp và phòng ngủ, phòng cất rượu, phòng tắm,... các cơ sở vật chất cho cuộc sống thường ngày ở tầng dưới. Giáo đường có hình giá chữ thập, có thể đủ cho 100 tín đồ cùng cầu nguyện. Ngoài đường hầm là cánh cửa đá lớn được thiết kế để phòng bị sự tấn công của kẻ thù. Dù hàng nghìn năm đã trôi qua, sự tạo hình tinh tế và phong cách kiến trúc độc đáo của quần thể kiến trúc ngầm này vẫn khiến cho người ta đi từ sự ngạc nhiên này đến sự ngạc nhiên

khác. Nhiệt độ ở đây vào mùa hè giữ ở khoảng 13 đến 15 độ C, mùa đông từ 7 đến 8 độ C. Không gian mở và những đường cong nhẵn bóng của đá dung nham khiến người ta không có chút cảm giác bí bách nào. Cũng nhờ vào nghệ thuật kiến trúc cao siêu này, nên rất nhiều người không tin nơi đây do những người trốn tránh loạn lạc xây dựng nên. Truyền thuyết về những thành phố ngầm rất nhiều, nhưng một thành phố dưới lòng đất có thể để hàng chục nghìn người cùng chung sống thì chỉ có Thổ Nhĩ Kì mới có. Người ta không thể lý giải được những khí cụ, nông vật. Những ghi chép, tranh vẽ trên đá được những người sống ở đây sử dụng khi đó đều không tìm thấy, chúng đã biến đi đâu hết rồi? Các nhà khảo cổ học vẫn tiếp tục tìm kiếm, hy vọng nhờ những cổ vật đó. Chúng ta có thể làm rõ bối cảnh, lai lịch của những thành phố ngầm dưới lòng đất.



37. GỢI Ý CỦA CÂY LONG NÃO KHỔNG LỒ CHO CON NGƯỜI

Thời gian mà thực vật xuất hiện và sống trên trái đất sớm hơn, dài hơn rất nhiều so với động vật. Cho đến ngày hôm nay, người ta đã phát hiện ra rất nhiều loài thực vật kì lạ. Ví dụ có loài thực vật có thể phản ứng với những kích thích từ bên ngoài, có hạt của loài thực vật có thể bay đi rất xa như một đôi cánh, có loài thực vật thậm chí có thể bắt được cả côn trùng... Nhưng điều tra của các nhà thực vật học Nhật Bản với một số loài cây to đã cho thấy tính chất còn kì lạ hơn của các loài thực vật.

Lần điều tra này được tiến hành bởi các nhà thực vật học Sở môi trường Nhật Bản. Mục đích điều tra là làm rõ trong lãnh thổ Nhật Bản có những loại cây to lớn nào. Đương nhiên, những cây được cho là rất to phải có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn này là, thân cây cao cao 1,5 m tính từ mặt đất, có chiều cao tương đương với một người, tán cây rộng 3 m trở lên. Tháng 6 năm ngoái, Sở môi trường Nhật Bản đã công bố kết quả điều tra: trên toàn Nhật Bản số cây to lên tới 61441 cây. Trong đó, to nhất là một cây long não sinh trưởng tại đảo Kogoshima. Chu vi thân cây này lên tới 24,2 m. Nếu cưa ngang thân cây, mặt cắt của nó có thể trải hơn 30 cái chiếu. Trong số 10 cây lớn nhất, ngoài một cây anh đào xếp thứ 3, còn lại đều là những cây long não. Hiện tượng này rất thu hút sự chú ý của cá nhà thực vật học.

Cây long não sở dĩ có thể sống qua được hàng trăm, hàng nghìn năm, trở thành cây to như vậy có lẽ vì nó có một số điểm đặc biệt khác với những cây thông thường khác. Ví dụ như, long não lấy từ cây long não có tác dụng xua đuổi côn trùng tự nhiên. Mùi của long não khiến cho các loài côn trùng có hại phải không dám tới gần.



Cây long não khổng lồ

Tại Atami Nhật Bản có một cây long não khác được coi là cây long não lớn thứ hai ở Nhật Bản. Vì cây long não ở đảo Kogoshima ở quá xa nên cây long não này trở thành đối tượng khảo sát của các nhà thực vật học. Dưới làn sương bao phủ khắp thung lũng, xung quanh cây long não đầy ắp một không khí thần bí không thể lý giải được. Một bên thân cây bị chặt, vỏ cây sần sùi không bằng phẳng, giống như khuôn mặt người già đã dạn dày sương gió. Một dòng suối chảy qua bên cạnh cây long não to lớn này. Dưới tán cây rậm rạp, không khí lại càng trở nên trang nghiêm, trang trọng. Để có thể tận mắt trông thấy toàn bộ cây long não này cũng không dễ, vì xung quanh cây không tìm được góc nhìn nào có thể thấy toàn bộ cây.

Các nhà thực vật học cho rằng, trong các cây to, long não có số lượng cây nhiều nhất, điều này có liên quan tới khả năng sinh tồn độc đáo của nó. So sánh với cây lá kim, bộ rễ của long não phát triển hơn, rễ to, thô và phạm vi phát triển rất rộng. Những cây lá kim như tùng, bách cũng rất to, cao, có sức chịu đựng tốt, tuổi thọ cao, nhưng vẫn kém xa so với long não.

Trong các cây Sequoia của Mỹ, cây cao nhất có thể cao tới 110,3 m. Nguyên nhân của nó ngoài ưu thế về giống cây ra, còn có sự phối hợp của các điều kiện tự nhiên tương ứng. Nhật Bản là một quốc đảo nhiều gió bão, nhiều động đất, độ cao

của cây cối rất ít khi vượt quá 40 m. Nếu sự ảnh hưởng của trọng lực Trái Đất đối với cây cối không lớn như vậy, thì cây cối sẽ mọc rất cao. Hơn nữa đối với các loại cây, nếu không có thiên tai hay ảnh hưởng của con người thì tuổi thọ của chúng cũng đều đạt tới xấp xỉ hàng trăm, hàng nghìn năm.

Hạt giống của cây long não có khả năng thích ứng rất cao. Ví dụ như nếu rừng cây chịu sự tàn phá của núi lửa, trong lớp đất cháy rụi, long não sẽ mọc lên đầu tiên. Hoa của long não là một loại "hoa thụ phấn nhờ gió", hạt giống có thể theo gió phát tán đi rất xa, có thể "tự tìm đường sống". Nhưng cây hoa anh đào trong điều kiện như vậy thì rất khó sống. Nó chỉ có thế sinh trưởng ở những hốc hố trong rừng, trong những khe hở vết nứt trên cây cối. Hạt giống của cây hoa anh đào phát tán nhờ các loài chim. Trong điều kiện tự nhiên qua quá trình khoảng 100 năm, thì cây anh đào sẽ dần dần tàn lụi. Ở vùng rừng núi, cây anh đào thường sinh trưởng đơn lập, phương thức sống của chúng là kiểu "đánh du kích" không cố định.

Phương thức sống của long não là theo kiểu "kẻ xâm nhập". Chúng là loại cây lá rộng xanh quanh năm, sinh trưởng ở những khu vực ấp áp và ẩm ướt. Ở Nhật Bản chúng phân bố ở một số khu vực từ Tây Nhật Bản đến Kanto. Ở vùng duyên hải đông nam Trung Quốc và đảo Đài Loan cũng có loài cây này.

Rừng lá rộng được cấu thành từ cây sơn trà, cây thông dại,... chỉ cần đất rừng còn một khe hở, cây long não cũng có thể chen chân vào. Vì long não sinh trưởng rất nhanh, chưa đến vài năm nó đã nổi bật giữa rừng xanh. Hạt giống của nó có thể bay đi rất xa, đến nỗi chỉ vài năm sau cánh rừng này có thể đã trở thành rừng long não rồi. Nếu nói cây hoa anh đào là "sinh trưởng đơn lập" thì cây long não lại "sinh trưởng với số đông".

Các nhà thực vật học cho rằng, trong long não có một chất có tác dụng chống lại lại côn trùng có hại. Các nhà thực vật học gần đây thường nhắc đến "sự cảm nhiễm qua lại" của thực vật, cũng có nghĩa là, một số loài thực vật có khả năng tiết ra các chất hóa học nhằm khống chế sự sinh trưởng của các thực vật xung quanh. Ví dụ như làm cho xung quanh đến cỏ cũng không mọc được. Vì thế các nhà thực vật học đoán rằng, long não có thể cũng dùng "vũ khí hóa học" như thế để đuổi các loài cây khác ra khỏi cánh rừng. Nhưng các cây long não cũng tiêu diệt lẫn

nhau. Trong trận chiến đấu để sinh tồn, những cây long não bé nhỏ thường bị tàn lụi, khô héo, trong rừng chỉ còn lại những cây long não cao to, khỏe mạnh. Đây chính là sự đào thải của tự nhiên. Kẻ chiến thắng cuối cùng trong trận chiến sinh tồn mới có thể phát triển trở thành cây long não khổng lồ. Nhưng cây cối một khi đã lớn tới mức rất cao, thì cũng sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, thậm chí khiến cho môi trường trở nên không còn thích nghi với sự sinh trưởng của long não nữa. Dần dà, long não sẽ đổ ngã, khô héo, một vòng chiến đấu sinh tồn mới lại bắt đầu.

Vì thế, điều quan trọng để cho long não tiếp tục sinh trưởng, và sinh trưởng một cách khỏe mạnh nằm ở hoạt động của con người. Người Nhật Bản cổ đại coi long não là cây thần, và cung kính thờ cúng chúng. Người ta thường dựng những miếu thờ ở nơi có thần cây, mà miếu thờ lại tạo ra những điều kiện có lợi cho những cây to tiếp tục sinh trưởng. Hiện nay, những cây to may mắn còn sống của Nhật Bản thường ở trong các vườn chùa, các miếu thờ. Trong trạng thái tự nhiên, cây hoa anh đào cũng có thể sống khoảng 100 năm. Nhưng các cây anh đào ở trong các vườn chùa có thể sống tới hơn nghìn năm. Chính vì vậy, cây long não mới có thể phát triển thành cây khổng lồ với rất nhiều điều kiện thuận lợi.

Từ xưa đến nay, cây long não luôn được con người sử dụng rộng rãi để xây dựng, làm thuyền, làm xe đạp nước. Vì nó có mùi thơm rất lạ, lại có thể xua đuổi côn trùng, nên người ta thường dùng nó để chế tác dụng cụ gia đình. Các nhà thực vật học Nhật Bản từng tiến hành nghiên cứu chất hóa học mà các loài thực vật tiết ra, phát hiện chất dầu trong cây long não có những tác dụng rất đặc biệt. Đầu tiên, chất dầu này có độc đối với kiến trắng. Nếu dùng loại dầu này trong vòng 10 ngày, 60% kiến trắng sẽ chết hết. Sử dụng chất dầu này với nồng độ 0,1% cũng có thể gây trở ngại cho rau diếp mọc mầm tới 80%. Đối với các cây rau diếp đã mọc mầm cũng sẽ có tác dụng cản trở phần rễ phát triển. Tuy rằng thí nghiệm này mới chỉ ở bước đầu, nhưng từ đó có thể thấy, cây long não có thể sống trong rừng rậm là nhờ chúng đã lợi dụng chất dầu này để mở rộng "thế lực" của mình. Các cách đấu tranh giữa các loài thực vật vô cùng phong phú, và long não đã chiến thắng nhờ mùi hương đặc biệt của mình.

Trên Trái Đất, có thể độc chiếm ngôi đầu trong hàng trăm hàng nghìn loài thực vật không phải là một chuyện dễ dàng. Cuộc cạnh tranh sinh tồn này nghe có vẻ ôn hòa, nhưng thực chất khiến cho người ta kinh hồn bạt vía. Một cây long não từ một cái mầm nhỏ bé trải qua trăm ngàn sóng gió, trở thành một cây khổng lồ với đường kính gần 8 m, có thể thấy "khả năng" của nó không hề tầm thường. Thảo nào người Nhật Bản xưa thường coi những cây lớn là cây thần. Nếu một ngày nào đó con người và thực vật có thể "nói chuyện" với nhau, ta có thể có được nhiều thông tin hơn từ các loài thực vật, đặc biệt là những cây đại thụ như vậy. Đó sẽ là những gợi ý hữu ích cho sự phát triển của chính bản thân loài người.



38. PHÁT HIỆN "PROTEIN TUỔI THỌ" VÀ CÁC PHÁT HIỆN KHÁC

Gần đây, một số tờ báo không hẹn mà cùng chọn viết về tuổi thọ của con người. Có người nói rằng, tuổi thọ của con người vốn phải đạt đến 120 đến 150 tuổi, nhưng bệnh tật và ô nhiễm môi trường không cho con người được an hưởng tuổi già. Cũng có người nói, tuổi thọ của con người đang dần được kéo dài nhờ vào chất lượng cuộc sống đang được nâng cao. Tuổi thọ bình quân đạt tới trên 75 tuổi chính là một minh chứng. Có người lại không đồng ý với ý kiến này, cho rằng tuổi thọ bình quân của con người kéo dài hơn là do tỷ lệ tử vong của các trẻ sơ sinh giảm mạnh. Còn bản thân con người có thể sống nhiều hơn vài năm hay ít hơn vài năm cũng không khác nhau là mấy.

Mong được sống lâu là nguyện vọng chung của con người. Vậy, con người có thể đạt được tuổi thọ lý tưởng hay không? Có hay không một biện pháp có thể giúp kéo dài tuổi thọ của con người một cách hiệu quả?

Phát hiện về "protein tuổi thọ" đã mang đến cho con người một cách suy nghĩ mới.

Đoạn thời gian con người từ lúc sinh ra đến lúc chết đi được gọi là "tuổi thọ". Mấy nghìn năm nay con người luôn luôn muốn tìm được cách kéo dài tuổi thọ. Trong quá khứ, có lúc những suy nghĩ này đã đi đến mức hoang đường. Ngày nay nhờ vào tiến bộ của khoa học, vấn đề này coi như có được chút đầu mối.

Trước đây, đại học y khoa Tokyo Nhật Bản và khoa Y đại học Shinshu Nhật Bản đã cùng thành lập một tổ nghiên cứu nhỏ, lấy một loại chất protein đặc biệt trong cơ thể con ruồi – "protein tuổi thọ", và biết được chất này có thể kéo dài thêm 1/5 tuổi thọ của con ruồi. Giới khoa học xưa nay thường cho rằng, tuổi thọ của con người là do môi trường và nhiều gen di truyền cùng quyết định. Thí nghiệm trên ruồi mà tổ nghiên cứu của hai trường đại học này thực hiện đã chứng

minh, tuổi thọ đã được một số ít các gen di truyền quyết định ngay từ khi sinh vật được sinh ra.

Thí nghiệm của các nhà khoa học Nhật Bản được tiến hành như sau: cho hai con ruồi cùng một thế hệ cha mẹ giao phối với nhau, sinh ra hai loại ruồi có tuổi thọ khác nhau. Những con có tuổi thọ dài sống được 60 ngày, gọi là "hệ thống tuổi thọ dài". Những con có tuổi thọ ngắn sống được 30 ngày, gọi là "hệ thống tuổi thọ ngắn". Tiếp tục cho hai con ruồi ở hai "hệ thống" khác nhau giao phối. Kết quả là các nhà khoa học đã phát hiện ra những gen di truyền được cho là có khả năng quyết định tuổi thọ. Họ lấy ra một loại "protein" xuất hiện tương đối nhiều trong cơ thể những con ruồi thuộc "hệ thống tuổi thọ dài". Sau đó cho chất protein này trộn lẫn vào thức ăn, ăn những thức ăn này những con ruồi thuộc "hệ thống tuổi thọ ngắn" sống được 35 ngày, ruồi thuộc "hệ thống tuổi thọ dài" sống được 70 ngày, tuổi thọ của chúng đều được kéo dài ra. Theo kết quả thí nghiệm, các nhà khoa học Nhật Bản cho rằng, chất protein này được các gen di truyền quyết định tuổi thọ tạo ra, các gen di truyền này đương nhiên là các gen di truyền tuổi thọ. Chất protein này đương nhiên được gọi là "protein tuổi thọ".

Ngày nay, các nhà khoa học đã xác nhận loại protein tuổi thọ giống như thế này tồn tại cả trong cơ thể của ong, tằm, chuột, thậm chí cả người. Đối với côn trùng, giai đoạn khi ấu trùng trong kén là giai đoạn xuất hiện nhiều protein tuổi thọ nhất. Đối với động vật có vú, chất protein này xuất hiện vào thời kì đầu tiên thai nhi được hình thành. Đối với con người, trong cơ thể thai nhi 6 tuần đầu mang thai có thể phát hiện thấy protein tuổi thọ, nhưng đến tuần thứ 7 thì cơ bản không thấy nữa. Từ đó có thể thấy, protein tuổi thọ có tác dụng quyết định hình dáng của động vật. Một khi hình dáng đã được quyết định, protein tuổi thọ sẽ không tồn tại nữa. Protein tuổi thọ này là một loại kháng nguyên, có tác dụng gần như giống nhau đối với các loại động vật. Từ góc độ hóa sinh thì ruồi và ong mật giống hệt như nhau.

Chất protein được lấy trong cơ thể ruồi đã được nhắc đến ở trên cũng có tác dụng kéo dài tuổi thọ đối với các loài ong, chuột khác nhau. Cho protein này vào trong nước uống của một con chuột già yếu. Kết quả là tinh thần của con chuột già tốt hơn. Hơn nữa sống cũng lâu hơn. Từ đó các nhà khoa học thấy rằng, protein tuổi thọ có lẽ cũng có tác dụng tương tự đối với con người. Còn có một sự

thực: tế bào thần kinh vỏ đại não của chuột trong quá trình được nghiên cứu sẽ chết nếu trong mấy ngày không được tiếp thêm huyết thanh. Nếu được tiếp thêm protein tuổi thọ thì sẽ kéo dài được tuổi thọ của tế bào.

Protein tuổi thọ thông qua cơ chế nào để phát huy tác dụng? Hiện nay các nhà khoa học vẫn chưa rõ, nhưng họ cho rằng protein tuổi thọ rất có khả năng phát huy tác dụng với những nhân tố quan trọng xác định tuổi thọ, cũng có khả năng kích thích tiết ra hormon có tác dụng kéo dài tuổi thọ.

Như ở trên đã nói, protein tuổi thọ được các gen di truyền quyết định tuổi thọ tạo ra. Nó có tác dụng với động vật trong thời kì thai nhi và thời kì ấu trùng. Sau đó lưu lại trong tế bào trong quá trình phân chia, và lưu lại trên da và niêm mạc trên cơ thể con người trong quá trình hình thành và biến đổi của tế bào. Nghĩa là trong quá trình tế bào mới được sinh ra, protein tuổi thọ sẽ có tác dụng vào lúc phân chia tế bào đối với những tế bào chưa phân chia. Đối với những tế bào đã phân chia, nghĩa là những tế bào không còn nhân chia nữa như tế bào thần kinh của đại não và tế bào nội tạng thì không thể tìm thấy protein tuổi thọ nữa.

Các gen di truyền quyết định tuổi thọ quyết định độ dài ngắn của tuổi thọ, các gen di truyền quyết định tuổi thọ chỉ có tác dụng trước khi động vật được ra đời, nên xem ra tuổi thọ đã được xác định trước khi động vật ra đời. Các nhà khoa học cho biết, tuổi thọ của con người có thể đạt khoảng 120 tuổi, nhưng để trường sinh bất lão thì không phải là một chuyện dễ dàng. Nếu sử dụng "protein tuổi thọ" có thể sẽ có tác dụng. Điều này cũng giống như mua một ngôi nhà đã quá cũ, mà lại cứ muốn nó sử dụng được lâu hơn. Thông qua phân tích gen di truyền đã có thể làm rõ tuổi thọ thực tế cuả một người là bao lâu. Câu hỏi sẽ sống với thái độ vô trách nhiệm hay nỗ lực tận dụng từng ngày trong cuộc sống chắc sẽ là một câu hỏi không thể không trả lời. Điều này cần chúng ta phải đánh giá lại lối sống hiện tại của mình. Cứ cho là một ngày nào đó có thể dễ dàng mua thực phẩm "protein tuổi thọ" ở chợ, nhưng mong rằng nó có thể nâng cao chất lượng cuộc sống trong một tuổi thọ có hạn là điều không thể.

39. PHÁT HIỆN MỚI VỀ ĐẢO CHRISTMAS

Nhiều năm nay, người ta luôn cho rằng những bức tượng đá đầu người khổng lồ trên đảo Christmas là một trong những bí ẩn lớn nhất của thế giới.

Đảo Christmas nằm trên Thái Bình Dương, cách bờ biển phía Tây Chilê hơn 3000 km. Năm 1772, Jacob Roggeveen đưa theo một chiếc tàu chiến Hà Lan tiến về phía châu Mỹ thì phát hiện ra hòn đảo nhỏ này. Khi quân hạm này tiến sát tới hòn đảo nhỏ này, các thủy binh Hà Lan phát hiện ra rằng, sát bờ hòn đảo sừng sững rất nhiều những bức tượng đá đầu người khổng lồ, tượng to cao tới 10 m, tượng nhỏ cao 4,5 m. Vì ngày phát hiện ra đảo nhỏ đó ngày lễ phục sinh nên họ đặt tên cho hòn đảo này là đảo Christmas, có nghĩa là "lễ phục sinh".



Tượng đá trên đảo phục sinh

Diện tích của đảo Christmas chỉ có 120 km^2. Trên đảo không có cây cối, trên những sườn núi phủ đầy cỏ xanh còn lưu lại rất nhiều dấu tích của núi lửa phun trào. Cư dân trên đảo là những người bản địa, dân số không đến 6000 người. Trên đảo còn có hơn 230 bức tường, bậc đá, chùa đá, kim tự tháp và những bức tượng đầu người khổng lồ tương tự ở trên bờ được làm từ những phiến đá to. Điều khiến

cho người ta không lý giải được là khi người Hà Lan phát hiện ra đảo Christmas, các cư dân trên đảo còn không biết cách dùng đồ sắt. Thậm chí còn không biết dùng những dụng cụ đơn giản nhất. Vậy họ khắc ra những tượng đầu người khổng lồ vào lúc nào, để làm gì, và bằng cách nào? Những tượng đá đó tượng trưng cho điều gì?

Hơn 200 năm nay, các nhà thám hiểm và các nhà hàng hải các nước lần lượt đến đảo Christmas. Các nhà khoa học Mỹ, Nauy, Liên Xô, Nhật Bản đều từng tiến hành khảo sát tại đảo Christmas. Đáng tiếc là vẫn chưa có ai có thể mở ra được bí ẩn về tượng đầu người khổng lồ trên đảo Christmas.

Có người sau khi nghiên cứu những phiến đá có khắc chữ trên đảo Christmas cho rằng, đảo Christmas vốn là một phần của lục địa cổ Nam Thái Bình Dương, đã từng có một nền văn minh rực rỡ vào khoảng một hai chục nghìn năm trước. Một trận động đất lớn đã xảy ra đột ngột, nhấn chìm lục địa cổ này cùng với những cư dân trên đó xuống Thái Bình Dương. Nhưng đảo Christmas lại may mắn thoát nạn. Những tượng đá và phiến đá có khắc chữ viết trên đảo rất có khả năng là di tích của lục địa cổ. Nhà văn hóa nhân loại Nauy Thor Heyerdahl lại cho rằng, những cư dân trên đảo đến từ một nơi khá gần châu Nam Mỹ.

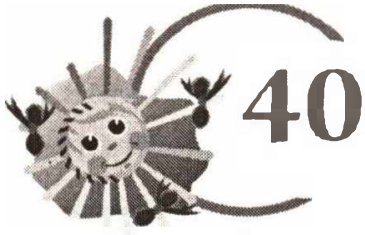
Mùa xuân hè năm 1989, một đội thám hiểm Pháp đã vượt ngàn đường xa tới đảo Christmas để tìm lời giải cho câu đố. Họ tiến hành phân tích hoạt động của con người trên đảo Christmas và những bức tượng khổng lồ trên mọi mặt địa lý, động thực vật, ngôn ngữ học, vật lý học, và đã đưa ra những kiến giải hoàn toàn mới. Họ cho rằng những cư dân trên đảo Christmas không phải đến từ châu Nam Mỹ, mà là đến từ quần đảo Polynesia xa xôi ở Trung Thái Bình Dương

Lại có người đưa ra những nghi hoặc khác: nếu những cư dân trên đảo Christmas không phải đến từ châu Nam Mỹ, thì tại sao trên đảo lại có loại khoai ngọt vốn là đặc sản của lục địa Nam Mỹ? Các nhà khoa học Pháp cho rằng: sau khi củ khoai ngọt chín sẽ bị giảm trọng lượng và bị teo khô, có thể trôi theo nước biển đến những nơi rất xa. Các nhà khoa học Pháp còn phát hiện ra ngoài cây xa kê, cây dừa, cây hổ đào Thái Bình Dương không thể sinh trưởng ở trên đảo ra, những loại thực vật khác giống hệt với quần đảo Polynesia. Điều đó chứng minh các cư dân đảo Christmas đến từ quần đảo Polynesia.

Vậy các cư dân quần đảo Polynesia đã vượt qua đại dương như thế nào? Các nhà khoa học Pháp cho rằng, họ đã lợi dụng những quả bầu nậm. Bầu nậm nhẹ, lại có sức nổi lớn, còn có thể cho nước ngọt vào trong, là một loại phao lý tưởng. Giống bầu nậm trên đảo Christmas hoàn toàn giống với đảo Polynesia, đến tên gọi cũng giống.

Nhưng những cư dân trên đảo Christmas không biết chế tạo đến cả những vật dụng đơn giản nhất. Làm sao họ có thể điêu khắc những tượng đá khổng lồ đó? Để tái hiện lại cảnh tượng khi đó, các nhà khoa học Pháp dùng những quả bầu nậm chứa đầy nước và những hòn đá cứng sắc đào những cái hang trên đá vôi. Qua nhiều lần lặp đi lặp lại đã có thể "khắc" hình lên trên đá vôi. Họ còn dùng gỗ và dây thừng mô phỏng quá trình vận chuyển tượng khổng lồ. Nhưng dây thừng và gậy cũng là công cụ mà. Hơn nữa, cách nói "điêu khắc bằng nước" cũng vẫn chưa thỏa đáng. Vì đục một cái lỗ trên đá vôi thì dễ, nhưng để khắc thành một bức tượng đá đầy đủ ngũ quan, cao tới 10 m thì đúng là khiến người ta không thể tưởng tượng được.

Manh mối có hy vọng nhất mà các nhà khoa học Pháp tìm được là một tấm biển nhà do những cư dân nguyên thủy trên đảo để lại. Bên trên khắc những ký hiệu giống như chữ viết, đây là di vật văn tự độc nhất vô vị của đảo này. Tuy nhiên, không có ai có thể dịch được những ký hiệu này. Có lẽ đây chính là mấu chốt để giải đáp bí ẩn của đảo Christmas.



40. ATLANTIS – LỤC ĐỊA BIẾN MẤT

Chúng ta đều biết, trong ba chiếc phi thuyền không gian của Mỹ, có một chiếc mang tên "Atlantis", mang nghĩa là châu lục Đại Tây Dương. Chúng ta cũng biết, trong 7 châu lục trên thế giới, không có một lục địa nào được gọi là châu lục Đại Tây Dương – Atlantis. Vậy cái mà Atlantis muốn nói đến là gì? Có đáng để dùng cái tên này đặt cho phi thuyền không gian với sứ mệnh tiên phong trong thám hiểm bí mật của vũ trụ không?

Thời cổ đại, trên Trái Đất đích thực đã từng tồn tại một lục địa cổ được gọi là Atlantis. Trên lục địa với diện tích rộng lớn mênh mông này, từng xuất hiện một nền văn minh vô cùng rực rỡ. Điều không may là trong một thảm họa với mức độ tàn phá rất lớn, Atlantis đã bị nhấn chìm sâu dưới những con sóng cuộn trào của đại dương. Trong một số tài liệu cổ đại được lưu giữ lại từ mấy nghìn năm trước đều có nói đến lục địa cổ này và nền văn minh vĩ đại mà nó đã từng khai sinh. Rất nhiều năm, người ta không ngừng tìm kiếm lục địa cổ này: nó ở đâu, và sau đó nó đã chìm xuống nơi nào trong đại dương bao la?

Vào một ngày năm 1967, một phi công người Mỹ là Koper Bruce đang bay ở độ cao thấp trên đảo Bimini nằm trong quần đảo Bahamas trên Đại Tây Dương, đột nhiên ông phát hiện ở độ sâu vài mét dưới mặt nước có một vật thể dài hình chữ nhật rất lớn, trợ lý của Bruce là Dmitry Kabkauf là một thợ lặn thám hiểm giàu kinh nghiệm, ông ngay lập tức nhận ra rằng phát hiện của Bruce là rất quan trọng, chính ông trước đó cũng từng phát hiện thấy một vật thể dài hình chữ nhật dài khoảng 400m ở vùng biển gần đó. Ông thành lập một đoàn thám hiểm và tháng 8 năm 1968 họ đã tới vùng biển quần đảo Bahamas tiến hành thám hiểm khoa học, dưới đáy biển gần đảo Andros. Họ tìm thấy một di tích của một ngôi đền cổ: dài 30m, rộng 25m, xây dựng theo hình chữ nhật. Ngày 2 tháng 9 đoàn thám hiểm thu được một phát hiện quan trọng hơn nữa. Họ phát hiện thấy ở độ sâu dưới 5m gần đảo Bimini có một nền đá lớn bằng phẳng. Những hòn đá cấu tạo nên nền đá lớn này mặc dù

có độ to nhỏ dày mỏng khác nhau, nhưng tất cả đều đã được qua xử lý. Đoàn thám hiểm từ đó kết luận: trong quá khứ xa xôi, đáy biển của vùng quần đảo Bamini đã từng là một thành phố trên cạn được xây dựng bằng đá.



Ngôi đền chìm

Một số nhà khoa học còn tìm thấy những công trình kiến trúc bằng đá ở rất nhiều nơi dưới đáy Đại Tây Dương. Trong đó có công sự phòng ngự, tường, bến tàu và đường giao thông. Sự sắp xếp và hình dáng của các công trình kiến trúc dưới đáy biển này rất đồng nhất với Atlantis trong truyền thuyết. Nó hoàn toàn không hình thành một cách tự nhiên. Họ cho rằng, những công trình kiến trúc này thể hiện tình hình lúc bấy giờ của lục địa Atlantis. Tại vùng biển phía bắc Cuba, các nhà khoa học đã phát hiện một vùng di tích cổ đại rất lớn, giống như được xây nên từ đá cẩm thạch vậy. Trên phía bắc bán đảo Florida, còn phát hiện thấy những công trình kiến trúc giống kim tự tháp, máy thăm dò đã chứng minh đó là do bàn tay con người kiến tạo nên. Các nhà khoa học từ những phát hiện khác nhau càng thêm suy đoán rằng lục địa Atlantis đã biến mất có thể đã bị nhấn chìm dưới những con sóng cuộn trào dưới đáy Đại Tây Dương.

Các nhà khoa học còn phát hiện thấy những bức tường có cấu tạo phức tạp sừng sững dưới đáy sâu Đại Tây Dương. Một bức tường trong số đó còn có cửa. Những nền đá và các công trình kiến trúc kim tự tháp nối chúng lại với nhau. Phía nam châu Nam Mỹ trước đây con người còn nhìn thấy một con đập thông ra

biển, kéo dài và biến mất ở Đại Tây Dương. Hiện nay một phần đất liền của con đập này đã bị hủy hoại.

Năm 1977, tàu ngầm của một viện nghiên cứu hải dương học Mỹ đã tiến hành khảo sát ở đáy biển sâu 2500m, cách phía Đông quần đảo Bahama 300 km. Các nhân viên thám hiểm đã tận mắt nhìn thấy một số di tích kiến trúc cổ đại nằm dưới đáy biển, rõ ràng chúng không phải hình thành do tự nhiên.

Ngày 3 tháng 9 năm 1979 một tờ báo Liên Xô đã đăng một bài báo nói rằng, lục địa mất tích này nằm dưới đáy biển gần quần đảo Bahama. Bài báo này chỉ ra rằng một nhà nhiếp ảnh người Ba Lan đã chụp được thế giới chìm dưới đáy biển tại vùng biển quần đảo Bahama. Trong bức ảnh đó có những con đường được xây dựng bằng đá, những bức tượng khắc bằng đá cẩm thạch và rất nhiều các vật phẩm làm bằng đá khác

Tương truyền rằng tại phía nam quần đảo Azor thuộc Đại Tây Dương chính là quần đảo mà người Atlantis cổ sinh sống. Khi nước biển trong xanh, dưới ánh nắng chiếu rọi, mọi người có thể nhìn thấy lờ mờ di tích một thành phố dưới độ sâu vài chục mét cách mặt nước biển. Tại vùng biển gần quần đảo Canaly, các nhà khoa học cũng phát hiện thấy di tích thành phố dưới đáy biển. Năm 1974, một đoàn khảo sát người Liên Xô đã chụp được những bức tường thành và bậc thang xây bằng những hòn đá to ở quần đảo Madela Đại Tây Dương. Một nhà khoa học người Liên Xô cho đây là vết tích rõ nhất về cuộc sống của loài người, nơi đây trong quá khứ nhất định là một lục địa khô ráo.

Ngày càng nhiều phát hiện chứng minh trong Đại Tây Dương rộng lớn đích thực từng tồn tại một lục địa. Hơn nữa trên lục địa này từng có một nền văn minh nhân loại cổ huy hoàng chói lọi.

Một học giả nổi tiếng của Đức dẫn đầu một đoàn thám hiểm khoa học tiến hành khảo sát những di tích dưới biển Đại Tây Dương. Kết quả thu được khiến ông cho rằng trong Đại Tây Dương từng tồn tại một "đảo quốc Đại Tây Dương" có nền văn minh phát triển. Ngày 26 tháng 2 năm 1969, một số học giả người Mỹ đã tìm thấy rất nhiều công trình kiến trúc được xây bằng đá kì lạ tại đáy biển gần đảo Bimini. Những hòn đá này đều rất to, chúng có hình vuông, toàn bộ quần thể kiến trúc kéo dài mấy trăm mét. Sau khi nghiên cứu các học giả cho rằng những công trình kiến trúc được làm bằng đá to dưới đáy biển này xây từ 10. 000 hoặc

12. 000 năm trước. Sau đó không lâu, các thợ lặn lại phát hiện ra một số cột đá lớn ở đáy biển phía Tây đảo Bimini. Nhiều cột bị đổ nằm ngang dưới đáy biển, nhưng có những cột vẫn đứng sừng sững. Ở một số nơi vùng duyên hải quần đảo Bahamas, người ta đã phát hiện hơn chục di tích kiến trúc có hình thù kì lạ. Có một số công trình kiến trúc bị che phủ bởi những thực vật dưới biển. Những loài thực vật biển này tạo ra nhiều hình như đường thẳng, tròn, hay hình chữ nhật. Theo phán đoán, những thực vật biển bao phủ lên những công trình kiến trúc dưới đáy biển này đã có từ 10. 000 đến 12. 000 năm trước. Nó đồng nhất với thời gian Atlantis- đảo Đại Tây Dương bị chôn vùi mà các nhà khoa học nghiên cứu có được.

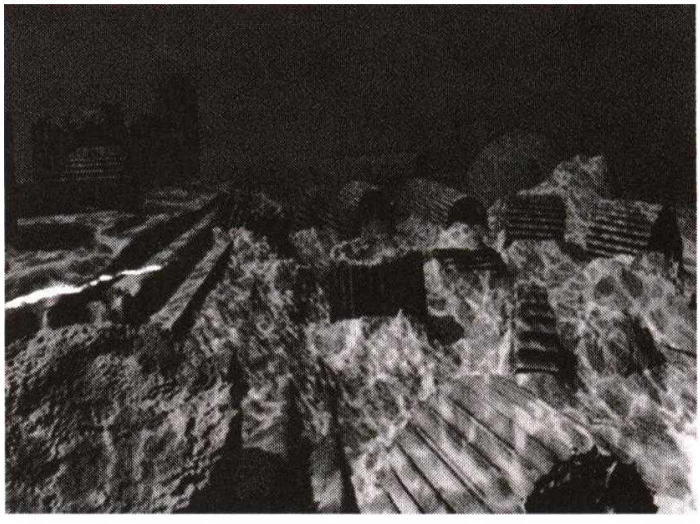
Không ít nhà khoa học cho rằng, người Atlantis cổ đã nắm bắt được kỹ thuật văn hóa khoa học rất phát triển: có thể luyện kim loại có độ nguyên chất cao, có thể thông tin liên lạc mà không gặp phải vấn đề hạn chế khoảng cách hay trở ngại nào. Phương pháp thông tin mà họ có được thậm chí còn tiên tiến hơn nhiều so với liên lạc không dây. Một số học giả còn cho rằng ngôn ngữ của loài người đặc biệt là các chữ cái được bắt nguồn từ Atlantis. Bởi vì trên những di tích tại Atlantis này khai quật được không ít những hòn đá có khắc chữ cái. Ngoài ra họ còn cho rằng, những công trình kiến trúc kim tự tháp cũng có nguồn gốc từ Atlatis.

Vậy thì "đảo quốc Đại Tây Dương" mang trong mình một nền văn minh khoa học kỹ thuật phát triển, đã bị chôn vùi như thế nào?

Một số nhà khoa học cho rằng hơn 10. 000 năm trước Atlantis đã bị phá hủy bởi nhiều thảm họa dường như xảy ra đồng thời. Những thảm họa này đột nhiên xảy đến: lớp băng tuyết che phủ phần lớn lục địa Trái Đất bị tan chảy, hình thành một trận đại hồng thủy. Trận đại hồng thủy nhanh chóng tấn công lục địa, những trận động đất mà nó mang theo làm rung chuyển Atlantis; đúng lúc đó có một hành tinh nhỏ (đường kính của nó khoảng trên trăm nghìn mét) rơi thẳng vào lục địa Atlantis. Những sự tấn công nặng nề liên tiếp này làm cho Atlantis bị phá hủy hoàn toàn và bị nhấn chìm dưới đáy đại dương.

Có một tác giả dùng tưởng tượng để vẽ lại bối cảnh khi các thảm họa xảy đến với Atlantis. Những con sóng lớn chồm tới, đem theo những tiếng sóng ầm vang đinh tai nhức óc. Trận động đất dẫn đến sự phun trào của núi lửa, lục địa rung chuyển trong trận thảm họa, nham thạch núi lửa đổ về thành phố, tro bụi núi lửa chôn vùi thành phố. Một tiếng nổ kinh thiên động địa nổ ra, một hành tinh va vào chính giữa lục địa Atlantis, mặt đất đột nhiên nứt toác ra một khe nứt sâu. Khe

nứt này không ngừng mở rộng đồng thời đất dưới chân con người cũng bị nứt ra thành từng mảnh. Những con sóng lớn cuộn chảy vào các khe nứt, tấn công vào lục địa Atlantis. Lục địa vẫn đang rung chuyển, nhưng giống như biết rằng ngày tận thế đã đến, lúc này không còn bất cứ một tiếng nổ nào nữa, nước biển dần dần tràn vào lục địa, núi đồi, dần dần nhấn chìm các dãy núi... Chỉ trong một ngày một đêm lục địa Atlantis đã vĩnh viễn biến mất khỏi bề mặt Trái Đất. Biển cả vẫn tiếp tục giận dữ, cuồn cuộn, cứ như thể chưa hề xảy ra chuyện gì. Như để nói rằng nó chưa từng nhìn thấy mảnh đất Atlantis này, cũng không biết rằng trên Trái Đất đã từng tồn tại một đảo quốc với nền văn minh phát triển cao như vậy.



Tàn tích của lục địa Atlantis

Đại lục Atlantis đã biến mất khoảng hơn 10. 000 năm trước, chúng ta cảm thấy rất đáng tiếc cho sự biến mất của một lục địa với nền văn minh phát triển. Tuy nhiên điều đáng vui mừng là, các thảm họa thiên nhiên vẫn chưa hủy hoại hoàn toàn nền văn minh loài người. Trước khi Atlantis bị chôn vùi, một số cư dân sinh sống trên mảnh đất này đã di cư đến một số khu vực ở Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ và Châu Âu, đem theo tri thức và kỹ thuật mà họ có được truyền bá khắp thế giới. Những tri thức và kỹ thuật mà họ đem theo giống như những hạt giống, nở ra những bông hoa rực rỡ giúp loài người sau này có thể chiến thắng được tự nhiên.

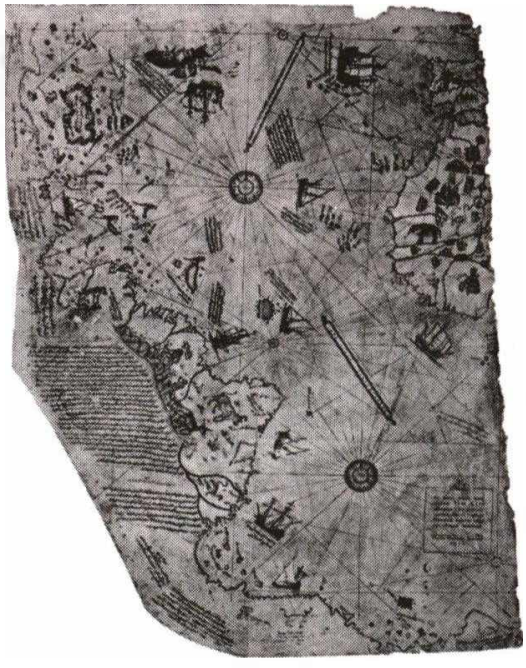
Đương nhiên chúng ta vẫn không giải thích được những bí ẩn có liên quan đến lục địa Atlantis, các nhà khoa học vẫn đang cố gắng khám phá. Họ muốn phơi bày tất cả những bí mật về lục địa văn minh cổ đại này, khiến cho lục địa bị chôn vùi dưới đáy biển Đại Tây Dương hồi sinh, phục vụ cho nền văn minh của loài người ngày nay.



41. NHỮNG BÍ ẨN CỦA NỀN VĂN MINH THỜI TIỀN SỬ

Từ xưa đến nay, có người cho rằng, trước khi con người có lịch sử được ghi chép lại bằng văn tự, trên trái đất đã tồn tại một nền văn minh tương đối phát triển. Đây là một nền văn minh có tri thức khoa học rộng lớn, có sức mạnh, mức độ thông minh và phức tạp cao. Ngoài nền văn minh tiền sử Atlantis được lưu truyền rộng khắp trên thế giới, còn có các truyền thuyết về các nền văn minh khác như lục địa Mu, Ajiaerta, Shambala, Ardima, Yuga... Những nền văn minh cổ này cũng ngang ngửa với trình độ văn minh mà ngày nay chúng ta có, thậm chí có những nền văn minh còn tiên tiến hơn cả chúng ta ngày nay. Chỉ có điều những nền văn minh cổ này bị chôn vùi hoàn toàn bởi những thảm họa do Trái Đất tạo ra. Ngày nay chúng ta rất khó tìm thấy tung tích của chúng. Tuy nhiên khi những nền văn minh tiền sử biến mất vẫn có những người may mắn sống sót. Họ định cư ở những vùng đất mới. Ở đó lại sản sinh ra nền văn minh mới. Một phát hiện tình cờ đã cung cấp những bằng chứng cho những ý kiến xung quanh nền văn minh tiền sử. Năm 1929 một bản đồ được vẽ trên da dê đã được tìm thấy trong cung điện Constaintinople (nay là Istanbul) Thổ Nhĩ Kì. Sau này đã trở thành vật sưu tầm của thượng tướng Billy Reis hải quân Thổ Nhĩ Kì. Bức bản đồ này được vẽ bằng màu trà đậm nhạt khác nhau, là bức bản đồ cổ xưa nhất miêu tả đường nét lục địa Châu Mỹ, và nó bỗng chốc trở thành đề tài bàn luận của mọi người. Theo kiểm định, bức bản đồ này được vẽ vào năm 1513, hoàn toàn không giống với những bức bản đồ miêu tả Châu Mỹ khác được vẽ vào thế kỷ XVI. Nó gần như chỉ ra một cách chuẩn xác kinh độ của Nam Mỹ và Châu Phi, trong khi các nhà hàng hải khi đó vẫn chưa nắm được phương pháp khoa học để xác định rõ kinh độ. Trên tấm bản đồ cổ đại miêu tả chi tiết địa hình đảo Greenland hoàn toàn bị băng tuyết bao phủ. Nếu dùng mắt thường chúng ta không thể nào quan sát rõ được địa hình của hòn đảo này. Nhưng tấm bản đồ cổ đó lại có thể vẽ hoàn toàn

giống với miêu tả mà những máy thăm dò khoa học hiện đại ngày nay vẽ ra. Vậy thì rốt cuộc tại sao người vẽ ra tấm bản đồ cổ này lại có thể biết rõ được địa hình của đảo Greenland bị vùi lấp dưới lớp băng tuyết.



Tấm bản đồ cổ

Điều khiến nhiều người ngạc nhiên hơn đó là tấm bản đồ cổ này còn vẽ cả những đảo và vịnh nhỏ hẹp khác ở Nam cực. Chúng ta biết rằng đến thế kỷ XVI vẫn chưa có ai biết đến sự tồn tại của Nam cực. Nam cực chỉ được con người phát hiện ra vào năm 1818, hơn nữa đến năm 1920 toàn cảnh địa hình Nam cực mới được vẽ lại trên bản đồ. Huống hồ hàng chục nghìn năm nay, Nam cực luôn chìm trong băng tuyết, chưa bao giờ lộ diện.

Nhiều người cho rằng tấm bản đồ được vẽ vào thế kỷ XVI này là tác phẩm phục chế của một tấm bản đồ khác cổ xưa hơn. Một số nhà khoa học cho rằng đó là tấm bản đồ từ 5000 năm trước, cũng có người cho rằng nó còn cổ xưa hơn nữa. Vậy thì người vẽ ra tấm bản đồ cổ này là ai? Bởi vì 5000 năm trước con người vẫn sử dụng công cụ bằng đá.

Ngày nay người ta thường nghĩ rằng con người đã tiến hóa dần từ hình thái nguyên thủy thành hình dạng như ngày nay. Tuy nhiên một số nhà khoa học lại có những ý kiến khác về vấn đề này. Họ nói rằng trong quá khứ xa xôi hơn những gì mà chúng ta tưởng tượng, đã từng tồn tại loài người còn tiến bộ hơn chúng ta

ngày nay. Họ đưa ra rất nhiều bằng chứng xác thực để chứng minh cho ý kiến này, thực sự những bằng chứng này rất kì lạ.

Ví dụ: Tháng 6 năm 1851, ở hiện trường khai quật tại tòa nhà hội nghị Dorcherter bang Massachusets Mỹ đã phát hiện một vật bằng kim loại. Đây là một vật có hình đồng hồ dài 16 cm, rộng 11 cm. Theo những người tận mắt nhìn thấy đồ vật này, dựa vào ánh kim phát ra từ đồ vật đó có thể đoán rằng nó là hợp kim gồm nhiều kẽm hoặc bạc, mặt nghiêng có sáu cành hoa được khảm bằng bạc nguyên chất. Mặt dưới cũng dùng bạc để khảm những quả nho và cành cây. Có thể tưởng tượng rằng một tác phẩm khảm nạm, điêu khắc tinh xảo như vậy nhất định là do một người có tay nghề xuất chúng sáng tạo nên, nhưng đồ vật này lại nằm trong lớp đá cuội sâu 5m.

Tháng 6 năm 1891, một người phụ nữ trong khi khai thác than đã phát hiện một đoạn dây xích. Quan sát kỹ ta có thể thấy đoạn dây xích này bị chôn vùi trong đống than đã khá lâu. Theo những suy đoán của các nhà địa chất, tầng than này được hình thành từ ít nhất 285 triệu năm trước. Vậy thì ai đã làm ra đoạn dây xích này?

Năm 1961, tại bang Califonia nước Mỹ có người đã phát hiện ra một vật rất giống với cái buzi được dùng trong xe ô-tô ngày nay trong một tảng đá vôi và cảm thấy rất kinh ngạc. Vật thể này có mặt cắt hình sáu cạnh, trong đó có lớp cách điện giống với cái buzi được sử dụng ngày nay và trục máy tiện bằng kim loại. Khi chiếu bằng tia X-quang ta phát hiện thấy những kim loại và dây dẫn đã bị ăn mòn còn lưu lại trên bề mặt vật thể này. Theo khảo sát của các nhà địa chất, loại đá vôi chứa vật thể này đã tồn tại ít nhất 500 nghìn năm.

Năm 1968 một người yêu khảo cổ học ở bang Utah Mỹ đã phát hiện ra một mảnh hóa thạch rộng 5 cm. Trên bề mặt có dấu chân người đi giầy đế bằng. Trong dấu chân đó còn có hóa thạch của bọ ba thùy. Bọ ba thùy thuộc loài động vật có chân đốt nhỏ sinh sống ở những vùng biển nóng cổ xưa, đã tuyệt chủng vào khoảng 500 triệu năm trước.

Tháng 4 năm 1980, một nhân viên kỹ thuật người Trung Quốc có tên là Vu Chấn Hoa đã phát hiện ra phần còn lại của một vài ống kim loại trơ trọi trong lớp tầng đứt gãy sa thạch trên bán đảo bờ đông hồ Thác Tố nơi ít người sinh sống ở

tỉnh Thanh Hải. Trải qua những khảo sát nghiêm túc, đây là một loại ống kim loại bằng sắt. Sau đó người này còn phát hiện trong lớp sa thạch rất nhiều các vật phi kim loại có dạng ống và những vật kim loại không phải hình ống. Theo tính toán của các học giả tầng sa thạch ở đây được hình thành từ 40 triệu năm trước. Vậy ai đã chôn những ống kim loại dưới bùn đất và với mục đích gì? Có học giả băn khoăn rằng đây là dấu tích của người ngoài hành tinh đã đặt chân đến địa cầu. Lại có học giả cho rằng thà nói đó là dấu tích của người ngoài hành tinh còn hơn nói đó là dấu tích của người cổ đại, cũng chính là di tích những công trình của loài người xuất hiện trước con người hiện nay.

Những di tích tương tự cũng được phát hiện ở Nam Mỹ. Trong viện bảo tàng của đại học Peru còn cất giữ bản điêu khắc đá từ 30.000 năm trước, điêu khắc một học giả người Indian cổ đại, tay cầm một vật hình ống để trước mắt, đang tập trung tinh thần quan sát tình hình các hiện tượng thiên nhiên. Bản điêu khắc này còn thú hút sự chú ý của các nhà thiên văn học bởi vì vật hình ống nằm trong tay người Indian đó rất giống với kính thiên văn một ống hiện đại. Hơn nữa chúng ta biết rằng chiếc kính thiên văn đầu tiên trên thế giới do nhà thiên văn học nổi tiếng người Italia Galile phát minh vào thế kỷ XVII, cách ngày nay hơn 300 năm. Vậy chiếc kính thiên văn trong tay người Indian đó có phải là tác phẩm do người cùng thời với ông ta vào 30.000 năm trước chế tạo không?

Trong viện bảo tàng của đại học Peru còn lưu giữ hơn 10.000 bản điêu khắc tương tự. Chúng thể hiện rất nhiều những thành tựu rực rỡ của người Indian cổ đại khiến con người ngày nay khó có thể tin nổi trong các lĩnh vực như thiên văn, địa lý, y học sinh vật... Ví dụ trong đó có bản điêu khắc thể hiện kỹ thuật phẫu thuật cấy ghép não mà y học ngày nay khó có thể thực hiện được. Có những ca phẫu thuật tim tinh vi tới mức các huyết quản cũng đều hiện rõ mồn một. Có cả bản đồ chính xác của Tây bán cầu và bản đồ các ngôi sao rất chính xác... Đáng tiếc ở chỗ những kỹ thuật khoa học phát triển ở trình độ cao này đều đã biến mất, con người chỉ có thể bắt đầu lại từ đầu.

Sau khi nước Mỹ cho nổ viên đạn nguyên tử đầu tiên tại sa mạc bang New Mexico, trên sa mạc xuất hiện rất nhiều những hạt nhỏ như thủy tinh màu xanh bị nung chảy. Khi các nhà khảo cổ tìm hiểu sự thật này, họ ngạc nhiên đến không ngờ! Bởi vì khi họ tiến hành khai quật khảo cổ tại lòng sông Euphrates (ngày nay

thuộc Irac) từng thấy rằng dưới lớp địa tầng thời kì văn hóa trồng trọt nông nghiệp 8000 năm trước là lớp địa tầng thời kì văn hóa du mục còn cổ xưa hơn, sâu hơn nữa là lớp địa tầng thời kì con người sống trong hang hốc. Tiếp sau đó họ gặp phải lớp đất đầy đất đá đầy những hạt thủy tinh màu xanh đã bị nung chảy. Một nhà khoa hoc đã nói rằng nếu như số lượng những hạt thủy tinh này ít chúng ta có thể nghĩ rằng đó là do dùng lò nung chảy nhưng ở đâu cũng có những hạt thủy tinh như vậy, hơn nữa không chỉ có một khu vực phát hiện ra hiện tượng này. Tại bờ biển phía tây Scotland, người ta phát hiện ra một đoạn tường thành đã bị nung chảy, đoạn tường này dường như bị nung chảy bởi nhiệt độ rất cao ở phía trên. Vậy loại đạn nguyên tử tiền sử này do ai thả xuống?

Những nghiên cứu về nền văn minh tiền sử trước thời kì con người đã thu được những thành tựu nhất định nhưng đưa ra kết luận khẳng định về sự tồn tại của văn minh tiền sử vẫn còn rất sớm. Chúng ta vẫn còn phải tiến hành những cuộc tìm kiếm gian nan vất vả hơn.

42. CHUYẾN DU LỊCH BẮC CỰC CỦA ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ NGƯỜI NAUY



Bắc Cực

Marshall Cardenas, nhà khoa học người Mỹ chuyên nghiên cứu những bí ẩn tự nhiên đã từng viết một quyển sách rất được mọi người yêu thích mang tên "Chuyến du hành tới trung tâm Trái Đất", kể về trải nghiệm kì thú của hai cha con đánh cá người Nauy. Ông lão tên Orff Yasen và người con trai của mình sống ở một nơi phía Bắc Nauy thuộc vùng Bắc cực. Một năm, hai cha con tới Bắc cực xa xôi trên một chiếc thuyền buồm. Trên đường đi, họ gặp phải một chuyện mà họ không ngờ tới: chiếc la bàn trên thuyền luôn chỉnh về hướng chính Bắc, cũng có nghĩa là con thuyền đang tiến về phía Bắc rất thuận lợi, nhưng nhiệt độ lại ngày càng tăng. Một hôm, người con trai chỉ vào chiếc la bàn và nói: "Cha xem, hình như la bàn chỉ không đúng hướng". Lúc đó chiếc la bàn đột nhiên bắt đầu chỉ về hướng Nam, nhưng thuyền vẫn đang đi về hướng Bắc. Rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì? Hai cha con người đánh cá nhìn quanh và kinh ngạc thốt không nên lời, không biết từ khi nào, bầu trời trên đầu họ đã biến mất, thay vào đó là bốn bề nước biển xanh biếc. Cha con Yasen sớm đã được nghe kể, ở một nơi nào đó ở Bắc cực có một thế giới khác, thế là họ nghĩ rằng có lẽ đây chính là lối vào cái thế giới đó.

Con thuyền vẫn tiến lên phía trước, lúc này không gian xung quanh dường như đã gần hoàng hôn. Họ không nhìn thấy được một tia sáng nào, giống như đã bước vào một thế giới của bóng tối. Và chỉ một lát sau, đột nhiên, trước mắt họ xuất hiện một kì tích, xung quanh họ lại sáng như ban ngày, phía trước còn hiện lên đất liền. Họ nhìn thấy trên lục địa đó thực vật sinh sôi rậm rạp, còn có những loài động vật chạy nhảy vui đùa. Cha con Yasen ở lại nơi khí hậu ôn hòa này một năm mới lên thuyền hướng về phía Nam, quay về làng chài nơi quê nhà. Sau khi quay về họ kể cho mọi người rằng họ đã nhận được sự tiếp đãi nhiệt tình của "người khổng lồ" dưới lòng đất, cùng họ chung sống hòa thuận. Những "người khổng lồ" cao 4 m, biết sử dụng các loại dụng cụ, cũng trồng trọt và chăn nuôi... trong mắt những người ở làng chài và hàng xóm, cha con Yasen thật đúng là hai người điên, không một ai tin những lời nhảm nhí của họ.

Tuy nhiên sau này nhà thám hiểm Bắc cực Fritjof Nansen đưa ra ý kiến có khả năng ở dưới đáy Bắc Băng Dương tồn tại một cái hang khổng lồ hình thành do nước biển. Bắt đầu từ tháng 6 năm 1893, ông sống một năm rưỡi trên tảng băng trôi ở Bắc Băng Dương, trở thành người đầu tiên đặt chân đến vị trí 84°41' vĩ Bắc. Ông đã viết một bộ nhật ký thám hiểm mang tên "Đến với Bắc cực", miêu tả rất nhiều cảnh tượng tự nhiên kì lạ diễn ra trong vùng Bắc cực. Trong đó có nói đến trong biển băng của Bắc Băng Dương có một vùng biển không đóng băng. Fritjof Nansen giải thích rằng, đó có thể là do nhiệt độ tương đối cao ở đáy biển nơi đó, làm nước biển ấm lên, khiến cho vùng biển đó không bị đóng băng.

Nhà thám hiểm cực địa người Mỹ Holl từng tiến hành 3 chuyến thám hiểm đến Bắc cực, trong một bộ nhật ký thám hiểm của ông có viết: khi đội thám hiểm khi đang men theo các núi băng hướng về phía Bắc, phát hiện một nơi cách đó khoảng 7 km có một vùng biển không đóng băng.

Năm 1906, nhà nghiên cứu cực địa William Reeder căn cứ vào lời kể của Nansen và Holl, quyết định sẽ tận mắt chứng kiến vùng biển không đóng băng này. Ông mang theo thức ăn đủ dùng cho ba người, ngồi lên xe chó kéo tiến thẳng đến nơi có vùng biển không đóng băng của Bắc cực. Khi đến gần vùng biển này, trước mắt ông là một màn sương mù dày đặc. Trong vùng Bắc cực giá buốt mà lại có sương mù dày đặc? Ông cho rằng đó có thể là do sự lưu chuyển của không khí ấm áp trong lòng Trái Đất tạo nên. Điều đó nói lên ở một khu vực nào đó trong

vùng Bắc cực có một nơi có thể làm ấm không khí bằng nhiệt độ lòng đất. Loại không khí nóng này không ngừng thoát ra tạo thành một vùng biển không đóng băng.

Năm 1881, Cleary sĩ quan quân đội Mỹ tại một căn cứ quân sự trong vùng Bắc cực, đã dẫn theo một đội đến thám hiểm tại vị trí 83°24' Bắc. Khi họ trở về đến dải đất Khehlka gần Nauy, đã gặp phải một hiện tượng kì lạ rất khó giải thích: bầu trời phía bắc là một màn nước biển xanh biếc. Thoạt đầu họ tưởng rằng đó chỉ là hiện tượng ảo ảnh, nhưng điều kiện tự nhiên của nơi này hoàn toàn không đủ điều kiện để xuất hiện ảo ảnh.

Cleary gọi loại "nước biển trên không trung" này là "mây nước". Những thủy thủ đi trên mặt biển đó thường có thể trông thấy loại "mây nước". Hơn nữa có thể nhìn thấy cả những con thuyền đang đi lại trong đám "mây nước". Họ nửa đùa nửa thật rằng, "tàu thuyền đang đi trên không trung".

Những người đã tận mắt chứng kiến loại "mây nước" nói, đây tuyệt đối không phải là hiện tượng ảo ảnh, cũng không phải là một hiện tượng nào khác của bầu khí quyển. Vậy nó là gì? Những quân sĩ Mỹ đã đưa hiện tượng này vào danh mục nghiên cứu bí mật. Một phi công người Mỹ tên Byrd từng lái máy bay tới vùng biển Bắc Băng Dương tiến hành thăm dò, giống như người đánh cá Nauy, ông đã bay vào cái hang thông với lòng trái đất. Byrd rất muốn bay tiếp về phía trước nhưng ông thấy tình hình rất bất thường, liền ngay lập tức quay đầu đổi hướng bay trở lại, nên ông mới bình an trở về trên mặt đại dương đích thực. Căn cứ vào đồng hồ đo, máy bay của ông đã xuống đến độ sâu khoảng 1700m trong lòng Trái Đất. Ông xác nhận rằng khu vực Bắc cực thực sự tồn tại một cái hang khổng lồ.

Ngày nay, máy bay dân dụng của rất nhiều quốc gia thường xuyên bay hướng tới không phận của Bắc cực. Mặc dù máy bay bay lượn qua lại trên cái hang khổng lồ này rất nhiều, nhưng không ai phát hiện ra đường vào của cái hang thông với lòng Trái Đất này ở đâu. Bức ảnh từ vệ tinh nhân tạo chụp lại cho thấy khu vực biển Bắc cực có một vùng nước đặc biệt, nước biển ở đây không đóng băng. Trong thế giới được bao bọc bởi băng tuyết nó nổi bật lên như là một cái hang khổng lồ.

Còn về chuyện cha con Yasen gặp người khổng lồ, có nhà khoa học cho rằng đây có thể là những hậu duệ của cư dân trên những lục địa cổ đã bị chìm dưới đáy

biển, lục địa Atlantis hoặc lục địa Lemuralia. Tương truyền, từ thời xa xưa trên lục địa Lamuralia có một tộc người khổng lồ có vóc dáng cao to sinh sống đông đúc. Họ cao đến 4 m, rất giống với những người khổng lồ dưới lòng đất mà cha con người đánh cá đã gặp. Các nhà khoa học cho rằng, cho dù lục địa đã chìm xuống đáy biển do động đất cực mạnh nhưng trên đại lục đó chắc chắn vẫn có người may mắn sống sót. Những người đi trên những vùng biển xa xôi, đương nhiên sẽ tránh khỏi những rủi ro, họ trôi dạt đến đâu thì sẽ sinh sống ở đó, khả năng này luôn luôn tồn tại.

Cho đến bây giờ, vẫn có rất nhiều nhà khoa học lao động không biết mệt mỏi để cố gắng tìm ra lời giải cho bí mật về cái hang tại khu vực Bắc cực và những người khổng lồ. Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, các nhà khoa học chắc chắn có thể tìm ra đáp án chính xác cho những bí ẩn này.



43. ĐƯỜNG HẦM DƯỚI LÒNG ĐẤT Ở CHÂU NAM MỸ NẰM Ở ĐÂU ?

Tháng 3 năm 1942, sau 3 tháng Mỹ tham gia vào đại chiến thế giới lần thứ hai, một hôm, giữa đống công việc bộn bề và căng thẳng, tổng thống Mỹ Roosevelt đã dành thời gian gặp gỡ vợ chồng Lamb. Cả hai vợ chồng David Lamb và Patricia Lamb đều là những nhà khảo cổ học, họ vừa từ Mexico trở về.

Trước khi vợ chồng Lamb về Mỹ, người ta đã nghe nói đến phát hiện đáng kinh ngạc của họ: họ đã phát hiện ra những người Indian da trắng bảo vệ đường hầm Mexico trong truyền thuyết tại bang Chiapas Mexico. Cùng lúc đó, thủ lĩnh Phát xít Đức Hitle cũng phái một lượng lớn gián điệp tới lật tung khắp châu Nam Mỹ. Chúng sẵn sang trả mọi giá để tìm thấy đường hầm và bí mật về kho vàng cất giấu trong đó.

Lamb từ lâu đã nghe nói, ở vùng giữa Chiapas có những thành phố hoang tàn từ lâu của người Maya, dưới lòng đất của những thành phố này có một mạng lưới đường hầm. Trong đó cất giấu một kho báu khổng lồ. Mục đích chuyến đi này của họ chính là muốn làm rõ sự thật về tin đồn này.

Tổng thống Roosevelt nhanh chóng mời họ tới Nhà Trắng tại Washington là để muốn biết có phải họ đã kịp tới nắm được bí mật về đường hầm trước Hitle. Vợ chồng Lamb nói với tổng thống rằng, khi họ đi ngang qua cánh rừng nhiệt đới rậm rạp ở Chiapas Mexico, đột nhiên bị một toán nam thanh niên vóc dáng không cao lắm bao vây. Những người này trông giống hệt với người Indian ở địa phương. Chỉ có điều da của họ có màu trắng xanh. Những người Indian làm hướng dẫn cho vợ chồng Lamb cho dù cao hơn họ một cái đầu, nhưng cũng vô cùng sợ hãi. Sau khi vợ chồng ông trấn tĩnh lại, thì thấy rằng những người này không hề có ý làm hại mình. Họ chỉ yêu cầu những vị khách không mời mà đến

này lập tức quay trở về theo đường cũ. Kế hoạch thám hiểm mà Lamb hoạch định tỉ mỉ đã bị phá sản, họ đành quay trở về tay không.

Những người Indian da trắng xanh mà vợ chồng Lamb gặp là một nhánh người Indian đã đời đời sống trong rừng rậm nhiệt đới, được gọi là "người Lacandon". Những người Indian này trong quá khứ canh giữ những ngôi chùa lớn, thờ vị "thánh nhân" mà họ sùng bái. Họ không cho bất cứ kẻ lạ mặt nào đến gần thánh địa này, nếu không kẻ đó sẽ phải trả giá bằng cái chết.

Sau David Lamb, dần dần người ta lại biết được thêm một số điều có liên quan tới đường hầm dưới lòng đất Mexico bí ẩn này. Một kỹ sư người Anh đã trải qua hơn nửa cuộc đời tại Mexico và Argentina nói, ở chỗ cách Kriandes phía Nam dãy núi Drey 121 km về phía đông, có một thành phố ngầm từ thời cổ xưa để lại. Kỹ sư người Anh này còn cho biết, trong đống công trình kiến trúc đổ nát xây trên cao nguyên, vào lúc nửa đêm hoặc bình minh lại có những tiếng trống lớn phát ra, lớn tới mức Thái Bình Dương ở phía tây vẫn còn nghe thấy loáng thoáng. Những người Indian bản địa cho rằng, tiếng trống khiến người ta sợ hãi, bất an này truyền đến từ một ngôi miếu hùng vĩ dưới lòng đất.

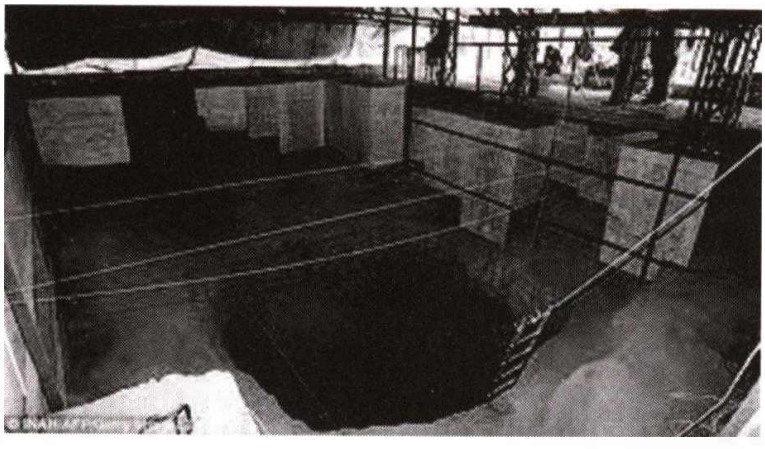
Ở châu Á, đặc biệt là ở Ấn Độ và Tây Tạng Trung Quốc. Tự xưa đến nay đã lưu truyền vô số những truyền thuyết liên quan tới những đường hầm dưới lòng đất. Nhưng những báo cáo khảo sát và chứng cứ chứng minh sự tồn tại của đường hầm lại đến từ châu Mỹ nhiều hơn.

Khi người Tây Ban Nha tới xâm chiếm Peru đã phát hiện ra những sự thực có liên quan tới đường hầm dưới lòng đất ở Nam Mỹ. Năm 1526, Francesco Pizarro đem theo một đoàn quân xâm lược Tây Ban Nha, đáp thuyền bên bờ biển phía Tây Bắc Nam Mỹ. Để tìm được kho báu bí mật khổng lồ của đế quốc Inca. Họ đã giết chết hoàng hậu của đế quốc Inca. Tuy biết rằng kho báu đó nằm trong huyệt đạo, nhưng người Inca nhất quyết không nói cho ông ta biết vị trí của huyệt đạo.

100 năm sau, một người truyền giáo Tây Ban Nha đã phát hiện ra một đường huyệt đạo tại Guatemala Trung Mỹ, dường như nó thông với huyệt đạo Cuzco ở Nam Mỹ. Đường huyệt đạo này được xây phía dưới một khu dân cư, giống như lấy bùn gia cố mà thành, dài khoảng 50 km. Sau này, nhà du hành người Do Thái Stephen đã tìm được một cái hang nhờ một vị linh mục. Theo lời kể của người

Indian, đi vào cái hang này, chưa đầy một tiếng đồng hồ có thể đi từ phía Tây Guatemala sang Mehico. Stephen phát hiện ra trong huyệt đạo này còn có rất nhiều cửa vòm có chóp nhọn được đục từ đá thành. Vì trong hang không đủ ánh sáng, ông không thể tiếp tục đi vào bên trong. Người hướng dẫn nhắc nhở ông về những tiếng vọng trong huyệt đạo trong một thời gian dài. Stephen cho rằng đây chính là câu đố khó lý giải nhất của đại lục châu Mỹ.

Ngày nay, gần thành phố Cuzco của Guatemala, Peru tại Nam Mỹ đã phát hiện một cửa huyệt đạo: lên phía Bắc có thể thông tới Lima, thông thẳng trực tiếp tới một huyệt đạo quy mô lớn; lên phía Nam có thể thông tới Bolivia. Một nơi trong huyệt đạo thông với lăng vua đế quốc Inca, trong hầm mộ có hai cánh cửa được lắp đặt một cách tinh xảo, được làm từ những phiến đá vôi to và dày. Ấn vào cái nút bí mật, cánh cửa tối sẽ xoay tròn để lộ ra đường dẫn những huyệt đạo khác, một đường thông tới Lima, một đường thống tới Bolivia.



Hiện trường một đường hầm cổ

Trên bản đồ, Cuzco cách Lima khoảng 600 km, còn Cuzco đến biên giới Bolivia khoảng 450 km, cũng có nghĩa là huyệt đạo kéo dài dưới dãy núi Andean dài tới hơn 1000 km.

Ở gần biên giới Peru và Bolivia, có 3 ngọn núi, đường vào huyệt đạo thông tới Lima nằm ở một trong những ngọn núi đó. Khi một đoàn xây dựng đang thực hiện phá nổ, không ngờ lại phát hiện ra một huyệt đạo từ trong chỗ đá sụt lở đó, họ đi vào trong huyệt đạo, thẳng tới gần một lăng mộ. Không may là, đất đá trên đầu họ bất ngờ đổ sụp, thế là lăng mộ và đoàn xây dựng công trình đều bị chôn vùi trong đó.

Ngày nay, mọi người đã phát hiện ra đường vào một số huyệt đạo ở Nam Mỹ. Những huyệt đạo được tìm thấy này đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc công nhận là di sản văn hóa thế giới. Để bảo vệ huyệt đạo này không bị tàn phá, chờ đợi sự phát triển hơn nữa của khoa học kỹ thuật. Khi mọi người nắm được đầy đủ những biện pháp kỹ thuật để tiếp tục khai thác. Chính phủ Peru đã phong tỏa đường vào huyệt đạo đã được tìm thấy, và cho coi phòng nghiêm ngặt.

Lâu nay người ta đã không còn nghi ngờ gì về sự tồn tại của huyệt đạo ở Nam Mỹ. Điều người ta mong đợi bây giờ là sau khi giải đáp hoàn toàn được câu đố về những huyệt đạo dưới lòng đất, chúng ta có thể tìm lại được nền văn minh Lima và văn minh Inca đã mất và hiểu rõ được người Nam Mỹ cổ đã tạo ra những huyệt đạo ngầm với quy mô lớn như vậy vì mục đích gì và bằng cách nào.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP HCM

Điện thoại: (08) 38 301 303 – Fax: (08) 39 381 382

Email: nxb@hcmup.edu.vn

http://nxb.hcmup.edu.vn/

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng biên tập

PGS.TS. NGUYỄN KIM HỒNG

Biên tập

HÀ VĂN THẮNG

Trình bày bìa

PHẠM TRẦN CHUNG

Biên tập kĩ - mĩ thuật

CÚC PHƯƠNG

Sửa bản in

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

BỘ SÁCH KHOA HỌC THÚ VỊ CỦA THẾ KỈ XXI
THIÊN NHIÊN KÌ DIỆU
Mã số : SPKH7W2 – CPH

In 3.000 bản khổ 17 x 24 cm tại Công ty Cổ phần In & Bao bì Đồng Tháp: 212 Lê Lợi, P.3, thị xã Sa Đéc, Đồng Tháp; Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 190-2012/CXB/04-07/ĐHSPTPHCM. Quyết định xuất bản số: 297/QĐ-NXBĐHSP, cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
240 Trần Bình Trọng, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 38323557, Fax : (08) 38307141
Website : www.sachgiaoduchcm.com.vn

CÁC BẠN TÌM ĐỌC BỘ SÁCH KHOA HỌC THÚ VỊ CỦA THẾ KỈ XXI

1. Cơ thể kì diệu
2. Đại dương kì diệu
3. Động vật kì diệu
4. Giao thông kì diệu
5. Kiến trúc kì diệu
6. Máy tính kì diệu
7. Môi trường kì diệu
8. Năng lượng kì diệu
9. Sa mạc kì diệu
10. Thiên nhiên kì diệu
11. Thực vật kì diệu
12. Trái đất kì diệu

Thiên nhiên kì diệu
1 12 1060 16315
33 000 VND

Giá: 33.000đ